

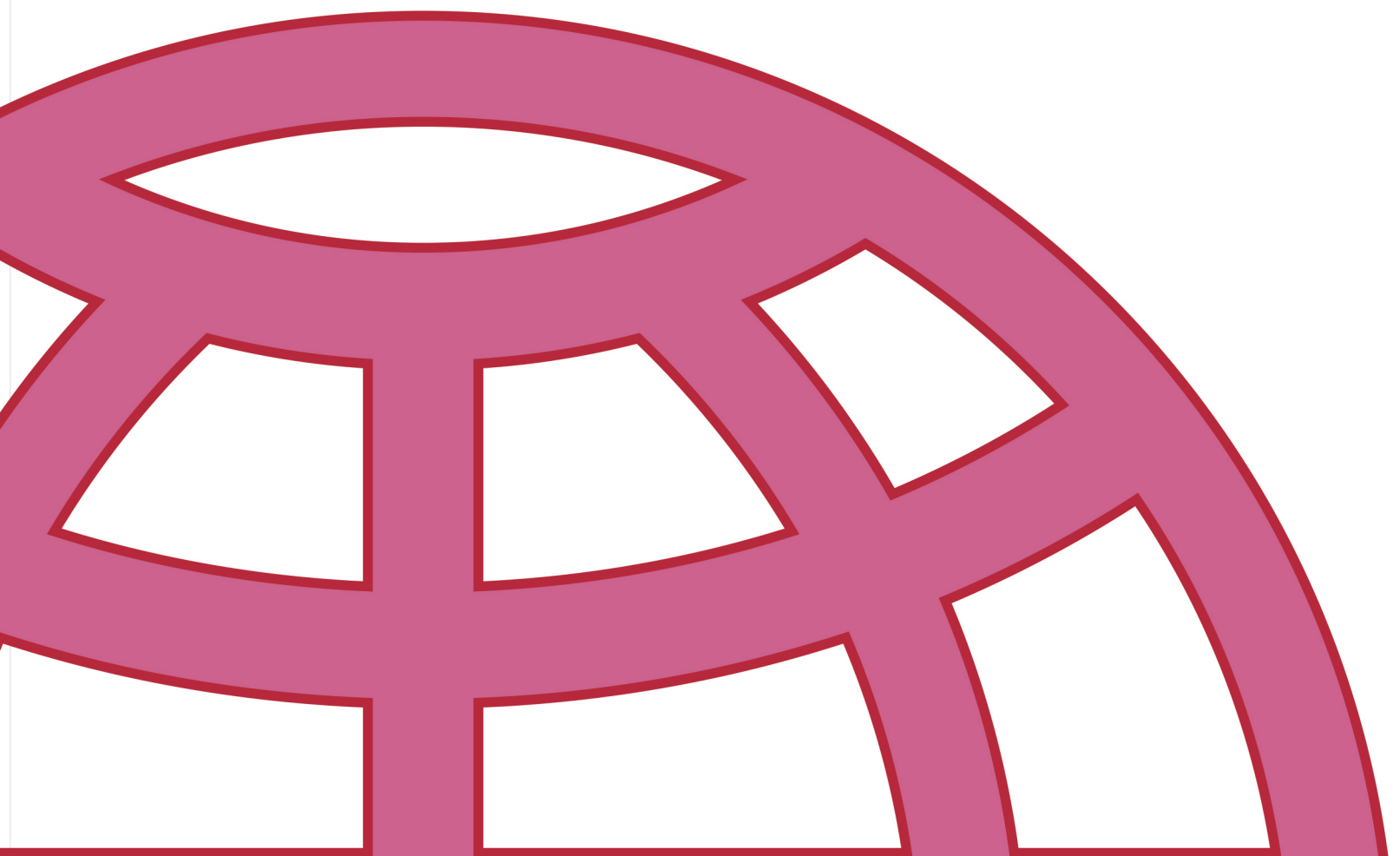


HIỆP HỘI QUỐC TẾ CÁC KỸ SƯ TƯ VẤN (FIDIC)

Điều kiện hợp đồng **Xây dựng**

PHIÊN BẢN HÀI HÒA NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN ĐA PHƯƠNG
CHO CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG VÀ KỸ THUẬT DO CHỦ ĐẦU TƯ THIẾT KẾ

ĐIỀU KIỆN CHUNG
ĐIỀU KIỆN RIÊNG
CÁC BIỂU MẪU



ISBN: 2 - 88432 - 044 - X



NHÀ XUẤT BẢN XÂY DỰNG

PHIÊN BẢN HÀI HÒA MDB 2010

HIỆP HỘI TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM





FIDIC là tổ chức Hiệp hội Quốc tế các Hiệp hội kỹ sư Tư vấn quốc gia.

FIDIC được thành lập năm 1913 do ba Hiệp hội các kỹ sư Tư vấn quốc gia trong châu Âu sáng lập. Mục đích thành lập Hiệp hội là cùng nhau thúc đẩy những lợi ích về nghiệp vụ của các Hiệp hội thành viên và phổ biến các thông tin được quan tâm đến các thành viên. Đến nay, các thành viên của FIDIC có mặt trên 90 quốc gia trên toàn cầu và gồm tuyệt đại bộ phận kỹ sư tư vấn hành nghề tư nhân trên thế giới.

FIDIC được giao nhiệm vụ đại diện cho các Hiệp hội thành viên thúc đẩy và thực hiện các mục tiêu chiến lược của ngành tư vấn kỹ thuật. Các mục tiêu chiến lược là: đại diện cho đại bộ phận các hãng trên toàn thế giới cung cấp các dịch vụ trí thức dựa trên công nghệ cho xây dựng và môi trường tự nhiên; hỗ trợ các thành viên về những vấn đề có liên quan đến thực tiễn làm việc, xác định và tích cực thúc đẩy sự tuân thủ đạo đức hành nghề; nâng cao hình ảnh của các kỹ sư tư vấn như là những người dẫn dắt và sáng tạo ra của cải vật chất trong xã hội; thúc đẩy cam kết về đảm bảo sự bền vững của môi trường; ủng hộ và thúc đẩy những kỹ sư tư vấn chuyên nghiệp trẻ đóng vai trò là những người dẫn dắt trong tương lai.

FIDIC tổ chức các hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác để thúc đẩy các mục tiêu của mình: giữ gìn các tiêu chuẩn cao về chuyên môn và đạo đức; trao đổi quan điểm và thông tin; thảo luận các vấn đề mà các Hiệp hội thành viên và đại diện các thể chế tài chính quốc tế cùng quan tâm; phát triển của ngành tư vấn kỹ thuật ở các quốc gia đang phát triển.

Các thành viên FIDIC chuẩn y các tuyên bố về quy chế và chính sách của FIDIC và tuân thủ Bộ Quy tắc đạo đức của FIDIC trong đó kêu gọi cần có năng lực chuyên môn, đưa ra những lời tư vấn khách quan, cạnh tranh lành mạnh và cởi mở.

Để thực hiện mục tiêu đó, FIDIC xuất bản các mẫu hợp đồng làm việc theo chuẩn quốc tế (mẫu rút gọn, xây dựng, thiết kế và xây dựng nhà máy, EPC/chìa khóa trao tay) và các thỏa thuận cho các khách hàng, nhà tư vấn, nhà tư vấn phụ, liên danh và các đại diện, cùng các tài liệu liên quan như những mẫu sơ tuyến chuẩn.

FIDIC cũng xuất bản các ấn phẩm về thực tiễn làm việc như: các tuyên bố về chính sách, các tài liệu về quan điểm; hướng dẫn, chỉ dẫn, tài liệu tập huấn về các lĩnh vực khác nhau trong các hệ thống quản lý (quản lý chất lượng, quản lý rủi ro, quản lý đạo đức kinh doanh, quản lý môi trường, sự bền vững) và trong các tiến trình làm việc (lựa chọn tư vấn, lựa chọn trên cơ sở chất lượng, đấu thầu, mua sắm, bảo hiểm, trách nhiệm pháp lý, chuyển giao công nghệ, xây dựng năng lực).

FIDIC tổ chức một chương trình phong phú các hội thảo, hội nghị, hội thảo chuyên đề về xây dựng năng lực và các khóa tập huấn.

FIDIC hướng tới mục đích gìn giữ những tiêu chuẩn cao về chuyên môn và đạo đức trong ngành kỹ sư tư vấn thông qua các cuộc trao đổi quan điểm và thông tin, thảo luận những vấn đề mà các Hiệp hội thành viên và đại diện các ngân hàng phát triển đa phương và các thể chế tài chính quốc tế cùng quan tâm.

Các ấn phẩm và thông tin chi tiết về các khóa tập huấn, các hội nghị, hội thảo của FIDIC luôn có sẵn tại Ban thư ký của FIDIC tại Ginevơ - Thụy Sĩ. Các hoạt động đặc biệt được nêu chi tiết trong kế hoạch hoạt động hàng năm, và trên Website FIDIC, www.fidic.org, cung cấp các thông tin tổng quát về sự kiện.

© Bản quyền FIDIC 2010

Bản quyền đã được đăng ký.
Không được tái bản hoặc
chuyển sang bất kỳ dạng
nào hay dưới hình thức nào
bất kỳ phần nào trong ấn
phẩm này mà không được
phép của nhà xuất bản.

Xuất bản bởi:

Hiệp hội quốc tế các Kỹ sư Tư vấn (FIDIC)

World Trade Center II.

P.O. Box 311

1215 Geneva, 15 Switzerland

Phone: +41 22 799 49 00

Fax: +41 22 799 49 01

Email: fidic@fidic.org

WWW: <http://www.fidic.org>

Điều kiện hợp đồng **XÂY DỰNG**

CHO CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG VÀ KỸ THUẬT
DO CHỦ ĐẦU TƯ THIẾT KẾ

Phiên bản Hòa giải các Ngân hàng Phát triển Đa phương
Tháng 6/2010
ISBN 2-88432-044-X

ĐIỀU KIỆN CHUNG

ĐIỀU KIỆN RIÊNG

CÁC BIỂU MẪU



LỜI GIỚI THIỆU CHO BẢN TIẾNG VIỆT 2016

Trong lĩnh vực xây dựng công trình, các mẫu hợp đồng do Hiệp hội Quốc tế các Kỹ sư tư vấn (FIDIC) phát hành đã được nhiều quốc gia, các tổ chức tài chính quốc tế và các doanh nghiệp nghiên cứu ứng dụng để ký kết hợp đồng thực hiện nhiều loại dự án khác nhau.

Mẫu Điều kiện Hợp đồng Xây dựng cho Công trình xây và kỹ thuật do Chủ đầu tư thiết kế - Phiên bản hài hòa Ngân hàng Phát triển Đa phương (Quyển sách Hồng - Pink Book) bản chính thức bằng tiếng Anh được FIDIC xuất bản vào năm 2010.

Hiệp hội Tư vấn Xây dựng Việt Nam (VECAS) là thành viên duy nhất của FIDIC tại Việt Nam, được FIDIC cho phép biên dịch, tổ chức xuất bản, phát hành Quyển sách Hồng bằng tiếng Việt nhằm giúp cho các đơn vị, cá nhân sử dụng thuận tiện hơn. Tuy nhiên, khi sử dụng các bên liên quan cần xem bản tiếng Anh là bản gốc. Bản quyền bản dịch tiếng Việt cũng thuộc về FIDIC.

Cũng trong khuôn khổ thỏa thuận với FIDIC, VECAS sẽ hiệu chỉnh hoặc biên dịch để xuất bản và phát hành phiên bản tiếng Việt các mẫu hợp đồng sau đây:

- Điều kiện Hợp đồng cho Xây dựng (Quyển sách Đỏ - Red Book).
- Điều kiện Hợp đồng cho Nhà máy và Thiết kế-Xây dựng (Quyển sách Vàng - Yellow Book).
- Mẫu hợp đồng ngắn gọn (Quyển sách Xanh lục - Green Book).
- Điều kiện Hợp đồng Dự án EPC/Chìa khóa trao tay (Quyển sách Bạc - Silver Book).
- Điều kiện Hợp đồng thầu phụ cho Xây dựng (tương thích với Quyển sách Đỏ).
- Hướng dẫn sử dụng Hợp đồng FIDIC.

Hiệp hội Tư vấn Xây dựng Việt Nam bày tỏ sự cảm ơn chân thành tới Ban Lãnh đạo, Ban thư ký của FIDIC đã tạo điều kiện để VECAS hoàn thành bản dịch tiếng Việt.

Hiệp hội Tư vấn Xây dựng Việt Nam xin chân thành cảm ơn các Chuyên gia, Ban Lãnh đạo Hiệp hội qua các thời kỳ đã tham gia dịch và xuất bản các mẫu Hợp đồng FIDIC. Quyển sách Hồng 2010 Phiên bản tiếng Việt 2016 đã được dịch và hiệu chỉnh bởi Cử nhân ngoại ngữ Đỗ Thị Thanh Hoa, Cử nhân Ngoại ngữ Trần Thanh Trà, Thạc sĩ - Kỹ sư Phạm Thị Thu Hằng và dưới sự chỉ đạo của chủ tịch Hiệp hội nhiệm kỳ V: Kiến trúc sư Nguyễn Thị Duyên, Phó Chủ tịch - Tổng Thư ký: Tiến sĩ Hoàng Ứng Huyền.

Hiệp hội xin chân thành cảm ơn Nhà xuất bản Xây dựng đã cùng hợp tác xuất bản cuốn sách này tại Việt Nam.

Hiệp hội Tư vấn Xây dựng Việt Nam hy vọng cuốn sách này sẽ mang lại hiệu quả thiết thực cho các bên sử dụng.

HIỆP HỘI TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM

NỘI DUNG

Giới thiệu

Điều kiện Chung

Nội dung	i
Các Định nghĩa được liệt kê theo bảng chữ cái	vi
Điều khoản 1 - 20	1
Phụ lục: Điều kiện Chung của Thỏa thuận Ban Tranh chấp	96
Phụ lục: Quy tắc về Thủ tục	101
Danh mục các Khoản	103

Điều kiện Riêng

- Điều kiện Riêng - Phần A: Dữ liệu Hợp đồng
- Điều kiện Riêng - Phần B: Điều khoản Đặc biệt

Các Biểu mẫu

- Mẫu Đơn Dự thầu, Thư Chấp thuận, Thỏa thuận Hợp đồng và Thỏa thuận Ban Tranh chấp
 - Phụ lục A Đơn Dự thầu
 - Phụ lục B Thư Chấp thuận
 - Phụ lục C Thỏa thuận Hợp đồng
 - Phụ lục D Thỏa thuận Ban Tranh chấp (một Thành viên)
 - Phụ lục E Thỏa thuận Ban Tranh chấp (từng Thành viên của Ban Tranh chấp ba Thành viên)
 - Mẫu Bảo lãnh kèm theo Điều kiện Riêng
 - Phụ lục F Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng: Bảo lãnh theo Yêu cầu
 - Phụ lục G Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng: Giấy Bảo đảm Thực hiện hợp đồng
 - Phụ lục H Bảo lãnh Tiền tạm ứng: Bảo lãnh theo Yêu cầu
 - Phụ lục I Bảo lãnh Tiền Giữ lại: Bảo lãnh theo Yêu cầu
 - Mẫu Bảo lãnh kèm theo Chỉ dẫn cho Nhà thầu
 - Phụ lục J Bảo lãnh của Công ty Mẹ
 - Phụ lục K Bảo lãnh Dự thầu: Bảo lãnh của Ngân hàng
-

GIỚI THIỆU

Rất nhiều Ngân hàng Phát triển Đa phương (MDBs) đã áp dụng Điều kiện Hợp đồng Xây dựng của FIDIC trong nhiều năm như là một phần của Hồ sơ Mời thầu Tiêu chuẩn mà MDBs yêu cầu bên vay hoặc bên nhận viện trợ phải tuân thủ. Việc sử dụng các Điều kiện của FIDIC đã trở thành thông lệ của MDBs để đưa ra các Khoản mục bổ sung trong các Điều kiện áp dụng Riêng (hoặc “Điều kiện Riêng”) nhằm sửa đổi các điều khoản có trong các Điều kiện Chung FIDIC. Những điều khoản bổ sung này trong nhiều trường hợp có các câu từ mẫu chuẩn được lặp lại bất cứ khi nào chuẩn bị hồ sơ mời thầu mua sắm cho một dự án mới. Hơn nữa, các điều khoản của hồ sơ mời thầu, bao gồm các điều khoản bổ sung có trong Điều kiện Riêng, có sự khác nhau giữa MDBs, và điều này tạo ra sự thiếu hiệu quả và không chắc chắn giữa những người sử dụng tài liệu, và tăng khả năng gây ra tranh chấp.

Các Trưởng bộ phận Mua sắm (HOPs) của MDBs đã nhận thấy các vấn đề này quan trọng, cũng như lợi ích của việc chuẩn hóa. Để đáp lại, các Trưởng bộ phận mua sắm HOPs đã giải quyết để hài hòa các hồ sơ mời thầu của mình trên cơ sở quốc tế, bằng cách sử dụng các Điều kiện Chung FIDIC. Để thực hiện mục đích này, HOPs đã quyết định là nên có sự điều chỉnh đối với mẫu Điều kiện Hợp đồng Xây dựng của FIDIC, xuất bản lần thứ Nhất năm 1999, trong đó các Điều kiện Chung sẽ bao gồm các câu từ mẫu chuẩn đã được MDBs kết hợp trong các Điều kiện Riêng trước đây.

FIDIC cũng đã nhận ra những lợi ích lớn đối với những người sử dụng các hợp đồng có sự hài hòa và bao gồm các Điều kiện Chung có những thay đổi phổ biến chính theo yêu cầu của Điều kiện Riêng trong các hợp đồng MDB. Theo đó, Hiệp hội đã làm việc với HOPs để phát hành Phiên bản Hài hòa MDB này của Điều kiện 1999 cho hợp đồng được cấp vốn bởi MDB.

Chúng tôi tin rằng các tài liệu đã được điều chỉnh, hoặc được hài hòa, sẽ giúp đơn giản hóa việc sử dụng Điều kiện Hợp đồng FIDIC không chỉ riêng đối với MDBs và bên vay của họ, mà còn cho cả những người khác có tham gia vào công tác đấu thầu dự án, chẳng hạn như các kỹ sư tư vấn, các nhà thầu và các chuyên gia hợp đồng làm việc trong các dự án được cấp vốn bởi MDB.

Việc sử dụng các điều kiện hài hòa sẽ giúp giảm đáng kể các lần bổ sung và sửa đổi được đưa vào trong Điều kiện Riêng. Tuy nhiên, hầu hết các dự án đều có những yêu cầu đặc biệt bắt buộc phải có những thay đổi cụ thể. Vì thế, tài liệu hài hòa này bao gồm điều khoản cho Điều kiện Riêng, và trở thành thực tiễn trong các tài liệu FIDIC khác. Phiên bản Hài hòa MDB này cũng bao gồm các biểu mẫu về Dữ liệu Hợp đồng (Điều kiện Riêng - Phần A), các Thư bảo lãnh, Giấy bảo đảm, Giấy bảo lãnh và các thỏa thuận của Ban Tranh chấp.

Nhìn chung, tài liệu hài hòa này tuân theo các nguyên tắc chia sẻ rủi ro của FIDIC trước đây cho các loại hợp đồng mà theo đó chúng được soạn. Trong hầu hết các trường hợp, các sửa đổi từng được thực hiện để tạo ra Phiên bản Hài hòa MDB của Điều kiện Chung cho Xây dựng của FIDIC là những nảy sinh từ các yêu cầu của MDBs, ngoại trừ một vài thay đổi không đáng kể do tính chất của công tác biên tập.

Tuy nhiên, trong trường hợp của các điều khoản tranh chấp ở Khoản 20.2 đến 20.8 và phần Phụ lục kết hợp, đã có các sửa đổi khác và được FIDIC coi là một sự tiến bộ so với câu từ trước đó trong Hợp đồng Xây dựng, Phiên bản lần thứ nhất năm 1999.

Các quy định về bảo hiểm được nêu trong Điều 18 của tài liệu vẫn giữ nguyên từ Phiên bản lần thứ nhất năm 1999, mặc dù một số nhà bình luận đã đề xuất phương án khác để xử lý chủ đề đặc biệt này. Cụ thể, Chủ đầu tư có thể muốn xem xét thu xếp một hợp đồng riêng dành cho dự án mà có thể bao trùm tất cả những khoản bảo hiểm thiết yếu.

Ưu thế của việc tiếp cận này là nó tránh được những thiếu sót và hiểu nhầm trong các bảo hiểm được cung cấp, bao gồm các trùng lặp có thể của gói bảo hiểm. Nếu Chủ đầu tư quyết định thu xếp một hợp đồng bảo hiểm riêng, thì phải gửi bản sao hợp đồng đó cho các nhà thầu tham dự trong quá trình đấu thầu. FIDIC đề nghị Chủ đầu tư, ở ngay giai đoạn đầu của đấu thầu dự án, nên tham vấn ý kiến của chuyên gia về các vấn đề bảo hiểm.

Các Ngân hàng Phát triển Đa phương (MDBs) được liệt kê trong mục “các Ngân hàng Tham gia” đã tham gia vào việc biên soạn Phiên bản Hòa giải MDB. Cần phải hiểu rằng tất cả họ sẽ sử dụng phiên bản này của tài liệu FIDIC trong các Hồ sơ Mời thầu Tiêu chuẩn của mình.

Phiên bản đầu tiên của Điều kiện Chung đã được phát hành cho các Ngân hàng Tham gia vào tháng Năm 2005, tiếp đó là phiên bản thứ hai được sửa đổi vào tháng Ba 2006 và phiên bản sửa đổi lần thứ ba này vào tháng Sáu 2010.

Bản thảo của ba Phiên bản Hòa giải MDB này đã được lưu hành để lấy ý kiến của các bên có quan tâm, trước khi hoàn thiện lần cuối cùng. Tất cả các ý kiến nhận được đều được FIDIC xem xét và một vài ý kiến đã được đưa vào trong tài liệu. Các ý kiến khác sẽ được xem xét lại lần nữa vào cùng thời gian FIDIC phát hành phiên bản thứ hai của Hợp đồng Xây dựng.

Sự đóng góp của Ủy ban Hợp đồng FIDIC trong việc soạn thảo Phiên bản Hòa giải này rất đáng được ghi nhận. Ủy ban Hợp đồng cho hai phiên bản trước gồm có Ngài Christopher Wade (Chủ tịch), Nael Bunni, Axel - Volkmar Jaegar, Philip Jenkinson và Michael Mortimer - Hawkins cùng với John B Bowcock là Cố vấn Đặc biệt và Christopher R Seppala là Cố vấn Pháp lý. Cần lưu ý rằng tất cả họ đều tham gia, cùng với những người khác, vào việc soạn thảo Điều kiện Hợp đồng Xây dựng Phiên bản năm 1999 (trong Lời cảm ơn của tài liệu này). Với phiên bản 2010 này, Ủy ban Hợp đồng bao gồm Ngài Philip Jenkinson (Chủ tịch), Christoph Theune và Zoltán Záhonyi, cùng với Axel-Volkmar Jaegar, Michael Mortimer-Hawkins, Christopher R Seppala và Christopher Wade là các Cố vấn Đặc biệt, và Geoff French là thành viên Ủy ban Điều hành chịu trách nhiệm về Ủy ban Hợp đồng.

FIDIC xin ghi nhận sự đánh giá cao của mình về sự cống hiến thời gian và nỗ lực của tất cả các vị nêu trên.

Điều khoản và Điều kiện Sử dụng

Các Ngân hàng Phát triển Đa phương (MDBs) đã bắt đầu lưu hành Hồ sơ Mời thầu Tiêu chuẩn (SBDs) vào tháng Năm 2005 cho đấu thầu công trình, “tới chừng mức có thể mà không mâu thuẫn với các tài liệu hướng dẫn mời thầu của họ”, theo mô hình của Mẫu Hồ sơ Mời thầu cho Đấu thầu Công trình & Hướng dẫn Sử dụng đã được hài hòa trong các MDB khác nhau và được duyệt bởi các Trưởng Bộ phận Mua sắm MDB và các Tổ chức Tài chính Quốc tế vào tháng Mười 2004.

Mẫu Hồ sơ Mời thầu cho Đấu thầu Công trình & Hướng dẫn Sử dụng đã được hài hòa của MDB tổng hợp các Điều kiện Chung của Điều kiện Chung Hợp đồng Xây dựng FIDIC - phiên bản Hài hòa MDB, với từ ngữ đã được thống nhất bởi FIDIC và MDBs khác nhau để đưa vào sử dụng trong mẫu Hồ sơ Mời thầu cho Đấu thầu Công trình & Hướng dẫn Sử dụng.

FIDIC và MDBs, được gọi chung là các Ngân hàng Tham gia, đã tiến hành riêng việc thỏa thuận cấp phép trong một vài bản đối chiếu, mỗi bản đó đều được coi là bản gốc, nhưng tất cả đều tạo thành một và cùng một thỏa thuận. Thỏa thuận này quy định các điều khoản và điều kiện sử dụng Điều kiện Chung Hài hòa MDB. Nó chỉ ra rằng:

- Các Ngân hàng Tham gia mong muốn cho phép bên vay của mình, bao gồm bất kỳ tổ chức thực hiện nào, thay mặt cho một bên vay, một dự án đầu tư được cấp vốn bởi một hoặc nhiều Ngân hàng Tham gia (“Cơ quan Thực hiện”), được sử dụng miễn phí các Điều kiện Chung Hài hòa MDB, thậm chí nếu nhà thầu có thể được yêu cầu, trong một vài trường hợp, trả phí cho Hồ sơ Mời thầu Tiêu chuẩn (SBDs);
- FIDIC và các Ngân hàng Tham gia đã cùng nhau đàm phán các điều khoản của thỏa thuận cấp phép vì vậy bất kỳ Ngân hàng Tham gia nào lựa chọn áp dụng các điều khoản và điều kiện của thỏa thuận cấp phép này cho mình và bên vay của mình và các Cơ quan thực hiện, phải thực hiện một thỏa thuận cấp phép song phương với FIDIC trên cơ sở các điều khoản và điều kiện về cơ bản là tương tự, với việc thực hành điều này, nó sẽ trở thành Ngân hàng Tham gia được Cấp phép.

Với hiệu lực của thỏa thuận cấp phép với Ngân hàng Tham gia, FIDIC cấp cho Ngân hàng đó một giấy phép không độc quyền cho việc sao chép và biên dịch Điều kiện Chung Hợp đồng Xây dựng phiên bản Hài hòa MDB trong các Hồ sơ Mời thầu Tiêu chuẩn (SBDs) của Ngân hàng cho Đấu thầu Công trình hoặc tài liệu tương đương, và cho việc phân bổ tương ứng và sao chép và biên dịch các Điều kiện Chung Hài hòa MDB bởi các Cơ quan Thực hiện, khi các bản sao chép và biên dịch nằm trong khuôn khổ các dự án được Ngân hàng cấp vốn toàn bộ hoặc một phần. Các Điều kiện cho giấy phép này gồm có:

- FIDIC sẽ cung cấp Điều kiện Chung Hợp đồng- phiên bản Hài hòa MDB cho MDB ở dạng điện tử có thể sao chép được;
- Điều kiện Chung Hợp đồng-phiên bản Hài hòa MDB sẽ trở thành một phần của Hồ sơ Mời thầu Tiêu chuẩn (SBDs) mà MDB chuẩn bị sẵn cho các Cơ quan Thực hiện;
- Quyền sở hữu bản quyền của FIDIC phải được xác định rõ ràng trong tất cả các bản sao của Điều kiện Chung Hợp đồng- phiên bản Hài hòa MDB;
- Hồ sơ Mời thầu Tiêu chuẩn (SBDs) của MDBs có thể bao gồm Điều kiện Riêng để sử dụng kết hợp cùng với Điều kiện Chung Hài hòa MDB để bổ sung hoặc sửa đổi Điều kiện Chung Hợp đồng - phiên bản Hài hòa MDB, và những Điều kiện Riêng này có thể được phát triển và phát hành mà không cần phải có sự đồng thuận của FIDIC.

FIDIC định kỳ soát xét lại các nội dung của Điều kiện Hợp đồng Xây dựng của mình. Trong suốt thời hạn của thỏa thuận cấp phép với Ngân hàng Tham gia, Điều kiện Chung Hải hòa MDB a) chỉ có thể được điều chỉnh và cập nhật khi có sự nhất trí trước của các bên; b) FIDIC phải duy trì thông tin liên lạc với các Ngân hàng để đánh giá sự cần thiết phải điều chỉnh Điều kiện Chung Hải hòa MDB khi đã làm rõ về các thay đổi thực hiện bởi FIDIC đối với Điều kiện Hợp đồng Xây dựng, và làm rõ các tình huống khác có thể đề nghị cần có sự thay đổi này; và c) FIDIC phải tập hợp ngay tất cả các điều chỉnh đã được thống nhất trong các phiên bản mới của Điều kiện Chung Hải hòa MDB được FIDIC cung cấp cho các Ngân hàng Tham gia.

Các Ngân hàng Tham gia

Các Ngân hàng Tham gia được liệt kê dưới đây đã tham gia việc soạn thảo Phiên bản Hải hòa các Ngân hàng Đa phương (MDB) - Điều kiện Hợp đồng Xây dựng FIDIC. Cần phải hiểu rằng tất cả các bên này sẽ sử dụng phiên bản này của tài liệu FIDIC trong các Hồ sơ Mời thầu Tiêu chuẩn của mình. Phiên bản Hải hòa MDB này được sử dụng cho các dự án được cấp vốn toàn bộ hoặc một phần bởi một Ngân hàng Tham gia.

- Ngân hàng Phát triển Châu Phi
- Ngân hàng Phát triển Châu Á
- Ngân hàng Ngoại thương và Phát triển Biển Đen
- Ngân hàng Phát triển khu vực Caribe
- Hội đồng của Ngân hàng Phát triển Châu Âu
- Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Châu Âu
- Ngân hàng Phát triển Liên Châu Mỹ
- Ngân hàng Quốc tế Tái thiết và Phát triển (Ngân hàng Thế giới)

Bản quyền

Theo những điều khoản của thỏa thuận cấp phép với một Ngân hàng Tham gia, chủ sở hữu Bản quyền duy nhất của Điều kiện Hợp đồng Xây dựng bao gồm các Điều kiện Chung Hợp đồng Hải hòa MDB là FIDIC. Mỗi một Ngân hàng Tham gia phải đảm bảo rằng a) câu “Điều kiện Hợp đồng Xây dựng, phiên bản Hải hòa MDB – chỉ sử dụng cho các hợp đồng được cấp vốn bởi ngân hàng phát triển tham gia. ©FIDIC 2010 - Không được phép sao chép tài liệu này” xuất hiện trên mỗi trang của mỗi bản sao của Điều kiện Chung Hợp đồng Hải hòa MDB bao gồm trong các Hồ sơ Mời thầu Tiêu chuẩn SBD, ở dạng bản in hoặc điện tử; và b) thông báo về Bản quyền FIDIC dưới đây xuất hiện ở trang đầu tiên của mỗi Điều kiện Chung Hợp đồng Hải hòa MDB được chuẩn bị bởi người sử dụng.

“© FIDIC 2010. Bảo lưu mọi quyền. Chủ sở hữu Bản quyền tài liệu này là Hiệp hội Quốc tế các Kỹ sư Tư vấn - FIDIC. Ấn bản này là độc quyền sử dụng như được cung cấp theo Thỏa thuận cấp phép ngày [Ngày] giữa [Tên của MDB] và FIDIC, và, do đó, không phần nào của ấn bản này được sao chép lại, biên dịch, phỏng theo, lưu giữ trong hệ thống lưu trữ hoặc được truyền đi, dưới bất kỳ định dạng hoặc bất kỳ cách nào, dù là cơ học, điện tử, từ tính, phôi, ghi âm hay cách khác mà không có sự cho phép trước bằng văn bản từ FIDIC. Để yêu cầu sự cho phép này, vui lòng liên hệ: FIDIC, Case Postale 311, CH - 1215 Geneva 15, Thụy Sĩ; Điện thoại +41 22 799 49 00; Fax +41 22 799 49 01; Email: fidic@fidic.org. FIDIC không chịu trách nhiệm về sự chính xác hoặc đầy đủ của các bản dịch của ấn phẩm này trừ khi việc biên dịch đó đòi hỏi theo cách khác.

ĐIỀU KIỆN CHUNG

ĐIỀU KIỆN RIÊNG

CÁC BIỂU MẪU

Điều kiện hợp đồng XÂY DỰNG

CHO CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG VÀ KỸ THUẬT
DO CHỦ ĐẦU TƯ THIẾT KẾ

Phiên bản Hòa giải các Ngân hàng Phát triển Đa phương
Tháng 6/2010

Điều kiện Chung

Ấn bản này được sử dụng độc quyền theo Thỏa thuận Cấp phép giữa một Ngân hàng Tham gia và FIDIC, và, do đó, không được sao chép lại, biên dịch, phỏng theo, lưu giữ bất kỳ phần nào của ấn bản này trong hệ thống truy hồi thông tin hoặc được thông tin, theo bất kỳ hình thức hoặc bất kỳ cách nào, dù là cơ học, điện tử, từ tính, phô tô, ghi âm hay cách khác mà không có sự cho phép trước bằng văn bản từ FIDIC. Để đề xuất việc cho phép này, vui lòng liên hệ: FIDIC, Case Postale 311, CH - 1215 Geneva 15, Thụy Sĩ; Điện thoại +41 22 799 49 00; Fax +41 22 799 49 01; Email: fidic@fidic.org. FIDIC không chịu trách nhiệm về tính chính xác và đúng đắn của các bản dịch của tài liệu này trừ khi bản dịch thể hiện rõ ràng theo cách khác.

Điều kiện Chung

NỘI DUNG

1.	NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....	1
1.1	Định nghĩa	
1.2	Diễn giải	
1.3	Trao đổi thông tin	
1.4	Luật và Ngôn ngữ	
1.5	Thứ tự Ưu tiên của các Tài liệu	
1.6	Thỏa thuận Hợp đồng	
1.7	Chuyển nhượng	
1.8	Bảo quản và Cung cấp Tài liệu	
1.9	Bản vẽ hoặc Chỉ dẫn bị Chậm trễ	
1.10	Chủ đầu tư Sử dụng Tài liệu của Nhà thầu	
1.11	Nhà thầu Sử dụng Tài liệu của Chủ đầu tư	
1.12	Chi tiết Mật	
1.13	Tuân thủ Luật pháp	
1.14	Trách nhiệm Chung và Trách nhiệm Riêng	
1.15	Thanh tra và Kiểm toán bởi Ngân hàng	
2.	CHỦ ĐẦU TƯ.....	10
2.1	Quyền Tiếp cận Công trường	
2.2	Xin phép, Giấy phép hoặc Văn bản chấp thuận	
2.3	Nhân lực của Chủ đầu tư	
2.4	Thu xếp Tài chính của Chủ đầu tư	
2.5	Khiếu nại của Chủ đầu tư	
3.	NHÀ TƯ VẤN.....	12
3.1	Nhiệm vụ và Quyền hạn của Nhà tư vấn	
3.2	Ủy quyền của Nhà tư vấn	
3.3	Chỉ dẫn của Nhà tư vấn	
3.4	Thay thế Nhà tư vấn	
3.5	Quyết định	
4.	NHÀ THẦU.....	14
4.1	Nghĩa vụ Chung của Nhà thầu	
4.2	Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng	
4.3	Đại diện của Nhà thầu	

4.4	Nhà thầu phụ	
4.5	Nhượng lại Lợi ích của Hợp đồng thầu phụ	
4.6	Hợp tác	
4.7	Định vị các mốc	
4.8	Quy tắc về An toàn	
4.9	Đảm bảo Chất lượng	
4.10	Dữ liệu Công trường	
4.11	Tính đầy đủ của Giá trị Hợp đồng được Chấp thuận	
4.12	Điều kiện Vật chất Không lường trước được	
4.13	Quyền về Đường đi và các Phương tiện	
4.14	Tránh Can thiệp	
4.15	Đường Ra vào	
4.16	Vận chuyển Hàng hóa	
4.17	Thiết bị của Nhà thầu	
4.18	Bảo vệ Môi trường	
4.19	Điện, Nước và Khí đốt	
4.20	Thiết bị của Chủ đầu tư và Vật liệu cấp Miễn phí	
4.21	Báo cáo Tiến độ	
4.22	An ninh Công trường	
4.23	Hoạt động của Nhà thầu trên Công trường	
4.24	Cổ vật	
5.	NHÀ THẦU PHỤ ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH.....	25
5.1	Định nghĩa “Nhà thầu phụ được chỉ định”	
5.2	Phản đối việc Chỉ định	
5.3	Thanh toán cho Nhà thầu phụ được chỉ định	
5.4	Bảng chứng Thanh toán	
6.	NHÂN VIÊN VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG.....	26
6.1	Tuyển dụng Nhân viên và Người lao động	
6.2	Mức lương và Điều kiện cho Người lao động	
6.3	Những người trong Bộ máy của Chủ đầu tư	
6.4	Luật Lao động	
6.5	Thời gian Làm việc	
6.6	Trang bị cho Nhân viên và Người lao động	
6.7	Sức khỏe và An toàn lao động	
6.8	Kiểm soát của Nhà thầu	
6.9	Nhân lực của Nhà thầu	
6.10	Báo cáo về Nhân lực và Thiết bị của Nhà thầu	
6.11	Hành vi Gây rối	
6.12	Nhân sự Người nước ngoài	
6.13	Cung cấp Thực phẩm	
6.14	Cung cấp Nước	
6.15	Biện pháp chống Côn trùng và Sâu bọ gây hại	
6.16	Đồ uống có Cồn và Chất kích thích	
6.17	Vũ khí và Đạn dược	
6.18	Phong tục Lễ hội và Tôn giáo	
6.19	Thu xếp Tang lễ	

6.20	Lao động Cường bức	
6.21	Lao động Trẻ em	
6.22	Hồ sơ Tuyển dụng Công nhân	
6.23	Tổ chức của Công nhân	
6.24	Không phân biệt đối xử và Cơ hội Công bằng	
7.	THIẾT BỊ, VẬT LIỆU VÀ TAY NGHỀ.....	31
7.1	Cách thức Thực hiện	
7.2	Mẫu thử	
7.3	Kiểm định	
7.4	Thử nghiệm	
7.5	Từ chối	
7.6	Công tác Sửa chữa	
7.7	Quyền sở hữu về Thiết bị và Vật liệu	
7.8	Chi phí khai thác	
8.	BẮT ĐẦU CÔNG VIỆC, CHẬM TRỄ VÀ TẠM NGỪNG CÔNG VIỆC.....	34
8.1	Bắt đầu Công việc	
8.2	Thời gian Hoàn thành	
8.3	Kế hoạch thực hiện	
8.4	Gia hạn Thời gian Hoàn thành	
8.5	Chậm trễ do Nhà chức trách	
8.6	Tiến độ Thực hiện	
8.7	Thiệt hại do Chậm trễ	
8.8	Tạm ngừng Công việc	
8.9	Hậu quả của việc Tạm ngừng	
8.10	Thanh toán cho Thiết bị và Vật liệu trong Trường hợp Tạm ngừng	
8.11	Kéo dài tình trạng Tạm ngừng	
8.12	Tiếp tục tiến hành Công việc	
9.	THỬ NGHIỆM KHI HOÀN THÀNH.....	38
9.1	Nghĩa vụ của Nhà thầu	
9.2	Thử nghiệm bị Chậm trễ	
9.3	Thử nghiệm lại	
9.4	Không vượt qua được Thử nghiệm khi Hoàn thành	
10.	NGHIỆM THU CỦA CHỦ ĐẦU TƯ.....	39
10.1	Nghiệm thu Công trình và Hạng mục Công trình	
10.2	Nghiệm thu Bộ phận Công trình	
10.3	Can thiệp vào Thử nghiệm khi Hoàn thành	
10.4	Mặt bằng cần phải Phục hồi	
11.	TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI SAI SÓT.....	41
11.1	Hoàn thành Công việc còn Tồn đọng và Sửa chữa Sai sót	
11.2	Chi phí Sửa chữa Sai sót	
11.3	Kéo dài Thời gian Thông báo Sai sót	
11.4	Không Sửa chữa được Sai sót	
11.5	Di chuyển Công việc bị Sai sót	

11.6	Thử nghiệm Bổ sung	
11.7	Quyền Tiếp cận công trình	
11.8	Nhà thầu Tìm nguyên nhân	
11.9	Chứng nhận Hoàn thành	
11.10	Nghĩa vụ chưa được Hoàn thành	
11.11	Thu dọn Mặt bằng	
12.	ĐO LƯỜNG VÀ ĐÁNH GIÁ.....	44
12.1	Công trình được Đo lường	
12.2	Phương pháp Đo lường	
12.3	Đánh giá	
12.4	Sự Bỏ sót	
13.	THAY ĐỔI VÀ ĐIỀU CHỈNH.....	46
13.1	Quyền Thay đổi	
13.2	Tư vấn về Giá trị Công trình	
13.3	Thủ tục Thay đổi	
13.4	Thanh toán bằng Đồng tiền Áp dụng	
13.5	Khoản Tạm tính	
13.6	Công việc theo Ngày	
13.7	Điều chỉnh do Thay đổi về Luật pháp	
13.8	Điều chỉnh do Thay đổi về Chi phí	
14.	GIÁ HỢP ĐỒNG VÀ THANH TOÁN.....	50
14.1	Giá Hợp đồng	
14.2	Tạm ứng	
14.3	Hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận Thanh toán Tạm	
14.4	Lịch trình Thanh toán	
14.5	Thiết bị và Vật liệu dùng cho Công trình	
14.6	Cấp Chứng nhận Thanh toán Tạm	
14.7	Thanh toán	
14.8	Thanh toán bị Chậm trễ	
14.9	Thanh toán Khoản tiền Giữ lại	
14.10	Đề nghị thanh toán khi Hoàn thành	
14.11	Hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận Thanh toán Cuối cùng	
14.12	Hoàn thành nghĩa vụ thanh toán	
14.13	Cấp Chứng nhận Thanh toán Cuối cùng	
14.14	Chấm dứt Trách nhiệm của Chủ đầu tư	
14.15	Đồng tiền Thanh toán	
15.	CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BỞI CHỦ ĐẦU TƯ.....	59
15.1	Thông báo Sửa chữa	
15.2	Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư	
15.3	Xác định giá tại Ngày Chấm dứt hợp đồng	
15.4	Thanh toán sau khi Chấm dứt Hợp đồng	
15.5	Quyền Chấm dứt Hợp đồng của Chủ đầu tư khi Thích hợp	
1.16	Hành vi Hối lộ hoặc Gian lận	

16.	TẠM NGỪNG CÔNG VIỆC VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BỞI NHÀ THẦU...62
16.1	Quyền Tạm ngừng Công việc bởi Nhà thầu
16.2	Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu
16.3	Tạm ngừng Công việc và Di dời Thiết bị của Nhà thầu
16.4	Thanh toán khi Chấm dứt hợp đồng
17.	RỦI RO VÀ TRÁCH NHIỆM.....80
17.1	Bồi thường
17.2	Sự Cẩn trọng của Nhà thầu đối với Công trình
17.3	Rủi ro của Chủ đầu tư
17.4	Hậu quả các Rủi ro của Chủ đầu tư
17.5	Quyền Sở hữu Công nghiệp và Trí tuệ
17.6	Giới hạn Trách nhiệm
17.7	Sử dụng Tiện nghi/Phương tiện của Chủ đầu tư
18.	BẢO HIỂM.....84
18.1	Yêu cầu Chung về Bảo hiểm
18.2	Bảo hiểm cho Công trình và Thiết bị của Nhà thầu
18.3	Bảo hiểm Thương tật cho Người và Thiệt hại về Tài sản
18.4	Bảo hiểm cho Nhân lực Nhà thầu
19.	BẤT KHẢ KHÁNG.....88
19.1	Định nghĩa về Bất khả kháng
19.2	Thông báo về Bất khả kháng
19.3	Nhiệm vụ Giảm thiểu sự Chậm trễ
19.4	Hậu quả của Bất khả kháng
19.5	Bất khả kháng Ảnh hưởng đến Nhà thầu phụ
19.6	Chấm dứt có Lựa chọn, Thanh toán và Miễn trách nhiệm
19.7	Miễn trách nhiệm Thực hiện theo Luật
20.	KHIẾU NẠI, TRANH CHẤP VÀ TRỌNG TÀI.....90
20.1	Khiếu nại của Nhà thầu
20.2	Chỉ định Ban Tranh chấp
20.3	Không thỏa thuận được về Thành phần Ban Tranh chấp
20.4	Đạt được Quyết định của Ban Tranh chấp
20.5	Hòa giải
20.6	Trọng tài
20.7	Không tuân thủ Quyết định của Ban Tranh chấp
20.8	Hết hạn việc Chỉ định Ban Tranh chấp
	PHỤ LỤC: BAN TRANH CHẤP.....96
	Điều kiện Chung của Thỏa thuận Ban Tranh chấp
	Phụ lục: Quy tắc về Thủ tục
	BẢN DANH MỤC CÁC KHOẢN.....103

Định nghĩa được liệt kê theo bảng chữ cái

1.1.4.1	Giá trị Hợp đồng được Chấp thuận	1.1.4.7	Chứng nhận Thanh toán Tạm
1.1.2.11	Ngân hàng	1.1.6.5	Luật
1.1.3.1	Ngày Cơ sở	1.1.1.3	Thư Chấp thuận
1.1.1.9	Bản Khối lượng	1.1.1.4	Đơn Dự thầu
1.1.2.12	Bên vay	1.1.4.8	Nội tệ
1.1.3.2	Ngày Bắt đầu công việc	1.1.5.3	Vật liệu
1.1.1.1	Hợp đồng	1.1.6.10	Thông báo Không thỏa mãn
1.1.1.2	Thỏa thuận Hợp đồng	1.1.2.1	Bên
1.1.4.2	Giá Hợp đồng	1.1.4.9	Chứng nhận Thanh toán
1.1.2.3	Nhà thầu	1.1.3.8	Chứng nhận Hoàn thành
1.1.6.1	Tài liệu của Nhà thầu	1.1.6.6	Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng
1.1.5.1	Thiết bị của Nhà thầu	1.1.5.4	Công trình Vĩnh cửu
1.1.2.7	Nhân lực của Nhà thầu	1.1.5.5	Thiết bị
1.1.2.5	Đại diện của Nhà thầu	1.1.4.10	Khoản Tạm tính
1.1.4.3	Chi phí	1.1.4.11	Khoản tiền Giữ lại
1.1.6.2	Nước sở tại	1.1.1.7	Bản danh mục
1.1.2.9	DB-Ban Tranh chấp	1.1.1.9	Lịch trình, Đồng tiền Thanh toán
1.1.3.9	ngày	1.1.5.6	Hạng mục công trình
1.1.1.9	Bảng kê Ngày công	1.1.6.7	Công trường
1.1.3.7	Thời gian Thông báo Sai sót	1.1.1.5	Chỉ dẫn kỹ thuật
1.1.1.6	Bản vẽ	1.1.4.12	Đề nghị thanh toán
1.1.2.2	Chủ đầu tư	1.1.2.8	Nhà thầu phụ
1.1.6.3	Thiết bị của Chủ đầu tư	1.1.3.5	Chứng chỉ Nghiệm thu
1.1.2.6	Nhân lực của Chủ đầu tư	1.1.5.7	Công trình Tạm
1.1.2.4	Nhà tư vấn	1.1.1.8	Hồ sơ dự thầu
1.1.2.10	FIDIC	1.1.3.6	Thử nghiệm sau khi Hoàn thành
1.1.4.4	Chứng nhận Thanh toán Cuối cùng	1.1.3.4	Thử nghiệm khi Hoàn thành
1.1.4.5	Đề nghị thanh toán Cuối cùng	1.1.3.3	Thời gian Hoàn thành
1.1.6.4	Bất khả kháng	1.1.6.8	Không lường trước được
1.1.4.6	Ngoại tệ	1.1.6.9	Thay đổi
1.1.5.2	Hàng hóa	1.1.5.8	Công trình
		1.1.3.9	năm

Điều kiện Chung

1 Những qui định chung

1.1

Định nghĩa

Trong Điều kiện Hợp đồng (“các Điều kiện này”) bao gồm Điều kiện Riêng, các Phần A và B, và Điều kiện Chung này, những từ và cụm từ liệt kê dưới đây sẽ có nghĩa như quy định ở bên dưới. Những từ chỉ người hoặc các bên, có nghĩa bao gồm các công ty và các pháp nhân khác, trừ những chỗ mà ngữ cảnh đòi hỏi phải hiểu khác.

1.1.1

Hợp đồng

1.1.1.1 “**Hợp đồng**” là Thỏa thuận Hợp đồng, Thư Chấp thuận, Đơn Dự thầu, Điều kiện Chung này, Chỉ dẫn kỹ thuật, Bản vẽ, Bản danh mục, và các tài liệu khác (nếu có) được liệt kê trong Thỏa thuận Hợp đồng hoặc trong Thư Chấp thuận.

1.1.1.2 “**Thỏa thuận Hợp đồng**” là thỏa thuận hợp đồng được tham chiếu theo Khoản 1.6 [*Thỏa thuận Hợp đồng*].

1.1.1.3 “**Thư Chấp thuận**” là thư chấp thuận chính thức Đơn Dự thầu, có chữ ký của Chủ đầu tư, bao gồm bất kỳ các bản ghi nhớ về các thỏa thuận giữa và được ký bởi hai Bên. Nếu không có thư chấp thuận như vậy, thì cụm từ “Thư Chấp thuận” có nghĩa là Thỏa thuận Hợp đồng và ngày phát hành hoặc ngày nhận được Thư Chấp thuận nghĩa là ngày ký Thỏa thuận hợp đồng.

1.1.1.4 “**Đơn Dự thầu**” là tài liệu được đề là đơn dự thầu, do Nhà thầu hoàn thành và bao gồm hồ sơ đề xuất cho Công trình đã được ký và gửi cho Chủ đầu tư.

1.1.1.5 “**Chỉ dẫn kỹ thuật**” là tài liệu được đề là chỉ dẫn kỹ thuật, được đưa vào trong Hợp đồng, và bất kỳ bổ sung hoặc sửa đổi nào cho chỉ dẫn kỹ thuật theo Hợp đồng. Tài liệu này mô tả cụ thể Công trình.

1.1.1.6 “**Bản vẽ**” là các bản vẽ của Công trình, được đưa vào trong Hợp đồng, và bất kỳ bản vẽ bổ sung hoặc sửa đổi nào được cấp bởi Chủ đầu tư (hoặc thay mặt cho Chủ đầu tư) theo Hợp đồng.

1.1.1.7 “**Bản danh mục**” là tài liệu được đề là bản danh mục, được hoàn thành bởi Nhà thầu và được nộp cùng với Đơn Dự thầu, được đưa vào cùng Hợp đồng. Tài liệu này có thể bao gồm Bản Khối lượng, dữ liệu, bản kê và biểu các tỷ giá và/hoặc giá.

1.1.1.8 “**Hồ sơ dự thầu**” là Đơn Dự thầu và tất cả các tài liệu khác mà Nhà thầu nộp cùng với Đơn Dự thầu, được đưa vào trong Hợp đồng.

1.1.1.9 “**Bản Khối lượng**”, “**Bảng kê Ngày công**” và “**Danh mục các Đồng tiền Thanh toán**” là các tài liệu được đặt tên như vậy (nếu có) được bao gồm trong Bản danh mục.

1.1.1.10 “**Dữ liệu Hợp đồng**” là các trang được hoàn thiện bởi Chủ đầu tư có tiêu đề là dữ liệu hợp đồng và là Phần A của Điều kiện Riêng.

1.1.2

Các Bên và các Cá nhân

- 1.1.2.1 **"Bên"** là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu, tùy theo ngữ cảnh yêu cầu.
- 1.1.2.2 **"Chủ đầu tư"** là người được gọi là chủ đầu tư trong Dữ liệu Hợp đồng và những người kế thừa hợp pháp theo chức danh này.
- 1.1.2.3 **"Nhà thầu"** là người được gọi là nhà thầu trong Đơn Dự thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và những người kế thừa hợp pháp theo chức danh này.
- 1.1.2.4 **"Nhà tư vấn"** là người được Chủ đầu tư chỉ định là Nhà tư vấn nhằm thực hiện mục đích của Hợp đồng và được gọi như vậy trong Dữ liệu Hợp đồng, hoặc người khác được Chủ đầu tư chỉ định tùy từng thời điểm và có thông báo cho Nhà thầu theo Khoản 3.4 [*Thay thế Nhà tư vấn*].
- 1.1.2.5 **"Đại diện của Nhà thầu"** là người được Nhà thầu nêu ra trong Hợp đồng hoặc được Nhà thầu chỉ định tùy từng thời điểm theo Khoản 4.3 [*Đại diện của Nhà thầu*], người hành động thay mặt Nhà thầu.
- 1.1.2.6 **"Nhân lực của Chủ đầu tư"** là Nhà tư vấn, những người trợ giúp được nói tới trong Khoản 3.2 [*Ủy quyền của Nhà tư vấn*] và tất cả những nhân viên khác, người lao động và người làm công khác của Nhà tư vấn và của Chủ đầu tư, và bất kỳ nhân lực nào khác do Chủ đầu tư hoặc Nhà tư vấn thông báo cho Nhà thầu là Nhân lực của Chủ đầu tư.
- 1.1.2.7 **"Nhân lực của Nhà thầu"** là Đại diện của Nhà thầu và tất cả các nhân lực mà Nhà thầu sử dụng trên Công trường, có thể bao gồm các nhân viên, người lao động, hoặc những người làm công khác của Nhà thầu và của từng Nhà thầu phụ; và bất kỳ nhân lực nào khác trợ giúp cho Nhà thầu trong việc thi công Công trình.
- 1.1.2.8 **"Nhà thầu phụ"** là bất kỳ người nào được gọi là thầu phụ ở trong Hợp đồng, hoặc bất kỳ người nào được chỉ định là thầu phụ, cho một phần của Công trình; và những người kế thừa hợp pháp theo chức danh của mỗi một người trong số nói trên.
- 1.1.2.9 **"Ban Tranh chấp"** (DB) là một người hoặc ba người được chỉ định theo Khoản 20.2 [*Chỉ định Ban Tranh chấp*], hoặc Khoản 20.3 [*Không thỏa thuận được Thành phần Ban Tranh chấp*].
- 1.1.2.10 **"FIDIC"** là Fédération Internationale des Ingénieurs-Conseils, nghĩa là Hiệp hội Quốc tế các Kỹ sư tư vấn.
- 1.1.2.11 **"Ngân hàng"** là tổ chức tài chính (nếu có) được nêu tên trong Dữ liệu Hợp đồng.
- 1.1.2.12 **"Bên vay"** là người (nếu có) được nêu là bên vay trong Dữ liệu Hợp đồng.

1.1.3

Ngày, Thử nghiệm, Thời hạn và Hoàn thành

- 1.1.3.1 **"Ngày Cơ sở"** là thời điểm 28 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp Hồ sơ dự thầu.
- 1.1.3.2 **"Ngày Bắt đầu công việc"** là ngày được thông báo theo Khoản 8.1 [*Bắt đầu Công việc*].
- 1.1.3.3 **"Thời gian Hoàn thành"** là thời gian hoàn thành Công trình hoặc Hạng mục công trình (tùy từng trường hợp) theo Khoản 8.2 [*Thời gian Hoàn*]

thành] như đã nêu trong Dữ liệu Hợp đồng (với bất cứ sự gia hạn nào theo Khoản 8.4 [*Gia hạn Thời gian Hoàn thành*]), được tính từ Ngày Bắt đầu công việc.

1.1.3.4 **“Thử nghiệm khi Hoàn thành”** là những thử nghiệm được quy định rõ trong Hợp đồng hoặc được thỏa thuận giữa hai Bên hoặc được chỉ dẫn như là một sự Thay đổi, và được tiến hành theo Điều 9 [*Thử nghiệm khi Hoàn thành*] trước khi Công trình hoặc Hạng mục công trình (tùy từng trường hợp) được Chủ đầu tư nghiệm thu.

1.1.3.5 **“Chứng chỉ Nghiệm thu”** là chứng chỉ được phát hành theo Điều 10 [*Nghiệm thu của Chủ đầu tư*].

1.1.3.6 **“Thử nghiệm sau khi Hoàn thành”** là các thử nghiệm (nếu có) được quy định rõ trong Hợp đồng và được thực hiện theo Chỉ dẫn kỹ thuật sau khi Công trình hoặc một Hạng mục (tùy từng trường hợp) đã được Chủ đầu tư nghiệm thu.

1.1.3.7 **“Thời gian Thông báo Sai sót”** là thời gian thông báo sai sót của Công trình hoặc Hạng mục (tùy từng trường hợp) theo Khoản 11.1 [*Hoàn thành Công việc còn Tồn đọng và Sửa chữa Sai sót*], kéo dài trên 365 ngày trừ khi có quy định khác trong Dữ liệu Hợp đồng (với bất cứ sự gia hạn nào theo Khoản 11.3 [*Kéo dài Thời gian Thông báo Sai sót*]), được tính từ ngày Công trình hoặc Hạng mục công trình hoàn thành được xác nhận theo quy định tại Khoản 10.1 [*Nghiệm thu Công trình và Hạng mục công trình*].

1.1.3.8 **“Chứng nhận Hoàn thành công trình”** là chứng nhận được phát hành theo Khoản 11.9 [*Chứng nhận Hoàn thành công trình*].

1.1.3.9 **“ngày”** là ngày theo lịch và “năm” là 365 ngày.

1.1.4

Tiền và Thanh toán

1.1.4.1 **“Giá trị Hợp đồng được Chấp thuận”** là số tiền được chấp thuận trong Thư Chấp thuận cho việc thi công và hoàn thành Công trình và sửa chữa bất kỳ sai sót nào.

1.1.4.2 **“Giá Hợp đồng”** là giá được xác định trong Khoản 14.1 [*Giá Hợp đồng*], và bao gồm các điều chỉnh phù hợp với Hợp đồng.

1.1.4.3 **“Chi phí”** là tất cả các chi phí hợp lý do Nhà thầu chịu (hoặc sẽ phải chịu), bất kể trong hay ngoài phạm vi Công trường, gồm cả chi phí quản lý và các chi phí tương tự, nhưng không gồm tiền lãi.

1.1.4.4 **“Chứng nhận Thanh toán Cuối cùng”** là chứng nhận thanh toán được cấp theo Khoản 14.13 [*Cấp Chứng nhận Thanh toán Cuối cùng*].

1.1.4.5 **“Đề nghị Thanh toán Cuối cùng”** là đề nghị được quy định tại Khoản 14.11 [*Hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận Thanh toán Cuối cùng*].

1.1.4.6 **“Ngoại tệ”** là tiền tệ mà một phần (hoặc toàn bộ) Giá Hợp đồng được thanh toán bằng loại tiền đó, nhưng không phải là Nội tệ.

1.1.4.7 **“Chứng nhận Thanh toán Tạm”** là chứng nhận thanh toán được cấp theo Điều 14 [*Giá Hợp đồng và Thanh toán*], khác với Chứng nhận Thanh toán Cuối cùng.

1.1.5

Công trình và Hàng hóa

- 1.1.4.8 **"Nội tệ"** là tiền tệ của Nước sở tại.
- 1.1.4.9 **"Chứng nhận Thanh toán"** là chứng nhận thanh toán được cấp theo Điều 14 [*Giá Hợp đồng và Thanh toán*].
- 1.1.4.10 **"Khoản Tạm tính"** là số tiền (nếu có) được xác định trong Hợp đồng là khoản tạm tính, để thực hiện bất kỳ một phần nào của Công trình hoặc cung cấp Thiết bị, Vật liệu hoặc dịch vụ theo Khoản 13.5 [*Khoản Tạm tính*].
- 1.1.4.11 **"Khoản tiền Giữ lại"** khoản tiền Chủ đầu tư tích lũy giữ lại theo Khoản 14.3 [*Hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận Thanh toán Tạm*] và trả theo Khoản 14.9 [*Thanh toán Khoản tiền Giữ lại*].
- 1.1.4.12 **"Đề nghị thanh toán"** là đề nghị do Nhà thầu trình như là một phần của hồ sơ đề nghị thanh toán theo Điều 14 [*Giá Hợp đồng và Thanh toán*], để xin cấp chứng nhận thanh toán.

- 1.1.5.1 **"Thiết bị của Nhà thầu"** là toàn bộ thiết bị, dụng cụ, phương tiện và các thứ khác yêu cầu phải có để thi công và hoàn thành Công trình và sửa chữa bất cứ sai sót nào. Tuy nhiên, Thiết bị của Nhà thầu không bao gồm các Công trình Tạm, Thiết bị (nếu có), Nhà xưởng, Vật liệu và bất cứ thứ nào khác của Chủ đầu tư nhằm tạo thành hoặc đang tạo thành Công trình Vĩnh cửu.
- 1.1.5.2 **"Hàng hóa"** là Thiết bị, Vật liệu, Nhà xưởng và Công trình Tạm của Nhà thầu, hoặc bất cứ loại nào trong số đó nếu thích hợp.
- 1.1.5.3 **"Vật liệu"** là tất cả các loại (không phải Thiết bị) nhằm tạo thành hoặc đang tạo thành một phần của Công trình Vĩnh cửu, bao gồm việc cung cấp, chỉ nói đến vật liệu (nếu có) do Nhà thầu cung cấp theo Hợp đồng.
- 1.1.5.4 **"Công trình Vĩnh cửu"** là các công trình vĩnh cửu được Nhà thầu thi công theo Hợp đồng.
- 1.1.5.5 **"Thiết bị"** là các bộ dụng cụ, máy móc, phương tiện sẽ tạo thành hoặc đang tạo thành một phần của Công trình Vĩnh cửu, bao gồm các phương tiện được mua cho Chủ đầu tư và liên quan đến việc thi công và vận hành Công trình.
- 1.1.5.6 **"Hạng mục"** là phần Công trình được nêu trong Dữ liệu Hợp đồng là một Hạng mục (nếu có).
- 1.1.5.7 **"Công trình Tạm"** là tất cả các loại công trình tạm thời (ngoài Thiết bị của Nhà thầu) cần thiết phải có trên Công trường để thi công và hoàn thành Công trình Vĩnh cửu và sửa chữa bất kỳ sai sót nào.
- 1.1.5.8 **"Công trình"** là các Công trình Tạm và Công trình Vĩnh cửu, hoặc bất kỳ loại công trình nào thích hợp.

1.1.6

Các Định nghĩa Khác

- 1.1.6.1 **"Tài liệu của Nhà thầu"** là các bản tính, chương trình máy tính và phần mềm khác, bản vẽ, tài liệu hướng dẫn, các mô hình và các tài liệu có tính chất kỹ thuật khác (nếu có) do Nhà thầu cung cấp theo Hợp đồng.
- 1.1.6.2 **"Nước sở tại"** là nước mà Công trường (hoặc phần lớn công trường) được đặt ở nước đó, nơi các Công trình Vĩnh cửu sẽ được thi công.

- 1.1.6.3 **“Thiết bị của Chủ đầu tư”** là các thiết bị, máy móc, phương tiện (nếu có) của Chủ đầu tư có sẵn cho Nhà thầu sử dụng để thi công Công trình, như đã nêu trong Chỉ dẫn kỹ thuật; nhưng không bao gồm Thiết bị không được Chủ đầu tư nghiệm thu.
- 1.1.6.4 **“Bất khả kháng”** được định nghĩa tại Điều 19 [*Bất khả kháng*].
- 1.1.6.5 **“Luật”** là toàn bộ luật pháp quốc gia (hoặc của bang), các đạo luật, pháp lệnh và các luật khác, các quy chế, các văn bản pháp quy dưới luật của bất kỳ cơ quan công quyền nào được thành lập theo pháp luật.
- 1.1.6.6 **“Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng”** là bảo lãnh (hoặc những bảo lãnh, nếu có) theo Khoản 4.2 [*Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng*].
- 1.1.6.7 **“Công trường”** là những địa điểm mà Công trình Vĩnh cửu được thi công, bao gồm khu vực kho và khu vực làm việc, và Thiết bị và Vật liệu được chuyển tới, và bất cứ địa điểm nào khác được nêu ra trong Hợp đồng để tạo thành một bộ phận của Công trường.
- 1.1.6.8 **“Không lường trước được”** là điều không thể nhìn thấy trước được một cách hợp lý của một Nhà thầu có kinh nghiệm vào Ngày Cơ sở.
- 1.1.6.9 **“Thay đổi”** là bất kỳ sự thay đổi nào đối với Công trình, được chỉ dẫn hoặc chấp thuận là sự thay đổi theo Điều 13 [*Thay đổi và Điều chỉnh*].
- 1.1.6.10 **“Thông báo việc Không thỏa mãn”** là thông báo được đưa ra bởi một trong hai Bên cho bên kia theo Khoản 20.4 [*Đạt được Quyết định của Ban Tranh chấp*] chỉ ra việc không thỏa mãn và ý định khởi kiện.

1.2

Diễn giải

Trong Hợp đồng, trừ trường hợp ngữ cảnh yêu cầu khác, thì:

- (a) những từ chỉ một giới là gồm tất cả các giới;
- (b) những từ chỉ số ít cũng bao gồm số nhiều và từ chỉ số nhiều cũng bao gồm cả số ít.
- (c) những quy định bao gồm các từ “đồng ý”, “đã đồng ý” hoặc “thỏa thuận” yêu cầu sự thỏa thuận phải được ghi bằng văn bản;
- (d) “được viết” hoặc “bằng văn bản” nghĩa là phải được viết bằng tay, được đánh máy, được in hoặc chế bản điện tử và làm thành tài liệu lưu giữ lâu dài; và
- (e) từ “tender” (hồ sơ dự thầu) đồng nghĩa với từ “bid”, và từ “tenderer” (nhà thầu) đồng nghĩa với từ “bidder” và từ “tender documents” (hồ sơ mời thầu) đồng nghĩa với từ “bidding documents”.

Các từ ngữ bên lề và các đầu đề khác sẽ không được xem xét khi diễn giải Điều kiện này.

Trong các Điều kiện này, các điều khoản bao gồm cụm từ “Chi phí cộng với tiền lãi” đòi hỏi tiền lãi này là 1/20 (5%) của Chi phí trừ khi được nêu khác trong Dữ liệu Hợp đồng.

1.3

Trao đổi thông tin

Bất cứ chỗ nào khi Điều kiện Chung này quy định việc đưa ra hoặc ban hành sự phê duyệt, chứng nhận, chấp thuận, quyết định, thông báo, yêu cầu và miễn trừ, thì cách truyền đạt những thông tin này sẽ là:

- (a) bằng văn bản và chuyển tay (theo giấy biên nhận), được gửi bằng bưu điện, bưu phẩm hoặc được chuyển đi bằng bất kỳ hệ thống truyền điện tử nào được thỏa thuận như đã nêu trong Dữ liệu Hợp đồng; và
- (b) được chuyển, được gửi hoặc được truyền đến địa chỉ để thông tin cho người nhận như được nêu trong Dữ liệu Hợp đồng. Tuy nhiên:
 - (i) nếu người nhận thông báo một địa chỉ khác, thì sau đó thông tin phải được chuyển theo địa chỉ mới một cách tương ứng; và
 - (ii) nếu người nhận không thông báo địa chỉ nào khác khi yêu cầu sự phê duyệt hoặc một chấp thuận, thì có thể được gửi tới địa chỉ mà từ đó đã phát hành yêu cầu.

Những văn bản phê duyệt, chứng nhận, chấp thuận và quyết định không được giữ lại hoặc làm chậm trễ một cách vô lý. Khi cấp giấy chứng nhận cho một Bên, người cấp đồng thời phải gửi một bản sao cho Bên kia. Khi thông báo được phát hành cho một Bên, bởi một Bên khác hoặc bởi Nhà tư vấn, một bản sao cũng sẽ được gửi cho Nhà tư vấn hoặc cho Bên kia, tùy từng trường hợp.

1.4

Luật và Ngôn ngữ

Hợp đồng chịu sự điều chỉnh theo luật của Nước sở tại (hoặc cơ quan pháp quyền khác) được quy định trong Dữ liệu Hợp đồng.

Ngôn ngữ chủ đạo của Hợp đồng phải được quy định trong Dữ liệu Hợp đồng.

Ngôn ngữ giao dịch phải là ngôn ngữ được quy định trong Dữ liệu Hợp đồng. Nếu trong đó không quy định ngôn ngữ nào, thì ngôn ngữ giao dịch phải là ngôn ngữ chủ đạo của Hợp đồng.

1.5

Thứ tự Ưu tiên của các Tài liệu

Các tài liệu tạo thành Hợp đồng được dùng để giải thích chung cho nhau. Với mục đích diễn giải, Thứ tự Ưu tiên của các Tài liệu theo trình tự sau:

- (a) Thỏa thuận Hợp đồng (nếu có),
- (b) Thư Chấp thuận,
- (c) Đơn Dự thầu,
- (d) Điều kiện Riêng - Phần A,
- (e) Điều kiện Riêng - Phần B,
- (f) Điều kiện Chung này,
- (g) Chỉ dẫn kỹ thuật,
- (h) Bản vẽ, và
- (i) Bản danh mục và các tài liệu khác là bộ phận của Hợp đồng

Nếu có sự không rõ ràng hoặc không nhất quán trong các tài liệu, Nhà tư vấn phải đưa ra những giải thích hoặc chỉ dẫn cần thiết.

1.6

Thỏa thuận Hợp đồng

Các Bên sẽ ký Thỏa thuận Hợp đồng trong vòng 28 ngày sau khi Nhà thầu nhận được Thư Chấp thuận, trừ khi Điều kiện riêng có quy định khác. Thỏa thuận Hợp đồng phải dựa theo mẫu được kèm thêm trong Điều kiện Riêng. Các khoản chi phí chứng thực và khoản phí tương tự (nếu có) theo luật định liên quan đến việc ký kết Thỏa thuận Hợp đồng do Chủ đầu tư chịu.

1.7

Chuyển nhượng

Không Bên nào được chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần Hợp đồng hoặc bất cứ lợi ích hoặc quyền lợi nào trong hoặc theo Hợp đồng. Tuy nhiên, mỗi Bên:

- (a) có thể chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần Hợp đồng với sự thỏa thuận trước của Bên kia, theo sự suy xét thận trọng duy nhất của Bên đó, và
- (b) có thể, dùng làm bảo lãnh đối với một ngân hàng hoặc tổ chức tài chính, nhượng lại quyền thu bất kỳ số tiền đến hạn nào phải trả hoặc sắp đến hạn, theo Hợp đồng.

1.8

Bảo quản và Cung cấp Tài liệu

Chỉ dẫn kỹ thuật và Bản vẽ phải được Chủ đầu tư bảo quản và cất giữ cẩn thận. Trừ khi có quy định khác trong Hợp đồng, hai bản sao Hợp đồng và hai bản sao của mỗi một Bản vẽ tiếp theo phải được cấp cho Nhà thầu, Nhà thầu có thể chụp thêm hoặc yêu cầu thêm bản sao bằng chi phí của mình.

Mỗi Tài liệu của Nhà thầu phải được Nhà thầu bảo quản và cất giữ cẩn thận, trừ khi và cho tới khi được Chủ đầu tư tiếp nhận. Trừ khi có quy định khác trong Hợp đồng, Nhà thầu phải cung cấp cho Nhà tư vấn 6 bản sao mỗi bộ Tài liệu của Nhà thầu.

Nhà thầu phải giữ trên Công trường, một bản sao Hợp đồng, các ấn phẩm được nêu trong Chỉ dẫn kỹ thuật, Tài liệu của Nhà thầu, Bản vẽ và những Thay đổi và các thông tin khác được cấp theo Hợp đồng. Nhân lực của Chủ đầu tư có quyền được xem tất cả những tài liệu này vào tất cả các thời điểm thích hợp.

Nếu một Bên phát hiện thấy lỗi hoặc sai sót trong một tài liệu đã chuẩn bị để dùng trong thi công Công trình, thì Bên đó phải thông báo ngay cho Bên kia biết những lỗi hoặc sai sót này.

1.9

Bản vẽ hoặc Chỉ dẫn bị Chậm trễ

Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn bất cứ khi nào Công trình có thể bị chậm trễ hoặc gián đoạn nếu Bản vẽ hoặc chỉ dẫn cần thiết không được cấp cho Nhà thầu trong một khoảng thời gian cụ thể hợp lý. Thông báo này phải gồm các chi tiết của bản vẽ hoặc chỉ dẫn cần thiết, nêu cụ thể tại sao và khi nào nó được cấp, và tính chất và mức độ của sự chậm trễ hoặc gián đoạn có thể gây ra nếu cấp muộn.

Nếu Nhà thầu bị chậm trễ và/hoặc phải chịu Chi phí do Nhà tư vấn không cấp được bản vẽ hoặc hướng dẫn đã được thông báo trong một khoảng thời gian hợp lý và được chỉ rõ trong thông báo với các chi tiết bổ trợ, Nhà thầu phải thông báo thêm một lần nữa cho Nhà tư vấn và có quyền theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] được:

- (a) gia hạn thời gian bù cho bất kỳ sự chậm trễ nào như vậy, nếu việc hoàn thành bị chậm hoặc sẽ bị chậm, theo Khoản 8.4 [*Gia hạn Thời gian Hoàn thành*], và

- (b) thanh toán mọi Chi phí phát sinh cộng với tiền lãi, được tính vào trong Giá Hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo tiếp theo này, Nhà tư vấn phải thực hiện theo Khoản 3.5 [Quyết định] để đồng ý hoặc quyết định những vấn đề này.

Tuy nhiên, nếu và trong phạm vi mà lỗi của Nhà tư vấn do bất kỳ sai sót hoặc sự chậm trễ nào của Nhà thầu, bao gồm sai sót, hoặc chậm trễ trong việc nộp bất cứ Tài liệu của Nhà thầu nào, thì Nhà thầu sẽ không được quyền gia hạn thời gian, Chi phí hoặc tiền lãi trên.

1.10

Chủ đầu tư Sử dụng Tài liệu của Nhà thầu

Giữa các Bên, Nhà thầu giữ bản quyền và các quyền sở hữu trí tuệ khác đối với Tài liệu của Nhà thầu và các tài liệu thiết kế khác do (hoặc thay mặt) Nhà thầu làm.

Nhà thầu được xem như (thông qua ký Hợp đồng) cấp cho Chủ đầu tư giấy phép có thể chuyển nhượng, không có thời hạn chấm dứt, không độc quyền, không phải trả tiền bản quyền về việc sao chụp, sử dụng và thông tin Tài liệu của Nhà thầu, bao gồm cả tiến hành và sử dụng các bản sửa đổi. Giấy phép này phải:

- (a) áp dụng trong suốt quá trình hoạt động thực tế hoặc dự định (bất kể thời gian nào dài hơn) của các bộ phận liên quan đến Công trình.
- (b) giao quyền cho ai đó sở hữu một cách thích hợp các phần liên quan đến Công trình để sao chụp, sử dụng và thông tin Tài liệu của Nhà thầu với mục đích hoàn thành, vận hành, bảo dưỡng, sửa đổi, điều chỉnh, sửa chữa và phá dỡ Công trình, và
- (c) trong trường hợp Tài liệu của Nhà thầu ở dạng chương trình máy tính và phần mềm khác, cho phép họ sử dụng trên bất cứ máy tính nào trên Công trường và các nơi khác như đã trừ tính cụ thể trong Hợp đồng, kể cả việc thay máy tính do Nhà thầu cấp.

Tài liệu của Nhà thầu và các tài liệu thiết kế khác do Nhà thầu (hoặc do đại diện của mình) thực hiện, nếu Nhà thầu không đồng ý, Chủ đầu tư (hoặc Đại diện của mình) không được sử dụng, sao chụp hoặc thông tin cho bên thứ ba vì mục đích khác với những mục đích cho phép trong Khoản này.

1.11

Nhà thầu Sử dụng Tài liệu của Chủ đầu tư

Giữa các Bên, Chủ đầu tư giữ bản quyền và các quyền sở hữu trí tuệ khác về Chỉ dẫn kỹ thuật, Bản vẽ và các tài liệu khác do Chủ đầu tư hoặc do đại diện của Chủ đầu tư làm ra. Nhà thầu có thể, bằng chi phí của mình, sao chụp, sử dụng và nhận thông tin về những tài liệu này vì mục đích của Hợp đồng. Nếu không được sự đồng ý của Chủ đầu tư, Nhà thầu sẽ không được sao chụp, sử dụng hoặc thông tin những tài liệu đó cho bên thứ ba, trừ khi điều đó là cần thiết vì mục đích của Hợp đồng.

1.12

Chi tiết Mật

Nhân lực của Nhà thầu và của Chủ đầu tư phải tiết lộ tất cả các thông tin mật và các thông tin khác nếu có yêu cầu hợp lý để kiểm chứng việc tuân thủ Hợp đồng và cho phép Hợp đồng được thi hành một cách đúng đắn.

Mỗi một người trong số họ phải xem Hợp đồng là riêng tư và bí mật, ngoại trừ phạm vi mà nó cần thiết để thực hiện các nghĩa vụ tương ứng của họ theo Hợp đồng hoặc tuân theo các Luật áp dụng. Mỗi một người trong số họ không được phép công bố hoặc tiết lộ bất kỳ chi tiết nào của Công trình được chuẩn bị bởi Bên kia mà không có sự chấp thuận trước của Bên đó. Tuy nhiên, Nhà thầu phải được phép tiết lộ các thông tin công khai sẵn có, hoặc các thông tin khác được yêu cầu để xác lập các hồ sơ năng lực của mình để hoàn thành các dự án khác.

1.13

Tuân thủ Luật pháp

Nhà thầu, khi thực hiện Hợp đồng, phải tuân thủ Luật hiện hành. Trừ khi có quy định khác trong Điều kiện Riêng.

- (a) Chủ đầu tư phải có (hoặc sẽ phải có) giấy phép quy hoạch, ranh giới, giấy phép xây dựng hoặc giấy phép tương tự cho Công trình Vĩnh cửu, và các giấy phép khác được mô tả trong Chỉ dẫn kỹ thuật là Chủ đầu tư đã có (hoặc sẽ có); và Chủ đầu tư phải bồi thường và tránh cho Nhà thầu không bị thiệt hại do bất kỳ sai sót nào của mình gây ra; và
- (b) Nhà thầu phải đưa ra tất cả các thông báo, trả tất cả các loại thuế, lệ phí, phí và phải có tất cả giấy phép, sự cho phép và chấp thuận, theo Luật định liên quan đến thi công và hoàn thành Công trình và sửa chữa bất cứ sai sót nào; và Nhà thầu phải bồi thường và tránh cho Chủ đầu tư không bị thiệt hại do bất kỳ sai sót nào của mình gây ra do không thực hiện điều nói trên, trừ khi Nhà thầu bị cản trở việc thực hiện những hành động này và đưa ra bằng chứng sự cố gắng của mình.

1.14

Trách nhiệm Chung và Trách nhiệm Riêng

Nếu Nhà thầu thiết lập (theo Luật hiện hành) một liên doanh, tổ hợp nhà thầu hoặc hình thức liên danh khác của hai hoặc nhiều đơn vị:

- (a) những đơn vị này phải có trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng đối với Chủ đầu tư để thực hiện Hợp đồng.
- (b) những đơn vị này phải thông báo với Chủ đầu tư về đơn vị đứng đầu của họ, là đơn vị sẽ có thẩm quyền liên kết Nhà thầu và từng thành viên của họ; và
- (c) Nhà thầu không được thay đổi cơ cấu hoặc tư cách pháp lý của mình nếu không được sự đồng ý trước của Chủ đầu tư.

1.15

Thanh tra và Kiểm toán bởi Ngân hàng

Nhà thầu phải cho phép Ngân hàng và/hoặc những người được Ngân hàng chỉ định thực hiện việc kiểm tra Công trường và/hoặc các sổ sách kế toán của Nhà thầu và các hồ sơ liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng và để các kiểm toán viên được chỉ định bởi Ngân hàng kiểm tra các sổ sách kế toán cũng như hồ sơ đó nếu được Ngân hàng đó yêu cầu.

2

Chủ đầu tư

2.1

Quyền Tiếp cận Công trường

Chủ đầu tư phải cho Nhà thầu quyền tiếp cận, và sở hữu, toàn bộ các phần của Công trường trong suốt thời gian (hoặc những thời gian) như đã quy định trong Dữ liệu Hợp đồng. Quyền và việc sở hữu có thể không chỉ dành riêng cho Nhà thầu. Nếu, theo Hợp đồng, Chủ đầu tư được yêu cầu phải cho (Nhà thầu) quyền sở hữu bất kỳ nền móng, kết cấu, thiết bị hoặc cách thức tiếp cận công trường nào, Chủ đầu tư phải thực hiện điều này trong thời gian và theo cách thức quy định trong Chỉ dẫn kỹ thuật. Tuy nhiên, Chủ đầu tư có thể giữ lại bất kỳ quyền hoặc sở hữu nào như vậy cho tới khi nào nhận được Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng.

Nếu không quy định thời gian như vậy trong Dữ liệu Hợp đồng, Chủ đầu tư phải cho Nhà thầu quyền tiếp cận và sở hữu Công trường trong khoảng thời gian cần thiết để tạo điều kiện cho Nhà thầu thi công công việc mà không bị gián đoạn theo kế hoạch thực hiện đã nộp theo Khoản 8.3 [*Kế hoạch thực hiện*].

Nếu Nhà thầu bị chậm trễ và/hoặc phải chịu Chi phí do lỗi của Chủ đầu tư không cho Nhà thầu bất kỳ quyền hoặc sở hữu nào trong thời gian đó, Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn và có quyền theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] được:

- (a) gia hạn thời gian bù cho sự chậm trễ này, nếu việc hoàn thành bị chậm hoặc sẽ bị chậm, theo Khoản 8.4 [*Gia hạn Thời gian Hoàn thành*].
- (b) thanh toán mọi Chi phí phát sinh cộng với tiền lãi, được tính vào Giá Hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo này, Nhà tư vấn phải thực hiện theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để đồng ý hoặc quyết định những vấn đề này.

Tuy nhiên, nếu và trong phạm vi mà lỗi của Chủ đầu tư do bất kỳ sai sót hoặc sự chậm trễ nào của Nhà thầu, bao gồm sai sót, hoặc chậm trễ trong việc nộp bất cứ Tài liệu của Nhà thầu nào, thì Nhà thầu sẽ không được quyền gia hạn thời gian, Chi phí hoặc tiền lãi trên.

2.2

Xin phép, Giấy phép, hoặc Văn bản Chấp thuận

Chủ đầu tư phải cung cấp, theo yêu cầu của Nhà thầu, hỗ trợ hợp lý như cho phép Nhà thầu có được một cách đúng đắn:

- (a) bản sao các bộ Luật của Nước sở tại liên quan đến Hợp đồng mà Nhà thầu chưa có, và
- (b) bất kỳ việc xin phép, giấy phép hoặc giấy chấp thuận của Nhà thầu mà Luật Nước sở tại yêu cầu, gồm những loại:
 - (i) Nhà thầu được yêu cầu phải có theo Khoản 1.13 [*Tuân thủ Luật pháp*].
 - (ii) để cung cấp Hàng hóa, bao gồm thông qua thủ tục hải quan, và
 - (iii) để xuất các Thiết bị của Nhà thầu khi đưa chúng ra khỏi Công trường.

2.3

Nhân lực của Chủ đầu tư

Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm đảm bảo cho Nhân lực của Chủ đầu tư và các Nhà thầu khác của Chủ đầu tư trên Công trường:

- (a) hợp tác với sự nỗ lực của Nhà thầu theo Khoản 4.6 [*Hợp tác*], và
- (b) thực hiện tương tự như những gì yêu cầu Nhà thầu phải thực hiện theo điểm (a), (b) và (c) của Khoản 4.8 [*Quy tắc về An toàn*] và theo Khoản 4.18 [*Bảo vệ Môi trường*].

2.4

Thu xếp Tài chính của Chủ đầu tư

Trước Ngày Bắt đầu công việc và sau đó trong vòng 28 ngày sau khi nhận được bất kỳ yêu cầu nào của Nhà thầu, Chủ đầu tư phải đưa ra bằng chứng hợp lý rằng việc thu xếp tài chính đã được thực hiện và đang được duy trì, điều đó sẽ tạo điều kiện cho Chủ đầu tư có thể thanh toán Giá Hợp đồng đúng thời hạn (theo ước tính vào thời điểm đó) theo Điều 14 [*Giá Hợp đồng và Thanh toán*]. Trước khi Chủ đầu tư thực hiện bất kỳ thay đổi cần thiết nào đối với việc thu xếp tài chính, Chủ đầu tư phải thông báo cho Nhà thầu các chi tiết cụ thể.

Ngoài ra, nếu Ngân hàng có thông báo cho Bên vay rằng Ngân hàng đã tạm ngừng giải ngân khoản cho vay của mình, mà cấp vốn cho toàn bộ hoặc từng phần cho việc thi công Công trình, thì Chủ đầu tư phải thông báo việc tạm ngừng này cho Nhà thầu với các chi tiết cụ thể, bao gồm ngày ra thông báo đó, với một bản sao gửi cho Nhà tư vấn, trong vòng 7 ngày khi Bên vay đã nhận được thông báo tạm ngừng từ Ngân hàng. Nếu nguồn vốn thay thế có sẵn bằng loại tiền tệ phù hợp cho Chủ đầu tư để tiếp tục thực hiện các khoản thanh toán cho Nhà thầu mà đã hơn 60 ngày kể từ ngày Ngân hàng đưa ra thông báo về việc tạm ngừng, Chủ đầu tư phải đưa ra bằng chứng hợp lý trong thông báo của mình về phạm vi mà theo đó các nguồn vốn này có sẵn.

2.5

Khiếu nại của Chủ đầu tư

Nếu Chủ đầu tư cho rằng mình có quyền được hưởng bất kỳ khoản thanh toán nào theo bất cứ Điều nào của các Điều kiện này hoặc các quy định khác liên quan đến Hợp đồng, và/hoặc đối với việc kéo dài Thời gian Thông báo Sai sót, Chủ đầu tư hoặc Nhà tư vấn phải gửi thông báo và các chi tiết cụ thể cho Nhà thầu. Tuy nhiên, không phải thông báo đối với các khoản thanh toán đúng hạn theo Khoản 4.19 [*Điện, Nước và Khí đốt*], theo Khoản 4.20 [*Thiết bị của Chủ đầu tư và Vật liệu cấp Miễn phí*], hoặc các dịch vụ khác do Nhà thầu yêu cầu.

Thông báo cần đưa ra càng sớm càng tốt và không quá 28 ngày sau khi Chủ đầu tư nhận thấy, hoặc lẽ ra đã nhận thấy, vấn đề hoặc tình trạng dẫn tới khiếu nại. Thông báo về việc kéo dài Thời gian Thông báo Sai sót phải được thực hiện trước khi hết hạn thời gian thông báo đó.

Các thông tin chi tiết phải chỉ ra được cụ thể Điều khoản hoặc cơ sở khác của khiếu nại, và phải gồm minh chứng về số tiền và/hoặc thời gian kéo dài mà Chủ đầu tư tự cho mình có quyền được hưởng theo Hợp đồng. Nhà tư vấn sau đó phải thực hiện theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để đồng ý hoặc quyết định (i) số tiền (nếu có) mà Chủ đầu tư có quyền được Nhà thầu thanh toán và/hoặc (ii) kéo dài (nếu có) Thời gian Thông báo Sai sót theo Khoản 11.3 [*Kéo dài Thời gian Thông báo Sai sót*].

Số tiền này có thể được tính như một khoản giảm trừ trong Giá Hợp đồng và Chứng nhận Thanh toán. Chủ đầu tư chỉ được quyền trừ hoặc giảm số tiền từ số tiền được xác nhận trong Chứng nhận Thanh toán, hoặc theo một khiếu nại nào khác đối với Nhà thầu, theo Khoản này.

3

Nhà tư vấn

3.1

Nhiệm vụ và Quyền hạn của Nhà tư vấn

Chủ đầu tư phải chỉ định Nhà tư vấn, người sẽ thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Hợp đồng. Nhân lực của Nhà tư vấn phải là những kỹ sư có trình độ chuyên môn phù hợp và các cán bộ chuyên môn khác có đủ năng lực để thực hiện những nhiệm vụ này.

Nhà tư vấn không có quyền sửa đổi Hợp đồng.

Nhà tư vấn có thể thực hiện các quyền hạn được gán cho Nhà tư vấn như được quy định trong hoặc tất yếu được bao hàm từ Hợp đồng. Nếu Nhà tư vấn cần phải có sự chấp thuận của Chủ đầu tư trước khi thực hiện một quyền hạn cụ thể, thì các yêu cầu này phải được nêu trong Điều kiện Riêng. Chủ đầu tư phải thông báo ngay cho Nhà thầu về bất kỳ thay đổi nào đối với thẩm quyền thuộc Nhà tư vấn.

Tuy nhiên, bất cứ khi nào Nhà tư vấn thực hiện một quyền hạn cụ thể mà cần có sự chấp thuận của Chủ đầu tư, thì (vì mục đích của Hợp đồng) Chủ đầu tư được xem là đã chấp thuận.

Trừ khi được nêu khác đi trong Điều kiện này, thì:

- (a) mỗi khi thực thi nhiệm vụ hoặc thực hiện một quyền hạn, đã được quy định trong hoặc được bao hàm từ Hợp đồng, Nhà tư vấn được xem là thay mặt cho Chủ đầu tư.
- (b) Nhà tư vấn không có quyền giảm bớt cho Bên nào bất kỳ nhiệm vụ, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào theo Hợp đồng,
- (c) bất kỳ sự chấp thuận, kiểm tra, xác nhận, đồng ý, xem xét, thẩm tra, chỉ dẫn, thông báo, đề xuất, yêu cầu, thử nghiệm hoặc hành động tương tự nào của Nhà tư vấn (bao gồm cả trường hợp không có sự phản đối) cũng không miễn giảm cho Nhà thầu khỏi bất kỳ trách nhiệm nào theo Hợp đồng, bao gồm trách nhiệm đối với các sai sót, bỏ sót, không nhất quán và không tuân thủ đúng, và;
- (d) bất kỳ hành động nào của Nhà tư vấn phản hồi lại yêu cầu của Nhà thầu ngoài những gì đã được quy định cụ thể, đều phải được thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu trong vòng 28 ngày sau khi nhận được.

Các điều khoản dưới đây sẽ được áp dụng:

Nhà tư vấn phải có được sự chấp thuận riêng của Chủ đầu tư trước khi thực hiện một hành động theo các Khoản dưới đây của Điều kiện này:

- (A) Khoản 4.12: đồng ý hoặc quyết định việc gia hạn thời gian và/hoặc chi phí phụ trội.
- (B) Khoản 13.1: chỉ dẫn một sự Thay đổi, ngoại trừ:
 - (i) trong tình huống khẩn cấp được xác định bởi Nhà tư vấn, hoặc
 - (ii) nếu một sự Thay đổi như vậy làm tăng Giá trị Hợp đồng được Chấp thuận thấp hơn tỷ lệ phần trăm được quy định trong Dữ liệu Hợp đồng.

- (C) Khoản 13.3: phê duyệt một đề xuất cho sự Thay đổi được nộp bởi Nhà thầu theo Khoản 13.1 và 13.2.
- (D) Khoản 13.4: nêu cụ thể số tiền phải trả cho mỗi loại đồng tiền áp dụng.

Không kể đến nghĩa vụ như được nêu ở trên, để có được sự chấp thuận, nếu, theo ý kiến của Nhà tư vấn, một tình huống khẩn cấp xảy ra ảnh hưởng đến an toàn tính mạng hoặc đến Công trình hoặc công trình lân cận, thì Nhà tư vấn có thể, không miễn cho Nhà thầu khỏi bất kỳ nghĩa vụ và trách nhiệm nào theo Hợp đồng, chỉ dẫn cho Nhà thầu thực hiện tất cả các công việc đó hoặc làm tất cả các việc mà có thể, theo ý kiến của Nhà tư vấn, là cần thiết để giảm nhẹ hoặc bớt rủi ro. Nhà thầu ngay lập tức phải tuân theo, bất kể là chưa có sự phê duyệt của Chủ đầu tư, với bất cứ chỉ dẫn nào như vậy của Nhà tư vấn. Đối với chỉ dẫn như vậy, Nhà tư vấn phải xác định phần phụ trội của Giá Hợp đồng, theo như Điều 13 và phải thông báo cho Nhà thầu, với gửi một bản sao cho Chủ đầu tư.

3.2

Ủy quyền của Nhà tư vấn

Đôi khi, Nhà tư vấn có thể phân công nhiệm vụ và ủy quyền cho các trợ lý, và cũng có thể hủy bỏ sự phân công hoặc ủy quyền đó. Những người trợ lý này có thể là một kỹ sư thường trực, và/hoặc giám sát viên độc lập được chỉ định để giám sát và/hoặc thử nghiệm các hạng mục Thiết bị và/hoặc Vật liệu. Sự phân công, ủy quyền hoặc hủy bỏ sự phân công, ủy quyền của Nhà tư vấn phải được thể hiện bằng văn bản và chỉ có hiệu lực cho đến khi hai Bên nhận được bản sao các văn bản đó. Tuy nhiên, trừ khi có sự thỏa thuận khác của hai Bên, Nhà tư vấn sẽ không ủy quyền để quyết định bất kỳ vấn đề gì theo Khoản 3.5 [*Quyết định*].

Các trợ lý phải là những người có trình độ phù hợp, đủ năng lực để thực hiện các nhiệm vụ và thực thi quyền hạn được giao, đồng thời phải thông thạo ngôn ngữ giao tiếp được quy định tại Khoản 1.4 [*Luật và Ngôn ngữ*].

Mỗi trợ lý, người đã được phân công nhiệm vụ hoặc được ủy quyền, chỉ được phép đưa ra chỉ dẫn cho Nhà thầu trong phạm vi được ủy quyền. Bất kỳ sự chấp thuận, kiểm tra, xác nhận, đồng ý, xem xét, giám sát, chỉ dẫn, thông báo, đề xuất, yêu cầu, thử nghiệm hoặc hành động tương tự nào của trợ lý, phù hợp với sự ủy quyền, đều có cùng hiệu lực như là chính hành động của Nhà tư vấn. Tuy nhiên:

- (a) bất kỳ sự không phản đối đối với một công việc, Thiết bị hoặc Vật liệu nào đó, sẽ không có nghĩa là được phê duyệt và, do vậy không phương hại đến quyền của Nhà tư vấn trong việc bác bỏ công việc, Thiết bị, hoặc Vật liệu đó;
- (b) nếu Nhà thầu có điều gì hoài nghi đối với bất kỳ một quyết định hoặc chỉ dẫn nào của trợ lý, thì Nhà thầu có thể nêu vấn đề đó với Nhà tư vấn, là người phải nhanh chóng xác nhận, thay đổi hoàn toàn hoặc điều chỉnh quyết định hoặc chỉ dẫn đó.

3.3

Chỉ dẫn của Nhà tư vấn

Nhà tư vấn có thể gửi cho Nhà thầu (bất kỳ lúc nào) các chỉ dẫn và Bản vẽ bổ sung hoặc điều chỉnh cần thiết cho việc thi công Công trình và sửa chữa bất kỳ sai sót nào, tất cả phải theo đúng Hợp đồng. Nhà thầu chỉ nhận các chỉ dẫn từ Nhà tư vấn, hoặc từ trợ lý, người được ủy quyền thích hợp theo Điều này. Nếu chỉ dẫn tạo nên một sự Thay đổi, sẽ áp dụng Điều 13 [*Thay đổi và Điều chỉnh*].

Nhà thầu phải tuân theo các chỉ dẫn do Nhà tư vấn hoặc trợ lý được uỷ quyền đưa ra, về bất kỳ vấn đề nào có liên quan đến Hợp đồng. Nếu cần thiết, các chỉ dẫn phải được đưa ra văn bản. Nếu Nhà tư vấn hoặc trợ lý được uỷ quyền:

- (a) đưa ra chỉ dẫn bằng lời nói.
- (b) nhận được xác nhận bằng văn bản của chỉ dẫn, từ (hoặc đại diện của) Nhà thầu về chỉ dẫn đó, trong vòng hai ngày làm việc sau khi đưa ra chỉ dẫn, và
- (c) không trả lời bằng việc có ý kiến phản đối và/hoặc chỉ dẫn bằng văn bản trong vòng hai ngày làm việc sau khi nhận được sự khẳng định,

thì sự khẳng định đó sẽ trở thành chỉ dẫn bằng văn bản của Nhà tư vấn hoặc trợ lý được uỷ quyền (tuỳ từng trường hợp).

3.4

Thay thế Nhà tư vấn

Nếu Chủ đầu tư có ý định thay thế Nhà tư vấn, trong vòng không ít hơn 21 ngày trước ngày dự định thay thế, Chủ đầu tư phải thông báo cho Nhà thầu tên, địa chỉ và các kinh nghiệm tương ứng của Nhà tư vấn được dự kiến thay thế. Nếu Nhà thầu cho rằng Nhà tư vấn được dự kiến thay thế là không phù hợp, Nhà thầu có quyền đưa ra ý kiến từ chối bằng cách gửi thông báo cho Chủ đầu tư, kèm theo các chi tiết chứng minh cụ thể, và Chủ đầu tư phải xem xét sự từ chối này một cách đầy đủ và công bằng.

3.5

Quyết định

Bất kể khi nào các Điều kiện này quy định rằng Nhà tư vấn phải thực hiện theo Khoản 3.5 để đồng ý hoặc quyết định bất kỳ vấn đề nào, Nhà tư vấn phải trao đổi với từng Bên để cố gắng đi đến thỏa thuận. Nếu không đạt được thỏa thuận, Nhà tư vấn phải đưa ra một quyết định khách quan theo Hợp đồng, có xem xét kỹ tất cả các bối cảnh liên quan.

Nhà tư vấn phải thông báo cho hai Bên về từng thỏa thuận hoặc quyết định, kèm theo các chi tiết cụ thể chứng minh, trong vòng 28 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại hoặc yêu cầu tương ứng trừ khi có quy định khác. Mỗi Bên phải tôn trọng hiệu lực của mỗi thỏa thuận hoặc quyết định, trừ khi hoặc cho tới khi được xem xét lại theo Điều 20 [*Khiếu nại, Tranh chấp và Trọng tài*].

4 Nhà thầu

4.1

Nghĩa vụ Chung của Nhà thầu

Nhà thầu phải thiết kế (trong phạm vi được xác định trong Hợp đồng), thi công và hoàn thành Công trình theo Hợp đồng và theo chỉ dẫn của Nhà tư vấn, phải sửa chữa bất kỳ sai sót nào trong Công trình.

Nhà thầu phải cung cấp Thiết bị và Tài liệu của Nhà thầu được quy định trong Hợp đồng và toàn bộ Nhân lực, Hàng hóa, vật liệu tiêu hao, những thứ khác và dịch vụ khác của Nhà thầu, bất kể là tạm thời hay lâu dài, được yêu cầu để thiết kế, thi công, hoàn thành và sửa chữa sai sót.

Tất cả các thiết bị, vật liệu, và các dịch vụ được sử dụng hoặc được yêu cầu cho Công trình phải có nguồn gốc từ các nước có nguồn thích hợp như được xác định bởi Ngân hàng.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về sự thỏa đáng, ổn định và an toàn của tất cả các hoạt động trên Công trường và mọi biện pháp thi công. Ngoại trừ phạm vi được quy định trong Hợp đồng, Nhà thầu (i) phải chịu trách nhiệm về toàn bộ Tài liệu của Nhà thầu, Công trình Tạm, và thiết kế của mỗi hạng mục Thiết bị, Vật liệu được yêu cầu cho hạng mục đó theo đúng Hợp đồng, và (ii) không phải chịu trách nhiệm theo cách nào khác đối với thiết kế hoặc chỉ dẫn kỹ thuật của Công trình Vĩnh cửu.

Bất kỳ khi nào Nhà tư vấn có yêu cầu, Nhà thầu phải trình kế hoạch chuẩn bị và các biện pháp thi công chi tiết mà Nhà thầu đề xuất áp dụng cho việc thi công Công trình. Không được thay đổi đáng kể những kế hoạch và các biện pháp này nếu không thông báo trước cho Nhà tư vấn.

Nếu Hợp đồng quy định rằng Nhà thầu phải thiết kế bất kỳ phần nào của Công trình Vĩnh cửu, thì trừ khi có quy định khác trong Điều kiện Riêng:

- (a) Nhà thầu phải nộp cho Nhà tư vấn các Tài liệu của Nhà thầu về phần này theo đúng trình tự được quy định trong Hợp đồng;
- (b) các Tài liệu này của Nhà thầu phải phù hợp với Chỉ dẫn kỹ thuật và Bản vẽ, phải được viết bằng ngôn ngữ giao tiếp xác định tại Khoản 1.4 [*Luật và Ngôn ngữ*], và phải bao gồm những thông tin bổ sung do Nhà tư vấn yêu cầu để bổ sung vào trong Bản vẽ để phối hợp với thiết kế của mỗi Bên;
- (c) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về phần này và, khi Công trình được hoàn thành, phần đó phải đúng với mục đích dự kiến như được xác định trong Hợp đồng; và
- (d) trước khi bắt đầu Thử nghiệm khi Hoàn thành, Nhà thầu phải gửi cho Nhà tư vấn các tài liệu “hoàn công” và, nếu được áp dụng, tài liệu hướng dẫn vận hành và bảo trì phải phù hợp với Chỉ dẫn kỹ thuật với đầy đủ chi tiết để Chủ đầu tư vận hành, bảo trì, tháo dỡ, lắp đặt lại, điều chỉnh và sửa chữa bộ phận này của Công trình. Bộ phận này chưa được coi là hoàn thiện để nghiệm thu theo Khoản 10.1 [*Nghiệm thu Công trình và Hạng mục Công trình*] cho tới khi các tài liệu và tài liệu hướng dẫn này được gửi cho Nhà tư vấn.

4.2

Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng

Nhà thầu (bằng chi phí của mình) phải có Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng, với số tiền đã xác định trong Dữ liệu Hợp đồng và ấn định theo (các) đồng tiền của Hợp đồng hay một loại đồng tiền có thể chuyển đổi tự do được Chủ đầu tư chấp thuận. Nếu không quy định số tiền cụ thể trong Dữ liệu Hợp đồng, thì sẽ không áp dụng Khoản này.

Nhà thầu phải cung cấp Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng cho Chủ đầu tư trong vòng 28 ngày sau khi nhận được Thư Chấp thuận, và phải gửi một bản sao cho Nhà tư vấn. Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng phải được cấp bởi một ngân hàng có uy tín hoặc tổ chức tài chính do Nhà thầu lựa chọn, phải theo mẫu ở phụ lục Điều kiện Riêng, như được quy định bởi Chủ đầu tư trong Dữ liệu Hợp đồng, hoặc theo mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.

Nhà thầu phải đảm bảo rằng Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng có giá trị và hiệu lực cho tới khi Nhà thầu đã thi công và hoàn thành Công trình và sửa chữa xong mọi sai sót. Nếu các Điều khoản của Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hạn, và Nhà thầu chưa được phép nhận Chứng nhận Hoàn thành công trình vào thời điểm 28 ngày trước ngày hết hạn, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng cho tới khi Công trình đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.

Chủ đầu tư không được đòi thanh toán tiền Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng, ngoại trừ số tiền mà Chủ đầu tư được quyền hưởng theo Hợp đồng.

Chủ đầu tư phải bồi thường và tránh cho Nhà thầu khỏi những thiệt hại, tổn thất và chi phí (bao gồm chi phí và lệ phí tư pháp) do việc khiếu nại về Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng gây nên ở phạm vi mà Chủ đầu tư không được phép khiếu nại.

Chủ đầu tư phải trả lại Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu trong vòng 21 ngày sau khi nhận được một bản sao Chứng nhận Hoàn thành công trình.

Không giới hạn trong các điều khoản còn lại của Khoản này, bất cứ khi nào Nhà tư vấn xác định một khoản phụ trội hoặc giảm trừ Giá Hợp đồng do kết quả của sự thay đổi về chi phí và/hoặc luật pháp, hoặc do kết quả của sự Thay đổi về số tiền hơn 25 phần trăm của tỷ lệ Giá Hợp đồng phải thanh toán bằng một loại tiền cụ thể, Nhà thầu phải theo yêu cầu của Nhà tư vấn, ngay lập tức tăng lên, hoặc có thể trừ đi, tùy từng trường hợp, giá trị của Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng bằng loại tiền tệ đó với tỷ lệ phần trăm ngang bằng.

4.3

Đại diện của Nhà thầu

Nhà thầu phải chỉ định Đại diện của Nhà thầu và ủy quyền cho người này có toàn quyền cần thiết để thực hiện thay mặt Nhà thầu theo Hợp đồng.

Trừ khi Đại diện Nhà thầu được nêu tên trong Hợp đồng, trước Ngày Bắt đầu công việc, Nhà thầu phải nộp cho Nhà tư vấn tên và các thông tin chi tiết của người mà Nhà thầu đề nghị chỉ định làm Đại diện cho mình để Nhà tư vấn chấp thuận. Nếu không được chấp nhận hoặc sau đó bị loại bỏ theo các điều khoản của Khoản 6.9 [*Nhân lực của Nhà thầu*], hoặc nếu người được cử làm đại diện không thực hiện đúng vai trò Đại diện Nhà thầu thì, Nhà thầu phải trình tên và các thông tin chi tiết của người đại diện khác thích hợp cho vị trí này theo cách tương tự.

Nếu không được sự đồng ý trước của Nhà tư vấn, Nhà thầu không được bãi nhiệm Đại diện Nhà thầu hoặc chỉ định người khác thay thế.

Đại diện của Nhà thầu phải dành toàn bộ thời gian để chỉ đạo việc thực hiện Hợp đồng của Nhà thầu. Nếu Đại diện của Nhà thầu tạm thời vắng mặt tại Công trường trong thời gian thi công Công trình, thì Nhà thầu phải chỉ định người thay thế phù hợp, với sự chấp thuận trước của Nhà tư vấn, và Nhà tư vấn phải được thông báo một cách tương ứng.

Đại diện của Nhà thầu, thay mặt Nhà thầu, phải tiếp nhận các chỉ dẫn theo Khoản 3.3 [*Chỉ dẫn của Nhà tư vấn*].

Đại diện của Nhà thầu có thể ủy nhiệm quyền, nhiệm vụ và thẩm quyền cho bất cứ người nào có năng lực, và có thể hủy bỏ việc ủy nhiệm này tại bất cứ thời điểm nào. Việc ủy nhiệm hoặc hủy bỏ sẽ chỉ có hiệu lực khi Nhà tư vấn nhận được thông báo trước do Đại diện của Nhà thầu ký, nêu rõ tên và quy định quyền, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao hoặc hủy bỏ.

Đại diện của Nhà thầu phải thông thạo ngôn ngữ giao tiếp được xác định tại Khoản 1.4 [*Luật và Ngôn ngữ*]. Nếu những người được ủy thác là Đại diện của Nhà thầu không thông thạo ngôn ngữ đó, Nhà thầu phải cử các thông dịch viên có đủ năng lực làm việc trong suốt thời gian làm việc với số lượng được Nhà tư vấn cho rằng là đủ.

4.4

Nhà thầu phụ

Nhà thầu không được ký hợp đồng thầu phụ toàn bộ Công trình.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về mọi hành động hoặc sai sót của bất kỳ Nhà thầu phụ nào, các đại diện hoặc nhân viên của họ, như thể đó là hành động và sai sót của Nhà thầu. Trừ khi có quy định khác trong Điều kiện Riêng:

- (a) Nhà thầu không bị yêu cầu phải có được sự đồng ý về các nhà cung cấp chỉ riêng Vật liệu, hoặc về một hợp đồng thầu phụ mà Nhà thầu phụ này được ghi tên trong Hợp đồng;
- (b) phải có sự đồng ý từ trước của Nhà tư vấn đối với các Nhà thầu phụ được đề xuất khác;
- (c) Nhà thầu phải gửi thông báo cho Nhà tư vấn không ít hơn 28 ngày trước ngày dự định bắt đầu công việc của mỗi Nhà thầu phụ, và ngày bắt đầu thực hiện công việc đó trên Công trường, và
- (d) mỗi hợp đồng thầu phụ phải có các điều khoản cho phép Chủ đầu tư yêu cầu chuyển nhượng lại hợp đồng thầu phụ cho Chủ đầu tư theo Khoản 4.5 [*Nhượng lại Lợi ích của Hợp đồng Thầu phụ*] (nếu hoặc khi có thể áp dụng được) hoặc trong trường hợp chấm dứt theo Khoản 15.2 [*Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư*].

Nhà thầu phải đảm bảo rằng các yêu cầu mà Nhà thầu phải gánh vác theo Khoản 1.12 [*Chi tiết Mật*] được áp dụng như nhau đối với mỗi một Nhà thầu phụ.

Khi có thể, Nhà thầu phải trao các cơ hội công bằng và thích đáng cho các nhà thầu từ Nước sở tại mà được chỉ định là các Nhà thầu phụ.

4.5

Nhượng lại Lợi ích của Hợp đồng Thầu phụ

Nếu các nghĩa vụ của Nhà thầu phụ kéo dài đến sau ngày hết hạn của Thời gian Thông báo Sai sót tương ứng, trước ngày hết hạn này, Nhà tư vấn chỉ dẫn cho Nhà thầu nhượng lại lợi ích của các nghĩa vụ đó cho Chủ đầu tư, thì Nhà thầu phải thực hiện. Trừ khi có quy định khác trong việc chuyển nhượng, Nhà thầu sẽ không có nghĩa vụ pháp lý với Chủ đầu tư về công việc do Nhà thầu phụ thực hiện sau khi việc chuyển nhượng có hiệu lực.

4.6

Hợp tác

Như đã được quy định trong Hợp đồng hoặc chỉ dẫn của Nhà tư vấn, Nhà thầu phải tạo ra các cơ hội thích hợp để thực hiện công việc với:

- (a) Nhân lực của Chủ đầu tư,
- (b) các Nhà thầu khác do Chủ đầu tư thuê, và
- (c) các nhân viên của các cơ quan công quyền hợp pháp,

là những người có thể được thuê để thực hiện công việc không có trong Hợp đồng trên hoặc gần Công trường.

Bất cứ chỉ dẫn nào như vậy sẽ dẫn đến sự Thay đổi nếu và đến một mức độ nào đó cho Nhà thầu phải chịu các chậm trễ và/hoặc phải chịu các Chi phí Không lường trước được. Các dịch vụ cho họ và các Nhà thầu khác có thể bao gồm việc sử dụng Thiết bị của Nhà thầu, các Công trình Tạm hoặc bố trí đường ra vào là những thứ thuộc trách nhiệm của Nhà thầu.

Theo Hợp đồng, nếu Chủ đầu tư được yêu cầu trao cho Nhà thầu quyền sử dụng bất cứ nền móng, kết cấu, nhà xưởng hoặc phương tiện tiếp cận nào theo Tài liệu của Nhà thầu, Nhà thầu phải nộp những tài liệu này cho Nhà tư vấn vào thời gian và thể theo thể thức quy định trong Chỉ dẫn kỹ thuật.

4.7

Định vị các mốc

Nhà thầu phải định vị Công trình theo các mốc chuẩn, tuyến và cao trình tham chiếu được xác định trong Hợp đồng hoặc do Nhà tư vấn cung cấp. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về việc định vị đúng tất cả các hạng mục của Công trình, và phải điều chỉnh sai sót về vị trí, cao trình, kích thước hoặc căn tuyến của Công trình.

Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm về bất cứ sai sót nào về những mục tham chiếu đã được thông báo hoặc quy định cụ thể này, nhưng Nhà thầu phải cố gắng nỗ lực để kiểm chứng độ chính xác của chúng trước khi sử dụng.

Nếu Nhà thầu bị chậm trễ và/hoặc phải chịu Chi phí trong thực hiện công việc phát sinh từ những sai sót trong các mục tham chiếu này, và một Nhà thầu có kinh nghiệm đã không thể (một cách hợp lý) phát hiện ra những sai sót này và tránh khỏi sự chậm trễ và/hoặc Chi phí này, thì Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn và có quyền theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] được:

- (a) gia hạn thời gian để bù cho sự chậm trễ đó, nếu việc hoàn thành bị chậm hoặc sẽ bị chậm, theo Khoản 8.4 [*Gia hạn Thời gian Hoàn thành*].
- (b) thanh toán mọi Chi phí phát sinh cộng với tiền lãi, được tính vào Giá Hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo, Nhà tư vấn phải thực hiện theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để đồng ý hoặc quyết định (i) có hay không và (nếu đúng như vậy) thì tới mức độ nào mà sai sót đã không thể phát hiện được một cách hợp lý và (ii) những vấn đề được mô tả trong điểm (a) và (b) ở trên có liên quan đến mức độ này hay không.

4.8

Quy tắc về An toàn

Nhà thầu phải:

- (a) tuân thủ tất cả quy định an toàn hiện hành,
- (b) chú ý đảm bảo an toàn cho tất cả những người được phép có mặt trên Công trường,
- (c) nỗ lực bằng mọi biện pháp hợp lý để đảm bảo Công trường và Công trình gọn gàng nhằm tránh gây nguy hiểm cho họ,

- (d) bố trí hàng rào, hệ thống chiếu sáng, bảo vệ và quan sát Công trình cho tới khi hoàn thành và bàn giao theo Điều 10 [*Nghiem thu của Chủ đầu tư*], và
- (e) làm các Công trình Tạm (gồm đường, đường cho đi bộ, trạm gác và hàng rào) cần thiết cho việc thi công Công trình, cho việc sử dụng và bảo vệ công chúng và những người chủ sở hữu và cư trú ở các khu vực lân cận.

4.9

Đảm bảo Chất lượng

Nhà thầu phải xây dựng một hệ thống Đảm bảo Chất lượng để tuân thủ yêu cầu của Hợp đồng. Hệ thống này phải phù hợp với các chi tiết đã nêu trong Hợp đồng. Nhà tư vấn có quyền kiểm tra bất cứ khâu nào của hệ thống.

Chi tiết của tất cả các quy trình và tài liệu chứng minh sự phù hợp phải được nộp cho Nhà tư vấn để có thông tin trước khi bắt đầu mỗi giai đoạn thiết kế và thi công. Khi bất cứ tài liệu kỹ thuật nào được gửi cho Nhà tư vấn, thì trên tài liệu đó phải thể hiện rõ bằng chứng của việc Nhà thầu đã phê duyệt.

Sự phù hợp với hệ thống đảm bảo chất lượng không làm giảm bất kỳ nhiệm vụ, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào của Nhà thầu theo Hợp đồng.

4.10

Dữ liệu Công trường

Trước Ngày Cơ sở, Chủ đầu tư phải có sẵn cho Nhà thầu toàn bộ số liệu liên quan về điều kiện địa chất và thủy văn của Công trường, gồm cả các yếu tố môi trường mà Chủ đầu tư có. Cũng như vậy, Chủ đầu tư phải có sẵn cho Nhà thầu tất cả số liệu mà Chủ đầu tư có được sau Ngày Cơ sở. Nhà thầu phải có trách nhiệm diễn giải toàn bộ các số liệu này.

Trong phạm vi có thể thực hiện được (có tính đến chi phí và thời gian), Nhà thầu được coi là đã có được tất cả các thông tin cần thiết liên quan đến các rủi ro, bất trắc và các tình huống khác có thể tác động hoặc ảnh hưởng đến Hồ sơ dự thầu hoặc Công trình. Cùng phạm vi như vậy, Nhà thầu được coi là đã kiểm tra và xem xét Công trường, khu vực xung quanh công trường, các số liệu nêu trên và các thông tin có sẵn khác, và đã được thỏa mãn trước khi nộp Hồ sơ dự thầu về tất cả các vấn đề liên quan, bao gồm (không hạn chế):

- (a) hình dạng và tính chất Công trường, bao gồm cả các điều kiện địa chất;
- (b) các điều kiện khí hậu và thủy văn;
- (c) mức độ và tính chất của công việc và Hàng hóa cần thiết để thực hiện và hoàn thành Công trình và sửa chữa mọi sai sót;
- (d) các Luật, thủ tục và các thông lệ lao động của Nước sở tại, và
- (e) yêu cầu của Nhà thầu về đường vào, tiện nghi ăn ở, cơ sở vật chất, nhân sự, điện, giao thông, nước và các dịch vụ khác.

4.11

Tính đầy đủ của Giá trị Hợp đồng được Chấp thuận

Nhà thầu được coi là đã:

- (a) được thỏa mãn về tính chính xác và đầy đủ của Giá trị Hợp đồng được Chấp thuận, và
- (b) tính toán Giá trị Hợp đồng được Chấp thuận dựa trên cơ sở dữ liệu, sự diễn giải, các thông tin cần thiết, các kiểm định, kiểm tra và sự thỏa mãn về tất cả các vấn đề có liên quan được tham chiếu tới ở Khoản 4.10 [*Dữ liệu Công trường*].

Trừ khi có quy định khác trong Hợp đồng, Giá trị Hợp đồng được Chấp thuận bao gồm toàn bộ nghĩa vụ của Nhà thầu theo Hợp đồng (gồm cả nghĩa vụ về các Khoản Tạm tính, nếu có) và tất cả những gì cần thiết cho việc thi công và hoàn thành một các thích hợp Công trình và việc sửa chữa các sai sót.

4.12

Điều kiện Vật chất Không lường trước được

Trong Khoản này, “các điều kiện vật chất” là điều kiện vật chất tự nhiên và nhân tạo, những trở ngại vật lý và các chất gây ô nhiễm khác mà Nhà thầu gặp phải tại Công trường trong khi thi công Công trình, bao gồm các điều kiện địa chất và điều kiện thủy văn nhưng không bao gồm điều kiện khí hậu.

Nếu Nhà thầu gặp phải những điều kiện bất lợi mà Nhà thầu cho là Không lường trước được, Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn trong thời gian sớm nhất có thể.

Thông báo này phải mô tả các điều kiện vật chất, để Nhà tư vấn có thể kiểm tra, và phải đưa ra lý do tại sao Nhà thầu coi các điều kiện đó là Không lường trước được. Nhà thầu phải tiếp tục thi công Công trình, sử dụng các biện pháp hợp lý và thỏa đáng phù hợp với điều kiện vật chất đó, và phải tuân theo bất kỳ chỉ dẫn nào mà Nhà tư vấn có thể đưa ra. Nếu chỉ dẫn tạo ra sự Thay đổi, thì sẽ áp dụng Điều 13 [Thay đổi và Điều chỉnh].

Nếu và tới một mức độ mà Nhà thầu gặp phải Điều kiện Vật chất Không lường trước được, có thông báo về việc đó, và nếu bị chậm trễ và/hoặc phải chịu Chi phí do những điều kiện này gây ra, Nhà thầu có quyền theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] được:

- (a) gia hạn thời gian cho sự chậm trễ này, nếu việc hoàn thành bị chậm hoặc sẽ bị chậm theo Khoản 8.4 [*Gia hạn Thời gian Hoàn thành*], và
- (b) thanh toán mọi Chi phí phát sinh, được tính vào Giá Hợp đồng.

Khi nhận được thông báo như vậy và thẩm tra và/hoặc khảo sát những điều kiện vật chất này, Nhà tư vấn phải thực hiện theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để đồng ý hoặc quyết định (i) liệu có hay không và (nếu đúng như vậy) tới mức độ nào mà những điều kiện vật chất là Không thể lường trước, và (ii) những vấn đề được mô tả trong điểm (a) và (b) ở trên có liên quan đến mức độ này hay không.

Tuy nhiên, trước khi Chi phí bổ sung được đồng ý hoặc quyết định cuối cùng theo điểm (ii), Nhà tư vấn cũng có thể xem xét liệu có phải những điều kiện vật chất khác ở các bộ phận tương tự của Công trình (nếu có) là thuận lợi hơn và đã có thể được dự tính một cách hợp lý trước khi Nhà thầu nộp Hồ sơ dự thầu. Nếu và tới chừng mực những điều kiện thuận lợi hơn đó đã xảy ra, Nhà tư vấn có thể thực hiện theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để đồng ý hoặc quyết định giảm bớt Chi phí phải trả theo những điều kiện này, có thể được bao gồm (như là khoản giảm trừ) trong Giá Hợp đồng và Chứng nhận Thanh toán. Tuy nhiên, hiệu quả thực của toàn bộ việc điều chỉnh theo điểm (b) và toàn bộ khoản giảm trừ này, đối với tất cả các điều kiện vật chất gặp phải trong các bộ phận tương tự của Công trình, sẽ không được dẫn đến sự giảm giá thực trong Giá Hợp đồng.

Nhà tư vấn có thể xem xét bất kỳ bằng chứng nào của những điều kiện vật chất được Nhà thầu lường trước khi nộp Hồ sơ dự thầu, mà Nhà thầu phải có sẵn, nhưng sẽ không bị ràng buộc bởi các diễn giải của Nhà thầu cho bất kỳ bằng chứng nào như vậy.

4.13 Quyền về Đường đi và Phương tiện

Trừ khi được quy định khác trong Hợp đồng, Chủ đầu tư phải cung cấp đường ra vào hiệu quả tới và sở hữu Công trường bao gồm đường đi lại chuyên dùng và/hoặc tạm thời cần thiết cho Công trường. Nhà thầu phải có được, bằng chi phí và rủi ro tự chịu, các đường đi hoặc phương tiện bổ sung bên ngoài Công trường mà Nhà thầu có thể yêu cầu cho mục đích thi công Công trình.

4.14 Tránh Can thiệp

Nhà thầu không được can thiệp một cách không cần thiết hoặc không thích hợp vào:

- (a) sự thuận tiện của công chúng, hoặc
- (b) việc tiếp cận, sử dụng và chiếm giữ toàn bộ đường đi và vỉa hè, bất kể là thuộc công cộng hay thuộc quyền kiểm soát của Chủ đầu tư hoặc những người khác.

Nhà thầu phải bồi thường và tránh cho Chủ đầu tư không bị mọi thiệt hại gây ra do tất cả các thiệt hại, tổn thất và chi phí (bao gồm các lệ phí và chi phí pháp lý) do bất kỳ sự can thiệp không cần thiết và không phù hợp nào gây ra.

4.15 Đường Ra vào

Nhà thầu được xem là hài lòng với sự phù hợp và sẵn có của các đường ra vào Công trường vào Ngày Cơ sở. Nhà thầu phải nỗ lực một cách hợp lý để tránh làm hư hỏng đường hoặc cầu do việc sử dụng đi lại của Nhà thầu hoặc Nhân lực của Nhà thầu gây ra. Những nỗ lực này bao gồm cả việc sử dụng đúng các phương tiện và đường ra vào thích hợp.

Trừ khi có quy định khác trong các Điều kiện này, thì:

- (a) Nhà thầu (trong quan hệ giữa các Bên) phải chịu trách nhiệm đối với bất kỳ bảo dưỡng nào nếu có yêu cầu cho việc Nhà thầu sử dụng các tuyến đường đó;
- (b) Nhà thầu phải cung cấp các biển hiệu hoặc biển chỉ dẫn cần thiết dọc đường ra vào, và phải xin phép nếu các cơ quan liên quan yêu cầu cho việc sử dụng các đường ra vào, biển hiệu, biển chỉ dẫn;
- (c) Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào có thể nảy sinh từ việc sử dụng hoặc việc gì khác đối với bất kỳ tuyến đường nào.
- (d) Chủ đầu tư không đảm bảo sự thích hợp hoặc sẵn có của các đường ra vào cụ thể nào, và
- (e) Chi phí do sự không thích hợp hoặc không có sẵn các đường ra vào cho yêu cầu sử dụng của Nhà thầu, sẽ do Nhà thầu chịu.

4.16 Vận chuyển Hàng hóa

Trừ khi có quy định khác trong Điều kiện Riêng:

- (a) Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn không muộn hơn 21 ngày trước ngày mà mọi Thiết bị hoặc hạng mục chính của Hàng hóa khác được vận chuyển tới Công trường;
- (b) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về việc đóng gói, xếp hàng, vận chuyển, giao nhận, bốc dỡ, lưu kho và bảo vệ toàn bộ Hàng hóa và các vật dụng khác cần cho Công trình; và

- (c) Nhà thầu phải bồi thường và tránh cho Chủ đầu tư không phải chịu mọi thiệt hại, mất mát và chi phí (kể cả lệ phí và chi phí pháp lý) do việc vận chuyển Hàng hóa, và phải thương lượng và thanh toán toàn bộ yêu cầu bồi thường phát sinh từ việc vận tải của họ.

4.17

Thiết bị của Nhà thầu

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ Thiết bị của Nhà thầu. Khi được đưa tới Công trường, Thiết bị của Nhà thầu phải là để dùng riêng cho việc thi công Công trình. Nhà thầu không được chuyển khỏi Công trường bất kỳ thiết bị chính nào của Thiết bị của Nhà thầu nếu không được sự chấp thuận của Nhà tư vấn. Tuy nhiên, không yêu cầu phải có sự chấp thuận đối với phương tiện vận chuyển Hàng hóa và Nhân lực của Nhà thầu ra khỏi Công trường.

4.18

Bảo vệ Môi trường

Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp hợp lý để bảo vệ môi trường (cả trong và ngoài Công trường) và hạn chế thiệt hại và ảnh hưởng tới con người và tài sản do ô nhiễm, tiếng ồn và các hậu quả khác từ hoạt động của Nhà thầu gây ra.

Nhà thầu phải đảm bảo rằng các khí thải, chất thải trên mặt đất và nước thải do hoạt động của Nhà thầu gây ra không được vượt quá mức quy định trong Chỉ dẫn kỹ thuật hoặc quy định của Luật hiện hành.

4.19

Điện, Nước và Khí đốt

Trừ trường hợp quy định ở dưới đây, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm cung cấp điện, nước và các dịch vụ khác mà Nhà thầu cần cho các hoạt động thi công của mình và trong phạm vi được xác định trong Chỉ dẫn kỹ thuật, cho các cuộc thử nghiệm.

Nhà thầu có quyền sử dụng điện, nước, khí đốt và dịch vụ khác có thể có trên Công trường cho mục đích thi công Công trình, mà các chi tiết và giá đã được đưa ra trong Chỉ dẫn kỹ thuật. Nhà thầu, bằng rủi ro và chi phí của mình, phải cung cấp máy móc thiết bị cần thiết để sử dụng những dịch vụ này và để đo số lượng tiêu thụ.

Số lượng tiêu thụ và số tiền phải trả (theo giá này) cho các dịch vụ phải được Nhà tư vấn đồng ý hoặc quyết định theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] và Khoản 3.5 [*Quyết định*]. Nhà thầu phải thanh toán những khoản này cho Chủ đầu tư.

4.20

Thiết bị của Chủ đầu tư và Vật liệu cấp Miễn phí

Chủ đầu tư phải có sẵn Thiết bị của Chủ đầu tư (nếu có) để Nhà thầu dùng trong thi công Công trình theo chi tiết, kế hoạch và giá cả được nêu trong Chỉ dẫn kỹ thuật. Trừ khi có quy định khác trong Chỉ dẫn kỹ thuật thì:

- (a) Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm đối với Thiết bị của Chủ đầu tư, trừ khi
- (b) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với từng Thiết bị của Chủ đầu tư nếu Nhân lực của Nhà thầu vận hành, điều khiển hoặc quản lý hoặc kiểm soát Thiết bị đó.

Số lượng thích hợp và số tiền phải trả (theo giá đã nêu) để sử dụng Thiết bị của Chủ đầu tư phải được Nhà tư vấn đồng ý hoặc quyết định theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] và Khoản 3.5 [*Quyết định*]. Nhà thầu phải thanh toán số tiền này cho Chủ đầu tư.

Chủ đầu tư phải cung cấp, không tính phí, “Vật liệu cấp miễn phí” (nếu có) theo chi tiết nêu trong Chỉ dẫn kỹ thuật. Chủ đầu tư, bằng rủi ro và chi phí của mình, phải cung cấp những vật liệu này tại thời điểm và địa điểm được quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu phải kiểm tra bằng mắt những vật liệu này, và phải thông báo kịp thời cho Nhà tư vấn về bất kỳ sự thiếu hụt, sai sót hoặc không chuẩn nào của những Vật liệu này. Trừ khi hai Bên có thỏa thuận khác, Chủ đầu tư phải khắc phục ngay sự thiếu hụt, sai sót, không chuẩn như đã được thông báo.

Sau khi được kiểm tra bằng mắt, vật liệu cấp miễn phí phải được Nhà thầu cất giữ và giám sát cẩn thận. Trách nhiệm kiểm tra, bảo quản cất giữ và giám sát của Nhà thầu không làm giảm trách nhiệm của Chủ đầu tư đối với sự thiếu hụt, sai sót, không chuẩn do không thấy rõ khi kiểm tra bằng mắt.

4.21

Báo cáo Tiến độ

Trừ khi có quy định khác trong Điều kiện Riêng, Nhà thầu phải lập báo cáo tiến độ hàng tháng và nộp cho Nhà tư vấn 6 bản sao. Báo cáo đầu tiên phải tính từ Ngày Bắt đầu công việc đến ngày cuối cùng của tháng đầu. Sau đó, các báo cáo phải được nộp hàng tháng, mỗi báo cáo phải nộp trong vòng 7 ngày sau ngày cuối cùng của khoảng thời gian liên quan.

Báo cáo phải liên tục cho tới khi Nhà thầu hoàn thành toàn bộ công việc còn tồn đọng tại thời điểm hoàn thành được nêu trong Chứng chỉ Nghiệm thu Công trình.

Mỗi báo cáo phải có:

- (a) sơ đồ và mô tả chi tiết tiến độ, bao gồm từng giai đoạn thiết kế (nếu có), Tài liệu của Nhà thầu, mua sắm thiết bị, gia công, vận chuyển tới Công trường, thi công, lắp dựng và thử nghiệm; và bao gồm các giai đoạn của công việc của từng Nhà thầu phụ được chỉ định (như được xác định trong Điều 5 [*Nhà thầu phụ được chỉ định*]).
- (b) ảnh mô tả tình trạng gia công chế tạo và tiến độ trên Công trường;
- (c) đối với việc gia công chế tạo hạng mục chính của Thiết bị và Vật liệu, tên nhà sản xuất, nơi sản xuất, tiến độ theo phần trăm và ngày thực sự hoặc dự kiến:
 - (i) bắt đầu gia công chế tạo;
 - (ii) kiểm tra của Nhà thầu,
 - (iii) thử nghiệm, và
 - (iv) vận chuyển và tới Công trường;
- (d) các chi tiết được mô tả tại Khoản 6.10 [*Báo cáo về Nhân lực và Thiết bị của Nhà thầu*];
- (e) bản sao tài liệu đảm bảo chất lượng, kết quả thử nghiệm và chứng chỉ của Vật liệu;
- (f) danh mục các thông báo được đưa ra theo khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] và thông báo được đưa ra theo khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*];
- (g) số liệu thống kê về an toàn, gồm chi tiết của các hoạt động và các trường hợp nguy hại liên quan đến yếu tố môi trường và công cộng; và
- (h) so sánh tiến độ thực tế với tiến độ theo kế hoạch, với các chi tiết của mọi sự việc hoặc tình huống có thể gây nguy hiểm cho việc hoàn thành theo Hợp đồng, và các biện pháp đang (hoặc sẽ) được áp dụng để khắc phục sự chậm trễ.

4.22

An ninh Công trường

Trừ khi có những quy định khác trong Điều kiện Riêng:

- (a) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về việc không cho phép những người không có nhiệm vụ vào Công trường, và
- (b) những người có nhiệm vụ được giới hạn trong phạm vi Nhân lực của Nhà thầu và Nhân lực của Chủ đầu tư; và những người khác do Chủ đầu tư hoặc Nhà tư vấn thông báo cho Nhà thầu biết, là những người có nhiệm vụ của các Nhà thầu khác do Chủ đầu tư thuê làm việc trên Công trường.

4.23

Hoạt động của Nhà thầu trên Công trường

Nhà thầu phải giới hạn phạm vi hoạt động của mình trên Công trường, và bất kỳ khu vực bổ sung nào mà Nhà thầu được Nhà tư vấn giao và chấp thuận là nơi làm việc. Nhà thầu phải có sự quan tâm cần thiết để giữ cho Thiết bị của Nhà thầu và Nhân lực của Nhà thầu chỉ hoạt động trong phạm vi Công trường và các khu vực được giao thêm này và không lấn sang khu vực lân cận.

Trong thời gian thi công Công trình, Nhà thầu phải giữ cho Công trường không có các cản trở không cần thiết, và phải bảo quản hoặc sắp xếp Thiết bị của Nhà thầu hoặc vật liệu thừa. Nhà thầu phải dọn sạch và di dời khỏi Công trường những phế thải, Công trình Tạm khi không cần nữa.

Sau khi được cấp Chứng chỉ Nghiệm thu; Nhà thầu phải dọn sạch và di dời tất cả Thiết bị của Nhà thầu, vật liệu thừa, phế thải và Công trình Tạm, khỏi những bộ phận của Công trường và Công trình mà đã được cấp Chứng chỉ Nghiệm thu. Nhà thầu phải trả lại những khu vực đó của Công trường và Công trình trong trạng thái sạch sẽ và an toàn. Tuy nhiên, Nhà thầu có thể để lại trên Công trường những Hàng hóa cần để Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ Hợp đồng trong Giai đoạn Thông báo Sai sót.

4.24

Cổ vật

Tất cả các cổ vật, tiền xu, đồ cổ hoặc các di vật khác có giá trị, và các kết cấu hoặc di vật khảo cổ được tìm thấy trên Công trường sẽ chịu sự quản lý và thuộc thẩm quyền của Chủ đầu tư. Nhà thầu phải chú ý không cho Nhân lực của Nhà thầu hoặc người khác lấy đi hoặc làm hư hỏng các đồ vật tìm thấy này.

Khi phát hiện ra những đồ vật này, Nhà thầu phải thông báo ngay cho Nhà tư vấn, người phải đưa ra chỉ dẫn để hướng dẫn giải quyết. Nếu Nhà thầu bị chậm trễ và/hoặc phải chịu Chi phí để thực hiện chỉ dẫn, thì Nhà thầu phải thông báo tiếp cho Nhà tư vấn và có quyền theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] được:

- (a) gia hạn thời gian cho bất kỳ sự chậm trễ nào như vậy, nếu việc hoàn thành bị chậm hoặc sẽ bị chậm theo Khoản 8.4 [*Gia hạn Thời gian Hoàn thành*], và
- (b) thanh toán mọi Chi phí phát sinh, sẽ được tính vào Giá Hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo tiếp theo này, Nhà tư vấn phải thực hiện theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để đồng ý hoặc quyết định những vấn đề này.

5 Nhà thầu phụ được chỉ định

5.1

Định nghĩa “Nhà thầu phụ được chỉ định”

Trong Hợp đồng, “Nhà thầu phụ được chỉ định” là một Nhà thầu phụ:

- (a) được nêu trong Hợp đồng là một Nhà thầu phụ được chỉ định, hoặc
- (b) được Nhà tư vấn, theo Điều 13 [*Thay đổi và Điều chỉnh*], chỉ dẫn cho Nhà thầu thuê làm Nhà thầu phụ theo Khoản 5.2 [*Phản đối việc Chỉ định*].

5.2

Phản đối việc Chỉ định

Nhà thầu không có bất kỳ nghĩa vụ nào phải thuê Nhà thầu phụ được chỉ định mà Nhà thầu có ý kiến từ chối hợp lý bằng cách thông báo cho Nhà tư vấn càng sớm càng tốt, với các chi tiết chứng minh. Việc phản đối được coi là hợp lý nếu được đưa ra dựa trên bất cứ một vấn đề nào nêu ra sau đây (trong số các vấn đề khác), trừ khi Chủ đầu tư đồng ý bằng văn bản bảo đảm cho Nhà thầu tránh khỏi và từ những hậu quả của vấn đề:

- (a) có lý do để tin rằng Nhà thầu phụ không đủ khả năng, nguồn lực hoặc năng lực tài chính;
- (b) Nhà thầu phụ được chỉ định không chấp nhận bảo đảm cho Nhà thầu tránh khỏi và từ những hậu quả từ sự sơ suất hoặc việc sử dụng Hàng hoá không đúng bởi Nhà thầu phụ được chỉ định, các đại lý hoặc nhân viên của Nhà thầu phụ; hoặc
- (c) Nhà thầu phụ được chỉ định không chấp nhận ký hợp đồng phụ mà trong đó nêu rõ rằng, đối với công việc của hợp đồng thầu phụ (gồm cả thiết kế, nếu có), Nhà thầu phụ được chỉ định phải:
 - (i) cam kết với Nhà thầu những trách nhiệm và nghĩa vụ pháp lý mà giúp cho Nhà thầu được miễn trừ các nghĩa vụ và trách nhiệm theo Hợp đồng,
 - (ii) bảo đảm cho Nhà thầu tránh khỏi tất cả các trách nhiệm và nghĩa vụ pháp lý phát sinh từ Hợp đồng hoặc có liên quan đến Hợp đồng và từ những hậu quả của bất kỳ lỗi nào của Nhà thầu phụ trong việc thực hiện các trách nhiệm hoặc hoàn thành các nghĩa vụ đó, và
 - (iii) được thanh toán khi và chỉ khi Nhà thầu nhận được thanh toán từ Chủ đầu tư cho các khoản nợ đến hạn theo Hợp đồng thầu phụ được tham chiếu ở Khoản 5.3 [*Thanh toán cho Nhà thầu phụ được chỉ định*].

5.3

Thanh toán cho Nhà thầu phụ được chỉ định

Nhà thầu phải Thanh toán cho Nhà thầu phụ được chỉ định các khoản tiền được ghi trong các hóa đơn của Nhà thầu phụ được chỉ định được phê duyệt bởi Nhà thầu mà Nhà tư vấn xác định là phải trả theo hợp đồng thầu phụ. Các khoản tiền này cộng với các khoản thanh toán khác sẽ được đưa vào trong Giá Hợp đồng theo mục (b) của Khoản 13.5 [*Khoản Tạm tính*], trừ trường hợp được nêu trong Khoản 5.4 [*Bảng chứng Thanh toán*].

5.4

Bằng chứng Thanh toán

Trước khi phát hành Chứng nhận Thanh toán bao gồm khoản tiền phải trả cho Nhà thầu phụ được chỉ định, Nhà tư vấn có thể yêu cầu Nhà thầu cung cấp bằng chứng hợp lý rằng Nhà thầu phụ được chỉ định đã nhận được tất cả các khoản tiền đến hạn thanh toán trong các Chứng nhận Thanh toán trước đó, trừ đi khoản khấu trừ dùng làm khoản tiền giữ lại hoặc khoản khác. Trừ khi Nhà thầu:

- (a) nộp cho Nhà tư vấn bằng chứng hợp lý này, hoặc
- (b) (i) thuyết phục Nhà tư vấn bằng văn bản rằng Nhà thầu được quyền giữ lại hoặc từ chối thanh toán các khoản này, và
 - (ii) gửi cho Nhà tư vấn bằng chứng hợp lý rằng Nhà thầu phụ được chỉ định đã được thông báo về việc Nhà thầu được hưởng quyền đó.

khi đó Chủ đầu tư có thể (theo sự suy xét của mình) thanh toán, trực tiếp cho Nhà thầu phụ được chỉ định, một phần hoặc toàn bộ các khoản tiền đã được xác nhận trước đây (trừ đi các khoản khấu trừ) là khoản tiền phải trả cho Nhà thầu phụ được chỉ định và khoản tiền mà Nhà thầu đã không trình được các bằng chứng như được nêu ở mục (a) hoặc (b) trên đây. Nhà thầu sau đó phải thanh toán lại, cho Chủ đầu tư, khoản tiền đã được thanh toán trực tiếp cho Nhà thầu phụ được chỉ định bởi Chủ đầu tư.

6 Nhân viên và Người lao động

6.1

Tuyển dụng Nhân viên và Người lao động

Trừ khi có quy định khác trong Chỉ dẫn kỹ thuật, Nhà thầu phải thu xếp việc thuê nhân viên và người lao động, người địa phương hay ở nơi người khác, và trả lương, bố trí ăn ở và đi lại và, nếu phù hợp, nhà ở cho họ.

Nhà thầu được khuyến khích, trong phạm vi có thể thực hiện được và hợp lý, thuê nhân viên và người lao động với trình độ và kinh nghiệm phù hợp từ nguồn lực của Nước sở tại.

6.2

Mức lương và Điều kiện cho Người lao động

Nhà thầu phải trả mức lương và tuân theo các điều kiện lao động, không thấp hơn so với các mức lương và điều kiện cho người lao động được quy định cho các nghề và ngành nghề của người lao động khi thực hiện công việc. Nếu không có quy định về mức lương hoặc điều kiện lao động nào mà có thể áp dụng được, thì Nhà thầu sẽ áp dụng các mức lương và điều kiện cho người lao động, không thấp hơn mức lương và điều kiện cho người lao động chung ở địa phương nơi mà các chủ thuê khác trả cho các nghề và ngành nghề tương tự như của Nhà thầu.

Nhà thầu phải thông báo cho Nhân lực của Nhà thầu về trách nhiệm của họ trong việc trả thuế thu nhập cá nhân tại Nước sở tại có liên quan đến lương, thưởng, trợ cấp và các khoản lợi tức khác phải nộp thuế theo Luật của Nước sở tại trong thời gian bắt buộc, và Nhà thầu phải thực hiện các bổn phận liên quan đến các khoản giảm trừ mà Nhà thầu có thể phải chịu bởi Luật đó.

6.3

Những Người trong Bộ máy Chủ đầu tư

Nhà thầu không được tuyển mộ, hay toan tính tuyển, nhân viên và người lao động là Nhân lực của Chủ đầu tư.

26

6.4 Luật Lao động

Nhà thầu phải tuân thủ tất cả các Luật lao động hiện hành được áp dụng cho Nhân lực của Nhà thầu, bao gồm cả Luật liên quan đến việc làm, sức khỏe, an toàn, phúc lợi, nhập cư, di cư và tất cả các những quyền lợi hợp pháp của họ.

Nhà thầu phải yêu cầu các nhân viên của mình tuân thủ các Luật đang được áp dụng, bao gồm cả những Luật liên quan đến an toàn lao động.

6.5 Thời gian Làm việc

Không được tiến hành làm việc trên Công trường vào những ngày nghỉ của địa phương, hoặc ngoài giờ làm việc bình thường được nêu trong Dữ liệu Hợp đồng, trừ khi:

- (a) có quy định khác trong Hợp đồng,
- (b) có sự chấp thuận của Nhà tư vấn, hoặc
- (c) công việc không thể tránh được, hoặc cần thiết phải làm để bảo vệ cho sự tồn tại hoặc tài sản hay sự an toàn của Công trình, trong trường hợp đó Nhà thầu sẽ phải báo ngay cho Nhà tư vấn.

6.6 Trang bị cho Nhân viên và Người lao động

Trừ khi được quy định khác trong Chỉ dẫn kỹ thuật, Nhà thầu phải cung cấp và duy trì tất cả các điều kiện ăn ở và bảo vệ sức khỏe cần thiết cho Nhân lực của Nhà thầu. Nhà thầu phải cung cấp trang thiết bị cho Nhân viên của Chủ đầu tư như được nêu trong Chỉ dẫn kỹ thuật.

Nhà thầu không được cho phép bất cứ Nhân lực nào của Nhà thầu có chỗ ở tạm thời hoặc vĩnh cửu trong khu vực kết cấu của Công trình Vĩnh cửu.

6.7 Sức khỏe và An toàn lao động

Nhà thầu phải luôn thực hiện những biện pháp phòng ngừa hợp lý để đảm bảo an toàn và sức khỏe cho Nhân lực của Nhà thầu. Bằng việc phối hợp với các cơ quan y tế địa phương, Nhà thầu phải đảm bảo rằng các nhân viên y tế, các phương tiện cấp cứu, phòng chăm sóc người ốm và dịch vụ cấp cứu phải luôn luôn sẵn sàng trên Công trường và tại các nơi ở của Nhân lực của Nhà thầu và Nhân lực của Chủ đầu tư, đồng thời phải có sự sắp xếp phù hợp để đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh, phúc lợi cần thiết và phòng chống được các dịch bệnh.

Nhà thầu phải chỉ định một an toàn viên ở Công trường, chịu trách nhiệm về đảm bảo an toàn và phòng tránh tai nạn. An toàn viên phải có trình độ để đảm nhận trọng trách này, và có quyền đưa ra những hướng dẫn và áp dụng những biện pháp để phòng tránh tai nạn. Trong suốt quá trình thi công Công trình, Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ những điều kiện cần thiết để an toàn viên thực hiện trách nhiệm và quyền hạn này.

Nhà thầu phải gửi cho Nhà tư vấn báo cáo chi tiết về tai nạn càng sớm càng tốt sau khi xảy ra. Nhà thầu phải giữ và gửi những giấy tờ liên quan đến tình trạng sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động, những thiệt hại về mặt tài sản, theo yêu cầu một cách hợp lý của Nhà tư vấn.

Phòng chống HIV - AIDS. Nhà thầu phải thực hiện chương trình nhận thức về HIV-AIDS thông qua một nhà cung cấp dịch vụ được chấp thuận, và phải tiến hành các biện pháp khác được quy định trong Hợp đồng để giảm thiểu rủi ro việc lây truyền virus HIV giữa và trong số Nhân lực của Nhà thầu và cộng đồng địa phương, khuyến khích việc chẩn đoán sớm và hỗ trợ những người mắc bệnh.

Nhà thầu phải trong suốt hợp đồng (bao gồm cả Thời gian Thông báo Sai sót): tiến hành các chiến dịch Thông tin, Giáo dục và Truyền thông (IEC), ít nhất là một tháng một lần, cho toàn bộ nhân viên và người lao động trên Công trường (bao gồm tất cả các nhân viên của Nhà thầu, các Nhà thầu phụ và tất cả nhân lực của Nhà thầu khác hoặc của Chủ đầu tư, tất cả các lái xe tải và đội ngũ thực hiện việc vận chuyển tới Công trường phục vụ thi công xây dựng) và các cộng đồng địa phương lân cận, liên quan đến các rủi ro, nguy cơ và ảnh hưởng, và những biện pháp phòng tránh thích hợp có liên quan đến các Bệnh lây truyền qua đường Tình dục (STD) - hoặc các Nhiễm khuẩn lây qua đường Tình dục (STI) nói chung và HIV/AIDS nói riêng; (ii) cung cấp bao cao su phù hợp cho nam và nữ cho tất cả nhân viên và người lao động trên Công trường; và (iii) cung cấp sàng lọc STI và HIV/AIDS, chẩn đoán, tư vấn và chỉ dẫn đến chương trình quốc gia về STI và HIV/AIDS, (trừ khi được thỏa thuận khác) cho tất cả các nhân viên và người lao động trên Công trường.

Trong kế hoạch thực hiện cần trình nộp cho việc thi công Công trình theo Khoản 8.3 Nhà thầu phải đưa vào chương trình giảm thiểu cho các nhân viên và người lao động trên Công trường và gia đình của họ liên quan đến Nhiễm khuẩn lây qua đường Tình dục (STI) và các Bệnh lây truyền qua đường Tình dục (STD) gồm cả HIV/AIDS. Chương trình giảm thiểu STI, STD và HIV/AIDS phải chỉ ra khi nào, bằng cách nào và với chi phí nào mà Nhà thầu dự kiến để đáp ứng được các yêu cầu của Khoản này và những chi tiết liên quan. Đối với mỗi phần, chương trình phải nêu chi tiết các nguồn lực cần được cung cấp hoặc sử dụng và mọi công tác thầu phụ liên quan được đề xuất. Chương trình cũng phải bao gồm điều khoản của chi phí chi tiết dự tính với tài liệu hỗ trợ. Việc thanh toán cho Nhà thầu cho việc chuẩn bị và thực hiện chương trình này không được vượt quá Khoản Tạm tính được dành cho mục đích này.

6.8

Kiểm soát của Nhà thầu

Trong suốt quá trình thi công Công trình, và cả thời gian cần thiết sau đó để hoàn thành các nghĩa vụ của Nhà thầu, Nhà thầu phải có sự kiểm soát cần thiết để lên kế hoạch, sắp xếp, chỉ đạo, quản lý, kiểm tra và thử nghiệm công việc.

Việc kiểm soát phải được giao cho các nhân viên với đầy đủ số lượng có đủ kiến thức về ngôn ngữ giao tiếp (được quy định trong Khoản 1.4 [*Lược và Ngôn ngữ*] và có kiến thức về xây dựng công trình (bao gồm các biện pháp và các kỹ thuật cần thiết, những khó khăn có thể gặp phải và biện pháp để phòng tai nạn), để đáp ứng yêu cầu Công trình cũng như việc thi công Công trình được an toàn.

6.9

Nhân lực của Nhà thầu

Nhân lực của Nhà thầu phải có trình độ chuyên môn, kỹ năng và kinh nghiệm phù hợp tương xứng về nghề nghiệp hoặc công việc của mình. Nhà tư vấn có thể yêu cầu Nhà thầu điều chuyển đi (hay tác động để điều chuyển đi) bất cứ nhân lực nào ở Công trường hay Công trình, kể cả Đại diện của Nhà thầu, nếu những người đó:

- (a) khăng khăng giữ thái độ sai trái hoặc thiếu cẩn thận,
- (b) thực hiện nhiệm vụ một cách thiếu năng lực hoặc cẩu thả,
- (c) không tuân thủ bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng, hoặc
- (d) cố ý làm những việc gây phương hại đến an toàn, sức khỏe, hoặc bảo vệ môi trường.

Nếu như vậy, Nhà thầu sẽ chỉ định (hoặc buộc phải chỉ định) một người khác thích hợp để thay thế.

6.10 Báo cáo về Nhân lực và Thiết bị của Nhà thầu	<p>Nhà thầu phải nộp cho Nhà tư vấn báo cáo chi tiết về số lượng của từng cấp bậc Nhân lực của Nhà thầu và của từng loại Thiết bị của Nhà thầu có trên Công trường. Báo cáo chi tiết phải được gửi hàng tháng theo lịch, theo biểu mẫu mà Nhà tư vấn đã quy định, cho đến khi Nhà thầu hoàn thành tất cả các công việc còn dở dang vào ngày hoàn thành công trình được nêu trong Chứng chỉ Nghiệm thu Công trình.</p>
6.11 Hành vi Gây rối	<p>Nhà thầu phải luôn luôn có mọi biện pháp thích hợp để tránh bất kỳ các hành vi phi pháp nào, gây rối hoặc mất trật tự nào do hoặc giữa nhân viên của Nhà thầu gây ra, và để giữ sự yên ổn và bảo vệ sự yên bình cho người và tài sản ở trên và gần Công trường.</p>
6.12 Nhân sự người Nước ngoài	<p>Nhà thầu có thể đưa đến Nước sở tại bất kỳ nhân sự người nước ngoài nào cần thiết cho việc thi công Công trình trong phạm vi được Luật áp dụng cho phép. Nhà thầu phải đảm bảo những người này được cấp visa cư trú và giấy phép làm việc theo yêu cầu. Chủ đầu tư phải, nếu được yêu cầu bởi Nhà thầu, cố gắng hết sức để hỗ trợ Nhà thầu một cách nhanh chóng và khẩn trương trong việc xin cấp phép từ bất kỳ địa phương, bang, quốc gia hoặc chính quyền nào được yêu cầu cho việc đưa vào nhân lực của Nhà thầu.</p> <p>Nhà thầu phải chịu trách nhiệm cho việc đưa những người này về nơi mà họ được tuyển dụng hoặc nơi sinh sống của họ. Trong trường hợp xảy ra tử vong ở Nước sở tại của bất kỳ người nào trong số này hoặc các thành viên trong gia đình của họ, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm tương tự trong việc sắp xếp hợp lý việc hồi hương hoặc chôn cất họ.</p>
6.13 Cung cấp Thực phẩm	<p>Nhà thầu phải thu xếp việc cung cấp đầy đủ các loại thực phẩm phù hợp như được quy định trong Chỉ dẫn kỹ thuật với giá cả hợp lý cho Nhân lực của Nhà thầu để phục vụ mục đích của hoặc có liên quan đến Hợp đồng.</p>
6.14 Cung cấp Nước	<p>Nhà thầu phải, có lưu ý đến các điều kiện địa phương, cung cấp đầy đủ nước uống và các loại nước khác phục vụ cho Nhân lực của Nhà thầu trên Công trường.</p>
6.15 Biện pháp chống Côn trùng và Sâu bọ gây hại	<p>Nhà thầu phải luôn luôn thực hiện việc phòng ngừa cần thiết để bảo vệ Nhân lực của Nhà thầu được thuê làm việc trên Công trường khỏi côn trùng và các loại sâu bọ gây hại, và để giảm thiểu mối nguy hiểm tới sức khỏe của họ. Nhà thầu phải tuân thủ tất cả các quy định của cơ quan y tế địa phương, bao gồm cả việc sử dụng thuốc trừ sâu nếu thích hợp.</p>
6.16 Đồ uống có Cồn và Chất kích thích	<p>Ngoài những gì Luật pháp Nước sở tại quy định, Nhà thầu không được nhập khẩu, bán, trao tặng, trao đổi hoặc vứt bỏ bất kỳ loại đồ uống có cồn hoặc chất kích thích nào, hoặc cấp phép hay cho phép việc nhập khẩu, bán, trao tặng, trao đổi hay vứt bỏ những thứ đó bởi Nhân lực của Nhà thầu.</p>

6.17 Vũ khí và Đạn được	Nhà thầu không được đưa, trao đổi, hoặc vứt bỏ, cho bất kỳ người nào, bất kỳ loại vũ khí hay đạn được nào, hoặc cho phép Nhân lực của Nhà thầu làm việc đó.
6.18 Phong tục Lễ hội và Tôn giáo	Nhà thầu phải tôn trọng các lễ hội, những ngày nghỉ và nghi lễ tôn giáo cũng như các phong tục khác được công nhận ở Nước sở tại.
6.19 Thu xếp Tang lễ	Nhà thầu phải chịu trách nhiệm, trong phạm vi các quy định địa phương yêu cầu, thu xếp tang lễ cho bất kỳ nhân viên bản địa nào có thể bị tử vong trong quá trình thi công Công trình.
6.20 Lao động Cường bức	Nhà thầu không được tuyển dụng lao động cưỡng bức, bao gồm bất kỳ công việc hoặc dịch vụ nào, mà không được thực hiện một cách tự nguyện, bị bắt buộc từ một cá nhân bị đe dọa vũ lực hoặc bị phạt, và tất cả các lao động không tự nguyện hoặc bị ép buộc khác, ví dụ như lao động giao kèo, lao động lệ thuộc hoặc các kiểu hợp đồng lao động tương tự.
6.21 Lao động Trẻ em	Nhà thầu không được bóc lột lao động trẻ em, hoặc có thể gây nguy hiểm, hoặc can thiệp vào, giáo dục của trẻ em, hoặc gây hại đến sức khỏe hoặc thể chất, tinh thần, trí tuệ, đạo đức hoặc phát triển xã hội của trẻ em. Nếu luật lao động phù hợp của Nước sở tại có các điều khoản cho việc tuyển dụng trẻ em, Nhà thầu phải tuân theo các luật hiện hành áp dụng cho Nhà thầu. Không được phép thuê trẻ em dưới 18 tuổi làm những công việc nguy hiểm.
6.22 Hồ sơ Tuyển dụng Công nhân	Nhà thầu phải lưu giữ các hồ sơ tuyển dụng công nhân hoàn chỉnh và chính xác trên Công trường. Hồ sơ phải bao gồm tên, tuổi, giới tính, thời lượng làm việc và mức lương chi trả cho tất cả các công nhân. Các hồ sơ này phải được tổng kết hàng tháng và được trình nộp cho Nhà tư vấn. Các hồ sơ này phải được đưa vào các báo cáo chi tiết được trình nộp bởi Nhà thầu theo Khoản 6.10 [<i>Báo cáo về Nhân lực và Thiết bị của Nhà thầu</i>].
6.23 Tổ chức của Công nhân	Ở những nước mà luật lao động tương ứng công nhận các quyền của công nhân được thành lập và tham gia các tổ chức của công nhân theo lựa chọn của mình mà không bị can thiệp và theo thỏa ước tập thể, Nhà thầu phải tuân theo những luật lệ này. Nếu luật lao động tương ứng hạn chế một cách căn bản các tổ chức của công nhân, Nhà thầu phải cho phép các phương thức thay thế để Nhân lực của mình thể hiện sự bất bình của họ và bảo vệ các quyền của họ về các điều kiện làm việc và các điều khoản tuyển dụng. Trong một trong hai trường hợp nêu trên, và nếu luật lao động tương ứng không đề cập, Nhà thầu không được ngăn cản Nhân lực của mình trong việc thành lập và tham gia vào các tổ chức của công nhân bằng lựa chọn của mình hoặc theo thỏa ước tập thể, và không được phân biệt đối xử hay trù dập Nhân sự của mình khi họ tham gia, hoặc mong muốn tham gia, vào các tổ chức hoặc thỏa ước tập thể như vậy. Nhà thầu phải cam kết với các đại diện của công nhân. Các tổ chức của Công nhân được trông đợi là đại diện một cách công bằng cho công nhân trong lực lượng lao động.

6.24

Không phân biệt đối xử và Cơ hội công bằng

Nhà thầu không được thực hiện các quyết định tuyển dụng dựa trên các đặc điểm cá nhân không liên quan đến các yêu cầu vốn có của công việc. Nhà thầu phải dựa trên mối liên hệ tuyển dụng với nguyên tắc cơ hội ngang bằng và đối xử công bằng, và không được phân biệt đối xử về các khía cạnh liên quan đến việc thuê nhân công, bao gồm việc tuyển dụng và thuê mướn, chế độ đãi ngộ (bao gồm lương và phúc lợi), các điều kiện làm việc và các điều khoản của việc tuyển dụng, cơ hội được đào tạo, thăng tiến, chấm dứt việc tuyển dụng hoặc hưu trí, và kỷ luật. Ở các nước mà luật lao động liên quan quy định không phân biệt đối xử trong việc tuyển dụng, Nhà thầu phải tuân theo luật này. Nếu luật lao động liên quan không đề cập đến việc không phân biệt đối xử trong việc tuyển dụng, Nhà thầu phải đáp ứng các yêu cầu của Khoản này. Những biện pháp bảo vệ hoặc hỗ trợ đặc biệt để khắc phục sự phân biệt đối xử trong quá khứ hoặc lựa chọn một công việc cụ thể dựa trên các yêu cầu vốn có của công việc sẽ không được coi là sự phân biệt đối xử.

7

Thiết bị, Vật liệu và Tay nghề

7.1

Cách thức Thực hiện

Nhà thầu phải thực hiện việc chế tạo Thiết bị, sản xuất và gia công Vật liệu, và tất cả các công việc khác cho Công trình:

- (a) theo cách thức (nếu có) được quy định trong Hợp đồng,
- (b) với tay nghề thành thạo và một cách cẩn thận, phù hợp với cách làm tốt đã được thừa nhận, và
- (c) với các trang thiết bị phù hợp và các Vật liệu không nguy hiểm, trừ khi được quy định khác trong Hợp đồng.

7.2

Mẫu thử

Nhà thầu phải nộp các mẫu Vật liệu dưới đây, và các thông tin liên quan, cho Nhà tư vấn chấp thuận trước khi sử dụng Vật liệu trong hoặc cho Công trình;

- (a) các mẫu Vật liệu tiêu chuẩn của nhà sản xuất và các mẫu được quy định trong Hợp đồng, và Nhà thầu phải chịu mọi chi phí, và
- (b) các mẫu bổ sung được Nhà tư vấn chỉ dẫn như là một sự Thay đổi.

Từng mẫu phải được dán nhãn xuất xứ và mục đích sử dụng dự kiến trong Công trình.

7.3

Kiểm định

Nhân lực của Chủ đầu tư trong mọi thời điểm thích hợp phải:

- (a) được quyền tiếp cận tất cả các bộ phận của Công trường và các địa điểm khai thác Vật liệu tự nhiên, và
- (b) trong quá trình sản xuất, gia công, chế tạo và xây dựng (tại Công trường hay ở nơi khác) được quyền kiểm tra, kiểm định, đo lường và thử nghiệm vật liệu, tay nghề, và kiểm tra quá trình chế tạo Thiết bị, sản xuất và gia công Vật liệu.

Nhà thầu phải tạo mọi điều kiện cho Nhân lực của Chủ đầu tư thực hiện các hoạt động này, bao gồm việc cung cấp đường ra vào, trang thiết bị, giấy phép và thiết

bị an toàn. Những hoạt động này không làm giảm đi bất cứ nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào của Nhà thầu.

Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn biết khi bất cứ công việc nào như vậy đã xong và trước khi được che lấp, che khuất hoặc đóng gói để lưu kho hoặc vận chuyển. Khi đó Nhà tư vấn phải tiến hành ngay việc kiểm tra, giám định, đo lường hoặc kiểm định không được chậm trễ mà không có lý do chính đáng, hoặc thông báo ngay cho Nhà thầu là Nhà tư vấn không đòi hỏi phải làm như vậy. Trường hợp Nhà thầu không thông báo thì, nếu và khi Nhà tư vấn yêu cầu, Nhà thầu phải tháo dỡ phần che phủ, sau đó làm lại và hoàn thiện bằng chi phí của Nhà thầu.

7.4

Thử nghiệm

Khoản này sẽ được áp dụng cho tất cả các thử nghiệm được nêu trong Hợp đồng, ngoài Thử nghiệm sau khi Hoàn thành (nếu có).

Trừ khi có quy định khác trong Hợp đồng, Nhà thầu phải cung cấp các công cụ, sự trợ giúp, tài liệu và các thông tin khác, điện, thiết bị, nhiên liệu, vật dụng, dụng cụ, nhân công, vật liệu và nhân lực có trình độ và kinh nghiệm, mà cần thiết để tiến hành những thử nghiệm cụ thể một cách hiệu quả. Nhà thầu phải thống nhất với Nhà tư vấn về thời gian, địa điểm tiến hành thử nghiệm cụ thể của Thiết bị, Vật liệu và các bộ phận khác của Công trình.

Nhà tư vấn, theo Điều 13 [*Thay đổi và Điều chỉnh*], có thể thay đổi vị trí hoặc các chi tiết của các thử nghiệm quy định, hoặc chỉ dẫn cho Nhà thầu tiến hành các thử nghiệm bổ sung. Nếu những thử nghiệm bổ sung hoặc đã được thay đổi trên cho thấy Thiết bị, Vật liệu hoặc tay nghề đã được thử nghiệm không phù hợp với Hợp đồng, thì các chi phí cho việc tiến hành Thay đổi này sẽ do Nhà thầu chịu, bất kể những quy định khác của Hợp đồng.

Nhà tư vấn phải thông báo trước 24 giờ cho Nhà thầu về ý định của mình là sẽ tham gia vào cuộc thử nghiệm. Nếu như Nhà tư vấn không tham gia vào cuộc thử nghiệm tại địa điểm và thời gian đã thỏa thuận, Nhà thầu có thể tiến hành thử nghiệm, trừ khi có sự chỉ dẫn khác từ phía Nhà tư vấn, và các cuộc thử nghiệm coi như đã được tiến hành với sự có mặt của Nhà tư vấn.

Nếu Nhà thầu bị chậm trễ và/hoặc phải chịu các Chi phí do tuân thủ các chỉ dẫn của Nhà tư vấn hay do sự chậm trễ thuộc trách nhiệm của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn, và có quyền theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] được:

- (a) gia hạn thời gian để bù lại cho sự chậm trễ này, nếu như việc hoàn thành bị chậm hoặc sẽ bị chậm theo Khoản 8.4 [*Gia hạn Thời gian Hoàn thành*], và
- (b) thanh toán mọi Chi phí phát sinh cộng với tiền lãi, được tính vào Giá Hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo, Nhà tư vấn phải thực hiện theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để đồng ý hoặc quyết định các vấn đề này.

Nhà thầu phải trình ngay cho Nhà tư vấn các báo cáo có xác nhận về các cuộc thử nghiệm. Khi các thử nghiệm quy định đã được hoàn thành, Nhà tư vấn phải công nhận chứng chỉ thử nghiệm của Nhà thầu, hoặc cấp chứng chỉ cho Nhà thầu về kết quả đó. Nếu như Nhà tư vấn không tham gia vào các cuộc thử nghiệm, coi như họ đã chấp nhận các báo cáo là chính xác.

7.5

Từ chối

Nếu như kết quả của cuộc kiểm tra, giám sát, đo lường hay thử nghiệm cho thấy bất kỳ Thiết bị, Vật liệu hoặc tay nghề nào có lỗi hoặc không phù hợp với Hợp đồng, Nhà tư vấn có thể từ chối Thiết bị, Vật liệu hoặc tay nghề bằng cách thông báo cho Nhà thầu kèm theo lý do. Nhà thầu phải sửa chữa sai sót ngay lập tức và đảm bảo rằng các mục đã bị từ chối được sửa phù hợp với Hợp đồng.

Nếu Nhà tư vấn yêu cầu Thiết bị, Vật liệu hoặc tay nghề cần được thử nghiệm lại, các cuộc thử nghiệm sẽ được tiến hành lại theo đúng những trình tự và điều kiện trước đó. Nếu như việc từ chối và thử nghiệm lại dẫn đến những chi phí thêm cho Chủ đầu tư, thì Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm thanh toán các chi phí này cho Chủ đầu tư theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*].

7.6

Công tác Sửa chữa

Mặc dù đã có những cuộc thử nghiệm trước đó hay đã cấp chứng chỉ, Nhà tư vấn có thể chỉ dẫn Nhà thầu tiến hành để:

- (a) đưa ra khỏi Công trường hoặc thay thế Thiết bị, Vật liệu không phù hợp với Hợp đồng,
- (b) dỡ bỏ và tiến hành lại bất kỳ công việc nào khác nếu không phù hợp với Hợp đồng, và
- (c) tiến hành mọi công việc khẩn cấp được yêu cầu vì sự an toàn của Công trình do tai nạn, sự việc không lường trước hoặc do nguyên nhân khác.

Nhà thầu phải tuân theo những chỉ dẫn đó trong khoảng thời gian thích hợp, đó là thời gian (nếu có) được xác định trong chỉ dẫn, hoặc phải tiến hành ngay nếu tính chất cấp bách được xác định trong mục (c).

Nếu Nhà thầu không tuân theo chỉ dẫn, Chủ đầu tư sẽ có quyền thuê và trả tiền cho người khác để tiến hành công việc. Trừ phạm vi Nhà thầu được hưởng thanh toán cho công việc, Nhà thầu phải theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] thanh toán cho Chủ đầu tư toàn bộ chi phí do không tuân thủ chỉ dẫn gây ra.

7.7

Quyền sở hữu Thiết bị và Vật liệu

Trừ khi có quy định khác trong Hợp đồng, mỗi hạng mục Thiết bị và Vật liệu, trong phạm vi phù hợp với Luật của Nước sở tại, sẽ trở thành tài sản của Chủ đầu tư, nếu nó có trước thời điểm được nêu dưới đây, mà không bị chiếm giữ và bị cản trở nào khác:

- (a) khi được sử dụng cho Công trình;
- (b) khi Nhà thầu được hưởng thanh toán cho giá trị của Thiết bị và Vật liệu theo Khoản 8.10 [*Thanh toán cho Thiết bị và Vật liệu trong Trường hợp Tạm ngừng công việc*].

7.8

Chi phí khai thác

Trừ khi có quy định khác trong Chỉ dẫn kỹ thuật, Nhà thầu sẽ phải trả chi phí khai thác, tiền thuê và những tiền khác cho:

- (a) Vật liệu tự nhiên lấy từ bên ngoài Công trường, và
- (b) các vật liệu thải do phá dỡ, đào bới và các vật liệu dư thừa khác (có thể là tự nhiên hay nhân tạo), trừ trường hợp có bãi thải trên Công trường được quy định trong Hợp đồng.

8

Bắt đầu công việc, Chậm trễ và Tạm ngừng công việc

8.1

Bắt đầu Công việc

Trừ khi có quy định khác trong các Điều kiện Riêng của Hợp đồng, Ngày Bắt đầu công việc sẽ là ngày mà các điều kiện tiên quyết dưới đây đã được đáp ứng và Nhà thầu đã nhận được thông báo của Nhà tư vấn có ghi nhận thỏa thuận của hai Bên về sự đáp ứng đó và chỉ dẫn bắt đầu Công việc:

- (a) cả hai Bên đều đã ký vào Thỏa thuận Hợp đồng, và nếu được yêu cầu, cần có sự phê duyệt Hợp đồng của các cơ quan chức năng thích hợp của Nước sở tại;
- (b) đã chuyển cho Nhà thầu bằng chứng thích đáng về sự Thu xếp Tài chính của Chủ đầu tư (theo Khoản 2.4 [*Thu xếp Tài chính của Chủ đầu tư*]);
- (c) trừ khi được quy định khác trong Dữ liệu Hợp đồng, tuyến đường ra vào thuận tiện và quyền sở hữu Công trường phải được giao cho Nhà thầu cùng với (các) giấy phép theo mục (a) của Khoản 1.13 [*Tuân thủ Luật pháp*] theo yêu cầu để bắt đầu Công việc;
- (d) xác nhận của Nhà thầu về việc đã nhận được Khoản Tạm ứng theo Khoản 14.2 [*Tạm ứng*] với điều kiện là Nhà thầu đã chuyển giấy bảo lãnh của ngân hàng tương ứng.

Nếu Nhà thầu không nhận được chỉ dẫn đó của Nhà tư vấn trong vòng 180 ngày kể từ ngày Nhà thầu nhận được Thư Chấp thuận, Nhà thầu có Quyền Chấm dứt hợp đồng theo Khoản 16.2 [*Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu*].

Nhà thầu phải bắt đầu tiến hành thi công Công trình nhanh nhất có thể một cách hợp lý sau Ngày Bắt đầu công việc, và phải xây dựng Công trình đúng thời hạn không được chậm trễ.

8.2

Thời gian Hoàn thành

Nhà thầu phải hoàn thành toàn bộ Công trình, và mỗi Hạng mục (nếu có) trong khoảng Thời gian Hoàn thành Công trình hoặc Hạng mục (tùy theo từng trường hợp) bao gồm:

- (a) đã qua Thử nghiệm khi Hoàn thành, và
- (b) hoàn thành tất cả các công việc đã được nêu trong Hợp đồng được quy định cho Công trình hoặc Hạng mục công trình để được xem là đã hoàn thành cho mục đích nghiệm thu theo Khoản 10.1 [*Nghiệm thu Công trình và Hạng mục công trình*].

8.3

Kế hoạch thực hiện

Nhà thầu phải trình cho Nhà tư vấn kế hoạch thực hiện chi tiết trong vòng 28 ngày sau khi nhận được thông báo theo Khoản 8.1 [*Bắt đầu Công việc*]. Nhà thầu cũng phải trình kế hoạch thực hiện đã được sửa đổi nếu kế hoạch trước đó không phù hợp với tiến độ thực tế hoặc không phù hợp với nghĩa vụ của Nhà thầu. Mỗi kế hoạch thực hiện sẽ bao gồm:

- (a) thứ tự công việc mà Nhà thầu dự kiến sẽ tiến hành để thực hiện Công trình, bao gồm thời gian dự tính cho mỗi giai đoạn thiết kế (nếu có), chuẩn bị Tài

liệu của Nhà thầu, mua sắm, chế tạo Thiết bị, vận chuyển đến Công trường, thi công, xây lắp và thử nghiệm.

- (b) mỗi giai đoạn công việc đó do từng Nhà thầu phụ được chỉ định thực hiện (được xác định trong Điều 5 [*Nhà thầu phụ được chỉ định*]).
- (c) quá trình và thời gian kiểm định và thử nghiệm được nêu cụ thể trong Hợp đồng, và
- (d) báo cáo bổ trợ trong đó bao gồm:
 - (i) mô tả chung về các phương pháp mà Nhà thầu định áp dụng, và các giai đoạn chính trong việc thi công Công trình, và
 - (ii) các chi tiết cho thấy sự ước tính hợp lý của Nhà thầu về số lượng mỗi cấp bậc Nhân lực của Nhà thầu và mỗi loại Thiết bị của Nhà thầu, được yêu cầu trên Công trường cho mỗi giai đoạn chính.

Trong vòng 21 ngày sau khi nhận được kế hoạch thực hiện, trừ khi Nhà tư vấn thông báo cho Nhà thầu biết phạm vi mà kế hoạch thực hiện không phù hợp với Hợp đồng, Nhà thầu phải thực hiện theo kế hoạch, và nghĩa vụ khác của Nhà thầu theo Hợp đồng. Nhân lực của Chủ đầu tư căn cứ vào kế hoạch thực hiện để lập kế hoạch cho các hoạt động của họ.

Nhà thầu phải thông báo ngay lập tức cho Nhà tư vấn về các sự việc hoặc tình huống cụ thể có thể xảy ra trong tương lai có tác động xấu, tăng Giá Hợp đồng hoặc làm chậm việc thi công Công trình. Nhà tư vấn có thể yêu cầu Nhà thầu trình bản dự tính về những ảnh hưởng của sự việc hoặc tình huống trong tương lai và/hoặc đề xuất theo Khoản 13.3 [*Thủ tục Thay đổi*].

Bất cứ lúc nào, nếu Nhà tư vấn thông báo cho Nhà thầu rằng kế hoạch thực hiện (trong phạm vi đã quy định) không đúng Hợp đồng hoặc không phù hợp với tiến độ thực tế và dự định của Nhà thầu, thì Nhà thầu phải nộp cho Nhà tư vấn kế hoạch sửa đổi phù hợp với Khoản này.

8.4

Gia hạn Thời gian Hoàn thành

Nhà thầu sẽ được quyền theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] gia hạn Thời gian Hoàn thành nếu và ở phạm vi mà việc hoàn thành cho mục đích của Khoản 10.1 [*Nghiệm thu Công trình và Hạng mục công trình*] đang hoặc sẽ bị chậm trễ do một trong những lý do sau đây:

- (a) có sự Thay đổi (trừ khi việc điều chỉnh Thời gian Hoàn thành đã được thống nhất theo Khoản 13.3 [*Thủ tục Thay đổi*] hoặc thay đổi quan trọng khác về khối lượng của một hạng mục công việc trong Hợp đồng,
- (b) nguyên nhân của sự chậm trễ dẫn đến việc được gia hạn thời gian hoàn thành theo Khoản mục nào đó của Điều kiện này,
- (c) những điều kiện thời tiết xấu bất thường,
- (d) việc thiếu nhân lực hay Hàng hóa Không lường trước được do nguyên nhân dịch bệnh hoặc các hoạt động của chính quyền, hoặc
- (e) bất kỳ sự chậm trễ, trở ngại hoặc ngăn cản nào do Chủ đầu tư, Nhân lực của Chủ đầu tư, hay các Nhà thầu khác của Chủ đầu tư gây ra hoặc bị quy cho.

Nếu Nhà thầu tự coi như mình được quyền gia hạn Thời gian Hoàn thành, Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*]. Khi xác định việc gia hạn thời gian theo Khoản 20.1, Nhà tư vấn phải xem xét lại những quyết định trước đó và có thể tăng, chứ không được giảm, tổng thời gian gia hạn.

8.5

Chậm trễ do Nhà chức trách

Nếu những điều kiện sau đây được áp dụng, cụ thể:

- (a) Nhà thầu đã thực hiện đúng các thủ tục do các cơ quan công quyền hợp pháp tại Nước sở tại quy định,
- (b) Nhà chức trách này làm chậm trễ hoặc gián đoạn công việc của Nhà thầu, và
- (c) việc chậm trễ hoặc gián đoạn công việc đó đã Không lường trước được.

khi đó việc chậm trễ hoặc gián đoạn này sẽ được coi là nguyên nhân gây chậm trễ theo mục (b) của Khoản 8.4 [*Gia hạn Thời gian Hoàn thành*].

8.6

Tiến độ Thực hiện

Nếu, bất cứ lúc nào:

- (a) tiến độ thực tế quá chậm để hoàn thành công việc trong khoảng Thời gian Hoàn thành, và/hoặc
- (b) tiến độ đã bị (hoặc sẽ bị) chậm hơn so với kế hoạch thực hiện theo Khoản 8.3 [*Kế hoạch thực hiện*].

mà không phải do những nguyên nhân đã nêu trong Khoản 8.4 [*Gia hạn Thời gian Hoàn thành*], khi đó Nhà tư vấn có thể hướng dẫn cho Nhà thầu, theo Khoản 8.3 [*Kế hoạch thực hiện*], trình kế hoạch sửa đổi và thuyết minh rõ các biện pháp đã được sửa đổi mà Nhà thầu đề xuất áp dụng để thực hiện tiến độ và hoàn thành trong Thời gian Hoàn thành.

Trừ khi Nhà tư vấn có thông báo khác, Nhà thầu sẽ áp dụng những biện pháp đã được sửa đổi này, trong đó có thể yêu cầu làm thêm giờ và/hoặc tăng Nhân lực của Nhà thầu và/hoặc tăng Hàng hóa, mà Nhà thầu phải chịu rủi ro và mọi chi phí. Nếu những biện pháp sửa đổi này dẫn đến tăng thêm chi phí cho Chủ đầu tư, Nhà thầu phải theo thông báo theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*], thanh toán những chi phí này cho Chủ đầu tư, bổ sung thêm vào những thiệt hại do việc chậm trễ gây ra (nếu có) theo Khoản 8.7 dưới đây.

Các chi phí phụ trội của các biện pháp điều chỉnh bao gồm các biện pháp đẩy nhanh tiến độ, được chỉ dẫn bởi Nhà tư vấn để giảm sự chậm trễ bởi các nguyên nhân được liệt kê theo Khoản 8.4 [*Gia hạn Thời gian Hoàn thành*] phải được chi trả bởi Chủ đầu tư, tuy nhiên, không làm phát sinh bất cứ quyền lợi thanh toán thêm nào khác đối với Nhà thầu.

8.7

Thiệt hại do Chậm trễ

Nếu Nhà thầu không tuân thủ Khoản 8.2 [*Thời gian Hoàn thành*], Nhà thầu phải theo thông báo theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*], trả cho Chủ đầu tư đối với những thiệt hại do chậm trễ này. Những thiệt hại do chậm trễ này sẽ là số tiền được nêu trong Dữ liệu Hợp đồng, sẽ được trả cho tất cả số ngày trong khoảng thời gian giữa Thời gian Hoàn thành và ngày đã nêu trong Chứng chỉ Nghiệm thu công trình. Tuy nhiên, tổng số tiền theo Khoản này sẽ không vượt quá tổng số tiền tối đa do thiệt hại vì chậm trễ gây ra (nếu có) được nêu trong Dữ liệu Hợp đồng.

Những thiệt hại do chậm trễ chỉ là những thiệt hại do Nhà thầu đền bù vì lỗi đã gây ra, chứ không phải là việc chấm dứt theo Khoản 15.2 [*Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư*] trước khi hoàn thành Công trình. Những thiệt hại này không làm giảm nhẹ đi cho Nhà thầu nghĩa vụ hoàn thành Công trình, hoặc bất cứ nhiệm vụ, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào khác theo Hợp đồng.

8.8

Tạm ngừng Công việc

Nhà tư vấn vào bất cứ lúc nào đều có thể yêu cầu Nhà thầu tạm ngừng công việc của một bộ phận hay toàn bộ Công trình. Trong thời gian tạm ngừng đó, Nhà thầu phải bảo vệ, bảo quản và đảm bảo bộ phận hoặc Công trình đó không bị xuống cấp, mất mát hay bị hư hỏng.

Nhà tư vấn cũng có thể thông báo nguyên nhân tạm ngừng công việc. Nếu và ở phạm vi nguyên nhân được thông báo và là trách nhiệm của Nhà thầu, khi đó những Khoản 8.9, 8.10 và 8.11 sẽ không được áp dụng.

8.9

Hậu quả của việc Tạm ngừng

Nếu Nhà thầu bị chậm trễ và/hoặc phải chịu các Chi phí do tuân thủ các yêu cầu của Nhà tư vấn theo Khoản 8.8 [*Tạm ngừng Công việc*] và/hoặc từ việc tiến hành lại công việc, Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn và có quyền theo quy định của Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] được:

- (a) gia hạn thời gian để bù cho chậm trễ này, nếu việc hoàn thành bị chậm hoặc sẽ bị chậm theo Khoản 8.4 [*Gia hạn Thời gian Hoàn thành*], và
- (b) thanh toán mọi Chi phí, được tính vào Giá Hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo này, Nhà tư vấn phải thực hiện theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để đồng ý hoặc quyết định những vấn đề này.

Nhà thầu sẽ không được quyền gia hạn thời gian, hay được thanh toán các Chi phí phát sinh cho việc khắc phục hậu quả do lỗi thiết kế, tay nghề hay vật liệu của Nhà thầu gây ra, hoặc do lỗi của Nhà thầu không bảo vệ, không bảo quản hoặc không đảm bảo theo Khoản 8.8 [*Tạm ngừng Công việc*].

8.10

Thanh toán cho Thiết bị và Vật liệu trong Trường hợp Tạm ngừng

Nhà thầu có quyền được thanh toán cho giá trị của Thiết bị và/hoặc Vật liệu đã không được vận chuyển đến Công trường (vào ngày tạm ngừng công việc) nếu:

- (a) công việc liên quan đến Thiết bị hoặc giao nhận Thiết bị và/hoặc Vật liệu đã bị trì hoãn hơn 28 ngày, và
- (b) Nhà thầu đã chứng minh Thiết bị và/hoặc Vật liệu là tài sản của Chủ đầu tư theo chỉ dẫn của Nhà tư vấn.

8.11

Kéo dài tình trạng Tạm ngừng công việc

Nếu việc tạm ngừng công việc theo Khoản 8.8 [*Tạm ngừng Công việc*] đã diễn ra liên tục quá 84 ngày, Nhà thầu có thể yêu cầu Nhà tư vấn cho phép tiếp tục tiến hành công việc. Nếu Nhà tư vấn không cho phép trong vòng 28 ngày sau khi Nhà thầu đã yêu cầu như vậy, Nhà thầu có thể thông báo cho Nhà tư vấn và coi như việc tạm ngừng công việc hết hiệu lực theo Điều 13 [*Thay đổi và Điều chỉnh*] của hạng mục Công trình bị ảnh hưởng. Nếu việc tạm ngừng công việc ảnh hưởng đến toàn bộ Công trình, Nhà thầu có thể thông báo kết thúc Hợp đồng theo Khoản 16.2 [*Chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu*].

8.12

Tiếp tục tiến hành Công việc

Sau khi đã nhận được sự cho phép hay hướng dẫn tiếp tục công việc, Nhà thầu và Nhà tư vấn sẽ cùng kiểm tra Công trình, Thiết bị và Vật liệu bị ảnh hưởng do tạm ngừng công việc. Nhà thầu phải sửa chữa những chỗ xuống cấp, hư hỏng hay tổn thất đã xảy ra trong thời gian tạm ngừng công việc đối với Công trình, Thiết

bị hoặc Vật liệu sau khi nhận được chỉ dẫn của Nhà tư vấn về ảnh hưởng này theo Điều 13 [*Thay đổi và Điều chỉnh*].

9 Thử nghiệm khi Hoàn thành

9.1

Nghĩa vụ của Nhà thầu

Nhà thầu phải tiến hành Thử nghiệm khi Hoàn thành theo Điều này và Khoản 7.4 [*Thử nghiệm*], sau khi đã cung cấp các tài liệu theo mục (d) Khoản 4.1 [*Nghĩa vụ Chung của Nhà thầu*].

Nhà thầu phải thông báo trước cho Nhà tư vấn tối thiểu 21 ngày về ngày mà Nhà thầu sẵn sàng tiến hành Thử nghiệm khi Hoàn thành. Trừ khi có thỏa thuận khác, Thử nghiệm khi Hoàn thành sẽ được tiến hành trong vòng 14 ngày sau ngày đã thông báo, vào ngày hoặc các ngày mà Nhà tư vấn chỉ dẫn.

Khi xem xét kết quả của Thử nghiệm khi Hoàn thành, Nhà tư vấn sẽ xem xét đến hiệu quả sử dụng Công trình của Chủ đầu tư về vận hành hoặc về các đặc tính khác của Công trình. Ngay sau khi các Công trình, hay Hạng mục đã vượt qua Thử nghiệm khi Hoàn thành, Nhà thầu phải gửi báo cáo kết quả Thử nghiệm đã được chứng nhận này cho Nhà tư vấn.

9.2

Thử nghiệm bị Chậm trễ

Nếu các Thử nghiệm khi Hoàn thành bị quá chậm trễ do Chủ đầu tư, thì Khoản 7.4 [*Thử nghiệm*] (đoạn 5) và/hoặc Khoản 10.3 [*Can thiệp vào Thử nghiệm khi Hoàn thành*] sẽ được áp dụng.

Nếu Thử nghiệm khi Hoàn thành bị quá chậm trễ do Nhà thầu, Nhà tư vấn có thể thông báo yêu cầu Nhà thầu tiến hành các cuộc Thử nghiệm trong vòng 21 ngày sau khi nhận được thông báo. Nhà thầu phải tiến hành các Thử nghiệm vào ngày hoặc các ngày trong thời gian đó được Nhà thầu ấn định và phải thông báo cho Nhà tư vấn.

Nếu Nhà thầu không tiến hành Thử nghiệm khi Hoàn thành trong vòng 21 ngày, thì Nhân lực của Chủ đầu tư có thể tiến hành các cuộc Thử nghiệm mà Nhà thầu phải chịu rủi ro và chi phí. Thử nghiệm khi Hoàn thành này sẽ được coi là đã tiến hành với sự có mặt của Nhà thầu và kết quả Thử nghiệm sẽ được chấp nhận là chính xác.

9.3

Thử nghiệm lại

Nếu Công trình, hay Hạng mục công trình, không vượt qua được Thử nghiệm khi Hoàn thành, thì Khoản 7.5 [*Từ chối*] sẽ được áp dụng, và Nhà tư vấn hoặc Nhà thầu có thể yêu cầu tiến hành lại các cuộc Thử nghiệm không đạt, và Thử nghiệm khi Hoàn thành với các việc có liên quan, theo những quy định và điều kiện tương tự như trước đó.

9.4

Không vượt qua Thử nghiệm khi Hoàn thành

Nếu Công trình, hay Hạng mục công trình vẫn không vượt qua được Thử nghiệm khi Hoàn thành đã làm lại theo Khoản 9.3 [*Thử nghiệm lại*], khi đó Nhà tư vấn có quyền:

- (a) yêu cầu tiếp tục tiến hành Thử nghiệm khi Hoàn thành theo Khoản 9.3;
- (b) nếu việc không vượt qua các cuộc thử nghiệm làm ảnh hưởng cơ bản đến lợi ích của Chủ đầu tư có từ Công trình hay Hạng mục công trình, thì loại bỏ Công trình hoặc Hạng mục công trình (tùy theo từng trường hợp), trong trường hợp đó Chủ đầu tư sẽ có những biện pháp sửa chữa tương tự như mục (c) Khoản 11.4 [*Không Sửa chữa được Sai sót*]; hoặc
- (c) cấp Chứng chỉ Nghiệm thu, nếu Chủ đầu tư yêu cầu.

Trong trường hợp của mục (c), Nhà thầu khi đó phải thực hiện tất cả các nghĩa vụ khác theo Hợp đồng, và Giá Hợp đồng sẽ bị trừ đi một khoản tiền để bù vào số tiền mà Chủ đầu tư bị thiệt hại từ việc giá trị công trình bị giảm đi do việc không vượt qua được thử nghiệm. Trừ khi việc giảm trừ đó do việc không vượt qua này gây ra được nêu cụ thể (hay xác định được phương pháp tính toán) trong Hợp đồng, Chủ đầu tư có thể yêu cầu việc giảm trừ được: (i) hai Bên thỏa thuận (hoàn toàn thỏa mãn chỉ riêng về sự không vượt qua này) và sẽ thanh toán trước khi cấp Chứng chỉ nghiệm thu, hoặc (ii) xác định và thanh toán theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] và Khoản 3.5 [*Quyết định*].

10

Nghiem thu của Chủ đầu tư

10.1

Nghiem thu Công trình và Hạng mục công trình

Trừ khi có quy định khác trong Khoản 9.4 [*Không Vượt qua Thử nghiệm khi Hoàn thành*], Công trình sẽ được Chủ đầu tư nghiệm thu khi (i) Công trình đã được hoàn thành theo đúng Hợp đồng, bao gồm cả những vấn đề được nêu trong Khoản 8.2 [*Thời gian Hoàn thành*] và trừ những nội dung được cho phép trong mục (a) dưới đây và (ii) đã được cấp Chứng chỉ Nghiệm thu hoặc được coi là đã được cấp theo Khoản này.

Nhà thầu có thể bằng cách thông báo cho Nhà tư vấn để xin được cấp Chứng chỉ Nghiệm thu công trình không sớm hơn 14 ngày trước khi, theo Nhà thầu, Công trình đã được hoàn thành và sẵn sàng để nghiệm thu. Nếu Công trình được chia thành các Hạng mục, Nhà thầu có thể bằng cách tương tự xin cấp Chứng chỉ Nghiệm thu cho mỗi Hạng mục.

Trong vòng 28 ngày sau nhận được đề nghị của Nhà thầu, Nhà tư vấn phải:

- (a) cấp Chứng chỉ Nghiệm thu cho Nhà thầu, nêu rõ ngày mà Công trình hay Hạng mục đã được hoàn thành theo Hợp đồng, trừ những công việc nhỏ còn tồn đọng lại và các sai sót về cơ bản không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng Công trình hay các Hạng mục theo mục tiêu đề ra (cho đến khi hoặc trong khi những việc này đang được hoàn thành và các sai sót đang được sửa chữa), hoặc
- (b) bác bỏ đề nghị, và đưa ra lý do và yêu cầu những công việc mà Nhà thầu cần phải làm để được cấp Chứng chỉ Nghiệm thu. Nhà thầu sẽ phải hoàn thành những công việc này trước khi đưa ra thông báo tiếp theo theo Khoản này.

Nếu Nhà tư vấn không cấp Chứng chỉ Nghiệm thu hay bác bỏ đề nghị của Nhà thầu trong thời hạn 28 ngày, và nếu Công trình hay Hạng mục (tùy theo từng trường hợp) về cơ bản đúng với Hợp đồng, Chứng chỉ Nghiệm thu coi như đã được cấp vào ngày cuối cùng của thời hạn này.

10.2

Nghiệm thu Bộ phận Công trình

Nhà tư vấn có thể, theo sự suy xét thận trọng của Chủ đầu tư, cấp Chứng chỉ Nghiệm thu Công trình cho từng phần của Công trình Vĩnh cửu.

Chủ đầu tư sẽ không sử dụng bất cứ phần nào của Công trình (trừ trường hợp sử dụng tạm thời được nêu cụ thể hoặc được quy định trong Hợp đồng hoặc được cả hai Bên đồng ý) trừ khi và cho đến khi Nhà tư vấn đã cấp Chứng chỉ Nghiệm thu cho phần công trình đó. Tuy nhiên, nếu Chủ đầu tư sử dụng bất cứ phần nào của Công trình trước khi Chứng chỉ Nghiệm thu được cấp, thì:

- (a) phần công trình được sử dụng sẽ được coi là đã được nghiệm thu kể từ ngày nó được đưa vào sử dụng.
- (b) Nhà thầu sẽ không chịu trách nhiệm về phần công trình đó kể từ ngày này, khi đó trách nhiệm sẽ thuộc về Chủ đầu tư, và
- (c) nếu Nhà thầu yêu cầu, Nhà tư vấn sẽ cấp Chứng chỉ Nghiệm thu cho phần công trình này.

Sau khi Nhà tư vấn đã cấp Chứng chỉ Nghiệm thu cho một phần Công trình, Nhà thầu phải được trao cơ hội sớm nhất để thực hiện các bước cần thiết để tiến hành những Thử nghiệm khi Hoàn thành còn tồn tại. Nhà thầu phải tiến hành các Thử nghiệm khi Hoàn thành này càng sớm càng tốt trước khi hết hạn của Thời gian Thông báo Sai sót.

Nếu Nhà thầu phải chịu các Chi phí do việc nghiệm thu và/hoặc sử dụng một phần Công trình của Chủ đầu tư, ngoài việc sử dụng được nêu cụ thể trong Hợp đồng hoặc được Nhà thầu đồng ý, khi đó Nhà thầu sẽ (i) thông báo cho Nhà tư vấn và (ii) theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] được quyền thanh toán những Chi phí đó cộng với tiền lãi và được tính vào Giá hợp đồng. Sau khi nhận được thông báo này, Nhà tư vấn phải thực hiện theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để đồng ý hoặc quyết định Chi phí và tiền lãi này.

Nếu Chứng chỉ Nghiệm thu đã được cấp cho một phần Công trình (không phải một Hạng mục), thì những thiệt hại do chậm trễ sau đó để hoàn thành phần còn lại của Công trình sẽ được giảm đi. Tương tự, những thiệt hại do chậm trễ cho phần còn lại của Hạng mục (nếu có) mà phần công trình này thuộc về cũng sẽ được giảm đi. Đối với bất cứ thời gian chậm trễ nào sau ngày được nêu trong Chứng chỉ Nghiệm thu này, việc giảm tỷ lệ của các thiệt hại do chậm trễ sẽ được tính theo tỷ lệ mà giá trị của phần đã được xác nhận mang lại cho Công trình hoặc Hạng mục công trình (tùy từng trường hợp) xét theo tổng thể. Nhà tư vấn phải thực hiện theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để đồng ý hoặc quyết định các tỷ lệ này. Những điều khoản của đoạn này sẽ chỉ áp dụng cho tỷ lệ thiệt hại do chậm trễ theo ngày theo Khoản 8.7 [*Thiệt hại do Chậm trễ*], và sẽ không ảnh hưởng đến số tiền tối đa của các thiệt hại này.

10.3

Can thiệp vào Thử nghiệm khi Hoàn thành

Nếu quá 14 ngày mà Nhà thầu bị cản trở không thể tiến hành Thử nghiệm khi hoàn thành vì nguyên nhân do trách nhiệm Chủ đầu tư, thì khi đó Chủ đầu tư sẽ coi như đã nghiệm thu Công trình hoặc Hạng mục công trình (tùy từng trường hợp) vào ngày mà lẽ ra các Thử nghiệm khi Hoàn thành đã được hoàn tất.

Khi đó Nhà tư vấn sẽ cấp Chứng chỉ Nghiệm thu công trình, và Nhà thầu phải tiến hành ngay các Thử nghiệm khi Hoàn thành càng sớm càng tốt, trước ngày hết hạn

của Thời gian Thông báo Sai sót. Nhà tư vấn sẽ yêu cầu tiến hành các Thử nghiệm khi Hoàn thành bằng cách gửi thông báo trước 14 ngày và theo những điều khoản liên quan của Hợp đồng.

Nếu Nhà thầu bị chậm trễ và/hoặc phải chịu các Chi phí do sự chậm trễ tiến hành Thử nghiệm khi Hoàn thành gây ra, Nhà thầu sẽ thông báo cho Nhà tư vấn biết và có quyền theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] được:

- (a) gia hạn thời gian để bù lại cho sự chậm trễ đó, nếu như việc hoàn thành đang hoặc sẽ bị chậm trễ theo Khoản 8.4 [*Gia hạn Thời gian Hoàn thành*], và
- (b) thanh toán mọi Chi phí phát sinh cộng với tiền lãi, được tính vào Giá Hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo này, Nhà tư vấn phải thực hiện theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để đồng ý hoặc quyết định các vấn đề này.

10.4

Mặt bằng cần phải Phục hồi

Trừ khi có nội dung khác trong Chứng chỉ Nghiệm thu công trình, chứng nhận cho một Hạng mục hay một phần Công trình sẽ không được xem là xác nhận cho việc hoàn thành bất kỳ nền đất hoặc mặt bằng nào cần phục hồi.

11

Trách nhiệm đối với Sai sót

11.1

Hoàn thành Công việc còn Tồn đọng và Sửa chữa Sai sót

Để Công trình và Tài liệu của Nhà thầu, và từng Hạng mục ở trong điều kiện theo Hợp đồng quy định (trừ trường hợp bị rách hay hỏng) vào ngày hết hạn của Thời gian Thông báo Sai sót hoặc ngay khi có thể, Nhà thầu phải:

- (a) hoàn thành các công việc còn tồn đọng vào ngày đã nêu trong Chứng chỉ Nghiệm thu, trong khoảng thời gian hợp lý như theo chỉ dẫn của Nhà tư vấn, và
- (b) thực hiện các công việc được yêu cầu sửa chữa các sai sót hoặc hư hỏng do Chủ đầu tư (hoặc đại diện của Chủ đầu tư) thông báo vào ngày hoặc trước ngày hết hạn Thời gian Thông báo Sai sót của Công trình hay Hạng mục (tùy từng trường hợp).

Nếu xuất hiện sai sót hoặc xảy ra hư hỏng, Chủ đầu tư (hoặc đại diện của Chủ đầu tư) phải gửi thông báo cho Nhà thầu một cách phù hợp.

11.2

Chi phí Sửa chữa Sai sót

Tất cả công việc được nêu trong mục (b) Khoản 11.1 [*Hoàn thành Công việc còn Tồn đọng và Sửa chữa Sai sót*] phải được tiến hành với rủi ro và chi phí của Nhà thầu, nếu và ở mức độ công việc được quy cho là:

- (a) bất kỳ thiết kế nào mà Nhà thầu chịu trách nhiệm,
- (b) Thiết bị, Vật liệu hoặc tay nghề không phù hợp với Hợp đồng, hoặc
- (c) Nhà thầu không tuân thủ bất kỳ nghĩa vụ nào khác.

Nếu và ở mức độ mà công việc đó được quy cho bất kỳ nguyên nhân nào khác, Chủ đầu tư (hoặc đại diện của Chủ đầu tư) phải thông báo ngay cho Nhà thầu, và khi đó sẽ áp dụng Khoản 13.3 [*Thủ tục Thay đổi*].

11.3

Kéo dài Thời gian Thông báo Sai sót

Theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] Chủ đầu tư sẽ được quyền kéo dài Thời gian Thông báo Sai sót với Công trình hoặc Hạng mục công trình nếu và ở mức độ mà Công trình, Hạng mục công trình hay một bộ phận chính của Thiết bị (tùy từng trường hợp, và sau khi đã nghiệm thu) không thể sử dụng được như mục tiêu dự tính do sai sót hoặc hư hỏng được quy cho Nhà thầu. Tuy nhiên, Thời gian Thông báo Sai sót không được kéo dài quá 2 năm.

Nếu việc cung cấp và/hoặc lắp đặt Thiết bị và/hoặc Vật liệu bị tạm ngừng theo Khoản 8.8 [*Tạm ngừng Công việc*] hay Khoản 16.1 [*Quyền Tạm ngừng Công việc của Nhà thầu*], theo Điều này Nhà thầu sẽ không có nghĩa vụ đối với những sai sót hoặc hư hỏng xảy ra quá 2 năm sau khi Thời gian Thông báo Sai sót cho Thiết bị, Vật liệu lẽ ra đã không còn hiệu lực.

11.4

Không Sửa chữa được Sai sót

Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng trong khoảng thời gian hợp lý, Chủ đầu tư (hoặc đại diện của Chủ đầu tư) có thể ấn định ngày để sửa chữa các sai sót hay hư hỏng. Nhà thầu sẽ được thông báo một cách hợp lý về ngày này.

Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng vào ngày đã thông báo và việc sửa chữa này Nhà thầu sẽ phải thực hiện bằng chi phí của mình theo Khoản 11.2 [*Chi phí Sửa chữa Sai sót*], thì Chủ đầu tư (tùy lựa chọn) có thể:

- (a) tự tiến hành công việc hoặc thuê người khác, theo cách thức hợp lý và Nhà thầu phải chịu mọi chi phí, nhưng Nhà thầu sẽ không chịu trách nhiệm về công việc này; và Nhà thầu theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] phải trả cho Chủ đầu tư những chi phí hợp lý phát sinh từ việc Chủ đầu tư sửa chữa các sai sót hoặc hư hỏng;
- (b) yêu cầu Nhà tư vấn đồng ý hoặc quyết định khấu trừ hợp lý từ Giá Hợp đồng theo Khoản 3.5 [*Quyết định*]; hoặc
- (c) nếu sai sót hoặc hư hỏng dẫn đến việc Chủ đầu tư về cơ bản bị mất toàn bộ lợi ích từ Công trình hay phần chủ yếu của Công trình, sẽ chấm dứt Hợp đồng toàn bộ, hoặc phần chủ yếu của Công trình không thể đưa vào sử dụng như mục đích ban đầu. Không ảnh hưởng đến các quyền khác theo Hợp đồng hay không, Chủ đầu tư sẽ được quyền lấy lại toàn bộ số tiền đã trả cho Công trình hoặc một phần Công trình đó (tùy từng trường hợp cụ thể), cộng thêm với phí tổn tài chính và chi phí tháo dỡ, dọn dẹp Công trường và trả lại Thiết bị, Vật liệu cho Nhà thầu.

11.5

Di chuyển Công việc bị Sai sót

Nếu sai sót hoặc hư hỏng không thể khắc phục được khẩn trương ngay trên Công trường và được Chủ đầu tư đồng ý, Nhà thầu có thể chuyển khỏi Công trường các bộ phận Thiết bị bị sai sót hay hư hỏng để sửa chữa. Sự đồng ý này của Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu tăng số tiền Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng bằng chi phí thay thế toàn bộ các hạng mục này, hay cung cấp sự bảo đảm phù hợp khác.

11.6

Thử nghiệm Bổ sung

Nếu việc sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng có thể ảnh hưởng đến sự vận hành của Công trình, Nhà tư vấn có thể yêu cầu tiến hành lại bất cứ cuộc thử nghiệm nào được nêu trong Hợp đồng. Các yêu cầu này sẽ được thông báo trong vòng 28 ngày sau khi đã sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng.

Các thử nghiệm này phải được tiến hành theo các điều kiện được áp dụng cho các thử nghiệm trước, chỉ khác là được tiến hành bằng sự rủi ro và kinh phí của Bên chịu trách nhiệm, theo Khoản 11.2 [*Chi phí Sửa chữa Sai sót*], cho Chi phí Sửa chữa Sai sót.

11.7

Quyền được Tiếp cận công trình

Cho đến khi Chứng nhận Hoàn thành đã được cấp, Nhà thầu phải được quyền tiếp cận Công trình như là yêu cầu hợp lý để thực hiện theo quy định của Điều này, trừ khi không phù hợp với những hạn chế hợp lý về mặt an ninh của Chủ đầu tư.

11.8

Nhà thầu Tìm nguyên nhân

Nếu Nhà tư vấn yêu cầu, Nhà thầu phải tìm nguyên nhân của bất kỳ sai sót nào theo chỉ dẫn của Nhà tư vấn. Trừ khi sai sót đã được sửa chữa bằng chi phí của Nhà thầu theo Khoản 11.2 [*Chi phí Sửa chữa Sai sót*], Chi phí của việc tìm kiếm nguyên nhân cộng với tiền lãi sẽ được đồng ý hoặc quyết định bởi Nhà tư vấn theo Khoản 3.5 [*Quyết định*]; và sẽ được tính vào Giá Hợp đồng.

11.9

Chứng nhận Hoàn thành công trình

Việc thực hiện các nghĩa vụ của Nhà thầu sẽ không được xem là đã hoàn thành cho tới khi Nhà thầu được Nhà tư vấn cấp Chứng nhận Hoàn thành công trình, nêu rõ ngày mà Nhà thầu đã hoàn thành nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng.

Nhà tư vấn phải cấp Chứng nhận Hoàn thành công trình trong vòng 28 ngày sau ngày hết hạn của Thời gian Thông báo Sai sót, hoặc ngay sau khi Nhà thầu cung cấp tất cả Tài liệu của Nhà thầu và tất cả Công trình đã hoàn thành và được thử nghiệm, bao gồm cả việc sửa chữa các sai sót. Một bản sao Chứng nhận Hoàn thành công trình sẽ được gửi cho Chủ đầu tư.

Chỉ có Chứng nhận Hoàn thành công trình mới được xem là nghiệm thu toàn bộ Công trình.

11.10

Nghĩa vụ chưa được Hoàn thành

Sau khi đã cấp Chứng nhận Hoàn thành, mỗi Bên phải chịu trách nhiệm hoàn thành mọi nghĩa vụ vẫn chưa được thực hiện tại thời điểm đó. Với mục đích xác định tính chất và phạm vi các nghĩa vụ chưa được thực hiện, Hợp đồng được xem là vẫn còn hiệu lực.

11.11

Thu dọn Mặt bằng

Khi nhận được Chứng nhận Hoàn thành công trình, Nhà thầu phải dọn khỏi Công trường tất cả các Thiết bị của Nhà thầu, vật tư còn thừa, phế thải và Công trình Tạm còn lại.

Nếu tất cả những hạng mục trên không được dọn khỏi Công trường trong vòng 28 ngày sau khi Nhà thầu nhận được Chứng nhận Hoàn thành công trình, Chủ đầu tư có thể bán hoặc vứt bỏ chúng. Chủ đầu tư có quyền được thanh toán các chi phí phát sinh từ việc bán hoặc vứt bỏ hay lưu các vật dụng đó trên Công trường.

Việc cân đối các khoản tiền thu được từ việc bán các hạng mục trên sẽ được trả cho Nhà thầu. Nếu số tiền này ít hơn các chi phí mà Chủ đầu tư phải trả, Nhà thầu sẽ trả phần chi phí phát sinh dôi ra cho Chủ đầu tư.

12

Đo lường và Đánh giá

12.1

Công trình được Đo lường

Công trình phải được đo lường, và được đánh giá để thanh toán, theo Điều này. Nhà thầu phải nêu rõ trong mỗi hồ sơ đề nghị theo Khoản 14.3 [*Hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận Thanh toán Tạm*], 14.10 [*Đề nghị thanh toán khi Hoàn thành*] và 14.11 [*Hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận Thanh toán Cuối cùng*] khối lượng và các chi tiết cụ thể khác về số tiền mà Nhà thầu cho rằng mình được nhận theo Hợp đồng

Khi Nhà tư vấn yêu cầu đo lường bất kỳ phần nào của Công trình, thông báo hợp lý sẽ được gửi cho Đại diện của Nhà thầu, người này sẽ phải:

- (a) nhanh chóng tham gia hoặc cử đại diện có năng lực khác để hỗ trợ Nhà tư vấn trong công tác đo lường, và
- (b) cung cấp bất kỳ chi tiết nào theo yêu cầu của Nhà tư vấn.

Nếu Nhà thầu không tham gia hoặc không cử người đại diện, việc đo lường được thực hiện bởi (hoặc thay mặt cho) Nhà tư vấn sẽ được công nhận là chính xác.

Trừ khi được quy định khác trong Hợp đồng, bất cứ khi nào các Công trình Vĩnh cửu được đo lường theo hồ sơ, các hồ sơ đó sẽ được lập bởi Nhà tư vấn. Nhà thầu, như và khi được yêu cầu, phải tham dự để kiểm tra và thống nhất các hồ sơ đó cùng Nhà tư vấn, và cùng ký vào hồ sơ nếu thống nhất. Nếu Nhà thầu không tham dự, các hồ sơ sẽ được công nhận là chính xác.

Nếu Nhà thầu kiểm tra và không đồng ý với hồ sơ, và/hoặc không ký vào hồ sơ như đã thoả thuận, thì Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn về những điểm mà hồ sơ được khẳng định là không chính xác. Sau khi nhận được thông báo này, Nhà tư vấn phải xem xét lại hồ sơ và hoặc xác nhận hoặc thay đổi chúng và xác nhận thanh toán cho phần không có tranh cãi. Nếu Nhà thầu không thông báo cho Nhà tư vấn trong vòng 14 ngày sau khi được yêu cầu kiểm tra hồ sơ, hồ sơ sẽ được công nhận là chính xác.

12.2

Phương pháp Đo lường

Trừ khi được quy định khác trong Hợp đồng và không kể đến thông lệ địa phương:

- (a) việc đo lường phải được tiến hành theo khối lượng thực của mỗi hạng mục của Công trình Vĩnh cửu, và
- (b) phương pháp đo lường phải theo Bảng Khối lượng hoặc các Bảng danh mục được áp dụng khác.

12.3

Đánh giá

Ngoại trừ được quy định khác trong Hợp đồng, Nhà tư vấn phải thực hiện theo khoản 3.5 [*Quyết định*] để đồng ý hoặc quyết định Giá Hợp đồng bằng cách đánh giá từng hạng mục công việc, áp dụng việc đo lường đã được thoả thuận hoặc xác định theo Khoản 12.1 và 12.2 ở trên và tỷ lệ và giá thích hợp cho hạng mục đó.

Đối với mỗi hạng mục công việc, tỷ lệ hoặc giá thích hợp của hạng mục phải là tỷ lệ hoặc giá được xác định cho hạng mục đó trong Hợp đồng hoặc, nếu không có hạng mục như vậy, sẽ được xác định theo công việc tương tự.

Bất kỳ hạng mục công việc nào có trong Bảng Khối lượng mà không xác định tỷ lệ hoặc giá đều được coi là đã được bao gồm trong các tỷ lệ hoặc giá khác trong Bảng Khối lượng và sẽ không được thanh toán riêng.

Tuy nhiên, một tỷ lệ hoặc giá mới sẽ là thích hợp cho một hạng mục công việc nếu:

- (a) (i) khối lượng được đo lường của hạng mục thay đổi quá 25% so với khối lượng của hạng mục đó trong Bảng Khối lượng hoặc Bảng danh mục khác,
- (ii) sự thay đổi về khối lượng này nhân với tỷ lệ xác định cho hạng mục này vượt quá 0,25% của Giá trị Hợp đồng được Chấp thuận,
- (iii) sự thay đổi về khối lượng này trực tiếp làm thay đổi Chi phí trên đơn vị khối lượng (đơn giá) của hạng mục đó vượt quá 1%, và
- (iv) hạng mục này không được xác định là “hạng mục giá cố định” trong Hợp đồng;

hoặc

- (b) (i) công việc được chỉ dẫn theo Điều 13 [*Thay đổi và Điều chỉnh*],
- (ii) không có quy định về tỷ lệ hoặc giá cho hạng mục đó trong Hợp đồng, và
- (iii) không có tỷ lệ hoặc giá xác định thích hợp bởi vì hạng mục công việc không cùng tính chất, hoặc không được thực hiện theo các điều kiện tương tự, như mọi hạng mục ở trong Hợp đồng.

Một tỷ lệ hoặc giá mới sẽ được lấy từ các tỷ lệ hoặc giá có liên quan trong Hợp đồng, với các điều chỉnh hợp lý có tính đến cả các vấn đề được miêu tả trong mục (a) và hoặc (b), nếu áp dụng. Nếu không có tỷ lệ hoặc giá có liên quan để suy ra tỷ lệ hoặc giá mới, thì sẽ suy ra từ Chi phí phù hợp để thực hiện công việc, cùng với tiền lãi, có xem xét đến các vấn đề liên quan khác.

Cho đến khi một tỷ lệ hoặc giá thích hợp được thoả thuận hoặc xác định, Nhà tư vấn sẽ xác định một tỷ lệ hoặc giá tạm thời để làm căn cứ cho Chứng nhận Thanh toán Tạm ngay khi công việc đó được bắt đầu.

12.4

Sự Bỏ sót

Bất cứ khi nào sự bỏ sót của bất kỳ công việc nào trở thành một phần (hoặc toàn bộ) sự Thay đổi, mà giá trị của sự thay đổi đó không thoả thuận được, nếu:

- (a) Nhà thầu phải chịu (hoặc đã chịu) chi phí mà, nếu công việc đã không bị bỏ sót, chi phí đó được xem là đã được tính trong một khoản tiền nằm trong Giá trị Hợp đồng được Chấp thuận,
- (b) việc bỏ sót công việc sẽ dẫn tới (hoặc đã dẫn tới) một khoản tiền không nằm trong Giá Hợp đồng; và
- (c) chi phí này không được xem là đã được bao gồm trong việc định giá của bất kỳ công việc thay thế nào.

thì Nhà thầu phải gửi thông báo cho Nhà tư vấn một cách phù hợp, với các chi tiết bổ trợ. Sau khi nhận được thông báo này, Nhà tư vấn phải tiến hành theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để đồng ý hoặc quyết định chi phí này, được tính vào Giá Hợp đồng.

13

Thay đổi và Điều chỉnh

13.1

Quyền Thay đổi

Việc Thay đổi có thể được Nhà tư vấn đưa ra vào bất cứ lúc nào trước khi cấp Chứng chỉ Nghiệm thu Công trình, bằng việc chỉ dẫn hoặc yêu cầu Nhà thầu nộp bản đề xuất.

Nhà thầu phải thực hiện và chịu trách nhiệm đối với mỗi Thay đổi, trừ khi Nhà thầu thông báo ngay cho Nhà tư vấn (với các chi tiết hỗ trợ cụ thể) nêu rằng (i) Nhà thầu không thể có được những Hàng hóa theo yêu cầu cần thiết cho việc Thay đổi, hoặc (ii) những Thay đổi như vậy dẫn đến điều chỉnh đáng kể về trình tự hoặc tiến độ của Công trình. Khi nhận được thông báo này, Nhà tư vấn sẽ hủy bỏ, khẳng định hoặc thay đổi chỉ dẫn.

Mỗi Thay đổi có thể bao gồm:

- (a) thay đổi khối lượng của bất kỳ hạng mục công việc nào có trong Hợp đồng (tuy nhiên, những thay đổi này không nhất thiết tạo thành một sự Thay đổi),
- (b) thay đổi chất lượng và các đặc trưng khác của bất kỳ hạng mục công việc nào,
- (c) thay đổi về cao độ, vị trí và/hoặc kích thước của bất kỳ phần nào của Công trình.
- (d) sự bỏ sót của bất kỳ công việc nào trừ khi công việc đó được tiến hành bởi những người khác.
- (e) bất kỳ công việc, Thiết bị, Vật liệu hoặc các dịch vụ bổ sung nào cần thiết cho Công trình Vĩnh cửu, bao gồm bất kỳ Thử nghiệm khi Hoàn thành có liên quan nào, các hố khoan và các công việc thử nghiệm và thăm dò khác, hoặc
- (f) thay đổi trình tự hoặc thời gian thi công Công trình.

Nhà thầu không được phép có bất kỳ thay đổi và/hoặc điều chỉnh nào đối với Công trình Vĩnh cửu, trừ khi và cho đến khi Nhà tư vấn chỉ dẫn hoặc chấp thuận sự Thay đổi đó.

13.2

Tư vấn về Giá trị công trình

Vào bất cứ lúc nào, Nhà thầu có thể đề đạt lên Nhà tư vấn các kiến nghị bằng văn bản mà (theo ý kiến của Nhà thầu) nếu được áp dụng sẽ, (i) đẩy nhanh tiến độ hoàn thành, (ii) giảm chi phí cho Chủ đầu tư trong việc thi công, bảo trì hoặc vận hành Công trình, (iii) tăng hiệu quả hoặc giá trị của Công trình đã hoàn thành cho Chủ đầu tư, hoặc (iv) có ích khác cho Chủ đầu tư.

Đề xuất đó sẽ được soạn thảo bằng chi phí của Nhà thầu và sẽ bao gồm các hạng mục được kê ở Khoản 13.3 [*Thủ tục Thay đổi*].

Nếu một đề xuất, được chấp thuận bởi Nhà tư vấn, bao gồm sự thay đổi thiết kế một phần của Công trình Vĩnh cửu, thì trừ khi có sự thỏa thuận khác của hai Bên:

- (a) Nhà thầu phải thiết kế phần này,

- (b) các mục từ (a) đến (d) của Khoản 4.1 [*Nghĩa vụ Chung của Nhà thầu*] sẽ được áp dụng, và
- (c) nếu sự thay đổi này dẫn một sự giảm trừ trong giá hợp đồng của phần đó, Nhà tư vấn phải thực hiện theo khoản 3.5 [*Quyết định*] để đồng ý hoặc quyết định mức phí, được tính vào Giá Hợp đồng. Mức phí này sẽ là một nửa (50%) của khoản chênh lệch giữa các khoản sau:
 - (i) khoản giảm trừ trong giá trị hợp đồng, là kết quả từ việc thay đổi, ngoại trừ các điều chỉnh theo Khoản 13.7 [*Điều chỉnh do Thay đổi về Luật pháp*] và Khoản 13.8 [*Điều chỉnh do Thay đổi về Chi phí*], và
 - (ii) khoản giảm trừ (nếu có) trong giá trị đối với Chủ đầu tư do các công việc bị thay đổi, có tính đến bất kỳ việc giảm chất lượng, tuổi thọ dự kiến, hoặc hiệu quả sử dụng của công trình.

Tuy nhiên, nếu khoản tiền (i) ít hơn khoản (ii), sẽ không có mức phí đó.

13.3

Thủ tục Thay đổi

Nếu Nhà tư vấn yêu cầu phải có đề xuất trước khi hướng dẫn Thay đổi, Nhà thầu phải trả lời bằng văn bản ngay khi có thể, hoặc lý do tại sao Nhà thầu không thể đáp ứng (nếu xảy ra trường hợp đó) hoặc nộp:

- (a) một bản mô tả công việc được đề xuất sẽ tiến hành và kế hoạch thực hiện chúng,
- (b) đề xuất của Nhà thầu về bất kỳ sửa đổi nào cần thiết cho kế hoạch thực hiện theo Khoản 8.3 [*Kế hoạch thực hiện*] và cho Thời gian Hoàn thành, và
- (c) đề xuất của Nhà thầu về việc đánh giá sự Thay đổi.

Nhà tư vấn, ngay sau khi nhận được đề xuất đó (theo Khoản 13.2 [*Tư vấn về Giá trị công trình*] hoặc Khoản khác) phải trả lời nêu rõ chấp thuận hay không chấp thuận, hoặc có ý kiến. Nhà thầu sẽ không được trì hoãn bất kỳ công việc nào trong khi đợi sự phản hồi.

Mỗi chỉ dẫn để thực hiện việc Thay đổi, với bất kỳ yêu cầu nào về việc ghi nhận các Chi phí, sẽ được Nhà tư vấn cung cấp cho Nhà thầu, và Nhà thầu phải xác nhận là đã nhận được.

Mỗi Thay đổi sẽ được đánh giá theo Điều 12 [*Đo lường và Đánh giá*], trừ khi Nhà tư vấn có chỉ dẫn hoặc chấp thuận khác theo Điều này.

13.4

Thanh toán bằng Đồng tiền Áp dụng

Nếu Hợp đồng quy định thanh toán Giá Hợp đồng bằng nhiều hơn một loại đồng tiền, thì bất cứ khi nào việc điều chỉnh được nhất trí, đồng ý hoặc quyết định như đã nêu ở trên, số tiền phải trả bằng mỗi loại đồng tiền áp dụng sẽ được quy định cụ thể. Để đạt được điều này, tỷ lệ tiền tệ thực tế hoặc dự kiến cho Chi phí của công việc khác nhau, và tỷ lệ các loại đồng tiền khác nhau được xác định trong thanh toán Giá Hợp đồng sẽ được tham chiếu.

13.5

Khoản Tạm tính

Mỗi Khoản Tạm tính sẽ chỉ được sử dụng, toàn bộ hay một phần, theo chỉ dẫn của Nhà tư vấn, và Giá Hợp đồng sẽ được điều chỉnh tương ứng. Toàn bộ số tiền Nhà thầu được chi trả sẽ chỉ bao gồm tiền cho công việc, vật liệu cung cấp hay các dịch

vụ mà Khoản Tạm tính có liên quan như Nhà tư vấn đã chỉ dẫn. Đối với mỗi Khoản Tạm tính, Nhà tư vấn có thể chỉ dẫn:

- (a) công việc được Nhà thầu thực hiện (bao gồm Thiết bị, Vật liệu hay các dịch vụ sẽ được cung cấp) và được xác định giá trị theo Khoản 13.3 [*Thủ tục Thay đổi*], và/hoặc
- (b) Thiết bị, Vật liệu hoặc dịch vụ được Nhà thầu mua, từ một Nhà thầu phụ được chỉ định (như được xác định trong Điều 5 [*Nhà thầu phụ được chỉ định*]) hoặc khoản khác, được đưa vào Giá Hợp đồng:
 - (i) số tiền thực tế Nhà thầu đã trả (hoặc sẽ trả), và
 - (ii) khoản cho chi phí quản lý và tiền lãi, được tính theo phần trăm số tiền thực tế này bằng cách áp dụng tỷ lệ phần trăm phù hợp (nếu có) được nêu trong Bảng danh mục thích hợp. Nếu không có tỷ lệ đó, tỷ lệ phần trăm được nêu trong Dữ liệu Hợp đồng sẽ được áp dụng.

Khi Nhà tư vấn yêu cầu, Nhà thầu phải cung cấp báo giá, hóa đơn, phiếu mua hàng, chứng từ kế toán và giấy biên nhận để làm căn cứ.

13.6

Công việc theo Ngày

Đối với công việc nhỏ hoặc phụ, Nhà tư vấn có thể chỉ dẫn việc Thay đổi trên cơ sở ngày công. Khi đó, công việc được định giá theo Bảng kê Ngày công được nêu trong Hợp đồng, và tiến hành những thủ tục tiếp theo. Nếu Bảng kê Ngày công không được nêu trong Hợp đồng, Khoản này sẽ không được áp dụng.

Trước khi đặt mua Hàng hóa cho công việc, Nhà thầu phải trình bảng báo giá cho Nhà tư vấn. Khi đề nghị thanh toán, Nhà thầu phải trình hóa đơn, phiếu mua hàng, chứng từ kế toán hoặc giấy biên nhận của mọi Hàng hóa đó.

Ngoại trừ bất kỳ mục nào chưa đến hạn thanh toán theo Bảng kê Ngày công trên, hàng ngày Nhà thầu sẽ phải gửi các bảng kê chính xác (gồm 02 bản) cho Nhà tư vấn bao gồm các chi tiết sau đây về các nguồn được sử dụng trong việc thực hiện các công việc của ngày trước đó:

- (a) tên, công việc và thời gian của Nhân lực của Nhà thầu,
- (b) số nhận dạng, loại và thời gian của thiết bị Nhà thầu và Công trình Tạm, và
- (c) số lượng và chủng loại Thiết bị và Vật liệu được sử dụng.

Một bản sao của mỗi bản đề nghị, nếu chính xác, hoặc được chấp thuận, sẽ được ký bởi Nhà tư vấn và gửi lại cho Nhà thầu. Nhà thầu sau đó phải trình các bảng kê có giá thành của các nguồn đó lên cho Nhà tư vấn trước khi chúng được đưa vào Bảng đề nghị thanh toán tiếp đó theo Khoản 14.3 [*Đề nghị cấp Chứng nhận Thanh toán Tạm*]

13.7

Điều chỉnh do Thay đổi về Luật pháp

Giá Hợp đồng sẽ được điều chỉnh có tính đến việc tăng hoặc giảm Chi phí phát sinh do sự thay đổi trong Luật pháp của Nước sở tại (bao gồm việc ban hành Luật mới và việc sửa đổi bổ sung các Luật hiện hành) hoặc thay đổi về cách diễn giải những Luật này của cơ quan pháp lý hoặc cơ quan chính phủ, được thực hiện sau Ngày Cơ sở, làm ảnh hưởng đến Nhà thầu trong việc thực hiện những nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Nếu Nhà thầu phải chịu (hoặc sẽ phải chịu) sự chậm trễ và/hoặc những Chi phí phát sinh thêm (hoặc sẽ phát sinh) do việc thay đổi Luật hoặc việc diễn giải về các luật đó, được thực hiện sau Ngày Cơ sở, Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn và có quyền theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] được:

- (a) kéo dài thời gian cho sự chậm trễ đó nếu việc hoàn thành bị (hoặc sẽ bị) chậm theo Khoản 8.4 [*Gia hạn Thời gian Hoàn thành*], và
- (b) thanh toán mọi Chi phí phát sinh, sẽ được tính vào Giá Hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo này, Nhà tư vấn phải thực hiện theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để đồng ý hoặc quyết định các vấn đề này.

Không kể đến những điều nêu trên, Nhà thầu không được hưởng quyền gia hạn thời gian nếu sự chậm trễ chính đáng đã được tính đến trong khi xác định sự gia hạn thời gian trước đó và Chi phí đó sẽ không được thanh toán riêng nếu sự việc tương tự được xét đến trong danh mục đầu vào của bảng dữ liệu điều chỉnh theo các điều khoản của Khoản 13.8 [*Điều chỉnh do Thay đổi về Chi phí*].

13.8

Điều chỉnh do Thay đổi về Chi phí

Trong Khoản này, “bảng số liệu điều chỉnh” có nghĩa là bảng số liệu điều chỉnh hoàn chỉnh cho đồng nội tệ và ngoại tệ được bao gồm trong các Bản danh mục. Nếu không có bảng số liệu điều chỉnh như vậy, Khoản này sẽ không được áp dụng.

Nếu Khoản này được áp dụng, số tiền thanh toán cho Nhà thầu sẽ được điều chỉnh tăng hoặc giảm theo chi phí nhân công, Hàng hóa và các đầu vào khác cho Công trình, bằng việc cộng vào hoặc trừ đi các khoản tiền được xác định theo công thức được nêu trong Khoản này. Trong phạm vi mà việc bù trừ đầy đủ cho việc tăng hoặc giảm Chi phí không được quy định trong các điều khoản của Điều này hoặc các Điều khác, Giá trị Hợp đồng được Chấp thuận sẽ được coi là đã tính cả các khoản dự phòng cho việc tăng hoặc giảm các chi phí.

Việc điều chỉnh sẽ được áp dụng đối với số tiền khác phải thanh toán cho Nhà thầu, như được xác định theo Bảng danh mục phù hợp và được xác nhận trong Chứng nhận Thanh toán, phải được xác định theo công thức cho mỗi loại đồng tiền được thanh toán cho Giá Hợp đồng. Sẽ không áp dụng điều chỉnh đối với các công việc được định giá dựa trên cơ sở của Chi phí hoặc giá cả hiện hành. Công thức tính sẽ ở dạng chung sau:

$$P_n = a + b \frac{L_n}{L_o} + c \frac{E_n}{E_o} + d \frac{M_n}{M_o} + \dots$$

trong đó:

“**P_n**” là số nhân điều chỉnh được áp dụng cho giá trị hợp đồng ước tính bằng đồng tiền tương ứng của công việc được tiến hành trong khoảng thời gian “**n**”, khoảng thời gian này là 1 tháng trừ khi được nêu khác trong Dữ liệu Hợp đồng.

“**a**” là hệ số cố định, được nêu trong bảng số liệu điều chỉnh tương ứng, thể hiện phần không thể điều chỉnh được của các khoản thanh toán theo hợp đồng;

“**b**”, “**c**”, “**d**”,... là các hệ số thể hiện tỷ lệ ước tính của mỗi yếu tố chi phí liên quan đến việc thi công Công trình, được nêu trong bảng các số liệu điều

chỉnh tương ứng; các yếu tố chi phí trong bảng này có thể thể hiện các nguồn lực như lao động, thiết bị và vật liệu;

“Ln”, “En”, “Mn”,... là những chỉ số chi phí hiện hành hoặc giá tham chiếu cho khoảng thời gian “n”, được thể hiện bằng Đồng tiền Thanh toán tương ứng, mỗi chỉ số được áp dụng cho mỗi yếu tố chi phí tương ứng trong bảng vào thời điểm 49 ngày trước ngày cuối cùng của khoảng thời gian đó (mà Chứng nhận Thanh toán có liên quan đến), và

“Lo”, “Eo”, “Mo”,... là những chỉ số chi phí cơ bản hoặc giá tham chiếu, được thể hiện bằng Đồng tiền Thanh toán tương ứng, mỗi chỉ số sẽ được áp dụng cho mỗi yếu tố chi phí tương ứng trong bảng vào Ngày Cơ sở.

Các chỉ số chi phí hoặc giá tham chiếu được nêu trong bảng số liệu điều chỉnh sẽ được sử dụng. Nếu chưa chắc chắn về nguồn của các chỉ số này, các chỉ số này sẽ được Nhà tư vấn xác định. Với mục đích này, việc tham chiếu phải được thực hiện theo giá trị của các chỉ số vào những ngày đã định nhằm làm rõ nguồn của giá tham chiếu; mặc dù những ngày này (vào các giá trị này) có thể không khớp với các chỉ số chi phí cơ bản.

Trong trường hợp mà “chỉ số tiền tệ” không phải là đồng tiền thanh toán tương ứng, mỗi chỉ số phải được chuyển đổi sang đồng tiền thanh toán tương ứng theo tỷ giá bán, được ấn định bởi ngân hàng trung ương của Nước sở tại, của đồng tiền tương ứng này vào ngày nêu trên, ngày mà chỉ số được yêu cầu áp dụng.

Cho đến khi có được mỗi chỉ số chi phí hiện hành, Nhà tư vấn phải xác định một chỉ số tạm thời để cấp Chứng nhận Thanh toán Tạm. Khi chỉ số hiện hành đã có, thì việc điều chỉnh phải được tính toán lại cho phù hợp.

Nếu Nhà thầu không hoàn thành Công trình trong khoảng Thời gian Hoàn thành, việc điều chỉnh giá phải được thực hiện dựa trên (i) mỗi chỉ số hoặc giá được áp dụng vào thời điểm 49 ngày trước ngày hết hạn Thời gian Hoàn thành công trình, hoặc (ii) chỉ số hoặc giá hiện hành: tùy theo cách nào thuận lợi hơn cho Chủ đầu tư.

Các trọng số (hệ số) cho mỗi yếu tố chi phí được nêu trong bảng số liệu điều chỉnh sẽ chỉ được điều chỉnh nếu chúng tỏ ra không hợp lý, không cân đối hoặc không áp dụng được, dẫn đến sự Thay đổi.

14

Giá hợp đồng và Thanh toán

14.1

Giá Hợp đồng

Trừ khi có các quy định khác trong Điều kiện Riêng, thì:

- (a) Giá Hợp đồng phải được thỏa thuận hoặc xác định theo Khoản 12.3 [*Đánh giá*] và được điều chỉnh theo Hợp đồng;
- (b) Nhà thầu phải trả tất cả loại thuế, phí hải quan và các loại phí được yêu cầu phải thanh toán theo Hợp đồng, và Giá Hợp đồng sẽ không được điều chỉnh cho các chi phí này trừ khi được nêu trong Khoản 13.7 [*Điều chỉnh do Thay đổi về Luật pháp*].

- (c) bất kỳ khối lượng công việc nào được nêu trong Bảng Khối lượng hoặc Bảng danh mục khác là khối lượng ước tính và không được coi là khối lượng thực tế và chính xác:
 - (i) của Công trình mà Nhà thầu phải thực hiện, hoặc
 - (ii) theo mục đích của Điều 12 [*Đo lường và Đánh giá*]; và
- (d) Trong vòng 28 ngày sau Ngày Bắt đầu công việc, Nhà thầu phải nộp cho Nhà tư vấn bảng phân tích chi tiết của từng giá trọn gói trong Bảng danh mục. Nhà tư vấn có thể cân nhắc bảng phân tích này khi chuẩn bị Chứng nhận Thanh toán, nhưng không bị ràng buộc bởi bảng đó.

Bất kể các điều khoản của mục (b), Thiết bị của Nhà thầu, bao gồm các linh kiện thiết yếu, được nhập khẩu bởi Nhà thầu cho mục đích duy nhất là thực hiện Hợp đồng phải được miễn thanh toán thuế hải quan và thuế nhập khẩu.

14.2

Tạm ứng

Chủ đầu tư phải tạm ứng, như một khoản vay không lãi suất cho việc huy động nguồn lực và hỗ trợ dòng tiền, khi Nhà thầu trình giấy bảo lãnh theo Khoản này. Tổng số tiền tạm ứng, số lần và thời gian của các đợt tạm ứng (nếu hơn 1 lần) và loại đồng tiền và tỷ lệ được áp dụng, phải như được nêu trong Dữ liệu Hợp đồng.

Trừ khi và cho đến khi Chủ đầu tư nhận được giấy bảo lãnh này, hoặc nếu tổng số tiền tạm ứng không được nêu trong Dữ liệu Hợp đồng, Khoản này sẽ không được áp dụng.

Nhà tư vấn phải chuyển cho Chủ đầu tư và tới Nhà thầu Chứng nhận Thanh toán Tạm cho khoản tạm ứng hoặc cho đợt thanh toán đầu tiên sau khi nhận được Đề nghị thanh toán (theo Khoản 14.3 [*Hồ sơ Đề nghị cấp Chứng nhận Thanh toán Tạm*]) và sau khi Chủ đầu tư nhận được (i) Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng theo Khoản 4.2 [*Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng*] và (ii) bảo lãnh theo số tiền và đồng tiền tương đương với số tiền tạm ứng. Bảo lãnh này phải được cấp bởi một ngân hàng có uy tín hoặc bởi một thể chế tài chính được Nhà thầu lựa chọn, và phải theo biểu mẫu được đính kèm với Điều kiện Riêng hoặc theo biểu mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.

Nhà thầu phải đảm bảo rằng bảo lãnh có giá trị và có hiệu lực cho đến khi khoản tạm ứng đã được hoàn trả hết, nhưng số tiền này có thể được khấu trừ lũy kế theo số tiền mà Nhà thầu hoàn trả như đã nêu trong Chứng nhận Thanh toán. Nếu các điều khoản của bảo lãnh nêu cụ thể ngày hết hạn bảo lãnh, và việc tạm ứng đã không được hoàn trả trước ngày hết hạn 28 ngày, Nhà thầu phải gia hạn hiệu lực của bảo lãnh cho đến khi khoản tạm ứng đã được hoàn trả hết.

Trừ khi có quy định khác trong Dữ liệu Hợp đồng, khoản tạm ứng phải được hoàn trả thông qua các khoản khấu trừ tương ứng từ các khoản thanh toán tạm được xác định bởi Nhà tư vấn theo Khoản 14.6 [*Cấp Chứng nhận Thanh toán Tạm*] như sau:

- (a) các khoản khấu trừ sẽ bắt đầu trong Chứng nhận Thanh toán Tạm tiếp theo, trong đó tổng tất cả các khoản thanh toán tạm được xác nhận (không bao gồm các khoản tạm ứng và các khoản khấu trừ và khoản hoàn trả số

Tiền Giữ lại) lớn hơn ba mươi phần trăm (30%) Giá trị Hợp đồng được Chấp thuận trừ đi Khoản Tạm tính, và

- (b) các khoản khấu trừ sẽ được tính dựa trên tỷ lệ khấu trừ được quy định trong Dữ liệu Hợp đồng của số tiền của mỗi Chứng nhận Thanh toán Tạm (không bao gồm các khoản tạm ứng, khoản khấu trừ cho các lần hoàn trả cũng như các chiết khấu cho số tiền giữ lại) theo đồng tiền và tỷ lệ tiền tạm ứng, cho đến khi khoản tạm ứng đã được hoàn trả hết; với điều kiện là khoản tạm ứng phải được hoàn trả toàn bộ trước thời điểm chín mươi phần trăm (90%) Giá trị Hợp đồng được Chấp thuận trừ đi Khoản Tạm tính đã được xác nhận để thanh toán.

Nếu khoản tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi cấp Chứng chỉ Nghiệm thu Công trình và trước khi chấm dứt Hợp đồng theo Điều 15 [*Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư*], Điều 16 [*Tạm ngừng và Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu*] hoặc Điều 19 [*Bất khả kháng*] (tùy từng trường hợp), khi đó toàn bộ số tiền còn lại sẽ là nợ đến hạn và trong trường hợp chấm dứt hợp đồng theo Điều 15 [*Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu*], trừ Khoản 15.5 [*Quyền Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư khi Thách hợp*], Nhà thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Chủ đầu tư.

14.3

Hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận Thanh toán Tạm

Nhà thầu phải nộp 6 bản Đề nghị thanh toán cho Nhà tư vấn sau khi kết thúc mỗi tháng, theo biểu mẫu mà Nhà tư vấn chấp thuận, trình bày chi tiết các số tiền mà Nhà thầu cho là mình được hưởng, cùng với các tài liệu hỗ trợ bao gồm cả báo cáo về tiến độ của tháng đó theo Khoản 4.21 [*Báo cáo Tiến độ*].

Đề nghị thanh toán sẽ bao gồm những mục sau, nếu áp dụng, những mục này sẽ được nêu cụ thể bằng các loại đồng tiền khác nhau mà Giá Hợp đồng có thể thanh toán, theo tuần tự:

- (a) giá trị hợp đồng ước tính của phần Công trình đã thực hiện và Tài liệu của Nhà thầu được chuẩn bị cho đến cuối tháng (bao gồm cả Thay đổi nhưng không bao gồm các nội dung được nêu trong mục (b) đến (g) dưới đây);
- (b) bất cứ khoản tiền nào được tính thêm vào hay trừ đi do có sự thay đổi về luật pháp và thay đổi về chi phí, theo Khoản 13.7 [*Điều chỉnh do Thay đổi về Luật pháp*] và Khoản 13.8 [*Điều chỉnh do Thay đổi về Chi phí*];
- (c) bất cứ khoản tiền nào bị khấu trừ để giữ lại, được tính toán theo tỷ lệ phần trăm của khoản tiền giữ lại được nêu trong Dữ liệu Hợp đồng đối với tổng số tiền trên, cho đến khi số tiền do Chủ đầu tư giữ lại bằng số tiền giới hạn của Khoản tiền Giữ lại (nếu có) được nêu trong Dữ liệu Hợp đồng;
- (d) bất cứ khoản tiền nào được tính thêm vào hoặc giảm trừ đi cho khoản tạm ứng (nếu có nhiều hơn một đợt) và được khấu trừ cho các lần hoàn trả theo Khoản 14.2 [*Tạm ứng*];
- (e) bất cứ khoản tiền nào được tính thêm hoặc giảm trừ đi đối với Thiết bị và Vật liệu theo Khoản 14.5 [*Thiết bị và Vật liệu dùng cho Công trình*];
- (f) bất cứ khoản tiền nào được tính thêm hoặc giảm trừ đi đều có thể trở thành khoản phải trả theo Hợp đồng hoặc quy định khác, bao gồm các nội dung của Điều 20 [*Khiếu nại, Tranh chấp và Trọng tài*], và
- (g) việc khấu trừ số tiền được xác nhận trong các Chứng nhận Thanh toán trước đó.

14.4

Lịch trình Thanh toán

Nếu Hợp đồng có lịch trình thanh toán nêu cụ thể các đợt sẽ được thanh toán theo Giá Hợp đồng, khi đó trừ khi được nêu khác với quy định trong lịch trình này thì:

- (a) các đợt thanh toán được nêu trong lịch trình thanh toán này sẽ là giá trị công việc ước tính cho mục đích của mục (a) Khoản 14.3 [*Hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận Thanh toán Tạm*];
- (b) Khoản 14.5 [*Thiết bị và Vật liệu dùng cho Công trình*] sẽ không được áp dụng; và
- (c) nếu những đợt thanh toán này không được quy định bằng việc tham chiếu tiến độ thực tế đạt được trong quá trình thi công Công trình, và nếu tiến độ thực tế được phát hiện thấy chậm hoặc nhanh hơn tiến độ của lịch trình thanh toán này, thì khi đó Nhà tư vấn có thể thực hiện theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để đồng ý hoặc quyết định những đợt thanh toán sửa đổi, có tính đến phạm vi mức độ mà tiến độ đang chậm hoặc nhanh hơn so với tiến độ đã được xác định trước đó.

Nếu Hợp đồng không có lịch trình thanh toán, Nhà thầu phải trình Bản Khối lượng không ràng buộc đối với các khoản thanh toán mà Nhà thầu muốn được thanh toán đúng hạn trong mỗi quý. Dự toán đầu tiên phải được trình trong vòng 42 ngày sau Ngày Bắt đầu công việc. Các dự toán điều chỉnh phải được nộp theo định kỳ hàng quý cho đến khi Chứng chỉ Nghiệm thu Công trình đã được cấp.

14.5

Thiết bị và Vật liệu dùng cho Công trình

Nếu áp dụng Khoản này, theo mục (e) Khoản 14.3, Chứng nhận Thanh toán Tạm phải bao gồm, (i) số tiền cho Thiết bị và Vật liệu đã được gửi tới Công trường để được sử dụng cho Công trình Vĩnh cửu, và (ii) khoản khấu trừ khi giá trị hợp đồng của Thiết bị và Vật liệu này được sử dụng làm một phần của Công trình Vĩnh cửu theo mục (a) Khoản 14.3 [*Hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận Thanh toán Tạm*].

Nếu những liệt kê được đề cập tới trong mục (b)(i) hoặc mục (c)(i) dưới đây không có trong Bản danh mục, Khoản này sẽ không được áp dụng.

Nhà tư vấn phải xác định và chứng nhận cho mỗi bổ sung nếu những điều kiện sau đây được thỏa mãn:

- (a) Nhà thầu đã:
 - (i) lưu hồ sơ đầy đủ (bao gồm đơn đặt hàng, giấy biên nhận, các bản kê Chi phí và việc sử dụng Thiết bị và Vật liệu) sẵn sàng cho việc thẩm tra, và
 - (ii) nộp bản đề nghị thanh toán Chi phí mua sắm và vận chuyển Thiết bị và Vật liệu đến Công trường, kèm theo các chứng từ hợp lý;

và hoặc:

- (b) Thiết bị và Vật liệu liên quan:
 - (i) là những thứ được nêu trong Bản danh mục để thanh toán khi đã được vận chuyển đi.
 - (ii) đã được vận chuyển đến Nước sở tại, trên đường tới Công trường, theo đúng Hợp đồng; và

- (iii) được mô tả trong vận đơn sạch hoặc các chứng từ vận tải biển khác, được nộp cho Nhà tư vấn cùng với các chứng từ thanh toán cước vận tải và bảo hiểm, và các tài liệu khác được yêu cầu chính đáng, và giấy bảo lãnh của ngân hàng theo mẫu và được cấp bởi một pháp nhân được Chủ đầu tư chấp thuận theo số tiền và loại đồng tiền tương đương với số tiền đến hạn theo Khoản này; giấy bảo lãnh này có thể theo mẫu tương tự mẫu tham khảo tại Khoản 14.2 [*Tạm ứng*] và sẽ có hiệu lực cho đến khi Thiết bị và Vật liệu được bảo quản đúng cách trên Công trường và được bảo vệ tránh bị mất mát, hư hại hoặc giảm giá trị;

hoặc

- (c) Thiết bị và Vật liệu liên quan:
 - (i) là những thứ được nêu trong Bản danh mục để thanh toán khi được vận chuyển tới Công trường, và
 - (ii) đã được vận chuyển tới và bảo quản đúng cách trên Công trường, được bảo vệ tránh bị mất mát, hư hại hoặc giảm giá trị, và theo đúng Hợp đồng.

Số tiền bổ sung để được chứng nhận phải tương đương với tám mươi phần trăm (80%) chi phí cho Thiết bị và Vật liệu mà Nhà tư vấn xác định (bao gồm cả chi phí vận chuyển tới Công trường), có tính đến các tài liệu được nêu trong Khoản này và của giá trị hợp đồng đối với Thiết bị và Vật liệu.

Loại đồng tiền cho số tiền bổ sung này phải giống như loại đồng tiền trong khoản thanh toán đến hạn khi được đưa vào trong giá trị hợp đồng theo mục (a) Khoản 14.3 [*Đề nghị cấp Chứng nhận Thanh toán Tạm*]. Khi đó, Chứng nhận Thanh toán phải bao gồm cả khoản khấu trừ tương đương với, cùng loại đồng tiền và tỷ lệ, số tiền bổ sung cho Thiết bị và Vật liệu liên quan.

14.6

Cấp Chứng nhận Thanh toán Tạm

Sẽ không có khoản tiền nào được thanh toán cho đến khi Chủ đầu tư đã nhận và chấp thuận Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng. Sau đó, trong vòng 28 ngày sau khi nhận được Đề nghị thanh toán và các tài liệu bổ trợ, Nhà tư vấn phải chuyển Chứng nhận Thanh toán Tạm cho Chủ đầu tư và cho Nhà thầu nêu rõ số tiền nào mà Nhà tư vấn xác định là đến hạn thanh toán, cùng với các chi tiết chứng minh cho bất kỳ khoản khấu trừ hoặc giữ lại nào mà Nhà tư vấn thực hiện trên Đề nghị thanh toán nếu có.

Tuy nhiên, trước khi cấp Chứng chỉ Nghiệm thu Công trình, Nhà tư vấn sẽ không bị bắt buộc phải cấp Chứng nhận Thanh toán Tạm cho số tiền (sau khi trừ đi khoản giữ lại và các khoản khấu trừ khác) ít hơn số tiền tối thiểu của Chứng nhận Thanh toán Tạm (nếu có) được nêu trong Dữ liệu Hợp đồng. Trong trường hợp này, Nhà tư vấn phải thông báo ngay cho Nhà thầu một cách hợp lý.

Chứng nhận Thanh toán Tạm sẽ không bị giữ lại vì bất kỳ lý do nào khác, dù cho:

- (a) nếu bất kỳ mục nào được cung cấp hoặc công việc nào được thực hiện bởi Nhà thầu không đúng với Hợp đồng, chi phí cho việc sửa chữa hay thay

thể có thể bị giữ lại cho đến khi việc sửa chữa hoặc thay thế đã hoàn tất; và/hoặc

- (b) nếu Nhà thầu đã hoặc đang không thực hiện bất kỳ công việc hoặc nghĩa vụ nào theo Hợp đồng, và đã được Nhà tư vấn thông báo như vậy, thì giá trị của công việc hoặc nghĩa vụ này có thể bị giữ lại cho đến khi công việc hoặc nghĩa vụ đó được thực hiện xong.

Nhà tư vấn có thể hiệu chỉnh hoặc sửa đổi bất kỳ Chứng nhận Thanh toán nào cho phù hợp với bất cứ Chứng nhận Thanh toán nào trước đó. Chứng nhận Thanh toán sẽ không được xem là sự chấp thuận, phê duyệt, đồng ý hoặc hài lòng của Nhà tư vấn.

14.7

Thanh toán

Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu:

- (a) đợt tạm ứng đầu tiên trong vòng 42 ngày sau khi phát hành Thư Chấp thuận hoặc trong vòng 21 ngày sau khi nhận được các tài liệu theo Khoản 4.2 [*Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng*] và Khoản 14.2 [*Tạm ứng*], tùy theo việc nào đến sau;
- (b) khoản tiền được xác nhận trong mỗi Chứng nhận Thanh toán Tạm trong vòng 56 ngày sau khi Nhà tư vấn nhận được Đề nghị thanh toán và các tài liệu bổ trợ; hoặc, vào thời điểm mà khoản nợ hoặc tín dụng của Ngân hàng (từ phần mà việc thanh toán cho Nhà thầu đang được thực hiện) bị tạm dừng, số tiền được nêu trong bất kỳ đề nghị thanh toán nào được nộp bởi Nhà thầu trong vòng 14 ngày sau khi đề nghị thanh toán đó được nộp, bất kỳ sự không nhất quán nào được sửa lại trong lần thanh toán tiếp theo cho Nhà thầu; và
- (c) khoản tiền được xác nhận trong Chứng nhận Thanh toán Cuối cùng trong vòng 56 ngày sau khi Chủ đầu tư nhận được Chứng nhận Thanh toán này; hoặc, vào thời điểm mà khoản cho vay hoặc tín dụng của Ngân hàng (từ phần mà việc thanh toán cho Nhà thầu đang được thực hiện) bị tạm dừng, số tiền không có tranh cãi được nêu trong Đề nghị Thanh toán Cuối cùng trong vòng 56 ngày sau khi ra thông báo tạm ngừng công việc theo Khoản 16.2 [*Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu*].

Việc thanh toán số tiền đến hạn phải trả bằng mỗi loại tiền tệ sẽ được chuyển vào tài khoản ngân hàng do Nhà thầu đề nghị, tại nước thanh toán (cho loại đồng tiền này) được nêu cụ thể trong Hợp đồng.

14.8

Thanh toán bị Chậm trễ

Nếu Nhà thầu không nhận được khoản tiền thanh toán theo Khoản 14.7 [*Thanh toán*], Nhà thầu sẽ được quyền nhận các khoản phí tổn tài chính theo lãi suất gộp hàng tháng trên cơ sở khoản tiền chưa được thanh toán trong thời gian chậm trễ. Thời gian này sẽ được coi như bắt đầu từ ngày thanh toán được nêu cụ thể trong Khoản 14.7 [*Thanh toán*], không kể đến (trong trường hợp của mục (b)) ngày mà Chứng nhận Thanh toán Tạm được cấp.

Trừ khi có quy định khác trong Điều kiện Riêng, khoản phí tổn tài chính này sẽ được tính theo lãi suất hàng năm cao hơn ba (điểm) phần trăm lãi suất cơ bản của ngân hàng trung ương ở nước có đồng tiền thanh toán, hoặc nếu không có quy định, sẽ là tỷ giá bán liên ngân hàng, và sẽ được thanh toán bằng đồng tiền đó.

Nhà thầu sẽ được quyền hưởng khoản thanh toán này mà không cần có thông báo hoặc xác nhận chính thức, và không làm ảnh hưởng đến bất kỳ quyền hoặc phương sách nào khác.

14.9

Thanh toán

Khoản tiền Giữ lại

Khi Chứng chỉ Nghiệm thu đã được cấp cho Công trình, một nửa Khoản tiền Giữ lại sẽ được Nhà tư vấn xác nhận để thanh toán cho Nhà thầu. Nếu Chứng chỉ Nghiệm thu được cấp cho Hạng mục công trình hoặc bộ phận Công trình, một tỷ lệ phần trăm của Khoản tiền Giữ lại sẽ được xác nhận và thanh toán. Tỷ lệ này bằng một nửa (50%) của tỷ lệ được tính bằng cách chia giá trị hợp đồng ước tính của Hạng mục hoặc bộ phận Công trình cho Giá Hợp đồng cuối cùng ước tính.

Ngay sau ngày hết hạn cuối cùng của Thời gian Thông báo Sai sót, khoản tiền chưa thanh toán của Khoản tiền Giữ lại sẽ được Nhà tư vấn xác nhận để thanh toán cho Nhà thầu. Nếu Chứng chỉ Nghiệm thu được cấp cho Hạng mục công trình, một tỷ lệ phần trăm của nửa còn lại của Khoản tiền Giữ lại sẽ được xác nhận và thanh toán ngay sau ngày hết hạn của Thời gian Thông báo Sai sót của Hạng mục. Tỷ lệ này bằng một nửa (50%) của tỷ lệ được tính bằng cách chia giá trị hợp đồng ước tính của Hạng mục cho Giá Hợp đồng cuối cùng ước tính.

Tuy nhiên, nếu công việc nào còn chưa được thực hiện theo Điều 11 [*Trách nhiệm đối với Sai sót*], Nhà tư vấn sẽ có quyền từ chối xác nhận chi phí dự tính cho công việc này cho đến khi công việc được tiến hành xong.

Khi tính các tỷ lệ này, không cần xem xét đến bất kỳ điều chỉnh nào theo Khoản 13.7 [*Điều chỉnh do Thay đổi về Luật pháp*] và Khoản 13.8 [*Điều chỉnh do Thay đổi về Chi phí*].

Trừ khi có quy định khác trong Điều kiện Riêng, nếu Chứng chỉ Nghiệm thu đã được cấp cho Công trình và một nửa của Khoản tiền Giữ lại được Nhà tư vấn xác nhận để thanh toán, Nhà thầu có quyền thay thế bảo lãnh; theo mẫu đính kèm trong Điều kiện Riêng hoặc theo mẫu khác được chấp thuận bởi Chủ đầu tư và được cấp bởi một ngân hàng hoặc một tổ chức tài chính có uy tín được Nhà thầu lựa chọn, cho nửa còn lại của Khoản tiền Giữ lại. Nhà thầu phải bảo đảm rằng giấy bảo lãnh có số tiền và loại đồng tiền như nửa còn lại của Khoản tiền Giữ lại và có giá trị và hiệu lực pháp lý cho đến khi Nhà thầu đã thực hiện và hoàn thành Công trình và đã sửa chữa tất cả các thiếu sót, như được quy định cho Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng trong Khoản 4.2. Khi Chủ đầu tư nhận được bảo lãnh theo yêu cầu, Nhà tư vấn sẽ xác nhận và Chủ đầu tư sẽ thanh toán nửa còn lại của Khoản tiền Giữ lại. Việc thanh toán nửa còn lại của Khoản tiền Giữ lại theo bảo lãnh sau đó sẽ thay thế cho việc thanh toán theo đoạn hai của Khoản này. Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo lãnh cho Nhà thầu trong vòng 21 ngày sau khi nhận được bản sao Chứng nhận Hoàn thành.

Nếu Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng được yêu cầu theo Khoản 4.2 theo mẫu bảo lãnh theo yêu cầu, và số tiền được bảo lãnh theo đó khi cấp Chứng chỉ Nghiệm thu lớn hơn một nửa của Khoản tiền Giữ lại, thì sẽ không cần có bảo lãnh cho Khoản tiền Giữ lại đó. Nếu số tiền được bảo lãnh theo Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng khi cấp Chứng chỉ Nghiệm thu ít hơn một nửa Khoản tiền Giữ lại, thì sẽ chỉ yêu cầu Khoản tiền Giữ lại cho khoản chênh lệch giữa một nửa của Khoản tiền Giữ lại và số tiền được bảo lãnh theo Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng.

14.10

Đề nghị thanh toán khi Hoàn thành

Trong vòng 84 ngày sau khi nhận được Chứng chỉ Nghiệm thu Công trình, Nhà thầu phải trình cho Nhà tư vấn 06 bản sao Đề nghị thanh toán khi hoàn thành cùng với các tài liệu bổ trợ theo Khoản 14.3 [*Hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận Thanh toán Tạm*], thể hiện được:

- (a) giá trị của tất cả các công việc được làm đúng với Hợp đồng cho đến ngày được nêu trong Chứng chỉ Nghiệm thu Công trình,
- (b) bất cứ khoản tiền nào khác mà Nhà thầu coi là đến hạn thanh toán, và
- (c) dự tính của bất kỳ khoản tiền nào khác mà Nhà thầu cho là phải trả cho Nhà thầu theo Hợp đồng. Các khoản tiền dự tính sẽ được trình bày riêng trong Đề nghị thanh toán khi hoàn thành này.

Sau đó Nhà tư vấn phải xác nhận cho Nhà thầu theo Khoản 14.6 [*Cấp Chứng nhận Thanh toán Tạm*].

14.11

Hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận Thanh toán Cuối cùng

Trong vòng 56 ngày sau khi nhận được Chứng nhận Hoàn thành, Nhà thầu phải trình cho Nhà tư vấn 06 bản sao dự thảo Đề nghị Thanh toán cuối cùng kèm theo các tài liệu bổ trợ trình bày chi tiết theo mẫu mà Nhà tư vấn đã chấp thuận:

- (a) giá trị của tất cả các công việc đã hoàn thành theo đúng Hợp đồng, và
- (b) bất kỳ khoản tiền nào khác mà Nhà thầu coi là đến hạn thanh toán theo Hợp đồng hoặc các thỏa thuận khác.

Nếu Nhà tư vấn không đồng ý với phần nào hoặc không thể kiểm tra bất cứ phần nào của bản dự thảo đề nghị thanh toán cuối cùng, Nhà thầu phải gửi thêm thông tin khi Nhà tư vấn yêu cầu một cách hợp lý trong vòng 28 ngày kể từ ngày nhận được bản dự thảo đó và phải thay đổi dự thảo theo sự nhất trí của hai bên. Nhà thầu phải chuẩn bị và trình cho Nhà tư vấn Đề nghị Thanh toán Cuối cùng như đã thống nhất. Bản đề nghị đã thống nhất này được gọi là “Đề nghị Thanh toán Cuối cùng” trong Điều kiện Chung này.

Tuy nhiên nếu, sau những cuộc thảo luận giữa Nhà tư vấn và Nhà thầu và có bất kỳ sự điều chỉnh nào trong dự thảo đề nghị thanh toán cuối cùng mà đã được hai bên nhất trí, thấy rõ ràng là còn tồn tại tranh chấp, Nhà tư vấn phải chuyển cho Chủ đầu tư (và gửi cho Nhà thầu 1 bản) Chứng nhận Thanh toán Tạm cho các phần của bản dự thảo đề nghị thanh toán cuối cùng đã được hai bên nhất trí. Sau đó, nếu tranh chấp được giải quyết theo Khoản 20.4 [*Đạt được Quyết định của Ban Tranh chấp*] hoặc Khoản 20.5 [*Hòa giải*], Nhà thầu phải chuẩn bị và nộp cho Chủ đầu tư (và gửi một bản sao cho Nhà tư vấn) Đề nghị Thanh toán Cuối cùng.

14.12

Hoàn thành nghĩa vụ thanh toán

Khi nộp Đề nghị Thanh toán Cuối cùng, Nhà thầu phải nộp bản xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thanh toán bằng văn bản khẳng định rằng tổng số tiền của Đề nghị Thanh toán Cuối cùng thể hiện việc thanh toán đầy đủ và thanh toán xong tất cả số tiền phải trả cho Nhà thầu theo hoặc liên quan đến Hợp đồng. Bản xác nhận này có thể nêu rằng nó sẽ có hiệu lực khi Nhà thầu đã nhận lại Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng và đã nhận được số tiền còn lại, khi đó bản xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thanh toán sẽ có hiệu lực vào ngày đó.

14.13

Cấp Chứng nhận Thanh toán Cuối cùng

Trong vòng 28 ngày sau khi nhận được Đề nghị Thanh toán Cuối cùng và bản xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thanh toán bằng văn bản theo Khoản 14.11 [*Hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận Thanh toán Cuối cùng*], và Khoản 14.12 [*Hoàn thành nghĩa vụ thanh toán*], Nhà tư vấn phải chuyển cho Chủ đầu tư và Nhà thầu, Chứng nhận Thanh toán Cuối cùng nêu rõ:

- (a) số tiền Nhà tư vấn xác nhận đến hạn thanh toán cuối cùng, và
- (b) sau khi chuyển trả cho Chủ đầu tư tất cả các khoản tiền mà Chủ đầu tư đã thanh toán trước đó và tất cả số tiền mà Chủ đầu tư được hưởng, số tiền còn lại (nếu có) đến hạn thanh toán từ Chủ đầu tư cho Nhà thầu hoặc từ Nhà thầu cho Chủ đầu tư, tùy từng trường hợp.

Nếu Nhà thầu không đề nghị cấp Chứng nhận Thanh toán Cuối cùng theo Khoản 14.11 [*Hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận Thanh toán Cuối cùng*], và Khoản 14.12 [*Hoàn thành nghĩa vụ thanh toán*], Nhà tư vấn phải yêu cầu Nhà thầu thực hiện việc đó. Nếu Nhà thầu không nộp đề nghị thanh toán trong vòng 28 ngày, Nhà tư vấn sẽ cấp Chứng nhận Thanh toán Cuối cùng theo số tiền mà Nhà tư vấn xác định đúng là đến hạn thanh toán.

14.14

Chấm dứt Trách nhiệm của Chủ đầu tư

Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm với Nhà thầu về bất cứ việc gì hoặc vấn đề gì theo hoặc liên quan đến Hợp đồng hoặc thi công Công trình, trừ phạm vi mà Nhà thầu đã nêu cụ thể một khoản tiền dùng cho việc đó:

- (a) trong Đề nghị Thanh toán Cuối cùng và tương tự,
- (b) (trừ những vấn đề và việc nảy sinh sau khi cấp Chứng chỉ Nghiệm thu Công trình) trong Đề nghị thanh toán khi Hoàn thành được nêu trong Khoản 14.10 [*Đề nghị thanh toán khi Hoàn thành*].

Tuy nhiên, Khoản này không giới hạn trách nhiệm của Chủ đầu tư về các nghĩa vụ bồi thường, hay trách nhiệm của Chủ đầu tư trong các trường hợp gian dối, cố ý vi phạm hay thực hiện công việc có sai sót do lơ là của Chủ đầu tư.

14.15

Đồng tiền Thanh toán

Giá Hợp đồng sẽ được thanh toán bằng một loại đồng tiền hoặc nhiều loại đồng tiền được nêu cụ thể trong Bản danh mục các Đồng tiền Thanh toán. Nếu có nhiều hơn một loại đồng tiền được nêu, việc thanh toán sẽ được thực hiện như sau:

- (a) nếu Giá trị Hợp đồng được Chấp thuận chỉ được thể hiện bằng Nội tệ:
 - (i) tỷ lệ hoặc các khoản tiền được tính bằng Nội tệ và Ngoại tệ, và tỷ giá hối đoái ấn định được sử dụng để tính toán các khoản thanh toán, như đã nêu cụ thể trong Bản danh mục các Đồng tiền Thanh toán, trừ khi có thỏa thuận khác của cả hai Bên;
 - (ii) các khoản thanh toán và khoản khấu trừ khác theo Khoản 13.5 [*Khoản Tạm tính*] và Khoản 13.7 [*Điều chỉnh do các Thay đổi về Luật pháp*] phải được tính theo Đồng tiền Thanh toán và tỷ lệ được áp dụng; và
 - (iii) các khoản thanh toán và khoản khấu trừ khác trong mục (a) đến (d) Khoản 14.3 [*Hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận Thanh toán Tạm*] phải được tính theo Đồng tiền Thanh toán và tỷ lệ được nêu rõ trong mục (a) (i) ở trên.

- (b) việc thanh toán các thiệt hại được nêu cụ thể trong Dữ liệu Hợp đồng sẽ được tính theo Đồng tiền Thanh toán và tỷ lệ được nêu trong Bản danh mục các đồng tiền Thanh toán;
- (c) các khoản thanh toán khác do Nhà thầu trả cho Chủ đầu tư phải được thanh toán bằng đồng tiền mà Chủ đầu tư đã chi dùng cho khoản đó, hoặc bằng đồng tiền mà cả hai Bên có thể thỏa thuận;
- (d) nếu bất cứ số tiền nào mà Nhà thầu thanh toán cho Chủ đầu tư bằng một loại tiền cụ thể vượt quá số tiền mà Chủ đầu tư phải trả cho Nhà thầu bằng loại tiền đó, Chủ đầu tư có thể cân đối lại số tiền này từ các khoản tiền khác mà Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu bằng các loại tiền tệ khác; và
- (e) nếu không có quy định về tỷ giá hối đoái trong Bản danh mục các Đồng tiền Thanh toán, thì sẽ sử dụng tỷ giá vào Ngày Cơ sở và do ngân hàng trung ương của Nước sở tại xác định.

15

Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

15.1

Thông báo Sửa chữa

Nếu Nhà thầu không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào theo Hợp đồng, Nhà tư vấn có thể ra thông báo yêu cầu Nhà thầu phải khắc phục và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể.

15.2

Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Chủ đầu tư sẽ được Quyền Chấm dứt hợp đồng nếu Nhà thầu:

- (a) không tuân thủ Khoản 4.2 [*Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng*] hoặc bằng thông báo theo Khoản 15.1 [*Thông báo Sửa chữa*],
- (b) bỏ dở Công trình hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng,
- (c) không có lý do chính đáng mà lại không:
 - (i) tiếp tục thi công Công trình theo Điều 8 [*Bắt đầu công việc, Chậm trễ và Tạm ngừng công việc*], hoặc
 - (ii) tuân thủ thông báo đã được đưa ra theo Khoản 7.5 [*Từ chối*] hoặc Khoản 7.6 [*Công tác Sửa chữa*] trong vòng 28 ngày sau khi nhận được thông báo.
- (d) giao lại cho thầu phụ toàn bộ Công trình hoặc chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận theo yêu cầu,
- (e) bị phá sản hoặc bị vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ, hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác, người được ủy quyền hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ, hoặc đã có bất cứ hành động hoặc sự việc nào xảy ra (theo các Luật áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự việc này, hoặc
- (f) đưa hoặc có ý định đưa (trực tiếp hoặc gián tiếp) hối lộ, quà cáp, hay tiền hoa hồng hoặc các vật khác có giá trị cho người nào đó, như phần thưởng hoặc để mua chuộc:

- (i) để thực hiện hoặc không thực hiện các hành động liên quan đến Hợp đồng, hoặc
- (ii) để tỏ ra là thiên vị hay không thiên vị một người nào đó có liên quan đến Hợp đồng,

hoặc nếu Nhân viên của Nhà thầu, đại lý hoặc các Nhà thầu phụ đưa hoặc có ý định đưa (trực tiếp hoặc gián tiếp) cho người nào đó như phần thưởng hoặc để mua chuộc như được mô tả trong mục (f). Tuy nhiên, việc thưởng hay khích lệ một cách hợp pháp cho Người của Nhà thầu sẽ không cho quyền chấm dứt hợp đồng.

Nếu ở một trong những sự việc hoặc trường hợp này, Chủ đầu tư có thể, bằng cách thông báo cho Nhà thầu trước 14 ngày, chấm dứt Hợp đồng và trục xuất Nhà thầu ra khỏi Công trường. Tuy nhiên, trong trường hợp của mục (e) hoặc (f), Chủ đầu tư có thể thông báo chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức.

Sự lựa chọn của Chủ đầu tư trong việc quyết định chấm dứt Hợp đồng sẽ không làm ảnh hưởng đến các quyền khác của Chủ đầu tư, theo Hợp đồng hoặc quy định khác.

Nhà thầu phải rời Công trường và chuyển các Hàng hóa cần thiết, tất cả Tài liệu của Nhà thầu, và các hồ sơ thiết kế khác của Nhà thầu cho Nhà tư vấn. Tuy nhiên, Nhà thầu sẽ cố gắng hết mức để tuân thủ ngay lập tức các hướng dẫn hợp lý được nêu trong thông báo (i) chuyển nhượng hợp đồng thầu phụ, và (ii) bảo vệ tính mạng và tài sản hay cho sự an toàn của Công trình.

Sau khi chấm dứt hợp đồng, Chủ đầu tư có thể hoàn thành Công trình và/hoặc sắp đặt cho các đơn vị khác thực hiện. Chủ đầu tư và các đơn vị này khi đó có thể sử dụng bất cứ Hàng hóa, Tài liệu của Nhà thầu nào và các tài liệu thiết kế khác do Nhà thầu thực hiện hoặc do đại diện Nhà thầu thực hiện.

Khi đó, Chủ đầu tư phải thông báo rằng Thiết bị của Nhà thầu và các Công trình Tạm sẽ được giải phóng cho Nhà thầu ở tại hoặc gần Công trường. Nhà thầu phải ngay lập tức sắp xếp để chuyển đi, rủi ro và chi phí cho việc này sẽ do Nhà thầu chịu. Tuy nhiên, nếu đến lúc này mà Nhà thầu còn nợ Chủ đầu tư một khoản thanh toán nào, thì Chủ đầu tư được quyền bán chúng để lấy lại tiền. Số tiền còn lại sẽ được trả cho Nhà thầu.

15.3

Xác định giá tại Ngày Chấm dứt hợp đồng

Ngay sau khi thông báo chấm dứt theo Khoản 15.2 [*Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư*] có hiệu lực, Nhà tư vấn phải thực hiện theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để đồng ý hoặc quyết định giá trị của Công trình, Hàng hóa và Tài liệu của Nhà thầu, và bất kỳ khoản tiền nào khác phải trả cho Nhà thầu các công việc được thực hiện theo Hợp đồng.

15.4

Thanh toán sau khi Chấm dứt Hợp đồng

Sau khi thông báo chấm dứt hợp đồng theo Khoản 15.2 [*Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư*] có hiệu lực, Chủ đầu tư có thể:

- (a) tiến hành theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*],
- (b) không thanh toán thêm cho Nhà thầu cho đến khi chi phí thiết kế, thi công, hoàn thành và sửa chữa các sai sót, hư hỏng do chậm trễ hoàn thành (nếu có), và các chi phí khác mà Chủ đầu tư đã chịu, đã được lập, và/hoặc

- (c) thu hồi lại từ Nhà thầu các phí tổn do hư hỏng, mất mát mà Chủ đầu tư phải chịu và các chi phí thêm khác của việc hoàn thành Công trình, sau khi tính đến các khoản phải trả cho Nhà thầu theo Khoản 15.3 [*Xác định giá tại Ngày Chấm dứt hợp đồng*]. Sau khi thu hồi lại từ các mất mát, hư hỏng và các chi phí thêm, Chủ đầu tư sẽ thanh toán phần tiền còn lại cho Nhà thầu.

15.5

Quyền Chấm dứt Hợp đồng của Chủ đầu tư khi Thách hợp

Chủ đầu tư có quyền chấm dứt Hợp đồng vào bất cứ lúc nào thuận tiện cho Chủ đầu tư, bằng cách thông báo cho Nhà thầu việc chấm dứt hợp đồng. Việc chấm dứt này sẽ có hiệu lực trong vòng 28 ngày sau thời điểm đến sau của việc Nhà thầu nhận được thông báo này của Chủ đầu tư hoặc Chủ đầu tư trả lại Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng. Chủ đầu tư không được chấm dứt hợp đồng theo Khoản này để tự thi công Công trình hoặc giao cho nhà thầu khác thi công Công trình hoặc để tránh việc chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu theo Điều 16.2 [*Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu*].

Sau khi chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu phải thực hiện theo Khoản 16.3 [*Tạm ngừng Công việc và Di dời Thiết bị của Nhà thầu*] và sẽ được thanh toán theo Khoản 16.4 [*Thanh toán khi Chấm dứt hợp đồng*].

15.6

Hành vi Hối lộ hoặc Gian lận

Nếu Chủ đầu tư xác định, dựa trên các bằng chứng thích đáng, rằng Nhà thầu có liên quan đến các hành vi hối lộ, gian lận, thông đồng hoặc ép buộc, trong việc cạnh tranh để có hoặc thực hiện Hợp đồng, thì Chủ đầu tư có thể, sau khi thông báo trước cho Nhà thầu 14 ngày, chấm dứt Hợp đồng và trục xuất Nhà thầu ra khỏi Công trường, và các điều khoản của Điều 15 sẽ được áp dụng nếu việc chấm dứt này đã được thực hiện theo Khoản 15.2 [*Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư*].

Nếu bất kỳ nhân viên nào của Nhà thầu được xác định, dựa trên các bằng chứng thích đáng, là có liên quan đến các hành vi hối lộ, gian lận hoặc thông đồng trong quá trình thi công công trình thì nhân viên đó sẽ bị đuổi khỏi công trường theo Khoản 6.9 [*Nhân lực của Nhà thầu*].

[*Đối với các hợp đồng được cấp vốn bởi Ngân hàng Phát triển Châu Phi*]:

Để phục vụ các mục đích của Khoản này:

- (a) “hành vi hối lộ” là việc đề nghị, trao tặng, nhận hoặc gạ gẫm bất kỳ thứ gì có giá trị để tác động lên hành động của một quan chức chính phủ trong quá trình đấu thầu hoặc trong việc thực hiện hợp đồng; và
- (b) “hành vi gian lận” là việc diễn giải sai lệch sự thật nhằm tác động đến quá trình đấu thầu hoặc trong việc thực hiện Hợp đồng để gây tổn hại cho Bên vay, và bao gồm hành vi cấu kết, thông đồng giữa các nhà thầu (trước và sau khi nộp thầu) với mưu đồ thiết lập giá bỏ thầu ở mức không có đối thủ cạnh tranh một cách cố ý và lấy đi của bên vay các lợi ích của sự cạnh tranh tự do và cởi mở.

16

Tạm ngừng công việc và Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu

16.1

Quyền Tạm ngừng Công việc của Nhà thầu

Nếu Nhà tư vấn không xác nhận theo Khoản 14.6 [*Cấp Chứng nhận Thanh toán Tạm*] hoặc Chủ đầu tư không tuân theo Khoản 2.4 [*Thu xếp Tài chính của Chủ đầu tư*], hoặc Khoản 14.7 [*Thanh toán*], sau khi thông báo cho Chủ đầu tư tối thiểu 21 ngày, Nhà thầu có thể tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc) trừ khi và cho đến khi Nhà thầu nhận được Chứng nhận Thanh toán, các chứng cứ hoặc thanh toán hợp lý, tùy từng trường hợp và như được nêu trong thông báo.

Không kể đến các điều trên, nếu Ngân hàng tạm dừng việc giải ngân cho các khoản vay hoặc tín dụng mà các khoản thanh toán cho Nhà thầu đang được thực hiện từ đó, toàn bộ hoặc một phần, cho việc thi công Công trình, và không có sẵn nguồn vốn thay thế nào để cấp theo Khoản 2.4 [*Thu xếp Tài chính của Chủ đầu tư*], Nhà thầu có thể bằng thông báo tạm ngừng công việc hoặc giảm tỷ lệ công việc vào bất kỳ lúc nào, nhưng không ít hơn 7 ngày sau khi Bên vay nhận được thông báo tạm ngừng từ Ngân hàng.

Hành động của Nhà thầu sẽ không làm ảnh hưởng đến quyền của Nhà thầu đối với các phí tổn tài chính theo Khoản 14.8 [*Thanh toán bị Chậm trễ*] và chấm dứt hợp đồng theo Khoản 16.2 [*Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu*].

Nếu tiếp đó Nhà thầu nhận được Chứng nhận Thanh toán, chứng cứ hoặc thanh toán (như đã nêu trong Khoản tương ứng và trong thông báo trên) trước khi thông báo chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc trở lại như bình thường ngay khi có thể được.

Nếu Nhà thầu bị chậm trễ và/hoặc chịu các Chi phí phát sinh do hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo Khoản này, Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn và có quyền theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] được:

- (a) gia hạn thời gian để bù cho sự chậm trễ như vậy, nếu việc hoàn thành đang hoặc sẽ bị chậm trễ theo Khoản 8.4 [*Gia hạn Thời gian Hoàn thành*], và
- (b) thanh toán cho mọi Chi phí phát sinh cộng với tiền lãi, được tính vào Giá Hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo này, Nhà tư vấn phải thực hiện theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để đồng ý hoặc quyết định các vấn đề này.

16.2

Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu

Nhà thầu được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

- (a) Nhà thầu không nhận được chứng cứ hợp lý trong vòng 42 ngày sau khi đã thông báo theo Khoản 16.1 [*Quyền Tạm ngừng Công việc của Nhà thầu*] liên quan đến việc không tuân thủ Khoản 2.4 [*Thu xếp Tài chính của Chủ đầu tư*],
- (b) Nhà tư vấn không cấp Chứng nhận Thanh toán trong vòng 56 ngày sau khi nhận được Đề nghị thanh toán và các tài liệu hỗ trợ,

- (c) Nhà thầu không nhận được số tiền đến hạn thanh toán theo Chứng nhận Thanh toán Tạm trong vòng 42 ngày sau khi hết hạn thời gian thanh toán được nêu trong Khoản 14.7 [*Thanh toán*] mà việc thanh toán phải được thực hiện trong thời gian đó (trừ khoản khấu trừ theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*]),
- (d) Chủ đầu tư về cơ bản không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng theo cách tác động nhiều và bất lợi đến việc cân đối tài chính của Hợp đồng và/hoặc khả năng của Nhà thầu trong việc thực hiện Hợp đồng,
- (e) Chủ đầu tư không tuân thủ Khoản 1.6 [*Thỏa thuận Hợp đồng*] hoặc Khoản 1.7 [*Chuyển nhượng*],
- (f) việc tạm ngừng công việc bị kéo dài ảnh hưởng đến toàn bộ Công trình như được mô tả trong Khoản 8.11 [*Kéo dài tình trạng Tạm ngừng công việc*],
- (g) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ, hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác, người được ủy quyền hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ, hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hành động hoặc sự việc đó,
- (h) Nhà thầu không nhận được chỉ dẫn của Nhà tư vấn thể hiện thỏa thuận của hai Bên về việc đáp ứng các điều kiện của Bắt đầu Công việc theo Khoản 8.1 [*Bắt đầu Công việc*].

Trong bất cứ sự việc hoặc trường hợp nào được nêu trên, Nhà thầu có thể gửi thông báo trước 14 ngày cho Chủ đầu tư để chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên, trong trường hợp của mục (f) hoặc (g), Nhà thầu có thể gửi thông báo chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức.

Trong trường hợp Ngân hàng tạm dừng việc giải ngân cho các khoản vay hoặc tín dụng mà một phần hoặc toàn bộ các khoản thanh toán cho Nhà thầu đang được thực hiện từ đó, nếu Nhà thầu chưa nhận được tổng số tiền đến hạn thanh toán cho mình trước ngày hết hạn 14 ngày được nêu trong Khoản 14.7 [*Thanh toán*] đối với các khoản thanh toán theo Chứng nhận Thanh toán Tạm, Nhà thầu có thể, không làm phương hại đến quyền của Nhà thầu đối với các phí tổn tài chính theo Khoản 14.8 [*Thanh toán bị Chậm trễ*], thực hiện một trong các hành động sau: (i) tạm ngừng công việc hoặc giảm tỷ lệ công việc theo Khoản 16.1 ở trên, hoặc (ii) chấm dứt Hợp đồng bằng cách thông báo cho Chủ đầu tư, với một bản sao được gửi cho Nhà tư vấn, việc chấm dứt như vậy sẽ có hiệu lực 14 ngày sau khi đưa ra thông báo.

Sự lựa chọn của Nhà thầu để chấm dứt Hợp đồng sẽ không làm ảnh hưởng đến các quyền khác của Nhà thầu, theo Hợp đồng hay theo các thỏa thuận khác.

15.6

Hành vi Hối lộ hoặc Gian lận

Nếu Chủ đầu tư xác định, dựa trên các bằng chứng thích đáng, rằng Nhà thầu có liên quan đến các hành vi hối lộ, gian lận, thông đồng hoặc ép buộc, trong việc cạnh tranh để có hoặc thực hiện Hợp đồng, thì Chủ đầu tư có thể, sau khi thông báo trước cho Nhà thầu 14 ngày, chấm dứt Hợp đồng và trục xuất Nhà thầu ra khỏi Công trường, và các điều khoản của Điều 15 sẽ được áp dụng nếu việc chấm dứt này đã được thực hiện theo Khoản 15.2 [*Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư*].

Nếu bất kỳ nhân viên nào của Nhà thầu được xác định, dựa trên các bằng chứng thích đáng, là có liên quan đến các hành vi hối lộ, gian lận hoặc thông đồng trong

quá trình thi công công trình thì nhân viên đó sẽ bị đuổi khỏi công trường theo Khoản 6.9 [*Nhân lực của Nhà thầu*].

[*Đối với các hợp đồng được cấp vốn bởi Ngân hàng Phát triển Châu Á*]:

Để phục vụ các mục đích của Khoản này:

- (a) “hành vi hối lộ” là việc đề nghị, trao tặng, nhận hoặc gạ gẫm, trực tiếp hoặc gián tiếp, bất kỳ thứ gì có giá trị để tác động không đúng đến hành động của bên khác;
- (b) “hành vi gian lận” là bất kỳ hành động hoặc sự bỏ sót nào, bao gồm việc diễn giải sai lệch, một cách cố ý hoặc thiếu thận trọng để đánh lừa, hoặc cố gắng đánh lừa, một bên để có được lợi ích tài chính hoặc lợi ích khác hoặc né tránh nghĩa vụ;
- (c) “hành vi ép buộc” là hành vi gây tổn hại hoặc đe dọa gây tổn hại, trực tiếp hoặc gián tiếp, cho bất kỳ bên nào hoặc tài sản của bên đó để tác động không đúng đến hành động của bên đó.
- (d) “hành vi thông đồng” là hành vi dàn xếp giữa hai hoặc nhiều bên với mưu đồ đạt được mục đích không chính đáng, bao gồm việc tác động không đúng đến hành động của bên khác.

16 Tạm ngừng công việc và Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu

16.1

Quyền Tạm ngừng Công việc của Nhà thầu

Nếu Nhà tư vấn không xác nhận theo Khoản 14.6 [*Cấp Chứng nhận Thanh toán Tạm*] hoặc Chủ đầu tư không tuân theo Khoản 2.4 [*Thu xếp Tài chính của Chủ đầu tư*], hoặc Khoản 14.7 [*Thanh toán*], sau khi thông báo cho Chủ đầu tư tối thiểu 21 ngày, Nhà thầu có thể tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc) trừ khi và cho đến khi Nhà thầu nhận được Chứng nhận Thanh toán, các chứng cứ hoặc thanh toán hợp lý, tùy từng trường hợp và như được nêu trong thông báo.

Không kể đến các điều trên, nếu Ngân hàng tạm dừng việc giải ngân cho các khoản vay hoặc tín dụng mà các khoản thanh toán cho Nhà thầu đang được thực hiện từ đó, toàn bộ hoặc một phần, cho việc thi công Công trình, và không có sẵn nguồn vốn thay thế nào để cấp theo Khoản 2.4 [*Thu xếp Tài chính của Chủ đầu tư*], Nhà thầu có thể bằng thông báo tạm ngừng công việc hoặc giảm tỷ lệ công việc vào bất kỳ lúc nào, nhưng không ít hơn 7 ngày sau khi Bên vay nhận được thông báo tạm ngừng từ Ngân hàng.

Hành động của Nhà thầu sẽ không làm ảnh hưởng đến quyền của Nhà thầu đối với các phí tổn tài chính theo Khoản 14.8 [*Thanh toán bị Chậm trễ*] và chấm dứt hợp đồng theo Khoản 16.2 [*Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu*].

Nếu tiếp đó Nhà thầu nhận được Chứng nhận Thanh toán, chứng cứ hoặc thanh toán (như đã nêu trong Khoản tương ứng và trong thông báo trên) trước khi thông báo chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc trở lại như bình thường ngay khi có thể được.

Nếu Nhà thầu bị chậm trễ và/hoặc chịu các Chi phí phát sinh do hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo Khoản này, Nhà thầu

phải thông báo cho Nhà tư vấn và có quyền theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] được:

- (a) gia hạn thời gian để bù cho sự chậm trễ như vậy, nếu việc hoàn thành đang hoặc sẽ bị chậm trễ theo Khoản 8.4 [*Gia hạn Thời gian Hoàn thành*], và
- (a) thanh toán mọi Chi phí phát sinh cộng với tiền lãi, được tính vào Giá Hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo này, Nhà tư vấn phải thực hiện theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để đồng ý hoặc quyết định các vấn đề này.

16.2

Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu

Nhà thầu được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

- (a) Nhà thầu không nhận được chứng cứ hợp lý trong vòng 42 ngày sau khi đã thông báo theo Khoản 16.1 [*Quyền Tạm ngừng Công việc của Nhà thầu*] liên quan đến việc không tuân thủ Khoản 2.4 [*Thu xếp Tài chính của Chủ đầu tư*],
- (b) Nhà tư vấn không cấp Chứng nhận Thanh toán trong vòng 56 ngày sau khi nhận được Đề nghị thanh toán và các tài liệu bổ trợ,
- (c) Nhà thầu không nhận được số tiền đến hạn thanh toán theo Chứng nhận Thanh toán Tạm trong vòng 42 ngày sau khi hết hạn thời gian thanh toán được nêu trong Khoản 14.7 [*Thanh toán*] mà việc thanh toán phải được thực hiện trong thời gian đó (trừ khoản khấu trừ theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*]),
- (d) Chủ đầu tư về cơ bản không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng theo cách tác động nhiều và bất lợi đến việc cân đối tài chính của Hợp đồng và/hoặc khả năng của Nhà thầu trong việc thực hiện Hợp đồng,
- (e) Chủ đầu tư không tuân thủ Khoản 1.6 [*Thỏa thuận Hợp đồng*] hoặc Khoản 1.7 [*Chuyển nhượng*],
- (f) việc tạm ngừng công việc bị kéo dài ảnh hưởng đến toàn bộ Công trình như được mô tả trong Khoản 8.11 [*Kéo dài tình trạng Tạm ngừng Công việc*],
- (g) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ, hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác, người được ủy quyền hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ, hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hành động hoặc sự việc đó,
- (h) Nhà thầu không nhận được chỉ dẫn của Nhà tư vấn thể hiện thỏa thuận của hai Bên về việc đáp ứng các điều kiện của Bắt đầu Công việc theo Khoản 8.1 [*Bắt đầu Công việc*].

Trong bất cứ sự việc hoặc trường hợp nào được nêu trên, Nhà thầu có thể gửi thông báo trước 14 ngày cho Chủ đầu tư để chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên, trong trường hợp của mục (f) hoặc (g), Nhà thầu có thể gửi thông báo chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức.

Trong trường hợp Ngân hàng tạm dừng việc giải ngân cho các khoản vay hoặc tín dụng mà một phần hoặc toàn bộ các khoản thanh toán cho Nhà thầu đang được thực hiện từ đó, nếu Nhà thầu chưa nhận được tổng số tiền đến hạn thanh toán cho mình trước ngày hết hạn 14 ngày được nêu trong Khoản 14.7 [*Thanh toán*] đối với các khoản thanh toán theo Chứng nhận Thanh toán Tạm, Nhà thầu có thể, không

làm phương hại đến quyền của Nhà thầu đối với các phí tổn tài chính theo Khoản 14.8 [*Thanh toán bị Chậm trễ*], thực hiện một trong các hành động sau: (i) tạm ngừng công việc hoặc giảm tỷ lệ công việc theo Khoản 16.1 ở trên, hoặc (ii) chấm dứt Hợp đồng bằng cách thông báo cho Chủ đầu tư, với một bản sao được gửi cho Nhà tư vấn, việc chấm dứt như vậy sẽ có hiệu lực 14 ngày sau khi đưa ra thông báo.

Sự lựa chọn của Nhà thầu để chấm dứt Hợp đồng sẽ không làm ảnh hưởng đến các quyền khác của Nhà thầu, theo Hợp đồng hay theo các thỏa thuận khác.

15.6

Hành vi Hối lộ hoặc Gian lận

Nếu Chủ đầu tư xác định, dựa trên các bằng chứng thích đáng, rằng Nhà thầu có liên quan đến các hành vi hối lộ, gian lận, thông đồng hoặc ép buộc, trong việc cạnh tranh để có hoặc thực hiện Hợp đồng, thì Chủ đầu tư có thể, sau khi thông báo trước cho Nhà thầu 14 ngày, chấm dứt Hợp đồng và trục xuất Nhà thầu ra khỏi Công trường, và các điều khoản của Điều 15 sẽ được áp dụng nếu việc chấm dứt này đã được thực hiện theo Khoản 15.2 [*Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư*].

Nếu bất kỳ nhân viên nào của Nhà thầu được xác định, dựa trên các bằng chứng thích đáng, là có liên quan đến các hành vi hối lộ, gian lận hoặc thông đồng trong quá trình thi công công trình thì nhân viên đó sẽ bị đuổi khỏi công trường theo Khoản 6.9 [*Nhân lực của Nhà thầu*].

[*Đối với các hợp đồng được cấp vốn bởi Ngân hàng Ngoại thương và Phát triển Biển Đen hoặc bởi Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Châu Âu*]:

Để phục vụ các mục đích của Khoản này:

- (a) “hành vi hối lộ” là việc đề nghị, trao tặng, nhận hoặc gạ gẫm bất kỳ thứ gì có giá trị để tác động lên hành động của một quan chức chính phủ, hoặc đe dọa gây thương tích cho người, tài sản hoặc danh tiếng, có liên quan đến quá trình đấu thầu hoặc trong việc thực hiện hợp đồng để có được hoặc đạt được các lợi ích về kinh doanh hoặc lợi ích không chính đáng khác trong quy tắc kinh doanh quốc tế; và
- (b) “hành vi gian lận” là việc diễn giải sai lệch sự thật nhằm tác động đến quá trình đấu thầu hoặc trong việc thực hiện hợp đồng để gây tổn hại cho khách hàng, và bao gồm hành vi cấu kết, thông đồng giữa các nhà thầu (trước và sau khi nộp thầu) với mưu đồ thiết lập giá bỏ thầu ở mức không có đối thủ cạnh tranh một cách cố ý và lấy đi của khách hàng các lợi ích của sự cạnh tranh tự do và cởi mở.

16

Tạm ngừng công việc và Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu

16.1

Quyền Tạm ngừng Công việc của Nhà thầu

Nếu Nhà tư vấn không xác nhận theo Khoản 14.6 [*Cấp Chứng nhận Thanh toán Tạm*] hoặc Chủ đầu tư không tuân theo Khoản 2.4 [*Thu xếp Tài chính của Chủ đầu tư*], hoặc Khoản 14.7 [*Thanh toán*], sau khi thông báo cho Chủ đầu tư tối thiểu 21 ngày, Nhà thầu có thể tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc) trừ khi và cho đến khi Nhà thầu nhận được Chứng nhận Thanh toán, các chứng cứ hoặc thanh toán hợp lý, tùy từng trường hợp và như được nêu trong thông báo.

Không kể đến các điều trên, nếu Ngân hàng tạm dừng việc giải ngân cho các khoản vay hoặc tín dụng mà các khoản thanh toán cho Nhà thầu đang được thực hiện từ đó, toàn bộ hoặc một phần, cho việc thi công Công trình, và không có sẵn nguồn vốn thay thế nào để cấp theo Khoản 2.4 [*Thu xếp Tài chính của Chủ đầu tư*], Nhà thầu có thể bằng thông báo tạm ngừng công việc hoặc giảm tỷ lệ công việc vào bất kỳ lúc nào, nhưng không ít hơn 7 ngày sau khi Bên vay nhận được thông báo tạm ngừng từ Ngân hàng.

Hành động của Nhà thầu sẽ không làm ảnh hưởng đến quyền của Nhà thầu đối với các phí tổn tài chính theo Khoản 14.8 [*Thanh toán bị Chậm trễ*] và chấm dứt hợp đồng theo Khoản 16.2 [*Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu*].

Nếu tiếp đó Nhà thầu nhận được Chứng nhận Thanh toán, chứng cứ hoặc thanh toán (như đã nêu trong Khoản tương ứng và trong thông báo trên) trước khi thông báo chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc trở lại như bình thường ngay khi có thể được.

Nếu Nhà thầu bị chậm trễ và/hoặc chịu các Chi phí phát sinh do hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo Khoản này, Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn và có quyền theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] được:

- (a) gia hạn thời gian để bù cho sự chậm trễ như vậy, nếu việc hoàn thành đang hoặc sẽ bị chậm trễ theo Khoản 8.4 [*Gia hạn Thời gian Hoàn thành*], và
- (a) thanh toán mọi Chi phí phát sinh cộng với tiền lãi, được tính vào Giá Hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo này, Nhà tư vấn phải thực hiện theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để đồng ý hoặc quyết định các vấn đề này.

16.2

Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu

Nhà thầu được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

- (a) Nhà thầu không nhận được chứng cứ hợp lý trong vòng 42 ngày sau khi đã thông báo theo Khoản 16.1 [*Quyền Tạm ngừng Công việc của Nhà thầu*] liên quan đến việc không tuân thủ Khoản 2.4 [*Thu xếp Tài chính của Chủ đầu tư*],
- (b) Nhà tư vấn không cấp Chứng nhận Thanh toán trong vòng 56 ngày sau khi nhận được Đề nghị thanh toán và các tài liệu bổ trợ,
- (c) Nhà thầu không nhận được số tiền đến hạn thanh toán theo Chứng nhận Thanh toán Tạm trong vòng 42 ngày sau khi hết hạn thời gian thanh toán được nêu trong Khoản 14.7 [*Thanh toán*] mà việc thanh toán phải được thực hiện trong thời gian đó (trừ khoản khấu trừ theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*]),
- (d) Chủ đầu tư về cơ bản không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng theo cách tác động nhiều và bất lợi đến việc cân đối tài chính của Hợp đồng và/hoặc khả năng của Nhà thầu trong việc thực hiện Hợp đồng,
- (e) Chủ đầu tư không tuân thủ Khoản 1.6 [*Thỏa thuận Hợp đồng*] hoặc Khoản 1.7 [*Chuyển nhượng*],
- (f) việc tạm ngừng công việc bị kéo dài ảnh hưởng đến toàn bộ Công trình như được mô tả trong Khoản 8.11 [*Kéo dài tình trạng Tạm ngừng Công việc*],

- (g) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ, hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác, người được ủy quyền hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ, hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hành động hoặc sự việc đó,
- (h) Nhà thầu không nhận được chỉ dẫn của Nhà tư vấn thể hiện thỏa thuận của hai Bên về việc đáp ứng các điều kiện của Bắt đầu Công việc theo Khoản 8.1 [Bắt đầu Công việc].

Trong bất cứ sự việc hoặc trường hợp nào được nêu trên, Nhà thầu có thể gửi thông báo trước 14 ngày cho Chủ đầu tư để chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên, trong trường hợp của mục (f) hoặc (g), Nhà thầu có thể gửi thông báo chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức.

Trong trường hợp Ngân hàng tạm dừng việc giải ngân cho các khoản vay hoặc tín dụng mà một phần hoặc toàn bộ các khoản thanh toán cho Nhà thầu đang được thực hiện từ đó, nếu Nhà thầu chưa nhận được tổng số tiền đến hạn thanh toán cho mình trước ngày hết hạn 14 ngày được nêu trong Khoản 14.7 [Thanh toán] đối với các khoản thanh toán theo Chứng nhận Thanh toán Tạm, Nhà thầu có thể, không làm phương hại đến quyền của Nhà thầu đối với các phí tổn tài chính theo Khoản 14.8 [Thanh toán bị Chậm trễ], thực hiện một trong các hành động sau: (i) tạm ngừng công việc hoặc giảm tỷ lệ công việc theo Khoản 16.1 ở trên, hoặc (ii) chấm dứt Hợp đồng bằng cách thông báo cho Chủ đầu tư, với một bản sao được gửi cho Nhà tư vấn, việc chấm dứt như vậy sẽ có hiệu lực 14 ngày sau khi đưa ra thông báo.

Sự lựa chọn của Nhà thầu để chấm dứt Hợp đồng sẽ không làm ảnh hưởng đến các quyền khác của Nhà thầu, theo Hợp đồng hay theo các thỏa thuận khác.

15.6

Hành vi Hối lộ hoặc Gian lận

Nếu Chủ đầu tư xác định, dựa trên các bằng chứng thích đáng, rằng Nhà thầu có liên quan đến các hành vi hối lộ, gian lận, thông đồng hoặc ép buộc, trong việc cạnh tranh để có hoặc thực hiện Hợp đồng, thì Chủ đầu tư có thể, sau khi thông báo trước cho Nhà thầu 14 ngày, chấm dứt Hợp đồng và trục xuất Nhà thầu ra khỏi Công trường, và các điều khoản của Điều 15 sẽ được áp dụng nếu việc chấm dứt này đã được thực hiện theo Khoản 15.2 [Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư].

Nếu bất kỳ nhân viên nào của Nhà thầu được xác định, dựa trên các bằng chứng thích đáng, là có liên quan đến các hành vi hối lộ, gian lận hoặc thông đồng trong quá trình thi công công trình thì nhân viên đó sẽ bị đuổi khỏi công trường theo Khoản 6.9 [Nhân lực của Nhà thầu].

[Đối với các hợp đồng được cấp vốn bởi Ngân hàng Phát triển khu vực Caribê]:

Để phục vụ các mục đích của Khoản này:

- (a) “hành vi hối lộ” là việc đề nghị, trao tặng, nhận hoặc gạ gẫm, trực tiếp hoặc gián tiếp, bất kỳ thứ gì có giá trị để tác động lên hành động của một quan chức chính phủ trong quá trình đấu thầu hoặc trong việc thực hiện hợp đồng;
- (b) “hành vi gian lận” là sự diễn giải sai lệch hoặc thiếu tính chân thật nhằm tác động đến quá trình đấu thầu hoặc trong việc thực hiện Hợp đồng;

- (c) “hành vi thông đồng” là hành vi dàn xếp hoặc cấu kết giữa hai hoặc nhiều nhà thầu, có hoặc không có sự góp mặt của Bên vay, với mưu đồ thiết lập giá bỏ thầu ở mức không có đối thủ cạnh tranh một cách cố ý.
- (d) “hành vi ép buộc” là hành vi gây tổn hại hoặc đe dọa gây tổn hại, trực tiếp hoặc gián tiếp, cho người hoặc tài sản của họ làm ảnh hưởng đến việc tham gia của họ vào quá trình đấu thầu hoặc ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng.

16

Tạm ngừng công việc và Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu

16.1

Quyền Tạm ngừng Công việc của Nhà thầu

Nếu Nhà tư vấn không xác nhận theo Khoản 14.6 [*Cấp Chứng nhận Thanh toán Tạm*] hoặc Chủ đầu tư không tuân theo Khoản 2.4 [*Thu xếp Tài chính của Chủ đầu tư*], hoặc Khoản 14.7 [*Thanh toán*], sau khi thông báo cho Chủ đầu tư tối thiểu 21 ngày, Nhà thầu có thể tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc) trừ khi và cho đến khi Nhà thầu nhận được Chứng nhận Thanh toán, các chứng cứ hoặc thanh toán hợp lý, tùy từng trường hợp và như được nêu trong thông báo.

Không kể đến các điều trên, nếu Ngân hàng tạm dừng việc giải ngân cho các khoản vay hoặc tín dụng mà các khoản thanh toán cho Nhà thầu đang được thực hiện từ đó, toàn bộ hoặc một phần, cho việc thi công Công trình, và không có sẵn nguồn vốn thay thế nào để cấp theo Khoản 2.4 [*Thu xếp Tài chính của Chủ đầu tư*], Nhà thầu có thể bằng thông báo tạm ngừng công việc hoặc giảm tỷ lệ công việc vào bất kỳ lúc nào, nhưng không ít hơn 7 ngày sau khi Bên vay nhận được thông báo tạm ngừng từ Ngân hàng.

Hành động của Nhà thầu sẽ không làm ảnh hưởng đến quyền của Nhà thầu đối với các phí tổn tài chính theo Khoản 14.8 [*Thanh toán bị Chậm trễ*] và chấm dứt hợp đồng theo Khoản 16.2 [*Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu*].

Nếu tiếp đó Nhà thầu nhận được Chứng nhận Thanh toán, chứng cứ hoặc thanh toán (như đã nêu trong Khoản tương ứng và trong thông báo trên) trước khi thông báo chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc trở lại như bình thường ngay khi có thể được.

Nếu Nhà thầu bị chậm trễ và/hoặc chịu các Chi phí phát sinh do hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo Khoản này, Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn và có quyền theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] được:

- (a) gia hạn thời gian để bù cho sự chậm trễ như vậy, nếu việc hoàn thành đang hoặc sẽ bị chậm trễ theo Khoản 8.4 [*Gia hạn Thời gian Hoàn thành*], và
- (b) thanh toán mọi Chi phí phát sinh cộng với tiền lãi, được tính vào Giá Hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo này, Nhà tư vấn phải thực hiện theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để đồng ý hoặc quyết định các vấn đề này.

16.2

Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu

Nhà thầu được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

- (a) Nhà thầu không nhận được chứng cứ hợp lý trong vòng 42 ngày sau khi đã thông báo theo Khoản 16.1 [*Quyền Tạm ngừng Công việc của Nhà thầu*] liên quan đến việc không tuân thủ Khoản 2.4 [*Thu xếp Tài chính của Chủ đầu tư*],
- (b) Nhà tư vấn không cấp Chứng nhận Thanh toán trong vòng 56 ngày sau khi nhận được Đề nghị thanh toán và các tài liệu bổ trợ,
- (c) Nhà thầu không nhận được số tiền đến hạn thanh toán theo Chứng nhận Thanh toán Tạm trong vòng 42 ngày sau khi hết hạn thời gian thanh toán được nêu trong Khoản 14.7 [*Thanh toán*] mà việc thanh toán phải được thực hiện trong thời gian đó (trừ khoản khấu trừ theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*]),
- (d) Chủ đầu tư về cơ bản không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng theo cách tác động nhiều và bất lợi đến việc cân đối tài chính của Hợp đồng và/hoặc khả năng của Nhà thầu trong việc thực hiện Hợp đồng,
- (e) Chủ đầu tư không tuân thủ Khoản 1.6 [*Thỏa thuận Hợp đồng*] hoặc Khoản 1.7 [*Chuyển nhượng*],
- (f) việc tạm ngừng công việc bị kéo dài ảnh hưởng đến toàn bộ Công trình như được mô tả trong Khoản 8.11 [*Kéo dài tình trạng Tạm ngừng Công việc*],
- (g) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ, hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác, người được ủy quyền hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ, hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hành động hoặc sự việc đó,
- (h) Nhà thầu không nhận được chỉ dẫn của Nhà tư vấn thể hiện thỏa thuận của hai Bên về việc đáp ứng các điều kiện của Bắt đầu Công việc theo Khoản 8.1 [*Bắt đầu Công việc*].

Trong bất cứ sự việc hoặc trường hợp nào được nêu trên, Nhà thầu có thể gửi thông báo trước 14 ngày cho Chủ đầu tư để chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên, trong trường hợp của mục (f) hoặc (g), Nhà thầu có thể gửi thông báo chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức.

Trong trường hợp Ngân hàng tạm dừng việc giải ngân cho các khoản vay hoặc tín dụng mà một phần hoặc toàn bộ các khoản thanh toán cho Nhà thầu đang được thực hiện từ đó, nếu Nhà thầu chưa nhận được tổng số tiền đến hạn thanh toán cho mình trước ngày hết hạn 14 ngày được nêu trong Khoản 14.7 [*Thanh toán*] đối với các khoản thanh toán theo Chứng nhận Thanh toán Tạm, Nhà thầu có thể, không làm phương hại đến quyền của Nhà thầu đối với các phí tổn tài chính theo Khoản 14.8 [*Thanh toán bị Chậm trễ*], thực hiện một trong các hành động sau: (i) tạm ngừng công việc hoặc giảm tỷ lệ công việc theo Khoản 16.1 ở trên, hoặc (ii) chấm dứt Hợp đồng bằng cách thông báo cho Chủ đầu tư, với một bản sao được gửi cho Nhà tư vấn, việc chấm dứt như vậy sẽ có hiệu lực 14 ngày sau khi đưa ra thông báo.

Sự lựa chọn của Nhà thầu để chấm dứt Hợp đồng sẽ không làm ảnh hưởng đến các quyền khác của Nhà thầu, theo Hợp đồng hay theo các thỏa thuận khác.

15.6

Hành vi Hối lộ hoặc Gian lận

Nếu Chủ đầu tư xác định, dựa trên các bằng chứng thích đáng, rằng Nhà thầu có liên quan đến các hành vi hối lộ, gian lận, thông đồng hoặc ép buộc, trong việc cạnh tranh để có hoặc thực hiện Hợp đồng, thì Chủ đầu tư có thể, sau khi thông báo trước cho Nhà thầu 14 ngày, chấm dứt Hợp đồng và trục xuất Nhà thầu ra khỏi Công trường, và các điều khoản của Điều 15 sẽ được áp dụng nếu việc chấm dứt này đã được thực hiện theo Khoản 15.2 [*Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư*].

Nếu bất kỳ nhân viên nào của Nhà thầu được xác định, dựa trên các bằng chứng thích đáng, là có liên quan đến các hành vi hối lộ, gian lận hoặc thông đồng trong quá trình thi công công trình thì nhân viên đó sẽ bị đuổi khỏi công trường theo Khoản 6.9 [*Nhân lực của Nhà thầu*].

[*Đối với các hợp đồng được cấp vốn bởi Ngân hàng Phát triển Liên Châu Mỹ*]:

Để phục vụ các mục đích của Khoản này:

Ngân hàng yêu cầu rằng tất cả các Nhà thầu tuân thủ Chính sách của Ngân hàng về Đấu thầu mua sắm Hàng hóa, Công trình được cấp vốn bởi Ngân hàng. Đặc biệt, Ngân hàng yêu cầu rằng tất cả các Bên vay (bao gồm Bên nhận tài trợ), cơ quan thực hiện và cơ quan hợp đồng, cũng như tất cả các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân tham gia đấu thầu hoặc tham gia vào các dự án được cấp vốn bởi Ngân hàng, bao gồm, trong số các bên khác, các ứng viên, các ứng thầu, các nhà thầu, các công ty tư vấn và tư vấn cá nhân (bao gồm các viên chức, nhân viên và đại lý tương ứng của họ) tuân thủ theo các tiêu chuẩn đạo đức cao nhất, và báo cáo cho Ngân hàng tất cả các hành vi nghi ngờ gian lận hoặc tham nhũng mà họ đã biết hoặc nhận biết được, trong Quá trình Đấu thầu và trong suốt quá trình đàm phán hoặc thực hiện Hợp đồng. Gian lận và tham nhũng đều bị nghiêm cấm.

Gian lận và tham nhũng bao gồm các hành vi:

- (a) hối lộ,
- (b) tống tiền hoặc cưỡng ép,
- (c) gian lận, và
- (d) thông đồng.

Định nghĩa về các hành vi được quy định dưới đây bao gồm những loại phổ biến nhất của hành vi tham nhũng, nhưng không đầy đủ. Vì lý do này, Ngân hàng cũng sẽ có hành động trong trường hợp có bất kỳ hành vi hoặc khiếu nại tương tự nào liên quan đến các cáo buộc tham nhũng, ngay cả khi chúng không được nêu trong liệt kê dưới đây. Trong mọi trường hợp Ngân hàng sẽ tiến hành theo Khoản 15.6.

Để thực hiện theo chính sách này:

(a) Ngân hàng định nghĩa các thuật ngữ được quy định dưới đây như sau:

- (i) “*hối lộ*” là việc đề nghị hoặc trao tặng bất kỳ thứ gì có giá trị để tác động đến hành động hoặc quyết định của bên thứ ba hoặc tiếp nhận hoặc gạ gẫm bất kỳ lợi ích nào để đổi lại các hành động hoặc sự bỏ qua nào liên quan đến việc thực hiện các nghĩa vụ;
- (ii) “*tống tiền*” hoặc “*cưỡng ép*” là hành động có được một cái gì đó, ép buộc một hành động hoặc ảnh hưởng đến một quyết định thông qua

hăm dọa, đe dọa hoặc sử dụng vũ lực, mà có thể dẫn đến tổn thương tiềm tàng hoặc thực tế cho một người, danh tiếng hoặc tài sản của người đó.

- (iii) “gian lận” là bất kỳ hành động hoặc bỏ sót nào nhằm xuyên tạc sự thật để xui khiến người khác hành động phụ thuộc vào đó, với mục đích đạt được một lợi thế không công bằng hoặc gây thiệt hại cho người khác; và
 - (iv) “thông đồng” là thỏa thuận bí mật giữa hai hoặc nhiều bên để lừa gạt hoặc gây thiệt hại cho một cá nhân hoặc thực thể hoặc để đạt được mục đích phi pháp;
- (b) Nếu Ngân hàng, theo các thủ tục hành chính của mình, chứng minh rằng bất cứ công ty, tổ chức hoặc cá nhân nào tham gia đấu thầu hoặc tham gia vào một dự án do Ngân hàng cấp vốn bao gồm, trong số các bên khác, các ứng viên, các ứng thầu, các nhà thầu, các công ty tư vấn, tư vấn cá nhân, bên vay (bao gồm Bên nhận tài trợ), bên mua, cơ quan thực hiện và cơ quan hợp đồng (bao gồm các viên chức, nhân viên và đại lý tương ứng của họ) có tham gia vào hành vi gian lận và tham nhũng có liên quan đến dự án được Ngân hàng cấp vốn, Ngân hàng có thể:
- (i) quyết định không cấp vốn cho bất kỳ đề nghị trao thầu hoặc đã trao thầu nào được cấp vốn bởi Ngân hàng;
 - (ii) tạm dừng giải ngân cho các hoạt động ở bất kỳ giai đoạn nào nếu xác định được rằng có đủ bằng chứng để hỗ trợ cho việc phát hiện ra rằng một nhân viên, đại lý hoặc đại diện của Bên vay, Cơ quan thực hiện hoặc Cơ quan Hợp đồng đã tham gia vào một hành vi gian lận hoặc tham nhũng;
 - (iii) hủy và/hoặc đẩy nhanh việc thanh toán, một phần của khoản vay hoặc cấp vốn cho một hợp đồng, khi có bằng chứng rằng người đại diện của Bên vay, hoặc Bên nhận tài trợ, đã không thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả thích hợp trong khoảng thời gian mà Ngân hàng xem là hợp lý, và theo các quy trình pháp lý đảm bảo tuân thủ pháp luật của nước của Bên vay;
 - (iv) khiển trách dưới hình thức công văn khiển trách đối với hành vi của doanh nghiệp, tổ chức hoặc cá nhân;
 - (v) đưa ra tuyên bố rằng một cá nhân, tổ chức hoặc doanh nghiệp không đủ điều kiện, hoặc là vĩnh viễn hoặc là trong một khoảng thời gian nhất định, để được trao thầu thuộc Dự án do Ngân hàng cấp vốn ngoại trừ các điều kiện mà Ngân hàng xét thấy là phù hợp;
 - (vi) đưa vấn đề này lên cơ quan thực thi pháp luật phù hợp; và/hoặc
 - (vii) có thể áp đặt các biện pháp trừng phạt khác mà Ngân hàng xem là phù hợp với hoàn cảnh, bao gồm việc áp đặt các khoản phạt để bồi hoàn cho Ngân hàng các chi phí liên quan đến việc điều tra và tố tụng. Các biện pháp trừng phạt khác như vậy có thể được áp đặt bổ sung hoặc thay thế cho các biện pháp trừng phạt khác;
- (c) Ngân hàng đã thiết lập các thủ tục hành chính đối với các trường hợp cáo buộc về gian lận và tham nhũng trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện một hợp đồng được cấp vốn bởi Ngân hàng và có sẵn trên website của

Ngân hàng (www.iadb.org), được cập nhật theo thời gian. Theo quy trình này, bất kỳ khiếu nại nào sẽ được gửi đến Văn phòng Liêm chính của Ngân hàng (OII) để điều tra thích hợp. Các cáo buộc có thể được gửi một cách bí mật hoặc ẩn danh;

- (d) các khoản thanh toán rõ ràng là có điều kiện theo sự tham gia của người khiếu nại trong quy trình đấu thầu tuân thủ theo tất cả các chính sách áp dụng của Ngân hàng về Gian lận và Tham nhũng được mô tả trong Khoản 15.5 này; và
- (e) việc áp đặt bất kỳ biện pháp trừng phạt nào liên quan đến mục (b) của Khoản này sẽ được công khai;

Ngân hàng có quyền yêu cầu Nhà thầu cho phép Ngân hàng kiểm tra tài khoản, hồ sơ và các tài liệu khác của họ liên quan đến việc nộp Hồ sơ dự thầu và thực hiện hợp đồng và cho phép thực hiện việc kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán do Ngân hàng chỉ định. Ngân hàng có quyền yêu cầu Nhà thầu:

- (a) lưu giữ tất cả các tài liệu và hồ sơ có liên quan đến dự án do Ngân hàng cấp vốn trong năm (5) năm sau khi hoàn thành công việc; và
- (b) yêu cầu chuyển tất cả các tài liệu cần thiết phục vụ việc điều tra các cáo buộc về gian lận và tham nhũng và cử nhân viên hoặc đại lý của nhà thầu có hiểu biết về dự án do Ngân hàng cấp vốn sẵn sàng để trả lời các câu hỏi của Ngân hàng.

Nếu Nhà thầu từ chối thực hiện các yêu cầu của Ngân hàng, Ngân hàng, bằng chính sự suy xét của mình, có thể có các hành động phù hợp đối với Nhà thầu.

Nhà thầu cam kết và đảm bảo rằng:

- (a) họ đã đọc và hiểu các quy định cấm của Ngân hàng đối với các hành vi gian lận và tham nhũng và đồng ý tuân thủ các quy tắc áp dụng;
- (b) họ không vi phạm bất kỳ chính sách về gian lận hoặc tham nhũng nào được mô tả trong tài liệu này;
- (c) họ không diễn giải sai lệch hoặc che giấu bất kỳ sự thật nào trong quá trình đấu thầu hoặc thương lượng hợp đồng hoặc thực hiện hợp đồng;
- (d) bất kể họ hay giám đốc, nhân viên và cổ đông chính của họ không bị xem là không đủ điều kiện để trao thầu các dự án do Ngân hàng cấp vốn hoặc không bị kết án liên quan đến gian lận hoặc tham nhũng;
- (e) không ai trong số giám đốc, nhân viên và cổ đông chính của họ đã từng là giám đốc, nhân viên hoặc cổ đông chính của bất kỳ công ty hoặc tổ chức nào mà đã bị xem là không đủ điều kiện để trao thầu các dự án do Ngân hàng cấp vốn hoặc đã từng bị kết án liên quan đến gian lận hoặc tham nhũng;
- (f) tất cả các khoản hoa hồng, phí đại lý, để hỗ trợ việc thanh toán hoặc các thỏa thuận chia sẻ doanh thu liên quan đến hợp đồng do Ngân hàng cấp vốn hoặc hợp đồng đã được công khai.
- (g) họ thừa nhận rằng việc vi phạm bất kỳ cam kết nào sẽ là cơ sở cho việc áp đặt bất kỳ hoặc tất cả các biện pháp được mô tả trong Khoản này.

16

Tạm ngừng công việc và Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu

16.1

Quyền Tạm ngừng của Nhà thầu

Nếu Nhà tư vấn không xác nhận theo Khoản 14.6 [*Cấp Chứng nhận Thanh toán Tạm*] hoặc Chủ đầu tư không tuân theo Khoản 2.4 [*Thu xếp Tài chính của Chủ đầu tư*], hoặc Khoản 14.7 [*Thanh toán*], sau khi thông báo cho Chủ đầu tư tối thiểu 21 ngày, Nhà thầu có thể tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc) trừ khi và cho đến khi Nhà thầu nhận được Chứng nhận Thanh toán, các chứng cứ hoặc thanh toán hợp lý, tùy từng trường hợp và như được nêu trong thông báo.

Không kể đến các điều trên, nếu Ngân hàng tạm dừng việc giải ngân cho các khoản vay hoặc tín dụng mà các khoản thanh toán cho Nhà thầu đang được thực hiện từ đó, toàn bộ hoặc một phần, cho việc thi công Công trình, và không có sẵn nguồn vốn thay thế nào để cấp theo Khoản 2.4 [*Thu xếp Tài chính của Chủ đầu tư*], Nhà thầu có thể bằng thông báo tạm ngừng công việc hoặc giảm tỷ lệ công việc vào bất kỳ lúc nào, nhưng không ít hơn 7 ngày sau khi Bên vay nhận được thông báo tạm ngừng từ Ngân hàng.

Hành động của Nhà thầu sẽ không làm ảnh hưởng đến quyền của Nhà thầu đối với các phí tổn tài chính theo Khoản 14.8 [*Thanh toán bị Chậm trễ*] và chấm dứt hợp đồng theo Khoản 16.2 [*Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu*].

Nếu tiếp đó Nhà thầu nhận được Chứng nhận Thanh toán, chứng cứ hoặc thanh toán (như đã nêu trong Khoản tương ứng và trong thông báo trên) trước khi thông báo chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc trở lại như bình thường ngay khi có thể được.

Nếu Nhà thầu bị chậm trễ và/hoặc chịu các Chi phí phát sinh do hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo Khoản này, Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn và có quyền theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] được:

- (a) gia hạn thời gian để bù cho sự chậm trễ như vậy, nếu việc hoàn thành đang hoặc sẽ bị chậm trễ theo Khoản 8.4 [*Gia hạn Thời gian Hoàn thành*], và
- (a) thanh toán mọi Chi phí phát sinh cộng với tiền lãi, được tính vào Giá Hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo này, Nhà tư vấn phải thực hiện theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để đồng ý hoặc quyết định các vấn đề này.

16.2

Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu

Nhà thầu được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

- (a) Nhà thầu không nhận được chứng cứ hợp lý trong vòng 42 ngày sau khi đã thông báo theo Khoản 16.1 [*Quyền Tạm ngừng Công việc của Nhà thầu*] liên quan đến việc không tuân thủ Khoản 2.4 [*Thu xếp Tài chính của Chủ đầu tư*],
- (b) Nhà tư vấn không cấp Chứng nhận Thanh toán trong vòng 56 ngày sau khi nhận được Đề nghị thanh toán và các tài liệu bổ trợ,
- (c) Nhà thầu không nhận được số tiền đến hạn thanh toán theo Chứng nhận Thanh toán Tạm trong vòng 42 ngày sau khi hết hạn thời gian thanh toán

được nêu trong Khoản 14.7 [*Thanh toán*] mà việc thanh toán phải được thực hiện trong thời gian đó (trừ khoản khấu trừ theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*]),

- (d) Chủ đầu tư về cơ bản không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng theo cách tác động nhiều và bất lợi đến việc cân đối tài chính của Hợp đồng và/hoặc khả năng của Nhà thầu trong việc thực hiện Hợp đồng,
- (e) Chủ đầu tư không tuân thủ Khoản 1.6 [*Thỏa thuận Hợp đồng*] hoặc Khoản 1.7 [*Chuyển nhượng*],
- (f) việc tạm ngừng công việc bị kéo dài ảnh hưởng đến toàn bộ Công trình như được mô tả trong Khoản 8.11 [*Kéo dài tình trạng Tạm ngừng Công việc*],
- (g) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ, hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác, người được ủy quyền hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ, hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hành động hoặc sự việc đó,
- (h) Nhà thầu không nhận được chỉ dẫn của Nhà tư vấn thể hiện thỏa thuận của hai Bên về việc đáp ứng các điều kiện của Bắt đầu Công việc theo Khoản 8.1 [*Bắt đầu Công việc*].

Trong bất cứ sự việc hoặc trường hợp nào được nêu trên, Nhà thầu có thể gửi thông báo trước 14 ngày cho Chủ đầu tư để chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên, trong trường hợp của mục (f) hoặc (g), Nhà thầu có thể gửi thông báo chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức.

Trong trường hợp Ngân hàng tạm dừng việc giải ngân cho các khoản vay hoặc tín dụng mà một phần hoặc toàn bộ các khoản thanh toán cho Nhà thầu đang được thực hiện từ đó, nếu Nhà thầu chưa nhận được tổng số tiền đến hạn thanh toán cho mình trước ngày hết hạn 14 ngày được nêu trong Khoản 14.7 [*Thanh toán*] đối với các khoản thanh toán theo Chứng nhận Thanh toán Tạm, Nhà thầu có thể, không làm phương hại đến quyền của Nhà thầu đối với các phí tổn tài chính theo Khoản 14.8 [*Thanh toán bị Chậm trễ*], thực hiện một trong các hành động sau: (i) tạm ngừng công việc hoặc giảm tỷ lệ công việc theo Khoản 16.1 ở trên, hoặc (ii) chấm dứt Hợp đồng bằng cách thông báo cho Chủ đầu tư, với một bản sao được gửi cho Nhà tư vấn, việc chấm dứt như vậy sẽ có hiệu lực 14 ngày sau khi đưa ra thông báo.

Sự lựa chọn của Nhà thầu để chấm dứt Hợp đồng sẽ không làm ảnh hưởng đến các quyền khác của Nhà thầu, theo Hợp đồng hay theo các thỏa thuận khác.

15.6

Hành vi Hối lộ hoặc Gian lận

Nếu Chủ đầu tư xác định, dựa trên các bằng chứng thích đáng, rằng Nhà thầu có liên quan đến các hành vi hối lộ, gian lận, thông đồng hoặc ép buộc, trong việc cạnh tranh để có hoặc thực hiện Hợp đồng, thì Chủ đầu tư có thể, sau khi thông báo trước cho Nhà thầu 14 ngày, chấm dứt Hợp đồng và trục xuất Nhà thầu ra khỏi Công trường, và các điều khoản của Điều 15 sẽ được áp dụng nếu việc chấm dứt này đã được thực hiện theo Khoản 15.2 [*Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư*].

Nếu bất kỳ nhân viên nào của Nhà thầu được xác định, dựa trên các bằng chứng thích đáng, là có liên quan đến các hành vi hối lộ, gian lận hoặc thông đồng trong quá trình thi công công trình thì nhân viên đó sẽ bị đuổi khỏi công trường theo Khoản 6.9 [*Nhân lực của Nhà thầu*].

[Đối với các hợp đồng được cấp vốn bởi Ngân hàng Thế giới]:

Để thực hiện theo chính sách này, Ngân hàng:

(a) với mục đích của điều khoản này, định nghĩa các thuật ngữ được quy định dưới đây như sau:

(i) “hành vi hối lộ” là việc đề nghị, trao tặng, nhận hoặc gạ gẫm, trực tiếp hoặc gián tiếp, bất kỳ thứ gì có giá trị để có tác động không đúng đến hành động của bên khác;

Trong ngữ cảnh này, “bên khác” đề cập đến một quan chức chính phủ hành động có liên quan đến quá trình đấu thầu hoặc thực hiện hợp đồng. Trong ngữ cảnh này, “quan chức chính phủ” bao gồm nhân viên của Ngân hàng Thế giới và nhân viên của các tổ chức khác đưa ra hoặc xem xét các quyết định đấu thầu.

(ii) “hành vi gian lận” là bất kỳ hành vi hoặc sự bỏ sót nào, bao gồm sự diễn giải sai lệch, mà cố ý hoặc thiếu thận trọng làm rối trí, hoặc cố gắng để đánh lừa, một bên để có được lợi ích tài chính hoặc lợi ích khác hoặc để né tránh nghĩa vụ;

Trong ngữ cảnh này, “bên” đề cập đến một quan chức chính phủ; các thuật ngữ “lợi ích” và “nghĩa vụ” liên quan đến quá trình đấu thầu hoặc thực hiện hợp đồng; và “hành vi hoặc bỏ sót” là nhằm ảnh hưởng đến quá trình đấu thầu hoặc thực hiện hợp đồng.

(iii) “hành vi thông đồng” là sự dàn xếp giữa hai hoặc nhiều bên với mưu đồ đạt được mục đích sai trái, bao gồm ảnh hưởng không đúng đến hành vi của bên khác;

Trong ngữ cảnh này, “các bên” đề cập đến các bên tham gia trong quá trình đấu thầu (bao gồm các quan chức chính phủ) cố gắng để thiết lập giá bỏ thầu ở mức không có đối thủ cạnh tranh một cách cố ý.

(iv) “hành vi ép buộc” là gây tổn hại hoặc gây thiệt hại, hoặc đe dọa gây tổn hại, trực tiếp hoặc gián tiếp, cho bất kỳ bên nào hoặc tài sản của bên đó để ảnh hưởng không đúng đến hành vi của bên đó;

Trong ngữ cảnh này, “các bên” đề cập đến các bên tham gia trong quá trình đấu thầu (bao gồm các quan chức chính phủ) cố gắng để thiết lập giá bỏ thầu ở mức không có đối thủ cạnh tranh một cách cố ý.

(v) “hành vi cản trở” là:

(A) cố ý phá hoại, làm sai lệch, thay đổi hoặc che giấu các tài liệu chứng cứ để điều tra hoặc khai man với cơ quan điều tra để gây cản trở lớn đến việc điều tra của Ngân hàng

về những cáo buộc hành vi tham nhũng, gian lận, thông đồng hoặc ép buộc; và/hoặc đe dọa, quấy rối hoặc hăm dọa bất cứ bên nào để ngăn cản họ không được tiết lộ những gì họ biết về các vấn đề liên quan đến việc điều tra hoặc theo đuổi cuộc điều tra, hoặc

- (B) các hành động nhằm gây cản trở lớn đến việc thực hiện quyền thanh tra và kiểm toán của Ngân hàng.

Trong ngữ cảnh này, “bên” là một bên tham gia trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện hợp đồng.

16

Tạm ngừng công việc và Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu

16.1

Quyền Tạm ngừng của Nhà thầu

Nếu Nhà tư vấn không xác nhận theo Khoản 14.6 [*Cấp Chứng nhận Thanh toán Tạm*] hoặc Chủ đầu tư không tuân theo Khoản 2.4 [*Thu xếp Tài chính của Chủ đầu tư*], hoặc Khoản 14.7 [*Thanh toán*], sau khi thông báo cho Chủ đầu tư tối thiểu 21 ngày, Nhà thầu có thể tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc) trừ khi và cho đến khi Nhà thầu nhận được Chứng nhận Thanh toán, các chứng cứ hoặc thanh toán hợp lý, tùy từng trường hợp và như được nêu trong thông báo.

Không kể đến các điều trên, nếu Ngân hàng tạm dừng việc giải ngân cho các khoản vay hoặc tín dụng mà các khoản thanh toán cho Nhà thầu đang được thực hiện từ đó, toàn bộ hoặc một phần, cho việc thi công Công trình, và không có sẵn nguồn vốn thay thế nào để cấp theo Khoản 2.4 [*Thu xếp Tài chính của Chủ đầu tư*], Nhà thầu có thể bằng thông báo tạm ngừng công việc hoặc giảm tỷ lệ công việc vào bất kỳ lúc nào, nhưng không ít hơn 7 ngày sau khi Bên vay nhận được thông báo tạm ngừng từ Ngân hàng.

Hành động của Nhà thầu sẽ không làm ảnh hưởng đến quyền của Nhà thầu đối với các phí tổn tài chính theo Khoản 14.8 [*Thanh toán bị Chậm trễ*] và chấm dứt hợp đồng theo Khoản 16.2 [*Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu*].

Nếu tiếp đó Nhà thầu nhận được Chứng nhận Thanh toán, chứng cứ hoặc thanh toán (như đã nêu trong Khoản tương ứng và trong thông báo trên) trước khi thông báo chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc trở lại như bình thường ngay khi có thể được.

Nếu Nhà thầu bị chậm trễ và/hoặc chịu các Chi phí phát sinh do hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo Khoản này, Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn và có quyền theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] được:

- (a) gia hạn thời gian để bù cho sự chậm trễ như vậy, nếu việc hoàn thành đang hoặc sẽ bị chậm trễ theo Khoản 8.4 [*Gia hạn Thời gian Hoàn thành*], và
- (b) thanh toán mọi Chi phí phát sinh cộng với tiền lãi, được tính vào Giá Hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo này, Nhà tư vấn phải thực hiện theo Khoản 3.5 [Quyết định] để đồng ý hoặc quyết định các vấn đề này.

16.2

Chấm dứt hợp đồng
bởi Nhà thầu

Nhà thầu được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

- (a) Nhà thầu không nhận được chứng cứ hợp lý trong vòng 42 ngày sau khi đã thông báo theo Khoản 16.1 [*Quyền Tạm ngừng Công việc của Nhà thầu*] liên quan đến việc không tuân thủ Khoản 2.4 [*Thu xếp Tài chính của Chủ đầu tư*],
- (b) Nhà tư vấn không cấp Chứng nhận Thanh toán trong vòng 56 ngày sau khi nhận được Đề nghị thanh toán và các tài liệu bổ trợ,
- (c) Nhà thầu không nhận được số tiền đến hạn thanh toán theo Chứng nhận Thanh toán Tạm trong vòng 42 ngày sau khi hết hạn thời gian thanh toán được nêu trong Khoản 14.7 [*Thanh toán*] mà việc thanh toán phải được thực hiện trong thời gian đó (trừ khoản khấu trừ theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*]),
- (d) Chủ đầu tư về cơ bản không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng theo cách tác động nhiều và bất lợi đến việc cân đối tài chính của Hợp đồng và/hoặc khả năng của Nhà thầu trong việc thực hiện Hợp đồng,
- (e) Chủ đầu tư không tuân thủ Khoản 1.6 [*Thỏa thuận Hợp đồng*] hoặc Khoản 1.7 [*Chuyển nhượng*],
- (f) việc tạm ngừng công việc bị kéo dài ảnh hưởng đến toàn bộ Công trình như được mô tả trong Khoản 8.11 [*Kéo dài tình trạng Tạm ngừng Công việc*],
- (g) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ, hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác, người được ủy quyền hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ, hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hành động hoặc sự việc đó,
- (h) Nhà thầu không nhận được chỉ dẫn của Nhà tư vấn thể hiện thỏa thuận của hai Bên về việc đáp ứng các điều kiện của Bắt đầu Công việc theo Khoản 8.1 [*Bắt đầu Công việc*].

Trong bất cứ sự việc hoặc trường hợp nào được nêu trên, Nhà thầu có thể gửi thông báo trước 14 ngày cho Chủ đầu tư để chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên, trong trường hợp của mục (f) hoặc (g), Nhà thầu có thể gửi thông báo chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức.

Trong trường hợp Ngân hàng tạm dừng việc giải ngân cho các khoản vay hoặc tín dụng mà một phần hoặc toàn bộ các khoản thanh toán cho Nhà thầu đang được thực hiện từ đó, nếu Nhà thầu chưa nhận được tổng số tiền đến hạn thanh toán cho mình trước ngày hết hạn 14 ngày được nêu trong Khoản 14.7 [*Thanh toán*] đối với các khoản thanh toán theo Chứng nhận Thanh toán Tạm, Nhà thầu có thể, không làm phương hại đến quyền của Nhà thầu đối với các phí tổn tài chính theo Khoản 14.8 [*Thanh toán bị Chậm trễ*], thực hiện một trong các hành động sau: (i) tạm ngừng công việc hoặc giảm tỷ lệ công việc theo Khoản 16.1 ở trên, hoặc (ii) chấm dứt Hợp đồng bằng cách thông báo cho Chủ đầu tư, với một bản sao được gửi cho Nhà tư vấn, việc chấm dứt như vậy sẽ có hiệu lực 14 ngày sau khi đưa ra thông báo.

Sự lựa chọn của Nhà thầu để chấm dứt Hợp đồng sẽ không làm ảnh hưởng đến các quyền khác của Nhà thầu, theo Hợp đồng hay theo các thỏa thuận khác.

[Đối với hợp đồng được cấp vốn bởi Ngân hàng thế giới:]

Trang này để trống

16.3

Tạm ngừng công việc và Di dời Thiết bị của Nhà thầu

Sau khi nhận được thông báo chấm dứt Hợp đồng theo Khoản 15.5 [*Quyền Chấm dứt hợp đồng của Chủ đầu tư khi thích hợp*], khoản 16.2 [*Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu*] hoặc Khoản 19.6 [*Chấm dứt có Lựa chọn, Thanh toán, Miễn trách nhiệm*] đã có hiệu lực, Nhà thầu phải nhanh chóng:

- (a) tạm ngừng tất cả các công việc, ngoại trừ các công việc đã được Nhà tư vấn chỉ dẫn để bảo vệ con người và tài sản hoặc an toàn của Công trình.
- (b) chuyển giao toàn bộ Tài liệu của Nhà thầu, Thiết bị, Vật liệu và các công việc khác mà Nhà thầu đã được thanh toán, và
- (c) di dời tất cả Hàng hóa khỏi Công trường, ngoại trừ các thứ cần thiết cho an toàn, và rời khỏi Công trường.

16.4

Thanh toán khi Chấm dứt hợp đồng

Sau khi thông báo chấm dứt hợp đồng theo Khoản 16.2 [*Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu*] đã có hiệu lực, Chủ đầu tư sẽ ngay lập tức:

- (a) trả lại Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu,
- (b) thanh toán cho Nhà thầu theo Khoản 19.6 [*Chấm dứt có Lựa chọn, Thanh toán, Miễn trách nhiệm*], và
- (c) thanh toán cho Nhà thầu số tiền do tổn thất về lợi nhuận hoặc tổn thất hoặc hư hỏng khác mà Nhà thầu phải chịu do việc chấm dứt hợp đồng này.

17 Rủi ro và Trách nhiệm

17.1

Bồi thường

Nhà thầu phải bồi thường và giữ cho Chủ đầu tư, Nhân lực của Chủ đầu tư, và các đại diện của họ, không bị tổn hại khỏi và từ các khiếu nại, hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan đến:

- (a) tổn hại thân thể, ốm đau, bệnh tật hay tử vong, của bất cứ người nào xảy ra trong hoặc ngoài quá trình tiến hành hoặc do nguyên nhân của thiết kế (nếu có), thi công và hoàn thành Công trình và sửa chữa các sai sót của Nhà thầu, trừ khi có thể quy cho việc cấu tạo, cố ý làm hoặc vi phạm Hợp đồng bởi Chủ đầu tư, Nhân lực của Chủ đầu tư, hoặc bất kỳ đại diện nào của họ, và
- (b) hỏng hóc hay mất mát của bất cứ tài sản nào, là bất động sản hay của tài sản cá nhân (khác với Công trình), ở phạm vi mà những hỏng hóc hay mất mát này phát sinh từ hoặc trong quá trình tiến hành hoặc do nguyên nhân thiết kế (nếu có), thi công và hoàn thành Công trình và sửa chữa các sai sót của Nhà thầu, trừ khi và ở phạm vi bất kỳ những hỏng hóc hoặc mất mát này được quy cho bất kỳ sự cấu tạo, cố ý làm hoặc vi phạm Hợp đồng bởi Chủ đầu tư, Nhân lực của Chủ đầu tư hoặc các đại lý riêng của họ, hoặc bất cứ người nào trực tiếp hay gián tiếp được họ thuê.

Chủ đầu tư phải bồi thường và giữ cho Nhà thầu, Nhân lực của Nhà thầu và các đại diện của họ không bị tổn hại, khỏi và từ các khiếu nại, thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan đến (1) tổn hại thân thể, ốm đau, bệnh tật hay tử vong mà được quy cho bất kỳ sự cấu tạo, cố ý làm hoặc vi phạm

Hợp đồng bởi Chủ đầu tư, Nhân lực của Chủ đầu tư, hoặc các đại diện của họ, và (2) các vấn đề không thuộc trách nhiệm của bảo hiểm, như đã mô tả trong mục (d) (i), (ii) và (iii) Khoản 18.3 [*Bảo hiểm Thương tật cho Người và Thiệt hại về Tài sản*].

17.2

Sự Cẩn trọng của Nhà thầu đối với Công trình

Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với việc quan tâm chú ý Công trình và Hàng hóa từ Ngày Bắt đầu công việc cho đến ngày Chứng chỉ Nghiệm thu được phát hành (hoặc được xem như được phát hành theo Khoản 10.1 [*Nghiệm thu Công trình và Hạng mục công trình*]) cho Công trình, khi trách nhiệm quan tâm Công trình được chuyển sang Chủ đầu tư. Nếu Chứng chỉ Nghiệm thu được phát hành (hoặc được xem như đã phát hành) cho bất cứ Hạng mục hay bộ phận Công trình nào, thì trách nhiệm quan tâm chú ý đến Hạng mục hoặc bộ phận công trình đó được chuyển cho Chủ đầu tư.

Sau khi chuyển giao trách nhiệm một cách phù hợp cho Chủ đầu tư, Nhà thầu phải có trách nhiệm quan tâm chú ý bất kỳ công việc nào còn tồn đọng vào ngày được nêu trong Chứng chỉ Nghiệm thu, cho đến khi các công việc này được hoàn thành.

Nếu bất cứ việc mất mát hay hư hỏng nào xảy ra cho Công trình, Hàng hóa hoặc Tài liệu của Nhà thầu trong khoảng thời gian Nhà thầu đang chịu trách nhiệm quan tâm chú ý, do bất cứ lí do nào không được liệt kê trong Khoản 17.3 [*Rủi ro của Chủ đầu tư*], Nhà thầu phải sửa những mất mát hay hư hỏng bằng sự rủi ro và chi phí của Nhà thầu, để Công trình, Hàng hóa và Tài liệu của Nhà thầu phù hợp với Hợp đồng.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với bất cứ hỏng hóc hay mất mát do các hoạt động mà Nhà thầu thực hiện sau khi Chứng chỉ Nghiệm thu đã được phát hành. Nhà thầu cũng phải chịu trách nhiệm đối với bất cứ hỏng hóc hay mất mát nào xảy ra sau khi Chứng chỉ Nghiệm thu đã được phát hành và cả những hỏng hóc hay mất mát nảy sinh từ sự việc trước đó mà Nhà thầu chịu trách nhiệm.

17.3

Rủi ro của Chủ đầu tư

Các rủi ro được tham chiếu trong Khoản 17.4 [*Hậu quả các Rủi ro của Chủ đầu tư*] dưới đây, trong phạm vi chúng có ảnh hưởng trực tiếp đến việc thi công Công trình tại Nước sở tại, là:

- (a) chiến tranh, tình trạng chiến tranh (bất kể có tuyên bố chiến tranh hay không), xâm lược, hoạt động của kẻ thù nước ngoài,
- (b) nổi loạn, khủng bố, phá hoại bởi các đối tượng không phải Nhân lực của Nhà thầu gây ra, cách mạng, khởi nghĩa, quân sự hoặc đảo chính, hoặc nội chiến, trong Nước sở tại.
- (c) phá rối, bạo động gây hỗn loạn trong Nước sở tại do các đối tượng không phải là Nhân lực của Nhà thầu gây ra.
- (d) bom đạn chiến tranh, chất nổ, phóng xạ ion hóa hoặc ô nhiễm từ bức xạ tần số radio trong Nước sở tại, ngoại trừ có thể quy kết cho Nhà thầu sử dụng đạn của chiến tranh, chất nổ, phóng xạ hoặc bức xạ tần số radio, và
- (e) áp lực của các loại sóng gây ra bởi máy bay hoặc các phương tiện hàng không có tốc độ của âm thanh hoặc siêu thanh,

- (f) Chủ đầu tư sử dụng hoặc chiếm giữ bất cứ phần nào của Công trình Vĩnh cửu, trừ khi được quy định trong Hợp đồng,
- (g) thiết kế của bất cứ phần nào của Công trình bởi Nhân lực của Chủ đầu tư hay bởi những người khác mà Chủ đầu tư chịu trách nhiệm, nếu có, và
- (h) bất cứ hoạt động nào của thiên nhiên Không lường trước được hoặc mặc dù Nhà thầu có kinh nghiệm cũng không thể tính toán trước để có các biện pháp để phòng thích hợp.

17.4

Hậu quả các Rủi ro của Chủ đầu tư

Nếu và trong chừng mực nào đó mọi rủi ro được liệt kê trong Khoản 17.3 trên đây dẫn đến mất mát hay hư hỏng cho Công trình, Hàng hóa hay Tài liệu của Nhà thầu, thì Nhà thầu phải nhanh chóng gửi thông báo cho Nhà tư vấn và sửa chữa mất mát và hư hỏng trong phạm vi Nhà tư vấn yêu cầu.

Nếu Nhà thầu bị chậm trễ và/hoặc chịu Chi phí do sửa chữa những mất mát hay hư hỏng này Nhà thầu phải gửi thông báo cho Nhà tư vấn và sẽ có quyền theo Khoản 20.1 [Khiếu nại của Nhà thầu] được:

- (a) gia hạn thời gian vì sự chậm trễ này, nếu việc hoàn thành bị hoặc sẽ bị chậm trễ, theo Khoản 8.4 [*Gia hạn Thời gian Hoàn thành*], và
- (b) thanh toán mọi Chi phí, được tính vào Giá Hợp đồng. Trong trường hợp mục (f) và (g) của Khoản 17.3 [*Rủi ro của Chủ đầu tư*], Chi phí cộng với tiền lãi phải được thanh toán.

Sau khi nhận thông báo tiếp theo này, Nhà tư vấn phải thực hiện theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để đồng ý hoặc quyết định các vấn đề này.

17.5

Quyền Sở hữu Công nghiệp và Trí tuệ

Trong Khoản này, “sự xâm phạm” nghĩa là sự xâm phạm (hay bị cho là xâm phạm) bất cứ bằng sáng chế; thiết kế đã đăng ký, tác quyền, nhãn hiệu, tên thương mại, bí mật thương mại hay Quyền Sở hữu Công nghiệp và Trí tuệ khác liên quan đến Công trình; và “khiếu nại” nghĩa là sự đòi hỏi quyền lợi (hay kiện tụng đòi hỏi quyền lợi) do thấy rằng bị xâm phạm.

Khi một Bên không gửi thông báo cho Bên kia về bất cứ khiếu nại nào trong vòng 28 ngày từ khi tiếp nhận khiếu nại, Bên đó sẽ bị coi là mất mọi quyền bồi thường theo Khoản này.

Chủ đầu tư phải bồi thường và giữ cho Nhà thầu không bị tổn hại khỏi và từ bất kỳ khiếu nại nào cho rằng bị xâm phạm, đó là hoặc đã là:

- (a) kết quả không tránh khỏi do sự tuân thủ của Nhà thầu theo Hợp đồng, hay
- (b) kết quả do việc sử dụng bất kỳ Công trình nào bởi Chủ đầu tư;
 - (i) vì một mục đích khác không phải là mục đích được chỉ ra, hoặc được suy ra một cách thích đáng bởi Hợp đồng, hoặc
 - (ii) liên quan đến bất kỳ thứ gì không được cung cấp bởi Nhà thầu, trừ khi việc sử dụng như vậy đã được báo cho Nhà thầu trước Ngày Cơ sở hoặc được nêu trong Hợp đồng.

Nhà thầu phải bồi thường và giữ cho Chủ đầu tư không bị tổn hại khỏi và từ bất kỳ khiếu nại nào khác nảy sinh hoặc liên quan đến (i) việc chế tạo, sử dụng, bán hoặc nhập khẩu Hàng hóa, hoặc (ii) bất kỳ thiết kế nào mà Nhà thầu chịu trách nhiệm.

Nếu một Bên có quyền được bồi thường theo Khoản này, Bên bồi thường có thể (bằng chi phí của mình) tiến hành các cuộc đàm phán để giải quyết khiếu nại, và bất cứ kiện tụng hay phân xử nào có thể nảy sinh từ đó. Bên kia sẽ, theo yêu cầu và bằng chi phí của Bên bồi thường, phải tham gia đàm phán về khiếu nại. Bên kia này (cùng với Nhân viên của mình) sẽ không làm bất cứ điều gì có thể làm tổn hại đến Bên bồi thường, trừ khi Bên bồi thường không thực hiện bất kỳ cuộc đàm phán, kiện tụng hay giải quyết tranh chấp nào khi được Bên kia yêu cầu.

17.6

Giới hạn Trách nhiệm

Không Bên nào phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với Bên kia cho tổn thất của việc sử dụng Công trình, tổn thất về lợi nhuận, tổn thất của bất kỳ hợp đồng nào hoặc cho tổn thất hay thiệt hại gián tiếp hoặc do hậu quả để lại mà Bên kia có thể phải chịu liên quan đến Hợp đồng, ngoài những quy định trong Khoản 8.7 [*Thiệt hại do Chậm trễ*]; Khoản 11.2 [*Chi phí Sửa chữa Sai sót*]; Khoản 15.4 [*Thanh toán sau khi Chấm dứt hợp đồng*]; Khoản 16.4 [*Thanh toán khi Chấm dứt hợp đồng*]; Khoản 17.1 [*Bồi thường*]; Khoản 17.4(b) [*Hậu quả các Rủi ro của Chủ đầu tư*] và Khoản 17.5 [*Quyền Sở hữu Công nghiệp và Trí tuệ*].

Toàn bộ trách nhiệm pháp lý của Nhà thầu đối với Chủ đầu tư, theo hoặc liên quan đến Hợp đồng ngoài Khoản 4.19 [*Điện, Nước và Khí đốt*], Khoản 4.20 [*Thiết bị của Chủ đầu tư và Vật liệu cấp Miễn phí*], Khoản 17.1 [*Bồi thường*] và Khoản 17.5 [*Quyền Sở hữu Công nghiệp và Trí tuệ*], không được vượt quá tổng số tiền do kết quả của việc áp dụng số nhân (nhỏ hơn hoặc lớn hơn một) cho Giá trị Hợp đồng được chấp thuận, như được quy định trong Dữ liệu Hợp đồng, hoặc Giá trị Hợp đồng được chấp thuận (nếu số nhân đó hoặc tổng số khác không được nêu).

Khoản này sẽ không Giới hạn Trách nhiệm pháp lý trong các trường hợp gian dối, bỏ cuộc cố ý hay cư xử sai trái một cách liêu lĩnh bởi Bên phạm lỗi.

17.7

Sử dụng Tiện nghi/ Phương tiện của Chủ đầu tư

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với việc quan tâm chú ý các tiện nghi và phương tiện được Chủ đầu tư cung cấp, nếu có, như được nêu chi tiết trong Bản chỉ dẫn kỹ thuật, kể từ các ngày bàn giao tương ứng cho Nhà thầu cho đến khi chấm dứt việc sử dụng (khi bàn giao hoặc chấm dứt việc sử dụng có thể diễn ra sau ngày được nêu trong Chứng chỉ Nghiệm thu Công trình).

Nếu bất kỳ sự mất mát hay hư hỏng nào xảy ra đối với các mục trên trong khi Nhà thầu đang chịu trách nhiệm quan tâm chú ý phát sinh từ bất kỳ nguyên nhân nào ngoài những nguyên nhân Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm, Nhà thầu phải, bằng chi phí của mình, bù đắp những mất mát hay thiệt hại đó để đáp ứng yêu cầu của Nhà tư vấn.

18

Bảo hiểm

18.1

Yêu cầu Chung về Bảo hiểm

Trong Điều này, đối với mỗi loại bảo hiểm, “Bên bảo hiểm” có nghĩa là Bên chịu trách nhiệm thực hiện và duy trì bảo hiểm được quy định trong Khoản liên quan.

Khi Nhà thầu là Bên bảo hiểm, mỗi bảo hiểm phải được thực hiện bởi các nhà bảo hiểm với các khoản mục được Chủ đầu tư phê duyệt. Các khoản mục này phải tương thích với các khoản mục được cả hai Bên thỏa thuận trước ngày có Thư Chấp thuận. Thỏa thuận về các khoản mục này phải được ưu tiên đứng trên các quy định của Điều này.

Khi Chủ đầu tư là Bên bảo hiểm, mỗi bảo hiểm phải được thực hiện bởi các nhà bảo hiểm với các khoản mục được Nhà thầu chấp thuận. Các khoản mục này phải tương thích với các khoản mục nào được cả hai Bên thỏa thuận trước ngày có Thư chấp thuận. Thỏa thuận về các khoản mục này phải được ưu tiên đứng trên các quy định của Điều này.

Nếu một hợp đồng bảo hiểm bị yêu cầu phải bồi thường cho nhiều đối tượng được bảo hiểm, thì việc bồi thường phải được áp dụng riêng cho mỗi đối tượng được bảo hiểm như thể là một hợp đồng bảo hiểm riêng biệt đã được cấp cho mỗi đối tượng trong bảo hiểm chung. Nếu một hợp đồng bảo hiểm bồi thường cho đối tượng được bảo hiểm chung bổ sung, cụ thể là thêm đối tượng được bảo hiểm được quy định trong Điều này, (i) Nhà thầu sẽ đại diện cho đối tượng được bảo hiểm chung bổ sung này hành động theo Hợp đồng bảo hiểm ngoại trừ việc Chủ đầu tư sẽ đại diện cho Nhân lực của Chủ đầu tư, (ii) đối tượng được bảo hiểm chung bổ sung sẽ không có quyền nhận các khoản thanh toán trực tiếp từ nhà bảo hiểm hoặc có bất kỳ giao dịch trực tiếp nào với nhà bảo hiểm, và (iii) Bên bảo hiểm phải yêu cầu mọi đối tượng được bảo hiểm chung bổ sung phải tuân thủ các điều kiện quy định trong hợp đồng bảo hiểm.

Mỗi hợp đồng bảo hiểm cho tổn thất hoặc thiệt hại sẽ quy định các khoản thanh toán được thực hiện bằng các loại đồng tiền được yêu cầu để bù đắp cho tổn thất và thiệt hại. Các khoản thanh toán được nhận từ nhà bảo hiểm phải được sử dụng để bù đắp tổn thất hay thiệt hại.

Bên bảo hiểm liên quan, trong khoảng thời gian tương ứng được nêu trong Dữ liệu Hợp đồng (được tính toán từ Ngày Bắt đầu công việc), phải nộp cho Bên kia:

- (a) bằng chứng về việc những bảo hiểm được mô tả trong Điều này đã được thực hiện, và
- (b) các bản sao các hợp đồng bảo hiểm cho những bảo hiểm được mô tả trong Khoản 18.2 [*Bảo hiểm cho Công trình và Thiết bị của Nhà thầu*], và Khoản 18.3 [*Bảo hiểm Thương tật cho Người và Thiệt hại về tài sản*].

Khi phí bảo hiểm đã được thanh toán, Bên bảo hiểm phải nộp bằng chứng về việc thanh toán cho Bên kia. Bất kể khi nào chứng từ hay hợp đồng bảo hiểm được nộp, Bên bảo hiểm cũng phải thông báo cho Nhà tư vấn.

Mỗi Bên đều phải tuân thủ theo các điều kiện được quy định trong mỗi hợp đồng bảo hiểm. Bên bảo hiểm phải thông báo cho nhà bảo hiểm các thông tin liên quan đến các thay đổi trong thi công Công trình và đảm bảo rằng bảo hiểm sẽ được duy trì theo Điều này.

Không Bên nào được thực hiện bất kỳ thay đổi quan trọng nào đối với các khoản mục của bất kỳ bảo hiểm nào mà không có sự chấp thuận trước của Bên kia. Nếu nhà bảo hiểm thay đổi (hay dự định) thay đổi, thì Bên được nhà bảo hiểm thông báo trước phải thông báo ngay cho Bên kia.

Nếu Bên bảo hiểm không thực hiện và đảm bảo hiệu lực bảo hiểm như yêu cầu thực hiện và duy trì theo Hợp đồng, hoặc không cung cấp chứng cứ đầy đủ và bản sao các hợp đồng bảo hiểm đầy đủ đúng với Khoản này, Bên kia có thể (theo sự lựa chọn của mình và không gây tổn hại cho bất cứ quyền hay việc bồi thường nào khác) thực hiện bảo hiểm cho phạm vi bảo hiểm liên quan và trả tiền phí bảo hiểm. Bên bảo hiểm phải thanh toán các khoản phí bảo hiểm này cho Bên kia và Giá Hợp đồng sẽ được điều chỉnh tương ứng.

Không có quy định nào trong Điều này giới hạn nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lý hoặc trách nhiệm của Nhà thầu hay Chủ đầu tư, theo các điều khoản khác của Hợp đồng hay các quy định khác. Mọi khoản không được bảo hiểm hay không được bồi thường bởi nhà bảo hiểm phải do Nhà thầu và/hoặc Chủ đầu tư gánh chịu theo các nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lý hoặc trách nhiệm. Tuy nhiên, nếu Bên bảo hiểm không thực hiện và không đảm bảo hiệu lực mỗi bảo hiểm hiện có mà được yêu cầu thực hiện và duy trì theo Hợp đồng, và Bên kia cũng không đồng ý hủy bỏ và cũng không thực hiện bảo hiểm cho phạm vi bảo hiểm liên quan đến sai phạm này, thì mọi khoản tiền lẽ ra đã được bồi thường theo bảo hiểm này sẽ được thanh toán bởi Bên bảo hiểm.

Các khoản thanh toán bởi một Bên cho Bên khác sẽ theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] hay Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*], trong trường hợp áp dụng.

Nhà thầu được quyền thực hiện tất cả các bảo hiểm liên quan đến Hợp đồng (bao gồm, nhưng không giới hạn bảo hiểm được đề cập đến trong Điều 18) đối với các công ty bảo hiểm từ bất kỳ nước nào thích hợp.

18.2

Bảo hiểm cho Công trình và Thiết bị của Nhà thầu

Bên bảo hiểm phải bảo hiểm cho Công trình, Thiết bị, Vật liệu và Tài liệu của Nhà thầu không thấp hơn toàn bộ chi phí phục hồi bao gồm cả các chi phí phá dỡ, di dời chất thải xây dựng và các phí nghiệp vụ và tiền lãi. Bảo hiểm này sẽ có hiệu lực từ ngày bằng chứng được nộp theo mục (a) của Khoản 18.1 [*Yêu cầu Chung về Bảo hiểm*], tới ngày phát hành Chứng chỉ Nghiệm thu Công trình.

Bên bảo hiểm phải duy trì bảo hiểm này để cung cấp bảo hiểm cho đến ngày phát hành Chứng nhận Hoàn thành, cho tổn thất hoặc thiệt hại mà Nhà thầu chịu trách nhiệm phát sinh từ nguyên nhân xảy ra trước khi phát hành Chứng chỉ Nghiệm thu, và cho tổn thất hoặc thiệt hại gây nên bởi Nhà thầu trong quá trình hoạt động khác (bao gồm những tổn thất hoặc thiệt hại theo Điều 11 [*Trách nhiệm đối với Sai sót*]).

Bên bảo hiểm phải bảo hiểm cho các Thiết bị của Nhà thầu không ít hơn toàn bộ giá trị thay thế, bao gồm cả vận chuyển đến Công trình. Đối với mỗi hạng mục

Thiết bị của Nhà thầu, bảo hiểm phải có hiệu lực trong khi thiết bị đang được vận chuyển đến Công trình và cho đến khi nó không còn được yêu cầu như là Thiết bị của Nhà thầu nữa.

Trừ khi có quy định khác trong Điều kiện Riêng, các bảo hiểm theo Khoản này:

- (a) phải được thực hiện và duy trì bởi Nhà thầu với tư cách Bên bảo hiểm,
- (b) phải đứng tên chung của các Bên, mà họ có quyền cùng nhận các khoản thanh toán từ các nhà bảo hiểm, các khoản thanh toán đang được giữ hoặc được phân bổ cho Bên thực tế chịu chi phí bù đắp tổn thất hoặc thiệt hại.
- (c) phải bù đắp toàn bộ các tổn thất hay thiệt hại do bất cứ nguyên nhân nào không được liệt kê trong Khoản 17.3 [*Rủi ro của Chủ đầu tư*],
- (d) phải bù đắp, trong phạm vi đặc biệt được yêu cầu trong hồ sơ mời thầu của Hợp đồng, tổn thất hay thiệt hại cho một bộ phận của Công trình được quy cho việc sử dụng hoặc chiếm giữ bộ phận khác của Công trình bởi Chủ đầu tư, và tổn thất hay thiệt hại từ những rủi ro được liệt kê trong mục (c), (g) và (h) Khoản 17.3 [*Rủi ro của Chủ đầu tư*], loại trừ (trong mỗi trường hợp) những rủi ro mà không thể bảo hiểm được với các khoản mục hợp lý về mặt thương mại, với mức miễn trừ cho từng sự cố không lớn hơn khoản được nêu trong Dữ liệu Hợp đồng (nếu khoản này không được nêu, mục (d) sẽ không được áp dụng), và
- (e) tuy nhiên có thể loại trừ tổn thất hoặc thiệt hại và sự phục hồi nguyên trạng của:
 - (i) một bộ phận của Công trình ở trong điều kiện sai sót do sai phạm trong thiết kế, vật liệu hay trình độ tay nghề (nhưng phạm vi bảo hiểm sẽ gồm bất kỳ bộ phận nào khác bị tổn thất hoặc thiệt hại như là kết quả trực tiếp của điều kiện sai sót này và không như được miêu tả trong điểm (ii) dưới đây),
 - (ii) một bộ phận của Công trình bị tổn thất hoặc thiệt hại nhằm phục hồi bất kỳ bộ phận nào khác của Công trình nếu bộ phận kia ở trong điều kiện sai sót do sai phạm trong thiết kế, Vật liệu hay trình độ tay nghề,
 - (iii) một bộ phận của Công trình được Chủ đầu tư nghiệm thu, loại trừ phạm vi mà Nhà thầu chịu trách nhiệm pháp lý đối với tổn thất hoặc thiệt hại, và
 - (iv) các Hàng hóa không có trong Nước sở tại, theo Khoản 14.5 [*Thiết bị và Vật liệu dùng cho Công trình*].

Nếu quá một năm sau Ngày Cơ sở, phạm vi bảo hiểm được mô tả trong mục (d) trên đây không còn là các khoản mục hợp lý có tính thương mại, Nhà thầu phải (với tư cách là Bên bảo hiểm) đưa ra thông báo cho Chủ đầu tư, với các chi tiết chứng minh. Chủ đầu tư sau đó (i) sẽ có quyền theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] được thanh toán một khoản tương đương các khoản mục hợp lý có tính thương mại như Nhà thầu đã dự kiến trả cho phạm vi bảo hiểm đó, và (ii) được xem là, trừ khi Chủ đầu tư có được phạm vi bảo hiểm ở các khoản mục hợp lý có tính thương mại, đã chấp nhận sự bỏ sót theo Khoản 18.1 [*Yêu cầu Chung về Bảo hiểm*].

18.3

Bảo hiểm Thương tật cho Người và Thiệt hại về tài sản

Bên bảo hiểm phải bảo hiểm đối với trách nhiệm pháp lý của mỗi Bên về bất kỳ tổn thất, thiệt hại, tử vong hay tổn hại thân thể có thể xảy ra đối với mọi tài sản vật chất (ngoại trừ những thứ được bảo hiểm theo Khoản 18.2 [*Bảo hiểm cho Công trình và Thiết bị của Nhà thầu*] hoặc đối với bất kỳ người nào (ngoại trừ những người được bảo hiểm theo Khoản 18.4 [*Bảo hiểm cho Nhân lực của Nhà thầu*]), có thể xảy ra do việc thực hiện Hợp đồng của Nhà thầu và xảy ra trước khi phát hành Chứng nhận Hoàn thành công trình.

Bảo hiểm này phải giới hạn cho mỗi sự cố không ít hơn số tiền được nêu trong Dữ liệu Hợp đồng, với không giới hạn số lượng sự cố. Nếu số tiền không được nêu trong Dữ liệu Hợp đồng, thì Khoản này sẽ không áp dụng.

Ngoại trừ có quy định khác trong Điều kiện Riêng, các bảo hiểm được quy định trong Khoản này:

- (a) phải có hiệu lực và được duy trì bởi Nhà thầu với tư cách là Bên bảo hiểm,
- (b) phải có các tên chung của các Bên,
- (c) phải được mở rộng để bảo hiểm đối với trách nhiệm pháp lý cho mọi tổn thất hoặc thiệt hại về tài sản của Chủ đầu tư (trừ những thứ được bảo hiểm theo khoản 18.2) phát sinh từ việc thực hiện Hợp đồng của Nhà thầu, và
- (d) tuy nhiên, có thể loại trừ trách nhiệm pháp lý trong phạm vi phát sinh từ:
 - (i) quyền của Chủ đầu tư được xây dựng Công trình Vĩnh cửu ở trên, phía trên, bên dưới, trong hoặc xuyên qua bất kỳ vùng đất nào, và chiếm giữ vùng đất này cho Công trình Vĩnh cửu,
 - (ii) thiệt hại là kết quả không tránh khỏi của các trách nhiệm của Nhà thầu trong thi công Công trình và sửa chữa mọi sai sót, và
 - (iii) một nguyên nhân được nêu trong Khoản 17.3 [*Rủi ro của Chủ đầu tư*], ngoại trừ việc phạm vi bảo hiểm cho các khoản mục hợp lý có tính thương mại.

18.4

Bảo hiểm cho Nhân lực của Nhà thầu

Nhà thầu phải thực hiện và duy trì bảo hiểm đối với trách nhiệm pháp lý cho các khiếu nại, thiệt hại, tổn thất và chi phí (bao gồm các phí và chi phí pháp lý) phát sinh từ thương tật, ốm đau, bệnh tật hay tử vong của bất kỳ người nào được Nhà thầu thuê hay bất kỳ Nhân lực của Nhà thầu nào khác.

Bảo hiểm phải đảm bảo cho Chủ đầu tư và Nhà tư vấn khỏi trách nhiệm từ các khiếu nại, thiệt hại, tổn thất và chi phí (bao gồm các phí và chi phí pháp lý) phát sinh từ thương tật, ốm đau, bệnh tật hay tử vong của bất kỳ người nào được Nhà thầu thuê hay bất kỳ Nhân lực của Nhà thầu nào khác, ngoại trừ việc bảo hiểm này có thể không gồm các tổn thất và khiếu nại phát sinh từ bất kỳ hành vi hay sự bất cẩn nào của Chủ đầu tư hay Nhân lực của Chủ đầu tư.

Bảo hiểm phải được duy trì đầy đủ giá trị và hiệu lực trong suốt toàn bộ thời gian mà các nhân viên này có mặt trong quá trình thi công Công trình. Đối với các nhân công của Nhà thầu phụ, bảo hiểm này có thể do Nhà thầu phụ thực hiện, nhưng Nhà thầu phải có trách nhiệm đối với việc tuân thủ theo Điều này.

19

Bất khả kháng

19.1

Định nghĩa về Bất khả kháng

Trong Điều này, “Bất khả kháng” có nghĩa là một sự việc hoặc trường hợp bất thường:

- (a) ngoài khả năng kiểm soát của một Bên,
- (b) Bên đó không thể dự phòng một cách hợp lý trước khi ký kết Hợp đồng,
- (c) đã xảy ra mà Bên đó không thể tránh hay không khắc phục được một cách hợp lý, và
- (d) thực tế không thể quy cho Bên kia.

Bất khả kháng có thể gồm, nhưng không giới hạn, những sự việc hay trường hợp bất thường thuộc các loại được liệt kê dưới đây, nếu thỏa mãn các điều kiện từ (a) đến (d) ở trên:

- (i) chiến tranh, tình trạng chiến tranh (bất kể có tuyên bố chiến tranh hay không), xâm lược, hoạt động của kẻ thù nước ngoài,
- (ii) nổi loạn, khủng bố, phá hoại bởi các đối tượng không phải Nhân lực của Nhà thầu gây ra, cách mạng, khởi nghĩa, quân sự hoặc đảo chính, hoặc nội chiến,
- (iii) phá rối, bạo động, náo loạn, bãi công hoặc bị bao vây bởi các đối tượng không phải là Nhân lực của Nhà thầu gây ra,
- (iv) bom đạn chiến tranh, chất nổ, phóng xạ ion hóa hoặc ô nhiễm từ bức xạ tần số radio trong Nước sở tại, ngoại trừ có thể quy kết cho Nhà thầu sử dụng đạn của chiến tranh, chất nổ, phóng xạ hoặc bức xạ tần số radio, và
- (iv) các thiên tai như động đất, lở, bão lớn hay hoạt động của núi lửa.

19.2

Thông báo về Bất khả kháng

Nếu một Bên bị hoặc sẽ bị cản trở thực hiện bất kỳ nghĩa vụ quan trọng nào của mình theo Hợp đồng do Bất khả kháng, thì Bên đó phải gửi thông báo cho Bên kia về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng Bất khả kháng và phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc đã và/hoặc sẽ bị cản trở. Thông báo phải được gửi trong vòng 14 ngày sau khi Bên đó nhận biết được, hoặc lẽ ra đã nhận biết được về sự việc hoặc trường hợp gây nên Bất khả kháng.

Bên đó, khi đã thông báo, phải được miễn thực hiện nghĩa vụ của mình trong thời gian Bất khả kháng cản trở việc thực hiện của họ.

Dù có các quy định nào khác của Khoản này, thì Bất khả kháng cũng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ Bên nào cho Bên kia theo Hợp đồng.

19.3

Nghĩa vụ Giảm thiểu sự Chậm trễ

Mỗi Bên luôn phải có nỗ lực một cách hợp lý để giảm thiểu mọi sự chậm trễ trong thực hiện Hợp đồng do Bất khả kháng.

Một Bên phải gửi thông báo cho Bên kia khi không còn bị ảnh hưởng bởi Bất khả kháng.

19.4

Hậu quả của Bất khả kháng

Nếu Nhà thầu bị cản trở thực hiện bất kỳ nghĩa vụ quan trọng nào của mình theo Hợp đồng do Bất khả kháng mà đã gửi thông báo theo Khoản 19.2 [*Thông báo về Bất khả kháng*], và bị chậm trễ và/hoặc chịu Chi phí do Bất khả kháng, Nhà thầu có quyền theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] được:

- (a) gia hạn thời gian cho mọi chậm trễ như vậy, nếu việc hoàn thành bị chậm hoặc sẽ bị chậm trễ, theo Khoản 8.4 [*Gia hạn Thời gian Hoàn thành*], và
- (b) thanh toán mọi Chi phí phát sinh, bao gồm các chi phí cho việc sửa chữa và thay thế Công trình và/hoặc Hàng hóa bị hư hỏng hoặc bị phá hủy bởi trường hợp Bất khả kháng, ở phạm vi chúng không được đền bù theo chính sách bảo hiểm được quy định trong Khoản 18.2 [*Bảo hiểm cho Công trình và Thiết bị của Nhà thầu*], nếu sự việc hay trường hợp thuộc loại được mô tả trong mục từ (i) tới (iv) của Khoản 19.1 [*Định nghĩa về Bất khả kháng*] và, trong trường hợp từ mục (ii) tới (iv), xảy ra ở Nước sở tại.

Sau khi nhận được thông báo này, Nhà tư vấn phải thực hiện theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để đồng ý hoặc quyết định các vấn đề này.

19.5

Bất khả kháng Ảnh hưởng đến Nhà thầu phụ

Nếu bất kỳ Nhà thầu phụ nào có quyền theo hợp đồng hoặc theo thỏa thuận liên quan đến Công trình được giảm nhẹ từ Bất khả kháng theo các điều khoản bổ sung hay rộng hơn những gì đã quy định trong Điều này, thì những sự việc hoặc trường hợp Bất khả kháng bổ sung hay rộng hơn này sẽ không miễn cho Nhà thầu không phải thực hiện hoặc cho phép Nhà thầu được giảm nhẹ theo Điều này.

19.6

Chấm dứt có Lựa chọn, Thanh toán, Miễn trách nhiệm

Nếu về cơ bản toàn bộ Công trình đang thực hiện bị cản trở liên tục trong thời gian 84 ngày do Bất khả kháng mà đã được thông báo theo Khoản 19.2 [*Thông báo về Bất khả kháng*], hoặc trong nhiều khoảng thời gian mà có tổng số trên 140 ngày do cùng Bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai Bên có thể gửi thông báo chấm dứt Hợp đồng cho Bên kia. Trong trường hợp này, việc chấm dứt Hợp đồng sẽ có hiệu lực 7 ngày sau khi có thông báo và Nhà thầu phải thực hiện theo Khoản 16.3 [*Tạm ngừng Công việc và Di dời các Thiết bị của Nhà thầu*].

Khi chấm dứt hợp đồng như vậy, Nhà tư vấn phải xác định giá trị công việc đã được thực hiện và cấp Chứng nhận Thanh toán bao gồm:

- (a) các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được thực hiện mà giá đã được nêu trong Hợp đồng;
- (b) Chi phí Thiết bị và Vật liệu đã được đặt mua cho Công trình những thứ mà đã được chuyển tới cho Nhà thầu, hoặc những thứ Nhà thầu chấp nhận giao: Thiết bị và Vật liệu này sẽ trở thành tài sản (và có thể là rủi ro) của Chủ đầu tư khi được Chủ đầu tư thanh toán, và Nhà thầu phải để cho Chủ đầu tư tùy ý sử dụng;
- (c) mọi Chi phí hoặc trách nhiệm khác mà trong trường hợp Nhà thầu đã phải gánh chịu một cách hợp lý và cần thiết với mong muốn hoàn thành Công trình;
- (d) Chi phí di dời các Công trình Tạm và Thiết bị của Nhà thầu từ Công trường và chuyển chúng tới công trình của Nhà thầu ở nước của họ (hoặc đến một nơi khác với chi phí không lớn hơn); và

- (e) Chi phí hồi hương cho đội ngũ nhân viên và người lao động được Nhà thầu thuê làm toàn bộ thời gian cho Công trình vào thời điểm chấm dứt Hợp đồng.

19.7

Miễn trách nhiệm Thực hiện theo Luật

Bất kể quy định nào khác của Điều này, nếu một sự việc hay trường hợp ngoài khả năng kiểm soát của các Bên (bao gồm, nhưng không giới hạn, Bất khả kháng) xảy ra mà làm một hoặc hai Bên không thể hoàn thành hoặc không tuân theo luật để hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng của một hoặc hai Bên hoặc, theo luật điều chỉnh Hợp đồng, mà cho phép các Bên được miễn thực hiện Hợp đồng, khi có thông báo của Bên này cho Bên kia về sự việc hoặc trường hợp này thì:

- (a) các Bên sẽ hết nghĩa vụ tiếp tục thực hiện công việc, mà không làm phương hại các quyền của mỗi Bên đối với bất kỳ sự vi phạm Hợp đồng nào trước đó, và
- (b) số tiền Chủ đầu tư phải trả cho Nhà thầu bằng với số tiền phải trả theo Khoản 19.6 [*Chấm dứt có Lựa chọn, Thanh toán, Miễn trách nhiệm*] nếu Hợp đồng bị chấm dứt theo Khoản 19.6.

20

Khiếu nại, Tranh chấp và Trọng tài

20.1

Khiếu nại của Nhà thầu

Nếu Nhà thầu tự cho rằng mình có quyền đối với bất cứ sự gia hạn nào về Thời gian Hoàn thành và/hoặc bất cứ khoản thanh toán thêm nào, theo bất cứ Điều nào của các Điều kiện này hoặc quy định khác có liên quan đến Hợp đồng, thì Nhà thầu phải gửi thông báo cho Nhà tư vấn, mô tả về sự việc hoặc tình huống dẫn tới phát sinh khiếu nại. Thông báo này phải được gửi ngay khi có thể, và không muộn hơn 28 ngày sau khi Nhà thầu đã nhận biết được, hoặc lẽ ra đã nhận biết được, về sự việc hoặc tình huống đó.

Nếu Nhà thầu, trong thời gian 28 ngày đó, không gửi được thông báo về khiếu nại, thì Thời gian Hoàn thành sẽ không được gia hạn thêm, Nhà thầu sẽ không có quyền được thanh toán thêm, và Chủ đầu tư sẽ được miễn trừ toàn bộ nghĩa vụ pháp lý có liên quan đến khiếu nại. Nếu không như vậy, thì sẽ áp dụng các quy định tiếp theo đây của Khoản này.

Nhà thầu cũng phải đệ trình bất cứ thông báo nào khác theo yêu cầu của Hợp đồng, và các chi tiết hỗ trợ cho việc khiếu nại, toàn bộ những gì có liên quan đến sự việc hoặc tình huống đó.

Nhà thầu phải lưu giữ các hồ sơ hiện có ở mức độ cần thiết để chứng minh cho bất cứ khiếu nại nào, hoặc là tại Công trường hoặc là ở một địa điểm khác được Nhà tư vấn chấp nhận. Khi chưa thừa nhận về nghĩa vụ pháp lý của Chủ đầu tư, sau khi nhận được bất cứ thông báo nào theo Khoản này, Nhà tư vấn có thể giám sát công tác lưu giữ hồ sơ và/hoặc chỉ dẫn Nhà thầu tiếp tục lưu giữ các hồ sơ hiện có. Nhà thầu phải cho phép Nhà tư vấn kiểm tra toàn bộ các hồ sơ này, và (nếu được chỉ dẫn) sẽ phải nộp các bản sao cho Nhà tư vấn.

Trong vòng 42 ngày sau khi Nhà thầu đã nhận biết được (hoặc lẽ ra đã nhận biết được) về sự việc hoặc tình huống dẫn đến phát sinh khiếu nại, hoặc trong một khoảng thời gian nào khác tương tự có thể do Nhà thầu đề xuất và được Nhà tư vấn chấp thuận, Nhà thầu phải gửi cho Nhà tư vấn một bản khiếu nại có đầy đủ chi tiết, trong đó bao gồm toàn bộ các chi tiết hỗ trợ làm cơ sở cho việc khiếu nại và các chi tiết của việc gia hạn thêm thời gian và/hoặc việc thanh toán thêm theo như khiếu nại. Nếu sự việc hoặc tình huống làm phát sinh khiếu nại có ảnh hưởng liên tục, thì:

- (a) bản khiếu nại với đầy đủ các chi tiết này sẽ được xem là tạm thời;
- (b) hàng tháng, Nhà thầu phải gửi thêm các khiếu nại tạm thời, trong đó đưa ra số thời gian trễ được tính lũy kế và/hoặc số tiền được khiếu nại, và các chi tiết bổ sung thêm mà Nhà tư vấn có thể yêu cầu một cách hợp lý; và
- (c) Nhà thầu phải gửi bản khiếu nại cuối cùng trong vòng 28 ngày sau khi kết thúc các ảnh hưởng do sự việc hoặc tình huống gây ra, hoặc trong khoảng thời gian nào khác tương tự có thể do Nhà thầu đề xuất và được Nhà tư vấn chấp thuận.

Trong vòng 42 ngày sau khi nhận được khiếu nại hoặc bất cứ chi tiết hỗ trợ thêm nào khác cho một khiếu nại đã có trước đó, hoặc trong khoảng thời gian nào khác tương tự có thể do Nhà tư vấn đề xuất và được Nhà thầu chấp thuận, Nhà tư vấn phải trả lời với việc chấp thuận, hoặc không chấp thuận và các ý kiến cụ thể. Nhà tư vấn cũng có thể yêu cầu cung cấp thêm bất cứ chi tiết cần thiết nào khác, tuy nhiên sẽ đưa ra câu trả lời của mình theo các nguyên tắc của khiếu nại trong khoảng thời gian xác định trên.

Trong khoảng thời gian 42 ngày được quy định trên đây, Nhà tư vấn phải thực hiện theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để đồng ý hoặc quyết định (i) việc gia hạn (nếu có) Thời gian Hoàn thành (trước hoặc sau hạn định) theo Khoản 8.4 [*Gia hạn Thời gian Hoàn thành*], và/hoặc thanh toán thêm (nếu có) mà Nhà thầu được quyền theo Hợp đồng.

Mỗi Chứng nhận Thanh toán phải bao gồm các khoản tiền bổ sung như vậy cho bất cứ khiếu nại nào đã được chứng minh một cách hợp lý là xứng đáng theo điều khoản liên quan của Hợp đồng. Trừ khi và cho đến khi các chi tiết được cung cấp đã đủ để chứng minh được toàn bộ khiếu nại, Nhà thầu sẽ chỉ được quyền thanh toán cho phần khiếu nại mà họ đã có thể chứng minh được.

Nếu Nhà tư vấn không trả lời trong khoảng thời gian được xác định trong Điều này, một trong hai Bên có thể xem là khiếu nại bị từ chối bởi Nhà tư vấn và bất cứ Bên nào có thể đưa lên Ban Tranh chấp theo Khoản 20.4 [*Đạt được Quyết định của Ban Tranh chấp*].

Các yêu cầu của Khoản này là phần bổ sung thêm cho các yêu cầu của bất cứ Khoản nào khác có thể áp dụng cho một khiếu nại. Nếu Nhà thầu không tuân thủ theo Khoản này hoặc Khoản khác có liên quan đến bất cứ khiếu nại nào, thì bất kỳ sự gia hạn thời gian nào và/hoặc bất cứ khoản thanh toán thêm nào đều sẽ phải xét đến mức độ (nếu có) mà sự vi phạm này đã làm cản trở hoặc làm phương hại đến việc điều tra chính đáng về khiếu nại, trừ khi khiếu nại không thuộc đoạn thứ hai của Khoản này.

20.2

Chỉ định Ban Tranh chấp

Các tranh chấp sẽ được chuyển tới Ban Tranh chấp (DB) để phân xử theo Khoản 20.4 [*Đạt được Quyết định của Ban Tranh chấp*]. Các Bên sẽ cùng chỉ định ra một Ban Tranh chấp vào thời hạn được nêu trong Dữ liệu Hợp đồng.

Ban Tranh chấp gồm, như được quy định trong Dữ liệu Hợp đồng, một hoặc ba thành viên có trình độ phù hợp ("các thành viên"), mỗi người trong số đó phải thông thạo ngôn ngữ giao tiếp được quy định trong Hợp đồng và phải có kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực xây dựng được đòi hỏi cho Công trình và có khả năng diễn giải của các tài liệu hợp đồng. Nếu số lượng thành viên không được quy định như vậy và các Bên không có thỏa thuận khác, thì Ban Tranh chấp sẽ gồm ba thành viên.

Nếu các Bên không cùng nhau cử ra được một Ban Tranh chấp trong vòng 21 ngày trước ngày được nêu trong Dữ liệu Hợp đồng và Ban Tranh chấp bao gồm ba thành viên, thì mỗi Bên sẽ cử một thành viên để cho phía Bên kia chấp thuận. Các Bên sẽ lấy ý kiến của cả hai thành viên này và sẽ thống nhất về thành viên thứ ba, người sẽ được chỉ định làm Chủ tịch.

Tuy nhiên, nếu trong Hợp đồng có bao gồm một danh sách các thành viên dự trù đã được các Bên thống nhất, thì sẽ lựa chọn các thành viên từ số người có trong danh sách này, ngoại trừ bất kỳ người nào không phù hợp hoặc không mong muốn chấp nhận sự chỉ định vào Ban Tranh chấp.

Sự thống nhất giữa các Bên và hoặc là thành viên duy nhất hoặc từng thành viên trong ba thành viên phải kết hợp với việc tham khảo Điều kiện Chung của Thỏa thuận Ban Tranh chấp có trong Phụ lục của Điều kiện Chung này, với các sửa đổi được thống nhất giữa họ.

Các điều khoản về mức tiền thù lao cho hoặc của thành viên duy nhất hoặc của từng thành viên trong ba thành viên, bao gồm cả khoản thù lao của chuyên gia mà Ban Tranh chấp hỏi ý kiến, sẽ được các Bên cùng thống nhất khi thỏa thuận về các điều khoản của việc chỉ định. Mỗi Bên sẽ có trách nhiệm chi trả một nửa số tiền thù lao này.

Nếu ở bất kỳ thời điểm nào đó mà các Bên thỏa thuận, họ có thể đưa một vấn đề lên Ban Tranh chấp để tham khảo ý kiến của họ. Không Bên nào được tham khảo ý kiến của Ban Tranh chấp về bất kỳ vấn đề nào nếu chưa thỏa thuận với Bên kia.

Nếu một thành viên từ chối đảm nhận hoặc không thể đảm nhận bởi nguyên nhân tử vong, không đủ năng lực, từ chức hoặc kết thúc nhiệm kỳ, việc thay thế phải được chỉ định theo cách tương tự đối với việc chỉ định và thỏa thuận người được thay thế, như được mô tả trong Khoản này.

Việc chỉ định bất cứ thành viên nào đều có thể được chấm dứt khi được cả hai Bên đồng ý, nhưng không phải do Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu đơn phương hành động. Trừ khi có thỏa thuận khác của cả hai Bên, việc chỉ định Ban Tranh chấp (bao gồm từng thành viên) sẽ kết thúc khi bản xác nhận hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng được nêu trong Khoản 14.12 [*Hoàn thành nghĩa vụ thanh toán*] có hiệu lực.

20.3

Không Thỏa thuận được về Thành phần Ban Tranh chấp

Nếu có bất cứ điều kiện nào sau đây được áp dụng, gồm:

- (a) các Bên không đạt được thỏa thuận về việc chỉ định thành viên duy nhất của Ban Tranh chấp vào thời hạn đã được nêu trong đoạn đầu của Khoản 20.2 [*Chỉ định Ban Tranh chấp*],
- (b) một trong hai Bên không cử được thành viên (để Bên kia chấp thuận), hoặc không chấp thuận một thành viên được chỉ định bởi Bên kia, vào Ban Tranh chấp gồm ba thành viên vào thời hạn đó,
- (c) các Bên không thống nhất về việc chỉ định thành viên thứ ba (để giữ vai trò Chủ tịch) của Ban Tranh chấp vào thời hạn đó, hoặc
- (d) các Bên không thống nhất về việc chỉ định một người thay thế trong vòng 42 ngày sau ngày mà thành viên duy nhất hoặc một trong ba thành viên từ chối hoặc không thể đảm nhận công việc do tử vong, không còn đủ năng lực, từ chức hoặc hết nhiệm kỳ,

thì cơ quan được chỉ định hoặc viên chức có tên trong Dữ liệu Hợp đồng, dựa trên yêu cầu của một Bên hoặc cả hai Bên và sau khi trao đổi ý kiến thỏa đáng với cả hai Bên, sẽ chỉ định thành viên này vào Ban Tranh chấp. Việc chỉ định này sẽ là cuối cùng và mang tính quyết định. Mỗi Bên phải có trách nhiệm trả một nửa tiền thù lao cho cơ quan hoặc viên chức được chỉ định này.

20.4

Đạt được Quyết định của Ban Tranh chấp

Nếu một tranh chấp (ở bất cứ dạng nào) xảy ra giữa các Bên có liên quan đến, hoặc phát sinh ngoài, Hợp đồng hoặc quá trình thực hiện Công trình, bao gồm bất cứ tranh chấp nào liên quan đến việc chứng nhận, quyết định, chỉ dẫn, ý kiến hoặc đánh giá của Nhà tư vấn, thì mỗi Bên có thể bằng văn bản đề nghị chuyển tranh chấp cho Ban Tranh chấp để ra quyết định, với một bản sao chuyển cho phía Bên kia và Nhà tư vấn. Việc đề nghị đó phải nêu rõ là nó được thực hiện theo Khoản này.

Đối với Ban Tranh chấp có ba thành viên, thì Ban Tranh chấp sẽ được coi như đã nhận được đề nghị này vào ngày mà Chủ tịch Ban Tranh chấp đã nhận được đề nghị đó.

Hai Bên phải ngay lập tức có đủ mọi thông tin cho Ban Tranh chấp, tạo điều kiện tiếp cận Công trường, và có các phương tiện phù hợp mà Ban Tranh chấp có thể yêu cầu để đưa ra được quyết định về tranh chấp đó. Ban Tranh chấp sẽ được coi là không hành động như (các) trọng tài.

Trong vòng 84 ngày sau khi nhận được sự đề nghị đó, hoặc trong khoảng thời gian tương tự khác có thể do Ban Tranh chấp đề xuất và được cả hai Bên chấp thuận, Ban Tranh chấp phải đưa ra quyết định của mình, quyết định này phải được trình bày hợp lý và phải nêu rõ là nó được đưa ra theo Khoản này. Quyết định sẽ ràng buộc cả hai Bên, và sẽ có hiệu lực ngay lập tức trừ khi và cho đến khi nó được chỉnh sửa theo sự hòa giải hoặc theo quyết định đưa ra của trọng tài như được mô tả dưới đây. Trừ khi Hợp đồng đã được khước từ, hủy bỏ hoặc chấm dứt, thì Nhà thầu phải tiếp tục thực hiện Công trình theo Hợp đồng.

Nếu một Bên không thỏa mãn với quyết định của Ban Tranh chấp, thì Bên đó, trong vòng 28 ngày sau khi nhận được quyết định, có thể đưa ra Thông báo việc Không thỏa mãn cho Bên kia về sự không thỏa mãn và ý định khởi sự phân xử

bằng trọng tài của mình. Nếu Ban Tranh chấp không đưa ra quyết định trong vòng 84 ngày (hoặc trong khoảng thời gian khác được chấp thuận) sau khi nhận được đề nghị đó, thì Bên đó, trong vòng 28 ngày sau thời hạn này, có thể gửi Thông báo việc Không thỏa mãn cho Bên kia.

Trong mỗi sự việc, Thông báo việc Không thỏa mãn này phải nêu rõ là nó được đưa ra theo Khoản này, và phải trình bày về vấn đề của tranh chấp và (các) nguyên nhân của việc không thỏa mãn. Ngoại trừ như được quy định trong Khoản 20.7 [*Không tuân thủ Quyết định của Ban Tranh chấp*] và Khoản 20.8 [*Hết hạn việc Chỉ định của Ban Tranh chấp*], không Bên nào được quyền khởi sự phân xử bằng trọng tài cho một tranh chấp trừ khi đã đưa ra Thông báo việc Không thỏa mãn theo Khoản này.

Nếu Ban Tranh chấp đã đưa ra quyết định của mình về một vấn đề tranh chấp đối với cả hai Bên, và không có Bên nào đưa ra Thông báo việc Không thỏa mãn trong vòng 28 ngày sau khi họ nhận được quyết định của Ban Tranh chấp, thì quyết định này sẽ là cuối cùng và ràng buộc đối với cả hai Bên.

20.5

Hòa giải

Khi đã có Thông báo việc Không thỏa mãn được đưa ra theo Khoản 20.4 nói trên, các Bên phải cố gắng để giải quyết tranh chấp bằng hòa giải trước khi khởi kiện. Tuy nhiên, trừ khi các Bên có thỏa thuận khác, Bên đưa ra Thông báo việc Không thỏa mãn theo Khoản 20.4 trên đây có thể khởi sự phân xử trọng tài sau ngày thứ 56 kể từ ngày Thông báo việc Không thỏa mãn được đưa ra, thậm chí ngay cả khi các Bên đã không có một sự cố gắng hòa giải nào.

20.6

Trọng tài

Bất kỳ tranh chấp nào giữa hai Bên phát sinh ngoài hoặc có liên quan đến Hợp đồng mà không được giải quyết bằng hòa giải theo Khoản 20.5 trên đây và trên phương diện quyết định của Ban Tranh chấp (nếu có) chưa phải là cuối cùng và ràng buộc đều phải được giải quyết lần cuối bởi trọng tài. Việc phân xử trọng tài phải được tiến hành như sau:

- (a) Nếu Hợp đồng được thực hiện bởi nhà thầu nước ngoài,
 - (i) đối với các hợp đồng được cấp vốn bởi tất cả các Ngân hàng tham gia ngoại trừ theo mục (a)(ii) dưới đây:

trọng tài quốc tế (1) với các vụ kiện được giải quyết bởi tổ chức trọng tài được chỉ định trong Dữ liệu Hợp đồng, và được tiến hành theo các quy tắc trọng tài của tổ chức đó; hoặc, nếu được quy định trong Dữ liệu Hợp đồng, (2) trọng tài quốc tế theo các Quy tắc Trọng tài của Ủy ban Liên hợp quốc về Luật thương mại Quốc tế (UNCITRAL); hoặc (3) không có tổ chức trọng tài cũng như không có quy tắc trọng tài UNCITRAL được quy định trong Dữ liệu Hợp đồng, các vụ kiện được tiến hành bởi Phòng Thương mại Quốc tế (ICC) và được thực hiện theo các Quy tắc Trọng tài của ICC; bởi một hoặc nhiều trọng tài được chỉ định theo các quy tắc trọng tài đã nêu.

- (ii) đối với các hợp đồng được cấp vốn bởi Ngân hàng Phát triển Châu Á:

trọng tài quốc tế (1) với các vụ kiện được giải quyết bởi tổ chức trọng tài được chỉ định trong Dữ liệu Hợp đồng và được tiến hành theo các

quy tắc trọng tài của tổ chức đó trừ khi được quy định trong Dữ liệu Hợp đồng thì việc phân xử trọng tài phải được thực hiện theo các quy tắc của Ủy ban Liên hợp quốc về Luật thương mại Quốc tế (UNCITRAL) và nếu các Quy tắc UNCITRAL cũng được quy định thì tổ chức trọng tài được nêu tên sẽ là cơ quan có thẩm quyền chỉ định và thực hiện phân xử trọng tài, hoặc (2) nếu tổ chức trọng tài không được quy định trong Dữ liệu Hợp đồng, các vụ kiện được thực hiện bởi Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore (SIAC) và được thực hiện theo các Quy tắc của SIAC; bởi một hoặc nhiều trọng tài được chỉ định theo các quy tắc trọng tài đã nêu.

- (b) nếu Hợp đồng được thực hiện với các nhà thầu trong nước, việc phân xử trọng tài phải được tiến hành theo luật của nước của Chủ đầu tư.

Địa điểm cho phân xử trọng tài phải là một địa điểm trung lập được quy định trong Dữ liệu Hợp đồng; và việc phân xử phải được thực hiện bằng ngôn ngữ giao tiếp được xác định trong Khoản 1.4 [*Luật và Ngôn ngữ*].

Các trọng tài sẽ có toàn quyền được khai mở, xem xét và duyệt lại mọi chứng chỉ, quyết định, chỉ dẫn, ý kiến hoặc đánh giá của Nhà tư vấn, và bất kỳ quyết định nào của Ban Tranh chấp, có liên quan đến tranh chấp. Sẽ không có quy định nào gây cản trở việc đại diện của các Bên và Nhà tư vấn được gọi ra làm chứng và đưa ra các chứng cứ trước các trọng tài về bất kỳ vấn đề gì có liên quan đến tranh chấp.

Sẽ không bên nào bị hạn chế trong việc đưa ra trước các trọng tài những bằng chứng hay các luận cứ trước đây đã được đưa ra cho Ban Tranh chấp để Ban Tranh chấp ra được quyết định, hoặc các nguyên nhân của việc không thỏa mãn được đưa ra trong Thông báo việc Không thỏa mãn. Bất kỳ quyết định nào của Ban Tranh chấp đều được thừa nhận là chứng cứ trong phân xử trọng tài.

Phân xử trọng tài có thể được bắt đầu trước khi hoặc sau khi hoàn thành Công trình. Nghĩa vụ của các Bên, Nhà tư vấn và Ban Tranh chấp sẽ không bị thay đổi bởi lý do của bất kỳ việc phân xử trọng tài nào được tiến hành trong quá trình thực hiện Công trình.

20.7

Không Tuân thủ Quyết định của Ban Tranh chấp

Trong trường hợp một Bên không tuân thủ quyết định cuối cùng và ràng buộc của Ban Tranh chấp, thì Bên kia, trong khi không làm phương hại đến các quyền khác mà họ có thể có, có thể tự đưa việc Không tuân thủ này lên trọng tài phân xử theo Khoản 20.6 [*Trọng tài*]. Khoản 20.4 [*Đạt được Quyết định của Ban Tranh chấp*] và Khoản 20.5 [*Hòa giải*] sẽ không được áp dụng cho việc này.

20.8

Hết hạn việc Chỉ định của Ban Tranh chấp

Nếu tranh chấp xảy ra giữa các Bên có liên quan đến, hoặc phát sinh ngoài, Hợp đồng hoặc việc thực hiện Công trình và không có Ban Tranh chấp tại chỗ, do nguyên nhân hết hạn chỉ định Ban Tranh chấp hay lý do khác thì:

- (a) sẽ không áp dụng Khoản 20.4 [*Đạt được Quyết định của Ban Tranh chấp*] và Khoản 20.5 [*Hòa giải*], và
- (b) Tranh chấp có thể được trực tiếp đưa lên trọng tài phân xử theo Khoản 20.6 [*Trọng tài*].

PHỤ LỤC

Điều kiện Chung của Thỏa thuận Ban Tranh chấp

1

Định nghĩa

Mỗi “Thỏa thuận Ban Tranh chấp” là một thỏa thuận 3 bên bởi và giữa:

- (a) “Chủ đầu tư”,
- (b) “Nhà thầu”; và
- (c) “Thành viên” người được xác định trong Thỏa thuận Ban Tranh chấp như là:
 - (i) Thành viên duy nhất của “Ban Tranh chấp” và, khi là trường hợp áp dụng, mọi tham chiếu đến “các Thành viên Khác” không áp dụng,
 - hoặc
 - (ii) một trong 3 thành viên được gọi chung là “DB” (hoặc “Ban Tranh chấp”) và, khi là trường hợp áp dụng, hai người còn lại được gọi là “các Thành viên Khác”.

Chủ đầu tư và Nhà thầu đã ký (hoặc dự định ký) một hợp đồng, được gọi là “Hợp đồng” và được xác định trong Thỏa thuận Ban Tranh chấp, có kết hợp với Phụ lục này. Trong Thỏa thuận Ban Tranh chấp, các từ ngữ và cách diễn đạt mà không được định nghĩa khác đi sẽ có các nghĩa được ấn định cho chúng trong Hợp đồng.

2

Các Điều khoản Chung

Trừ khi có quy định khác trong Thỏa thuận Ban Tranh chấp, thỏa thuận sẽ có hiệu lực chậm nhất vào các thời điểm sau:

- (a) Ngày Bắt đầu công việc được xác định trong Hợp đồng,
- (b) khi Chủ đầu tư, Nhà thầu và Thành viên đều ký vào Thỏa thuận Ban Tranh chấp, hoặc
- (c) khi Chủ đầu tư, Nhà thầu và mỗi người trong các Thành viên khác (nếu có) đều ký thỏa thuận Ban Tranh chấp.

Việc tuyển dụng Thành viên là sự chỉ định cá nhân. Bất cứ lúc nào, Thành viên đều có thể đệ đơn từ chức không dưới 70 ngày cho Chủ đầu tư và Nhà thầu, và Thỏa thuận Ban Tranh chấp sẽ chấm dứt vào ngày hết hạn của thời gian đó.

3

Sự Bảo đảm

Thành viên bảo đảm và đồng ý rằng ông ta/bà ta đang và sẽ vô tư và độc lập với Chủ đầu tư, Nhà thầu và Nhà tư vấn. Thành viên sẽ nhanh chóng thông báo, cho mỗi bên và cho các Thành viên khác (nếu có), về bất kỳ sự việc hay tình huống nào có thể xuất hiện mâu thuẫn với sự bảo đảm và thỏa thuận của ông ta/bà ta về sự vô tư và độc lập đó.

Khi chỉ định Thành viên, Chủ đầu tư và Nhà thầu dựa vào những biểu hiện của Thành viên cho thấy ông ta/bà ta là người:

- (a) có kinh nghiệm trong công việc mà Nhà thầu sẽ thực hiện theo Hợp đồng,
- (b) có kinh nghiệm trong việc diễn giải tài liệu Hợp đồng, và
- (c) thành thạo về ngôn ngữ giao tiếp được xác định trong Hợp đồng.

Thành viên phải:

- (a) không có lợi ích tài chính hoặc lợi ích khác từ Chủ đầu tư, Nhà thầu hoặc Nhà tư vấn, cũng như bất kỳ lợi ích tài chính nào trong Hợp đồng ngoại trừ việc thanh toán theo Thỏa thuận Ban Tranh chấp;
- (b) trước đây không được từ Chủ đầu tư, Nhà thầu hoặc Nhà tư vấn thuê làm tư vấn hoặc vị trí khác, ngoại trừ trong những trường hợp như đã thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư và Nhà thầu trước khi họ ký Thỏa thuận Ban Tranh chấp;
- (c) đã thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư, Nhà thầu và các Thành viên khác (nếu có), trước khi ký Thỏa thuận Ban Tranh chấp và theo sự hiểu biết và hồi tưởng tốt nhất của ông ta/bà ta, về bất kỳ quan hệ nghề nghiệp hay cá nhân nào với giám đốc, cán bộ hay nhân viên của Chủ đầu tư, Nhà thầu hoặc Nhà tư vấn, và về bất kỳ sự dính líu nào trước đây đến dự án tổng thể mà Hợp đồng là một phần;
- (d) trong thời gian của Thỏa thuận Ban Tranh chấp, không được Chủ đầu tư, Nhà thầu hoặc Nhà tư vấn thuê làm tư vấn hoặc vị trí khác, ngoại trừ đã được thỏa thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư, Nhà thầu và các Thành viên khác (nếu có);
- (e) tuân theo các quy định về thủ tục nêu trong phụ lục và Khoản 20.4 của Điều kiện của Hợp đồng;
- (f) không đưa ra lời khuyên cho Chủ đầu tư, Nhà thầu và Nhân lực của Chủ đầu tư hay Nhân lực của Nhà thầu liên quan đến thực hiện Hợp đồng, ngoài việc tuân thủ theo các quy tắc về thủ tục trong phụ lục;
- (g) trong khi là Thành viên không được tham gia vào các cuộc thảo luận hay có bất kỳ thỏa thuận nào với Chủ đầu tư, Nhà thầu hoặc Nhà tư vấn về việc làm thuê cho bất kỳ ai trong số họ, bất kể là với vai trò là nhà tư vấn hoặc vị trí khác, sau khi đã chấm dứt hoạt động theo Thỏa thuận Ban Tranh chấp;
- (h) đảm bảo sự sẵn sàng của ông ta/bà ta cho bất kỳ việc đi thăm công trường nào hoặc các lần họp nghe ý kiến nếu cần;
- (i) trở nên thành thạo với Hợp đồng và với sự tiến triển của Công trình (và các bộ phận khác của công trình mà Hợp đồng là một phần trong đó) bằng cách nghiên cứu tất cả các tài liệu nhận được phải bảo quản trong hồ sơ công việc hiện thời;
- (j) coi các vấn đề chi tiết của Hợp đồng và toàn bộ các hoạt động của Ban Tranh chấp và các lần họp nghe ý kiến là riêng tư và bí mật, và không công bố hay tiết lộ chúng khi không được sự cho phép trước bằng văn bản của Chủ đầu tư, Nhà thầu và các Thành viên khác (nếu có); và
- (k) sẵn sàng cho lời khuyên và ý kiến, về bất kỳ vấn đề nào có liên quan đến Hợp đồng khi có yêu cầu của cả Chủ đầu tư và Nhà thầu, theo thỏa thuận của các Thành viên khác (nếu có).

Chủ đầu tư, Nhà thầu, Nhân lực của Chủ đầu tư và Nhân lực của Nhà thầu không được yêu cầu lời khuyên hoặc tham khảo ý kiến của Thành viên về Hợp đồng, ngoại trừ những gì trong tiến triển bình thường của các hoạt động của Ban Tranh chấp theo Hợp đồng và Thỏa thuận Ban Tranh chấp. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về sự tuân thủ của điều khoản này, của Nhân lực của Chủ đầu tư và Nhân lực của Nhà thầu một cách tương ứng.

Ngoại trừ có sự nhất trí bằng văn bản của Chủ đầu tư, Nhà thầu, Thành viên và các Thành viên Khác (nếu có), Chủ đầu tư và Nhà thầu cam kết với nhau và với Thành viên rằng Thành viên sẽ không:

- (a) được chỉ định là trọng tài trong bất kỳ cuộc phân xử trọng tài nào theo Hợp đồng;
- (b) được coi là người làm chứng để đưa ra các chứng cứ có liên quan đến bất kỳ tranh chấp nào trước (các) trọng tài được chỉ định cho bất kỳ phân xử nào theo Hợp đồng; hoặc
- (c) chịu trách nhiệm pháp lý đối với bất kỳ khiếu nại nào về bất cứ việc gì đã được làm hoặc bị bỏ sót trong khi miễn trừ hoặc có ý định miễn trừ về các chức năng của Thành viên, trừ khi hành động hoặc Sự Bỏ sót biểu hiện tình trạng quá mất tin cậy.

Bằng cách này, Chủ đầu tư và Nhà thầu cùng bồi thường chung và bồi thường riêng và giữ cho Thành viên vô hại đối với và từ các khiếu nại, mà ông/bà ta được giảm nhẹ nghĩa vụ pháp lý theo như đoạn ở trên.

Mỗi khi Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu chuyển việc tranh chấp cho Ban phân xử tranh chấp theo khoản 20.4 của các Điều kiện của Hợp đồng, trong đó yêu cầu Thành viên thăm công trường và tham gia họp nghe ý kiến, Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần phải cung cấp bảo lãnh thích hợp cho khoản tiền tương đương với các chi phí hợp lý cho Thành viên. Sẽ không xem xét bất kỳ các thanh toán nào khác còn chịu hoặc trả cho thành viên.

6

Thanh toán

Thành viên phải được thanh toán như sau, bằng đồng tiền được quy định trong Thỏa thuận Ban Tranh chấp:

- (a) khoản phí trả trước theo tháng theo lịch, được xem là khoản thanh toán đầy đủ cho:
 - (i) thông báo có giá trị trong 28 ngày cho tất cả các chuyến thăm công trường và các lần họp nghe ý kiến;
 - (ii) việc làm quen và thông thạo các tiến triển của dự án và bảo quản các hồ sơ có liên quan;
 - (iii) tất cả các chi phí văn phòng và chi phí chung bao gồm dịch vụ thư ký, photocopy, và các dụng cụ văn phòng cần thiết cho công việc; và
 - (iv) tất cả các dịch vụ được thực hiện dưới đây trừ những thứ theo mục (b) và (c) của Điều này.

Khoản phí trả trước sẽ phải được trả với hiệu lực được tính từ ngày cuối cùng của tháng theo lịch mà Thỏa thuận Ban Tranh chấp có hiệu lực; cho đến ngày cuối cùng của tháng theo lịch trong đó Chứng chỉ Nghiệm thu được cấp cho toàn bộ Công trình.

Với hiệu lực được tính từ ngày đầu của tháng theo lịch ngay sau tháng mà Chứng nhận nghiệm thu được cấp cho toàn bộ Công trình, phí trả trước sẽ giảm đi một phần ba. Khoản phí này sẽ được trả cho đến ngày đầu của tháng theo lịch mà Thành viên xin từ nhiệm hoặc Thỏa thuận Ban Tranh chấp bị chấm dứt vì lý do nào khác.

- (b) khoản phí hàng ngày sẽ được xem là khoản thanh toán đầy đủ cho:

- (i) một ngày hay một phần của ngày cho tới tối đa là 2 ngày mỗi chiều đi lại giữa nhà của Thành viên với công trường, hoặc đến địa điểm nào khác hợp với các Thành viên khác (nếu có);
 - (ii) mỗi ngày làm việc khi đi thăm Công trường, tham gia các lần họp nghe ý kiến hoặc dự thảo các quyết định; và
 - (iii) mỗi ngày dành cho việc đọc các hồ sơ đã nộp để chuẩn bị cho các lần họp nghe ý kiến.
- (c) tất cả các chi phí hợp lý bao gồm các chi phí đi lại cần thiết (vé máy bay không phải hạng thương gia, khách sạn và sinh hoạt phí và các chi phí đi lại trực tiếp khác) phát sinh liên quan đến các nhiệm vụ của Thành viên, bao gồm cả các chi phí cho dịch vụ điện thoại, gửi thư, fax và điện tín; yêu cầu có biên nhận cho mỗi khoản vượt trên năm phần trăm (5%) khoản chi phí hàng ngày nói đến trong mục (b) của Điều này;
- (d) mọi khoản thuế theo quy định hợp lý của Nước sở tại đối với các khoản thanh toán cho Thành viên (trừ khi là người bản địa hoặc công dân của Nước sở tại) theo Điều 6.

Phí trả trước và phí hàng ngày phải được quy định trong Thỏa thuận Ban Tranh chấp. Trừ khi có quy định khác, các khoản phí này sẽ được giữ nguyên cho 24 tháng đầu theo lịch, và sau đó phải được điều chỉnh bằng thỏa thuận giữa Chủ đầu tư, Nhà thầu và Thành viên, vào mỗi ngày kỷ niệm của ngày mà Thỏa thuận Ban Tranh chấp có hiệu lực.

Nếu các bên không thỏa thuận được phí trả trước hoặc phí hàng ngày, pháp nhân chỉ định hoặc đơn vị được nêu trong Dữ liệu Hợp đồng phải xác định các khoản phí được sử dụng đó.

Thành viên phải nộp trước các hóa đơn thanh toán cho khoản phí theo tháng và vé máy bay theo từng quý. Hóa đơn cho các khoản thanh toán khác và cho chi phí hàng ngày sẽ được nộp sau khi kết thúc việc thăm công trường và tham gia họp nghe ý kiến. Tất cả các hóa đơn đều phải kèm theo bản mô tả tóm tắt về các hoạt động đã được tiến hành trong suốt thời gian có liên quan và phải được gửi cho Nhà thầu.

Nhà thầu phải thanh toán đầy đủ cho mỗi hóa đơn của Thành viên trong vòng 56 ngày theo lịch sau khi nhận được mỗi hóa đơn và sẽ yêu cầu Chủ đầu tư (trong các Đề nghị thanh toán theo Hợp đồng) thanh toán một nửa số tiền của các hóa đơn này. Chủ đầu tư sau đó phải thanh toán cho Nhà thầu theo Hợp đồng.

Nếu Nhà thầu không trả cho Thành viên khoản tiền mà ông/bà ta được quyền hưởng theo Thỏa thuận Ban Tranh chấp, Chủ đầu tư phải thanh toán khoản tiền phải trả cho Thành viên và bất cứ khoản nào khác có thể cần để duy trì hoạt động của Ban Tranh chấp; mà không làm tổn hại đến quyền hoặc các biện pháp khắc phục của Chủ đầu tư. Ngoài các quyền khác phát sinh từ lỗi này, Chủ đầu tư có quyền được bồi hoàn toàn bộ số tiền đã trả vượt quá nửa khoản thanh toán này, cộng thêm mọi chi phí để thu lại các khoản tiền này và các phí tổn tài chính được tính theo tỷ giá quy định ở Khoản 14.8 của Điều kiện Hợp đồng.

Nếu Thành viên không nhận được khoản thanh toán đúng trong thời gian 70 ngày sau khi nộp hóa đơn hợp lệ, Thành viên có thể (i) tạm ngừng dịch vụ của ông/bà ta (không cần thông báo) cho đến khi nhận được thanh toán và/hoặc (ii) xin thôi việc bằng cách gửi thông báo theo Điều 7.

7

Chấm dứt Thỏa thuận

Bất cứ lúc nào: (i) Chủ đầu tư và Nhà thầu đều có thể cùng nhau chấm dứt Thỏa thuận Ban Tranh chấp bằng cách gửi thông báo trước 42 ngày cho Thành viên; hoặc (ii) Thành viên có thể từ nhiệm như quy định tại Điều 2.

Nếu Thành viên không tuân thủ Thỏa thuận Ban Tranh chấp, Chủ đầu tư và Nhà thầu có thể, không phương hại đến các quyền khác của họ, chấm dứt Thỏa thuận bằng cách thông báo cho Thành viên. Thông báo sẽ có hiệu lực khi Thành viên đã nhận được.

Nếu Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu không tuân thủ Thỏa thuận Ban Tranh chấp, Thành viên có thể, không làm phương hại đến các quyền khác của mình, chấm dứt Thỏa thuận bằng cách thông báo cho Chủ đầu tư và Nhà thầu. Thông báo sẽ có hiệu lực khi cả hai bên đã nhận được.

Bất kỳ thông báo, việc từ nhiệm và chấm dứt nào như vậy sẽ là cuối cùng và ràng buộc Chủ đầu tư, Nhà thầu và Thành viên. Tuy nhiên, một thông báo của Chủ đầu tư hoặc của Nhà thầu, nếu không phải là của cả hai, sẽ không có hiệu lực.

8

Vi phạm của Thành viên

Nếu Thành viên không tuân thủ các nghĩa vụ theo Điều 4, thì ông/bà ta sẽ không được quyền hưởng mọi khoản phí và chi phí nêu trên và, không làm phương hại đến các quyền khác của họ, phải hoàn trả riêng cho Chủ đầu tư và Nhà thầu mọi khoản phí và chi phí mà Thành viên và các Thành viên khác (nếu có) đã nhận, cho việc xúc tiến công việc hay các quyết định (nếu có) của Ban Tranh chấp mà biểu hiện là không có giá trị và vô hiệu do lỗi không tuân thủ đó.

Nếu Thành viên không tuân thủ các nghĩa vụ theo Khoản 4 (e) - (k) ở trên, ông ta/bà ta sẽ không được quyền hưởng bất kỳ phí và chi phí nào dưới đây tính từ thời điểm và trong phạm vi không tuân thủ và, không làm ảnh hưởng đến các quyền khác của họ, phải trả lại cho Chủ đầu tư và Nhà thầu mọi phí và chi phí mà Thành viên đã nhận, cho việc tiến hành hay các quyết định (nếu có) của Ban Tranh chấp mà biểu hiện là không có giá trị và vô hiệu do lỗi không tuân thủ đó.

9

Các Tranh chấp

Mọi tranh chấp hoặc khiếu nại phát sinh ngoài hoặc liên quan đến Thỏa thuận Ban Tranh chấp, hoặc do vi phạm, chấm dứt hoặc không còn giá trị của nó, cuối cùng sẽ phải được giải quyết bởi Trọng tài quy chế. Nếu không có tổ chức trọng tài nào được thống nhất, việc phân xử được thực hiện theo các Quy tắc Trọng tài của Phòng Thương mại Quốc tế bởi một trọng tài được chỉ định theo Quy tắc Trọng tài này.

Phụ lục

QUY TẮC VỀ THỦ TỤC

- 1 Trừ khi Chủ đầu tư và Nhà thầu có thoả thuận khác, Ban Tranh chấp phải thăm Công trường trong khoảng thời gian không quá 140 ngày, bao gồm thời gian của các sự kiện xây dựng quan trọng, theo yêu cầu hoặc của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu. Trừ khi có thoả thuận khác giữa Chủ đầu tư, Nhà thầu và Ban Tranh chấp, khoảng cách giữa 2 lần thăm công trường liền nhau không dưới 70 ngày, trừ khi có yêu cầu triệu tập cuộc họp nghe ý kiến như được mô tả dưới đây.
- 2 Thời gian và lịch cho từng đợt thăm Công trường phải có sự thỏa thuận chung của Ban Tranh chấp, Chủ đầu tư và Nhà thầu, hoặc khi không đạt được thoả thuận, sẽ do Ban Tranh chấp quyết định. Mục đích của các đợt thăm Công trường là để giúp Ban Tranh chấp trở nên quen thuộc với tiến triển của Công trình và của bất kỳ các vấn đề hoặc khiếu nại nào hiện tại hoặc tiềm ẩn, và, ở chừng mực hợp lý, cố gắng ngăn chặn các vấn đề tiềm ẩn hoặc các khiếu nại dẫn đến tranh chấp.
- 3 Các cuộc viếng thăm Công trường phải được Chủ đầu tư, Nhà thầu và Nhà tư vấn cùng tham dự và được Chủ đầu tư phối hợp với Nhà thầu cùng tổ chức. Chủ đầu tư phải bảo đảm việc cung cấp các phương tiện hội họp thích hợp và các dịch vụ thư ký, sao chép. Sau khi kết thúc mỗi cuộc viếng thăm Công trường và trước khi rời công trường, Ban Tranh chấp phải chuẩn bị báo cáo về các hoạt động của họ trong quá trình thăm công trường và phải gửi các bản sao cho Chủ đầu tư và Nhà thầu.
- 4 Chủ đầu tư và Nhà thầu phải cung cấp cho Ban Tranh chấp một bản sao tất cả các tài liệu mà Ban Tranh chấp có thể yêu cầu, bao gồm các tài liệu Hợp đồng, các báo cáo về tiến độ thực hiện, các chỉ dẫn về thay đổi, các chứng chỉ và các tài liệu khác liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng. Mọi trao đổi thông tin giữa Ban Tranh chấp và Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu đều phải được sao lại cho Bên kia. Nếu Ban Tranh chấp gồm có 3 thành viên, thì Chủ đầu tư và Nhà thầu phải gửi các bản sao tài liệu được yêu cầu và những thông tin trên tới từng thành viên một.
- 5 Nếu có bất kỳ tranh chấp nào được đưa lên Ban Tranh chấp theo Khoản 20.4 của Điều kiện của Hợp đồng, Ban Tranh chấp phải thực hiện theo Khoản 20.4 và Quy tắc này. Tùy thuộc vào thời gian cho phép để đưa ra thông báo về một quyết định và các yếu tố có liên quan khác, Ban Tranh chấp phải:
 - (a) hành động một cách công bằng và vô tư đối với cả Chủ đầu tư và Nhà thầu, tạo cho họ cơ hội hợp lý để trình bày vụ việc của mình và phản hồi về vụ việc của những người khác, và
 - (b) áp dụng các thủ tục phù hợp với tranh chấp, tránh sự chậm trễ hoặc chi phí không cần thiết.
- 6 Ban Tranh chấp có thể tiến hành họp nghe ý kiến về tranh chấp, tùy từng vụ việc mà Ban sẽ quyết định thời gian và địa điểm để họp nghe ý kiến và có thể yêu cầu các tài liệu và các luận cứ bằng văn bản từ Chủ đầu tư và Nhà thầu cần được gửi trước cho Ban hoặc trình bày tại lần họp nghe ý kiến.

- 7 Ngoại trừ có thỏa thuận khác bằng văn bản của Chủ đầu tư và Nhà thầu, Ban Tranh chấp có quyền áp dụng thủ tục thẩm tra, từ chối việc xin tham dự họp nghe ý kiến hoặc làm thính giả tại cuộc họp nghe ý kiến của bất cứ người nào không phải là các đại diện của Chủ đầu tư, Nhà thầu và Nhà tư vấn, và tiến hành không cần sự có mặt của bất cứ bên nào mà Ban Tranh chấp đã thỏa mãn sau khi nhận được thông báo về cuộc họp nghe ý kiến; nhưng sẽ tự mình quyết định có thể thực hiện quyền này hay không và phạm vi đến đâu.
- 8 Trong số các việc khác, Chủ đầu tư và Nhà thầu tạo điều kiện cho Ban Tranh chấp, có quyền:
- (a) thiết lập các thủ tục để áp dụng trong giải quyết tranh chấp,
 - (b) quyết định dựa trên quyền hạn của Ban Tranh chấp, và phạm vi của tranh chấp được gửi tới họ,
 - (c) sắp đặt bất kỳ cuộc họp nghe ý kiến nào cho là thích hợp, không bị ràng buộc bởi bất cứ quy tắc hay thủ tục nào khác ngoài những điều quy định trong Hợp đồng và Quy tắc này,
 - (d) chủ động nắm chắc các sự việc và các vấn đề cần cho một quyết định,
 - (e) tận dụng sự hiểu biết của chính chuyên gia của mình, nếu có,
 - (f) quyết định thanh toán các phí tổn tài chính theo Hợp đồng,
 - (g) quyết định về việc giảm nhẹ tạm thời như các biện pháp tạm thời hoặc bảo lưu ý kiến, và
 - (h) mở ra, xem xét và xét duyệt lại các chứng chỉ, quyết định, xác định, chỉ dẫn, các ý kiến hoặc đánh giá của Nhà tư vấn, có liên quan đến tranh chấp.
- 9 Ban Tranh chấp sẽ không bày tỏ bất cứ quan điểm nào trong các cuộc nghe ý kiến liên quan đến sự đúng sai của các luận cứ mà các Bên đưa ra từ trước. Sau đó, Ban sẽ lập và thông báo về quyết định của mình theo Khoản 20.4 hoặc là được thỏa thuận trước bằng văn bản với Chủ đầu tư và Nhà thầu. Nếu Ban Tranh chấp gồm ba thành viên thì:
- (a) Ban sẽ nhóm họp riêng sau phiên họp, nếu có, để thảo luận và đề xuất quyết định của mình;
 - (b) Ban sẽ cố gắng đạt tới quyết định thống nhất: nếu chứng minh là không thể thống nhất được, thì quyết định đem áp dụng phải được tán thành bởi đa số các Thành viên, những người có thể yêu cầu thiểu số Thành viên còn lại chuẩn bị văn bản báo cáo để nộp cho Chủ đầu tư và Nhà thầu; và
 - (c) Nếu một Thành viên không tham dự phiên họp hoặc cuộc họp nghe ý kiến, hoặc không thực hiện đầy đủ các chức năng theo yêu cầu, thì hai Thành viên còn lại có thể tiến hành đưa ra quyết định, trừ khi:
 - (i) hoặc Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu không đồng ý họ làm như vậy, hoặc
 - (ii) Thành viên vắng mặt là Chủ tịch, và ông/bà ta chỉ thị cho Thành viên khác không được đưa ra quyết định.

DANH MỤC CÁC KHOẢN

	Khoản	Trang
Giá trị Hợp đồng được Chấp thuận, Tính đầy đủ của	4.11	19
Đường Ra vào	4.15	21
Tiếp cận Công trường	2.1	10
Tiếp cận Công trình, Quyền	11.7	43
Phương tiện/Tiện nghi, Chủ đầu tư sử dụng	17.7	83
Điều chỉnh do Thay đổi về Chi phí	13.8	49
Điều chỉnh do Thay đổi về Luật pháp	13.7	48
Điều chỉnh, Thay đổi và	13	46
Tạm ứng	14.2	51
Đồ uống có Cồn	6.16	29
Hòa giải	20.5	94
Đạn dược	6.17	30
Đồng tiền Áp dụng, Thanh toán bằng	13.4	47
Hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận Thanh toán Cuối cùng	14.11	57
Hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận Thanh toán Tạm	14.3	52
Chỉ định Ban Tranh chấp	20.2	92
Phê duyệt	2.2	10
Trọng tài	20.6	94
Vũ khí	6.17	30
Chuyển nhượng Lợi ích của Hợp đồng thầu phụ	4.5	17
Chuyển nhượng	1.7	7
Kiểm toán bởi Ngân hàng	1.15	9
Tránh Can thiệp	4.14	21
Ngân hàng, Thanh tra và Kiểm toán bởi	1.15	9
Lợi ích của Hợp đồng thầu phụ, Chuyển nhượng Lợi ích	4.5	17
Bảo quản và Cung cấp Tài liệu	1.8	7
Chứng nhận, Hồ sơ đề nghị Thanh toán Cuối cùng	14.11	57
Chứng nhận, Cấp Thanh toán cuối cùng	14.13	58
Chứng nhận, Hoàn thành công trình	11.9	43
Chứng nhận, Hồ sơ đề nghị Thanh toán tạm	14.3	52
Chấm dứt Trách nhiệm của Chủ đầu tư	14.14	58
Chấm dứt Công việc và Di dời Thiết bị của Nhà thầu	16.3	80
Thay đổi về Chi phí, Điều chỉnh do	13.8	49
Thay đổi về Luật pháp, Điều chỉnh do	13.7	48
Lao động Trẻ em	6.21	30
Khiếu nại	2.5	11

Khiếu nại, của Nhà thầu	20.1	90
Khiếu nại, Tranh chấp và Trọng tài	20	90
Thu dọn Công trường	11.11	43
Bắt đầu	8	34
Bắt đầu Công việc	8.1	34
Trao đổi thông tin	1.3	6
Hoàn thành các Công việc còn Tồn đọng và Sửa chữa Sai sót	11.1	41
Hoàn thành, Đề nghị thanh toán khi	14.10	57
Hoàn thành, Thử nghiệm khi	9	38
Hoàn thành, Thử nghiệm, Không vượt qua được Thử nghiệm khi	9.4	38
Hoàn thành, Thời gian	8.2	34
Hoàn thành, Thời gian, Gia hạn	8.4	35
Tuân thủ Luật pháp	1.13	9
Chi tiết Mật	1.12	8
Hậu quả các Rủi ro của Chủ đầu tư	17.4	82
Hậu quả của Bất khả kháng	19.4	89
Hậu quả của Tạm ngừng	8.9	37
Hợp đồng	1.1.1	1
Thỏa thuận Hợp đồng	1.6	7
Giá trị Hợp đồng, được Chấp thuận	4.11	19
Giá Hợp đồng và Thanh toán	14	50
Giá Hợp đồng	14.1	50
Nhà thầu Tìm nguyên nhân	11.8	43
Nhà thầu	4	14
Nhà thầu, Chấm dứt hợp đồng bởi	16.2	62
Sự Cản trở của Nhà thầu đối với Công trình	17.2	81
Khiếu nại của Nhà thầu	20.1	90
Tài liệu của Nhà thầu	1.10	8
Quyền Tạm ngừng Công việc của Nhà thầu	16.1	62
Thiết bị của Nhà thầu	4.17	22
Thiết bị của Nhà thầu, Ngừng Công việc và Di dời	16.3	80
Thiết bị của Nhà thầu, Bảo hiểm Công trình và	18.2	85
Nghĩa vụ Chung của Nhà thầu	4.1	14
Nghĩa vụ của Nhà thầu	9.1	38
Hoạt động của Nhà thầu trên Công trường	4.23	24
Thiết bị và Nhân lực của Nhà thầu, Báo cáo	6.10	29
Nhân lực của Nhà thầu	6.9	28
Nhân lực của Nhà thầu, Bảo hiểm cho	18.4	87
Đại diện của Nhà thầu	4.3	16
Kiểm soát của Nhà thầu	6.8	28
Nhà thầu Sử dụng Tài liệu của Chủ đầu tư	1.11	8

Hợp tác	4.6	17
Hành vi Hối lộ hoặc Gian lận	15.6	61
Chi phí Sửa chữa Sai sót	11.2	41
Chi phí, Điều chỉnh do Thay đổi về	13.8	49
Đồng tiền Thanh toán	14.15	58
Thiệt hại về Tài sản, Bảo hiểm Tổn thương cho Người và	18.3	87
Thiệt hại, Chậm trễ	8.7	36
Ngày Chấm dứt hợp đồng, Đánh giá vào	15.3	60
Ngày, Thử nghiệm, Thời hạn và Hoàn thành	1.1.3	2
Công việc theo Ngày	13.6	48
Công việc Sai sót, Di dời	11.5	42
Trách nhiệm đối với Sai sót	11	41
Thời gian Thông báo Sai sót, Kéo dài	11.3	42
Sai sót, Sửa chữa, Không sửa chữa được	11.4	42
Sai sót, Sửa chữa	11.1	41
Sai sót, Sửa chữa, Chi phí	11.2	41
Định nghĩa Bất khả kháng	19.1	88
Định nghĩa, Nhà thầu phụ được Chỉ định	5.1	25
Các Định nghĩa	1.1	1
Thiệt hại do Chậm trễ	8.7	36
Chậm trễ, Nghĩa vụ Giảm thiểu	19.3	88
Bản vẽ hoặc Chỉ dẫn bị Chậm trễ	1.9	7
Thanh toán bị Chậm trễ	14.8	55
Thử nghiệm bị Chậm trễ	9.2	38
Chậm trễ	8	34
Chậm trễ do Nhà chức trách	8.5	36
Ủy quyền của Nhà tư vấn	3.2	13
Quyết định	3.5	14
Hoàn thành nghĩa vụ thanh toán	14.12	57
Hành vi Gây rối	6.11	29
Ban Tranh chấp, Chỉ định	20.2	92
Ban Tranh chấp, Không thỏa thuận được Thành phần của	20.3	93
Chỉ định Ban Tranh chấp, Hết hạn	20.8	95
Quyết định của Ban Tranh chấp, Không tuân thủ	20.7	95
Quyết định của Ban Tranh chấp, Đạt được	20.4	93
Tranh chấp	20	90
Tài liệu, Bảo quản và Cung cấp	1.8	7
Chất kích thích	6.16	29
Nghĩa vụ Giảm thiểu sự Chậm trễ	19.3	88
Điện	4.19	22
Chủ đầu tư	2	10

Chủ đầu tư, Chấm dứt hợp đồng bởi	15.2	59
Tiện nghi/Phương tiện của Chủ đầu tư, Sử dụng	17.7	83
Khiếu nại của Chủ đầu tư	2.5	11
Tài liệu của Chủ đầu tư	1.11	8
Quyền Chấm dứt hợp đồng của Chủ đầu tư khi Thích hợp	15.5	61
Thiết bị của Chủ đầu tư	4.20	22
Trách nhiệm của Chủ đầu tư, Chấm dứt	2.4	11
Trách nhiệm của Chủ đầu tư, Chấm dứt	14.14	58
Nhân lực của Chủ đầu tư	2.3	11
Rủi ro của Chủ đầu tư	17.3	81
Rủi ro của Chủ đầu tư, Hậu quả	17.4	82
Nghiệm thu của Chủ đầu tư	10	39
Chủ đầu tư Sử dụng Tài liệu của Nhà thầu	1.10	8
Hồ sơ Tuyển dụng Công nhân	6.22	30
Tuyển dụng Nhân viên và Người lao động	6.1	26
Nhà tư vấn	3	12
Nhà tư vấn, Ủy quyền	3.2	13
Nhà tư vấn, Chỉ dẫn	3.3	13
Nhà tư vấn, Thay thế	3.4	14
Nhiệm vụ và Quyền hạn của Nhà tư vấn	3.1	12
Tư vấn, Giá trị	13.2	46
Quyền Chấm dứt hợp đồng khi Thích hợp, của Chủ đầu tư	15.5	61
Môi trường, Bảo vệ	4.18	22
Cơ hội Công bằng, Không Phân biệt đối xử và	6.24	31
Thiết bị, của Nhà thầu	4.17	22
Thiết bị, của Chủ đầu tư	4.20	22
Thiết bị, Hồ sơ	6.10	29
Đánh giá	12.3	46
Đánh giá, Đo lường và	12	44
Bảng chứng Thanh toán	5.4	26
Thực hiện, Cách thức	7.1	31
Hết hạn Chỉ định Ban Tranh chấp	20.8	95
Kéo dài Thời gian Thông báo Sai sót	11.3	42
Gia hạn Thời gian Hoàn thành	8.4	35
Phương tiện	4.13	21
Không Thỏa thuận được Thành phần Ban Tranh chấp	20.3	93
Không tuân thủ Quyết định của Ban Tranh chấp	20.7	95
Không vượt qua Thử nghiệm khi Hoàn thành	9.4	38
Không Sửa chữa được Sai sót	11.4	42
Lỗi hội	6.18	30
Chứng nhận Thanh toán cuối cùng, Hồ sơ đề nghị cấp	14.11	57

Chứng nhận Thanh toán cuối cùng, Cấp	14.13	58
Thu xếp Tài chính	2.4	11
Thực phẩm, Cung cấp	6.13	29
Bất khả kháng	19	88
Bất khả kháng Ảnh hưởng đến Nhà thầu phụ	19.5	89
Bất khả kháng, Hậu quả	19.4	89
Bất khả kháng, Định nghĩa	19.1	88
Bất khả kháng, Thông báo	19.2	88
Lao động Cường bức	6.20	30
Nhân lực người Nước ngoài	6.12	29
Cổ vật	4.24	24
Hành vi Gian lận, Hối lộ hoặc	15.6	61
Vật liệu cấp Miễn phí	4.20	22
Thu xếp Tang lễ	6.19	30
Thử nghiệm Bổ sung	11.6	42
Khí đốt	4.19	22
Điều khoản chung	1	1
Yêu cầu Chung đối với Bảo hiểm	18.1	84
Hàng hoá, Vận chuyển hàng hóa	4.16	21
Sức khỏe và An toàn	6.7	27
Bồi thường	17.1	80
Tổn thương về Người và Thiệt hại về Tài sản, Bảo hiểm	18.3	87
Côn trùng và Sâu bọ gây hại, Biện pháp phòng chống	6.15	29
Kiểm định	7.3	31
Thanh tra và Kiểm toán bởi Ngân hàng	1.15	9
Chỉ dẫn của Nhà tư vấn	3.3	13
Chỉ dẫn	1.9	7
Bảo hiểm	1.8	7
Bảo hiểm Thương tật về Người và Thiệt hại về Tài sản	18.3	87
Bảo hiểm đối với Nhân lực của Nhà thầu	18.4	87
Bảo hiểm đối với Công trình và Thiết bị của Nhà thầu	18.2	85
Bảo hiểm, Yêu cầu Chung đối với Bảo hiểm	18.1	84
Quyền Sở hữu Công nghiệp và Trí tuệ	17.5	82
Can thiệp vào các Thử nghiệm khi Hoàn thành	10.3	40
Can thiệp, Tránh can thiệp	4.14	21
Chứng nhận Thanh toán Tạm, Hồ sơ đề nghị cấp	14.3	52
Chứng nhận Thanh toán Tạm, Cấp	14.6	54
Sự Diễn giải	1.2	5
Cấp Chứng nhận Thanh toán Cuối cùng	14.13	58
Cấp Chứng nhận Thanh toán Tạm	14.6	54

Trách nhiệm Chung và Trách nhiệm Riêng	1.14	9
Người lao động	6	26
Luật Lao động	6.4	27
Người lao động, Điều kiện	6.2	26
Người lao động, Tuyển dụng Nhân viên	6.1	26
Người lao động, Trang bị cho	6.6	27
Lao động, Cường bức	6.20	30
Lao động, Trẻ em	6.21	30
Luật và Ngôn ngữ	1.4	6
Luật	1.13	9
Luật, Lao động	6.4	27
Luật pháp, Điều chỉnh do Thay đổi về	13.7	48
Trách nhiệm pháp lý	1.14	9
Trách nhiệm, Chấm dứt Trách nhiệm của Chủ đầu tư	14.14	58
Trách nhiệm, Sai sót	11	41
Trách nhiệm, Giới hạn	17.6	83
Giấy phép	2.2	10
Giới hạn Trách nhiệm	17.6	83
Vật liệu	7	31
Vật liệu, Cấp Miễn phí	4.20	22
Vật liệu sử dụng cho Công trình, Thiết bị và	14.5	53
Vật liệu, Sở hữu	7.7	33
Đo lường và Đánh giá	12	44
Đo lường, Biện pháp	12.2	44
Biện pháp Đo lường	12.2	45
Tiền và Thanh toán	1.1.4	3
Tiền, Thanh toán Khoản tiền Giữ lại	14.9	56
Nhà thầu phụ được chỉ định, Định nghĩa	5.1	25
Nhà thầu phụ được chỉ định	5	25
Nhà thầu phụ được chỉ định, Thanh toán cho	5.3	25
Chỉ định, Phản đối việc chỉ định	5.2	25
Không Phân biệt đối xử và Cơ hội Công bằng	6.24	31
Thông báo Bất khả kháng	19.2	88
Thông báo Sửa chữa	15.1	59
Phản đối việc Chỉ định	5.2	25
Nghĩa vụ, Chung, của Nhà thầu	4.1	14
Nghĩa vụ, các Nhà thầu	9.1	38
Nghĩa vụ, Chưa được Hoàn thành	11.10	43
Đạt được Quyết định của Ban Tranh chấp	20.4	93

Sự Bỏ sót	12.4	45
Chấm dứt có Lựa chọn, Thanh toán và Miễn trách nhiệm	19.6	89
Các Định nghĩa khác	1.1.6	4
Quyền Sở hữu Thiết bị và Vật liệu	7.7	33
Các Bên và Cá nhân	1.1.2	2
Bộ phận Công trình, Nghiệm thu	10.2	40
Thanh toán	14	50
Thanh toán, Tạm ứng	14.2	57
Thanh toán, Đồng tiền	14.15	58
Chứng nhận Thanh toán, Hồ sơ đề nghị cấp Cuối cùng	14.11	57
Chứng nhận Thanh toán, Cấp Cuối cùng	14.13	58
Chứng nhận Thanh toán, Hồ sơ đề nghị Tạm	14.3	52
Thanh toán, bị Chậm trễ	14.8	55
Thanh toán, Bằng chứng	5.4	26
Thanh toán cho Thiết bị và Vật liệu trong Trường hợp Tạm ngừng	8.10	37
Thanh toán bằng Đồng tiền Áp dụng	13.4	47
Thanh toán và Miễn trách nhiệm, Chấm dứt có Lựa chọn	19.6	89
Thanh toán Tiền Giữ lại	14.9	56
Thanh toán sau khi Chấm dứt Hợp đồng	15.4	60
Thanh toán khi Chấm dứt Hợp đồng	16.4	80
Thanh toán cho Nhà thầu phụ được chỉ định	5.3	25
Thanh toán, Lịch trình	14.4	53
Chứng nhận Hoàn thành công trình	11.9	43
Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng	4.2	15
Thực hiện, Miễn trách nhiệm	19.7	90
Cho phép, Giấy phép hoặc Giấy chấp thuận	2.2	10
Nhân lực, Người Nước ngoài	6.12	29
Nhân lực, Hồ sơ	6.10	29
Người	1.1.2	2
Điều kiện Vật chất, Không lường trước được	4.12	20
Thiết bị, Vật liệu, Tay nghề nhân công	7	31
Thiết bị và Vật liệu dùng cho Công trình	14.5	53
Thiết bị và Vật liệu, Thanh toán trong Trường hợp Tạm ngừng	8.10	37
Thiết bị, Sở hữu	7.7	33
Giá, Hợp đồng	14.1	50
Thứ tự Ưu tiên của Tài liệu	1.5	6
Thủ tục, Thay đổi	13.3	47
Kế hoạch thực hiện	8.3	34
Báo cáo tiến độ	4.21	23
Quyền Sở hữu, Trí tuệ và Công nghiệp	17.5	82

Tài sản, Bảo hiểm Thương tật về Người và Thiệt hại về	18.3	87
Bảo vệ Môi trường	4.18	22
Khoản Tạm tính	13.5	47
Các Điều khoản, Chung	1	1
Đảm bảo Chất lượng	4.9	19
Tiến độ Thực hiện	8.6	36
Hồ sơ Nhân lực và Thiết bị của Nhà thầu	6.10	29
Hồ sơ, Tuyển dụng, Công nhân	6.22	30
Phục hồi, Mặt bằng cần phải	10.4	41
Từ chối	7.5	33
Miễn trách nhiệm Thực hiện	19.7	90
Phong tục Tôn giáo	6.18	30
Công tác Sửa chữa	7.6	33
Sửa chữa Sai sót, Không sửa chữa được	11.4	42
Sửa chữa Sai sót, Chi phí	11.2	41
Di dời Thiết bị của Nhà thầu; Dừng Công việc và	16.3	80
Di chuyển Công việc bị Sai sót	11.5	42
Thay thế Nhà tư vấn	3.4	14
Báo cáo, Tiến độ	4.21	23
Đại diện, của Nhà thầu	4.3	16
Trách nhiệm	17	80
Tiếp tục tiến hành Công việc	8.12	37
Tiền Giữ lại, Thanh toán	14.9	
Thử nghiệm lại	9.3	38
Quyền Tiếp cận Công trường	2.1	10
Quyền Tiếp cận	11.7	43
Quyền Thay đổi	13.1	46
Quyền về Đường đi	4.13	21
Rủi ro và Trách nhiệm	17	80
Rủi ro, của Chủ đầu tư	17.3	81
Chi phí khai thác	7.8	33
An toàn	6.7	27
Quy tắc về An toàn	4.8	18
Mẫu thử	7.2	31
Lịch trình Thanh toán	14.4	53
Tìm nguyên nhân, Nhà thầu	11.8	43
Hạng mục, Nghiệm thu	10.1	39
An ninh Công trường	4.22	24
Bảo lãnh, Thực hiện hợp đồng	4.2	15
Bộ máy của Chủ đầu tư, Nhân lực	6.3	26

Định vị các mốc	4.7	18
Công trường	2.1	10
Công trường, Thu dọn	11.11	43
Công trường, Hoạt động của Nhà thầu trên	4.23	24
Công trường, An ninh	4.22	24
Nhân viên	6	26
Nhân viên, Tuyển dụng	6.1	26
Nhân viên, Trang bị cho	6.6	27
Đề nghị Thanh toán khi Hoàn thành	14.10	57
Hợp đồng Thầu phụ	4.5	17
Nhà Thầu phụ, Bất khả kháng Ảnh hưởng đến	19.5	89
Nhà thầu phụ	4.4	17
Nhà thầu phụ, được Chỉ định	5	25
Tính đầy đủ của Giá trị Hợp đồng được Chấp thuận	4.11	19
Kiểm soát, của Nhà thầu	6.8	28
Cung cấp Thực phẩm	6.13	29
Cung cấp Nước	6.14	29
Mặt bằng cần phải Phục hồi	10.4	41
Tạm ngừng Công việc, Quyền của Nhà thầu	16.1	62
Tạm ngừng công việc	8	34
Tạm ngừng công việc và Chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu	16	62
Tạm ngừng Công việc	8.8	37
Tạm ngừng công việc, Hậu quả của	8.9	37
Tạm ngừng công việc, Thanh toán, Thiết bị và Vật liệu trong Trường hợp	8.10	37
Tạm ngừng, bị Kéo dài	8.11	37
Nghiệm thu Bộ phận của Công trình	10.2	40
Nghiệm thu Công trình và Hạng mục công trình	10.1	39
Nghiệm thu, của Chủ đầu tư	10	39
Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu	16	62
Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu	16.2	62
Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư	15	59
Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư	15.2	59
Chấm dứt khi Thách hợp, Quyền của Chủ đầu tư	15.5	61
Chấm dứt hợp đồng, Thanh toán sau khi	15.4	60
Chấm dứt hợp đồng, Thanh toán và Miễn trách nhiệm, có Lựa chọn	19.6	89
Chấm dứt Hợp đồng, Thanh toán khi	16.4	80
Chấm dứt Hợp đồng, Đánh giá tại thời điểm chấm dứt	15.3	60
Thử nghiệm	7.4	35
Thử nghiệm khi Hoàn thành	9	38
Thử nghiệm sau khi Hoàn thành, Không vượt qua	9.4	38

Thử nghiệm sau khi Hoàn thành, Can thiệp vào	10.3	40
Thử nghiệm, bị Chậm trễ	9.2	38
Thử nghiệm, Bổ sung	11.6	42
Thời gian Hoàn thành	8.2	34
Thời gian Hoàn thành, Gia hạn	8.4	35
Vận chuyển Hàng hóa	4.16	21
Điều kiện vật chất Không lường trước được	4.12	20
Nghĩa vụ không Hoàn thành	11.10	43
Sử dụng Tiện nghi/Phương tiện của Chủ đầu tư	17.7	83
Đánh giá vào Ngày Chấm dứt Hợp đồng	15.3	60
Tư vấn về Giá trị Công trình	13.2	46
Thủ tục Thay đổi	13.3	47
Thay đổi và Điều chỉnh	13	47
Thay đổi, Quyền	13.1	46
Lương, Mức lương	6.2	26
Nước	4.19	22
Nước, Cung cấp	6.14	29
Công việc, Quyền của Nhà thầu Tạm ngừng	16.1	62
Công việc, Tồn đọng, Hoàn thành	11.1	41
Công việc, Tiếp tục	8.12	37
Công việc, Tạm ngừng	8.8	37
Công nhân, Hồ sơ Tuyển dụng	6.22	30
Tổ chức của Công nhân	6.23	30
Thời gian Làm việc	6.5	27
Tay nghề nhân công	7	31
Công trình và Hàng hóa	1.1.5	4
Công trình và Hạng mục công trình, Nghiệm thu	10.1	39
Công trình được Đo lường	12.1	44
Công việc, Bắt đầu	8.1	34
Công trình, Sự Cẩn trọng của Nhà thầu	17.2	81
Công trình, Bộ phận, Nghiệm thu	10.2	40
Công trình, Thiết bị và Vật liệu dùng cho	14.5	53
Công trình, Nghiệm thu	10.1	39

ĐIỀU KIỆN CHUNG

ĐIỀU KIỆN RIÊNG

CÁC BIỂU MẪU

Điều kiện hợp đồng **XÂY DỰNG**

CHO CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG VÀ KỸ THUẬT
DO CHỦ ĐẦU TƯ THIẾT KẾ

Phiên bản Hòa hòa các Ngân hàng Phát triển Đa phương
Tháng 6/2010

Điều kiện Riêng

Điều kiện Hợp đồng bao gồm "Điều kiện Chung", là một phần của "Điều kiện Hợp đồng Xây dựng, Phiên bản Hòa hòa Ngân hàng Phát triển Đa phương", được xuất bản bởi Hiệp hội Quốc tế các Kỹ sư Tư vấn (FIDIC), và "Điều kiện Riêng - Phần A và B", bao gồm các sửa đổi và bổ sung cho các Điều kiện Chung này.



Điều kiện Riêng - Phần A: Dữ liệu Hợp đồng

[Tất cả các phần chữ in nghiêng và trong ngoặc vuông được sử dụng để soạn thảo biểu mẫu và cần xóa bỏ, cùng với các ngoặc vuông, trong bản hoàn thiện cuối cùng.]

Mục	Khoản	Số liệu
Tên Hợp đồng		
Số Hợp đồng		
Tên và địa chỉ của Chủ đầu tư	1.1.1.2.2 & 1.3	
Tên và địa chỉ của Nhà tư vấn	1.1.2.4 & 1.3	
Tên Ngân hàng	1.1.2.11	
Tên Bên vay	1.1.1.12	
Thời gian Hoàn thành Công trình	1.1.3.3 ngày [Nếu áp dụng cho Hạng mục, tham khảo Bảng: Tóm tắt các Hạng mục]
Thời gian Thông báo Sai sót	1.1.3.7	365 ngày
Hạng mục	1.1.5.6	[Nếu áp dụng cho Hạng mục, tham khảo Bảng: Tóm tắt các Hạng mục]
Tiền lãi	1.2 % chi phí
Hệ thống truyền tải điện tử	1.3	
Tên và địa chỉ của Nhà thầu	1.3	
Luật điều chỉnh	1.4	
Ngôn ngữ chủ đạo	1.4	
Thời gian để các Bên ký Thỏa thuận Hợp đồng	1.6	Không muộn hơn Ngày Bắt đầu công việc trừ các Hạng mục dưới đây [tham khảo Bảng: Tóm tắt các Hạng mục], ngày sau Ngày Bắt đầu công việc

Chữ ký tắt của Nhà thầu

Chữ ký tắt của Nhà thầu _____

	14.5(c)(i)	Thiết bị và Vật liệu được thanh toán khi được vận chuyển đến Công trường [<i>Danh mục</i>]
Số tiền tối thiểu của Chứng nhận Thanh toán Tạm	14.6 % Giá trị Hợp đồng được Chấp thuận
Công bố các nguồn lãi suất thương mại cho các khoản phí tổn tài chính trong trường hợp thanh toán chậm		
Đồng tiền thanh toán	14.8	
<i>Nếu các khoản thanh toán được thực hiện bằng đồng tiền/các đồng tiền được nêu trong trang đầu của Đơn Dự thầu:</i>		
	14.15	Như được nêu trong Đơn Dự thầu
Tổng trách nhiệm tối đa của Nhà thầu đối với Chủ đầu tư	17.6	[Chọn một trong hai lựa chọn bên dưới nếu phù hợp] Sản phẩm [Điền vào số nhân nhỏ hơn hoặc lớn hơn 1] số lần của Giá trị Hợp đồng được Chấp thuận [hoặc] [Điền vào số tiền của tổng trách nhiệm tối đa]
Thời gian nộp bảo hiểm:		[Điền vào thời gian nộp bằng chứng Bảo hiểm và hợp đồng bảo hiểm]. Thời gian có thể từ 14 đến 28 ngày.
a. bằng chứng bảo hiểm	18.1 ngày
b. hợp đồng bảo hiểm liên quan	18.1 ngày
Số tiền tối đa của các khoản khấu trừ cho bảo hiểm rủi ro của Chủ đầu tư	18.2(d)	[Điền vào số tiền tối đa của khoản khấu trừ]
Số tiền tối đa của bảo hiểm bên thứ ba	18.3	[Điền vào số tiền của bảo hiểm bên thứ ba]
Ngày Ban Tranh chấp được chỉ định	20.2	28 ngày sau Ngày Bắt đầu công việc
Ban Tranh chấp bao gồm	20.2	[Hoặc] Chỉ một Thành viên [hoặc] Ba Thành viên
Danh sách Thành viên duy nhất tiềm năng của Ban Tranh chấp	20.2	[Chỉ khi Ban Tranh chấp bao gồm một Thành viên duy nhất, liệt kê tên Thành viên duy nhất tiềm năng; nếu không có Thành viên tiềm năng, điền vào "Không có"]

Chữ ký tắt của Nhà thầu

Việc chỉ định (nếu không thỏa thuận)
được thực hiện bởi

20.3

[Điền vào tên của tổ chức hoặc cá nhân
chịu trách nhiệm chỉ định]

Quy tắc trọng tài

20.6(a)

[Điền vào tên của tổ chức trọng tài]

Địa điểm phân xử

20.6

[Điền vào tên địa điểm phân xử]

Bảng: Tóm tắt các Hạng mục

Tên/Mô tả Hạng mục (Khoản 1.1.5.6)	Thời gian Hoàn thành (Khoản 1.1.3.3)	Thiệt hại do chậm trễ (Khoản 8.7)

Chữ ký tắt của Nhà thầu _____

Điều kiện Riêng - Phần B: Điều khoản Riêng

Điều kiện Riêng dưới đây sửa đổi và/hoặc bổ sung cho Điều kiện Chung và ở những chỗ lưu ý. Điều kiện Riêng này được ưu tiên hơn Điều kiện Chung.

ĐIỀU KIỆN CHUNG
HƯỚNG DẪN
CÁC MẪU

Điều kiện hợp đồng **XÂY DỰNG**

CHO CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG VÀ KỸ THUẬT DO CHỦ ĐẦU TƯ THIẾT KẾ

Phiên bản Hòa giải các Ngân hàng Phát triển Đa phương
Tháng 6/2010

Các Biểu mẫu

Phần này bao gồm các biểu mẫu là phần biểu mẫu của Hợp đồng. Các biểu mẫu này được chia thành Mẫu Đơn Dự thầu, Thư Chấp thuận, Thỏa thuận Hợp đồng và Thỏa thuận Ban Tranh chấp và Mẫu Bảo lãnh được đưa vào làm phụ lục cho Điều kiện Riêng. Các mẫu Bảo lãnh là phụ lục cho Chỉ dẫn cho Nhà thầu.

Các Ngân hàng Phát triển Đa phương (MDBs), đặc biệt là các Ngân hàng Tham gia vào Phiên bản Hòa giải này, thường cung cấp các biểu mẫu Đơn Dự thầu, Thư Chấp thuận và Thỏa thuận Hợp đồng trong Hồ sơ Mời thầu Tiêu chuẩn. Các mẫu trong phần này được lấy từ Hồ sơ Mời thầu Tiêu chuẩn của Ngân hàng Thế giới - Đấu thầu Công trình (Tháng 5 năm 2006, được sửa đổi Tháng 3 và Tháng 4 năm 2007, và Tháng 5 năm 2010) và các mẫu bổ sung được lấy từ Hợp đồng Xây dựng FIDIC, Phiên bản đầu tiên năm 1999, trong một số trường hợp có một số điều chỉnh nhỏ về từ ngữ cho Điều kiện Chung Hòa giải MDB.

Các Biểu mẫu

NỘI DUNG

1 Mẫu Đơn Dự thầu, Thư Chấp thuận, Thỏa thuận Hợp đồng và Thỏa thuận Ban Tranh chấp

- Phụ lục A Đơn Dự thầu
Phụ lục B Thư Chấp thuận
Phụ lục C Thỏa thuận Hợp đồng
Phụ lục D Thỏa thuận Ban Tranh chấp (một Thành viên)
Phụ lục E Thỏa thuận Ban Tranh chấp (từng Thành viên của Ban Tranh chấp ba Thành viên)

2 Mẫu Bảo lãnh kèm theo Điều kiện Riêng

- Phụ lục F Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng: Bảo lãnh theo Yêu cầu
Phụ lục G Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng: Giấy Bảo đảm Thực hiện hợp đồng
Phụ lục H Bảo lãnh Tiền Tạm ứng: Bảo lãnh theo Yêu cầu
Phụ lục I Bảo lãnh Tiền Giữ lại: Bảo lãnh theo Yêu cầu

3 Mẫu Bảo lãnh kèm theo Chỉ dẫn cho Nhà thầu

- Phụ lục J Bảo lãnh Công ty Mẹ
Phụ lục K Bảo lãnh Dự thầu: Bảo lãnh của Ngân hàng
-

Phụ lục A ĐƠN DỰ THẦU

[Tất cả các phần chữ in nghiêng và ngoặc vuông được sử dụng để soạn thảo biểu mẫu và cần xóa bỏ trong bản hoàn thiện cuối cùng]

Ngày: _____

Số ICB: _____

Đơn Dự thầu số: _____

Gửi: _____

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây, tuyên bố rằng:

- (a) Chúng tôi đã nghiên cứu và không có câu hỏi gì về Hồ sơ Mời thầu, bao gồm các Phụ lục được kèm theo Chỉ dẫn cho các Nhà thầu (ITB) _____ [Số]; _____
- (b) Chúng tôi sẵn sàng thực hiện theo Hồ sơ Mời thầu cho Công trình dưới đây _____ ;
- (c) Tổng giá chào Thầu của chúng tôi, bao gồm các khoản chiết khấu trong mục (d) dưới đây là: _____ ;
- (d) Khoản giảm giá được chào và phương pháp luận để áp dụng chúng là: _____ ;
_____ ;
- (e) Hồ sơ dự thầu của chúng tôi có hiệu lực trong thời gian _____ ngày tính từ ngày ấn định của thời hạn nộp thầu theo Hồ sơ Mời thầu, và sẽ ràng buộc chúng tôi và có thể được chấp thuận vào bất cứ thời điểm nào trước thời gian này.
- (f) Nếu Hồ sơ dự thầu của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết có bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo Hồ sơ Mời thầu;
- (g) Chúng tôi, bao gồm bất kỳ nhà thầu phụ hoặc nhà cung cấp nào cho bất kỳ phần nào của hợp đồng, có hoặc sẽ có xuất xứ từ các nước đủ điều kiện, theo ITB _____ [Số];
- (h) Chúng tôi, bao gồm bất kỳ nhà thầu phụ hoặc nhà cung cấp nào cho bất kỳ phần nào của hợp đồng, không có bất kỳ xung đột lợi ích nào theo ITB _____ [Số];
- (i) Chúng tôi sẽ không tham gia, với tư cách là Nhà thầu hoặc nhà thầu phụ, vào nhiều hơn một gói thầu trong quá trình đấu thầu theo ITB _____ [Số], ngoài phương án được nộp theo ITB _____ [Số];

Chúng tôi, bao gồm bất kỳ nhà thầu phụ hoặc nhà cung cấp nào cho bất kỳ phần nào của hợp đồng, không bị Ngân hàng tuyên bố là không đủ tư cách hợp lệ, theo luật của nước của Chủ đầu tư hoặc các quy định chính thống (chính thức) hoặc bởi hành động tuân thủ theo một quyết định của Hội đồng Bảo An Liên Hợp Quốc;

- (j) Chúng tôi không phải là tổ chức của chính phủ [hoặc]
Chúng tôi là tổ chức của chính phủ, nhưng đáp ứng yêu cầu của ITB _____ [Số]

(k) Chúng tôi đã thanh toán, hoặc sẽ thanh toán tiền hoa hồng, tiền thưởng, hoặc các khoản phí sau liên quan đến quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng:

Tên Người nhận	Địa chỉ	Lý do	Số tiền
_____	_____	_____	_____
_____	_____	_____	_____

[Nếu không hoặc chưa trả khoản nào, ghi “không có”.]

(l) Chúng tôi hiểu rằng Hồ sơ dự thầu này, cùng với văn bản chấp thuận của Quý vị kèm theo thông báo trao thầu; sẽ tạo thành một hợp đồng ràng buộc giữa chúng ta, cho đến khi hợp đồng chính thức được soạn thảo và thực hiện; và

(m) Chúng tôi hiểu rằng Quý vị không buộc phải chấp thuận giá chào thầu được đánh giá là thấp nhất hoặc bất kỳ Hồ sơ dự thầu nào khác mà Quý vị nhận được.

(n) Chúng tôi xác nhận rằng chúng tôi đã tiến hành các bước để đảm bảo rằng không có người nào thay mặt chúng tôi hoặc đại diện cho chúng tôi sẽ dàn xếp việc hối lộ.

Tên: _____

Ký tên: _____

với tư cách là: _____

Người được ủy nhiệm chính thức ký Hồ sơ dự thầu thay mặt cho:

Ngày _____ vào ngày _____

Phụ lục B THƯ CHẤP THUẬN

[Tất cả các phần chữ in nghiêng và ngoặc vuông được sử dụng để soạn thảo biểu mẫu và cần xóa bỏ trong bản hoàn thiện cuối cùng]

_____ [Tên và địa chỉ của Nhà thầu]

Chúng tôi xin thông báo cho Quý vị rằng Hồ sơ Dự thầu của Quý vị ngày: _____ [Ngày] để thực hiện _____ [Tên Hợp đồng và số hợp đồng, như được nêu trong Dữ liệu Hợp đồng] cho Giá trị Hợp đồng được chấp thuận tương đương với _____ [Số tiền bằng chữ và bằng số] _____ [Tên loại đồng tiền], được hiệu chỉnh và sửa đổi theo Chỉ dẫn cho Nhà thầu, và được Cơ quan chúng tôi chấp nhận.

Đề nghị Quý vị cung cấp Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng trong vòng 28 ngày theo Điều kiện Hợp đồng, sử dụng một trong các Mẫu Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng trong các phụ lục của Điều kiện Riêng.

Chữ ký được ủy quyền: _____

Tên và chức danh của người ký: _____

Tên Cơ quan: _____

Phụ lục C THỎA THUẬN HỢP ĐỒNG

[Tất cả các phần chữ in nghiêng và ngoặc vuông được sử dụng để soạn thảo biểu mẫu và cần xóa bỏ trong bản hoàn thiện cuối cùng]

Thỏa thuận này được lập vào _____ ngày _____ tháng _____ năm _____

Giữa _____ của _____ (sau đây được gọi là “Chủ đầu tư”) là một Bên,
và _____ của _____ (sau đây được gọi là “Nhà thầu”) là Bên còn lại

Xét rằng Chủ đầu tư mong muốn Công trình mang tên _____
cần được thực hiện bởi Nhà thầu, và đã chấp nhận Hồ sơ dự thầu của Nhà thầu để thực hiện và
hoàn thành Công trình này và sửa chữa bất kỳ sai sót nào trong đó.

Chủ đầu tư và Nhà thầu thỏa thuận như sau:

- 1. Trong Thỏa thuận này các từ ngữ và câu chữ phải có cùng nghĩa được ấn định riêng cho chúng trong các tài liệu Hợp đồng được tham khảo dưới đây.
- 2. Các tài liệu sau đây được coi là để tạo thành, được hiểu và được diễn giải như một phần của Thỏa thuận này. Thỏa thuận này được ưu tiên hơn tất cả các tài liệu Hợp đồng khác,
 - (i) Thư Chấp thuận
 - (ii) Đơn Dự thầu
 - (iii) Phụ lục số _____ (nếu có)
 - (iv) Điều kiện Riêng - Phần A
 - (v) Điều kiện Riêng - Phần B
 - (vi) Điều kiện Chung
 - (vii) Chỉ dẫn kỹ thuật
 - (viii) Bản vẽ, và
 - (ix) Bản danh mục hoàn thiện
- 3. Khi xem xét đến các khoản thanh toán được thực hiện bởi Chủ đầu tư cho Nhà thầu như đề cập dưới đây, Nhà thầu thỏa thuận với Chủ đầu tư sẽ thi công Công trình và sửa chữa bất kỳ sai sót nào trong đó, đúng với các điều khoản của Hợp đồng.
- 4. Chủ đầu tư thỏa thuận thanh toán cho Nhà thầu, có xem xét đến việc thực hiện và hoàn thành Công trình và sửa chữa bất kỳ sai sót nào trong đó, Giá Hợp đồng và các khoản khác như vậy có thể phải thanh toán theo các điều khoản của Hợp đồng tại các thời điểm và theo phương thức được Hợp đồng quy định.

Để làm chứng điều này, các bên dưới đây đồng ý thực hiện Thỏa thuận này kể từ ngày tháng và năm ghi ở trên theo đúng luật pháp của các bên.

Ký tên: _____ (thay mặt Chủ đầu tư)

Ký tên: _____ (thay mặt Nhà thầu)

Phụ lục D THỎA THUẬN BAN TRANH CHẤP

[Tất cả các phần chữ in nghiêng và ngoặc vuông được sử dụng để soạn thảo biểu mẫu và cần xóa bỏ trong bản hoàn thiện cuối cùng]

[dành cho Ban Tranh chấp một Thành viên]

Tên và các chi tiết của Hợp đồng: _____
Tên và địa chỉ của Chủ đầu tư: _____
Tên và địa chỉ của Nhà thầu: _____
Tên và địa chỉ của Thành viên: _____

Xét rằng Chủ đầu tư và Nhà thầu đã ký kết Hợp đồng và mong muốn cùng chỉ định Thành viên để đảm nhận vai trò là Thành viên duy nhất cũng được gọi là “Ban Tranh chấp”.

Chủ đầu tư, Nhà thầu và Thành viên cùng thỏa thuận như sau:

- Các điều kiện của Thỏa thuận Ban Tranh chấp này bao gồm “Điều kiện Chung của Thỏa thuận Ban Tranh chấp”, được bổ sung vào các Điều kiện Chung của “Điều kiện của Hợp đồng Xây dựng” Phiên bản Hải hòa Ngân hàng Phát triển Đa phương do Hiệp hội Quốc tế các Kỹ sư tư vấn (FIDIC) xuất bản, và các điều khoản dưới đây. Trong các điều khoản này, bao gồm cả phần sửa đổi và bổ sung cho Điều kiện Chung của Thỏa thuận Ban Tranh chấp, các từ ngữ và câu chữ có nghĩa như nhau như đã được ấn định trong Điều kiện Chung của Thỏa thuận Ban Tranh chấp.
- [Các chi tiết sửa đổi cho Điều kiện Chung của Thỏa thuận Ban Tranh chấp, nếu có. Ví dụ: Trong các quy tắc về thủ tục là phụ lục cho Điều kiện Chung của Thỏa thuận Ban Tranh chấp, Quy tắc _____ được xóa bỏ và thay thế bằng: “_____”]
- Theo Điều 6 của Điều kiện Chung của Thỏa thuận Ban Tranh chấp, Thành viên sẽ được thanh toán như sau:

Khoản phí trả trước bằng _____ theo tháng theo lịch,
cộng với khoản phí theo ngày _____ theo ngày.
- Khi xem xét các khoản phí này và các khoản thanh toán khác do Chủ đầu tư và Nhà thầu thực hiện theo Điều 6 của Điều kiện Chung của Thỏa thuận Ban Tranh chấp, Thành viên cam kết đảm nhận vai trò là Ban Tranh chấp (là thành viên) phù hợp với Thỏa thuận Ban Tranh chấp.
- Chủ đầu tư và Nhà thầu cùng cam kết chung và cam kết riêng chi trả cho Thành viên, có xem xét việc thực hiện các dịch vụ này, theo Điều 6 của Điều kiện Chung của Thỏa thuận Ban Tranh chấp.
- Thỏa thuận Ban Tranh chấp này sẽ được điều chỉnh theo luật của _____

KÝ TÊN _____	KÝ TÊN _____	KÝ TÊN _____
Thay mặt Chủ đầu tư với sự có mặt của	Thay mặt Nhà thầu với sự có mặt của	Thành viên với sự có mặt của
Người làm chứng: _____	Người làm chứng: _____	Người làm chứng: _____
Tên: _____	Tên: _____	Tên: _____
Địa chỉ: _____	Địa chỉ: _____	Địa chỉ: _____
Ngày tháng: _____	Ngày tháng: _____	Ngày tháng: _____

Phụ lục E THỎA THUẬN BAN TRANH CHẤP

[Tất cả các phần chữ in nghiêng và ngoặc vuông được sử dụng để soạn thảo biểu mẫu và cần xóa bỏ trong bản hoàn thiện cuối cùng]

[dành cho mỗi Thành viên của Ban Tranh chấp gồm ba Thành viên]

Tên và các chi tiết của Hợp đồng: _____

Tên và địa chỉ của Chủ đầu tư: _____

Tên và địa chỉ của Nhà thầu: _____

Tên và địa chỉ của Thành viên: _____

Xét rằng Chủ đầu tư và Nhà thầu đã ký kết Hợp đồng và mong muốn cùng chỉ định Thành viên để đảm nhận vai trò của một trong ba thành viên được gọi chung là “Ban Tranh chấp” [và mong muốn Thành viên đảm nhận vai trò là Chủ tịch Ban Tranh chấp].

Chủ đầu tư, Nhà thầu và Thành viên cùng thỏa thuận như sau:

- Các điều kiện của Thỏa thuận Ban Tranh chấp này bao gồm “Điều kiện Chung của Thỏa thuận Ban Tranh chấp”, được bổ sung vào các Điều kiện Chung của “Điều kiện của Hợp đồng Xây dựng” Phiên bản Hòa giải Ngân hàng Phát triển Đa phương do Hiệp hội Quốc tế các Kỹ sư tư vấn (FIDIC) xuất bản, và các điều khoản dưới đây. Trong các điều khoản này, bao gồm cả phần sửa đổi và bổ sung cho Điều kiện Chung của Thỏa thuận Ban Tranh chấp, các từ ngữ và câu chữ có nghĩa như nhau như đã được ấn định trong Điều kiện Chung của Thỏa thuận Ban Tranh chấp.
- [Các chi tiết sửa đổi cho Điều kiện Chung của Thỏa thuận Ban Tranh chấp, nếu có. Ví dụ: Trong các quy tắc về thủ tục là phụ lục cho Điều kiện Chung của Thỏa thuận Ban Tranh chấp, Quy tắc _____ được xóa bỏ và thay thế bằng: “_____”]
- Theo Điều 6 của Điều kiện Chung của Thỏa thuận Ban Tranh chấp, Thành viên sẽ được thanh toán như sau:

Khoản phí trả trước bằng _____ theo tháng theo lịch,
cộng với khoản phí theo ngày _____ theo ngày.
- Khi xem xét các khoản phí này và các khoản thanh toán khác do Chủ đầu tư và Nhà thầu thực hiện theo Điều 6 của Điều kiện Chung của Thỏa thuận Ban Tranh chấp, Thành viên cam kết đảm nhiệm, như được mô tả trong Thỏa thuận Ban Tranh chấp, là một trong ba thành viên cùng đóng vai trò là Ban Tranh chấp.
- Chủ đầu tư và Nhà thầu cùng cam kết chung và cam kết riêng chi trả cho Thành viên, có xem xét việc thực hiện các dịch vụ này, theo Điều 6 của Điều kiện Chung của Thỏa thuận Ban Tranh chấp.
- Thỏa thuận Ban Tranh chấp này sẽ được điều chỉnh theo luật của _____

KÝ TÊN _____ KÝ TÊN _____ KÝ TÊN _____

Thay mặt Chủ đầu tư với sự
có mặt của

Thay mặt Nhà thầu với sự
có mặt của

Thành viên với sự có mặt của

Người làm chứng: _____ Người làm chứng: _____ Người làm chứng: _____

Tên: _____ Tên: _____ Tên: _____

Địa chỉ: _____ Địa chỉ: _____ Địa chỉ: _____

Ngày tháng: _____ Ngày tháng: _____ Ngày tháng: _____

Phụ lục F BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Bảo lãnh theo yêu cầu

[Tất cả các phần chữ in nghiêng và ngoặc vuông được sử dụng để soạn thảo biểu mẫu và cần xóa bỏ trong bản hoàn thiện cuối cùng]

_____ [Tên Ngân hàng, địa chỉ của chi nhánh hoặc văn phòng cấp bảo lãnh]

Người thụ hưởng: _____ [Tên và địa chỉ của Chủ đầu tư]

Ngày: _____

Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng Số: _____

Chúng tôi đã được thông báo rằng _____ [Tên của Nhà thầu] (sau đây được gọi là "Nhà thầu") đã ký Hợp đồng số _____ [Số tham chiếu của hợp đồng] ngày _____ với Quý vị, để thực hiện _____ [Tên hợp đồng và mô tả tóm tắt Công trình] (sau đây gọi là "Hợp đồng").

Hơn nữa, chúng tôi hiểu rằng, theo điều kiện của Hợp đồng, cần có bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi _____ [Tên Ngân hàng] theo đây cam kết thanh toán không hủy ngang cho Quý vị bất kỳ khoản tiền nào hoặc những khoản tiền không vượt quá tổng số tiền _____ [Số tiền bằng số] (_____) [Số tiền bằng chữ, xem 1], số tiền này được thanh toán theo loại tiền và tỷ lệ mà Giá Hợp đồng được thanh toán, khi chúng tôi nhận được yêu cầu bằng văn bản đầu tiên của Quý vị trình bày rằng Nhà thầu đã vi phạm (các) nghĩa vụ của Hợp đồng, mà không cần Quý vị phải chứng minh hoặc xuất trình cơ sở cho yêu cầu của Quý vị hoặc số tiền được quy định trong phần này.

Bảo lãnh này sẽ hết hạn, không muộn hơn _____ ngày _____ [xem 2], và bất kỳ yêu cầu thanh toán nào theo đó phải được chúng tôi nhận tại văn phòng của chúng tôi vào hoặc trước thời điểm này.

Bảo lãnh này sẽ được điều chỉnh bởi Quy tắc Thống nhất về Bảo lãnh theo Yêu cầu, do Phòng Thương mại Quốc tế xuất bản số 458, trừ khi không có mục (ii) của Khoản 20(a).

Ký tên: _____

1. Bên Bảo lãnh phải điền vào số tiền thể hiện tỷ lệ phần trăm của Giá Hợp đồng được quy định trong Hợp đồng và được thể hiện hoặc bằng loại/các loại đồng tiền của Hợp đồng hoặc bằng đồng tiền tự do chuyển đổi được Chủ đầu tư chấp thuận.
2. Điền vào thời điểm 28 ngày sau ngày hoàn thành dự kiến. Chủ đầu tư cần lưu ý rằng trong trường hợp gia hạn thời gian hoàn thành của Hợp đồng, Chủ đầu tư cần yêu cầu Bên Bảo lãnh gia hạn bảo lãnh này. Yêu cầu như vậy phải bằng văn bản và phải được thực hiện trước ngày hết hạn được quy định trong bảo lãnh này. Để lập bảo lãnh này, Chủ đầu tư có thể cân nhắc thêm đoạn dưới đây vào mẫu, ở cuối của đoạn gần cuối cùng: "Bên Bảo lãnh đồng ý gia hạn bảo lãnh một lần cho thời gian không vượt quá [sáu tháng] [một năm], để đáp ứng yêu cầu bằng văn bản về việc gia hạn này của Chủ đầu tư, yêu cầu như vậy phải được trình cho Bên Bảo lãnh trước khi hết hạn bảo lãnh."

Phụ lục G BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Giấy Bảo đảm Thực hiện hợp đồng

Bằng Giấy bảo đảm này, _____ Bên được Bảo đảm (sau đây được gọi là “Nhà thầu”) và _____ Bên Bảo đảm (sau đây được gọi là “Bên Bảo đảm”), được ràng buộc chặt với _____ Bên nhận chuyển giao (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”) với số tiền _____, để thanh toán cho tổng số tiền bằng đúng loại tiền và tỷ lệ mà Giá Hợp đồng được thanh toán, Nhà thầu và Bên Bảo lãnh tự ràng buộc hai Bên, người thừa kế, người quản lý, người kế nhiệm và người được chuyển nhượng của họ, cùng chịu trách nhiệm chung và riêng, ràng buộc bởi tài liệu này.

Xét rằng Nhà thầu đã ký Thỏa thuận bằng văn bản với Chủ đầu tư vào ngày _____, cho _____ theo tài liệu, quy hoạch, chỉ dẫn kỹ thuật, và các sửa đổi tài liệu này, ở phạm vi của tài liệu này được cấp cho, bằng cách tham khảo một phần của tài liệu này và sau đây được gọi là Hợp đồng.

Vi vậy, nay, Điều kiện của Nghĩa vụ này là, nếu Nhà thầu thực hiện kịp thời và trung thực Hợp đồng nói trên (bao gồm bất kỳ sửa đổi nào của Hợp đồng), thì nghĩa vụ này sẽ không còn hiệu lực; nếu không, nghĩa vụ này vẫn có giá trị và hiệu lực thi hành. Bất cứ khi nào Nhà thầu, và được Chủ đầu tư tuyên bố, là không thực hiện đúng theo Hợp đồng, Chủ đầu tư đã thực hiện nghĩa vụ của Chủ đầu tư theo Hợp đồng, Bên Bảo lãnh có thể kịp thời hoặc phải kịp thời khắc phục các sai sót:

- (a) hoàn thiện Hợp đồng theo các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng; hoặc
- (b) có được Hồ sơ dự thầu hoặc các Hồ sơ dự thầu từ các Nhà thầu có năng lực để nộp cho Chủ đầu tư hoàn thiện Hợp đồng theo các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng, và khi Chủ đầu tư và Bên Bảo đảm quyết định Nhà thầu có giá bỏ thầu thấp nhất, thu xếp Hợp đồng giữa Nhà thầu này và Chủ đầu tư và cung cấp sẵn tiến độ công việc (thậm chí nếu có sai sót hoặc sau đó có sai sót theo Hợp đồng hoặc Các Hợp đồng hoàn thiện được sắp xếp theo mục này) đủ nguồn vốn để thanh toán cho chi phí hoàn thiện trừ đi khoản Còn lại của Giá Hợp đồng; nhưng không vượt quá, bao gồm các chi phí và thiệt hại khác mà Bên Bảo đảm chịu trách nhiệm, tổng số tiền được quy định trong đoạn đầu tiên. Thuật ngữ “Số tiền Còn lại của Giá Hợp đồng”, như được sử dụng trong đoạn này, nghĩa là tổng số tiền mà Chủ đầu tư phải trả cho Nhà thầu theo Hợp đồng, trừ đi tổng số tiền mà Chủ đầu tư đã thanh toán cho Nhà thầu; hoặc
- (c) trả cho Chủ đầu tư số tiền mà Chủ đầu tư yêu cầu để hoàn thành Hợp đồng theo các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng lên tới tổng số tiền không vượt quá số tiền của Giấy Bảo đảm này.

Bên Bảo đảm không chịu trách nhiệm về tổng số tiền lớn hơn số tiền phạt được quy định trong Giấy Bảo đảm này.

Bất cứ khiếu nại nào thuộc Giấy Bảo đảm này phải được thực hiện trước khi hết hạn một năm kể từ ngày cấp Chứng chỉ Nghiệm thu.

Không quyền tố tụng nào phát sinh từ Giấy Bảo đảm này do hoặc cho việc sử dụng của bất kỳ người hoặc tổ chức nào khác với Chủ đầu tư được nêu tên trong tài liệu này hoặc người thừa kế, người quản lý, người kế nhiệm và người được chuyển nhượng của Chủ đầu tư.

Để làm bằng, Nhà thầu đã ký tên và đóng dấu, và Bên Bảo đảm đã trình tài liệu được niêm phong này kèm theo dấu của công ty được chứng thực bởi chữ ký của người đại diện hợp pháp của mình, vào ngày _____ tháng _____ năm _____

KÝ TÊN _____ thay mặt cho _____

bởi _____ với tư cách _____

Với sự chứng kiến của _____

KÝ TÊN _____ thay mặt cho _____

bởi _____ với tư cách _____

Với sự chứng kiến của _____

Phụ lục H BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG

Bảo lãnh theo yêu cầu

[Tất cả các phần chữ in nghiêng và ngoặc vuông được sử dụng để soạn mẫu bảo lãnh và cần xóa đi sau khi đã hoàn tất]

_____ [Tên Ngân hàng, địa chỉ của chi nhánh hoặc văn phòng cấp bảo lãnh]

Người thụ hưởng: _____ [Tên và địa chỉ của Chủ đầu tư]

Ngày: _____

Bảo lãnh Tiền Tạm ứng Số: _____

Chúng tôi đã được thông báo rằng _____ [Tên của Nhà thầu] (sau đây được gọi là "Nhà thầu") đã ký Hợp đồng số _____ [Số tham chiếu của hợp đồng] ngày _____ với Quý vị, để thực hiện _____ [Tên hợp đồng và mô tả tóm tắt Công trình] (sau đây gọi là "Hợp đồng").

Hơn nữa, chúng tôi hiểu rằng, theo điều kiện của Hợp đồng, một khoản tạm ứng trên tổng số _____ [Số tiền bằng số] (_____) [Số tiền bằng chữ] cần có bảo lãnh tiền tạm ứng.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi _____ [Tên Ngân hàng] theo đây cam kết thanh toán không hủy ngang cho Quý vị bất kỳ khoản tiền nào hoặc những khoản tiền nào không vượt quá tổng số tiền _____ [Số tiền bằng số] (_____) [Số tiền bằng chữ, xem Ghi chú 1], khi chúng tôi nhận được yêu cầu bằng văn bản đầu tiên của Quý vị kèm theo bản báo cáo rằng Nhà thầu đã vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng bởi Nhà thầu đã sử dụng tiền tạm ứng cho các mục đích khác ngoài chi phí duy động nguồn lực cho Công trình.

Điều kiện cho bất kỳ khiếu nại hoặc khoản thanh toán nào theo bảo lãnh này là Nhà thầu phải nhận được khoản tạm ứng nói trên vào tài khoản của Nhà thầu số _____ tại _____ [Tên và địa chỉ của Ngân hàng].

Số tiền tối đa của bảo lãnh này sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng được Nhà thầu hoàn trả dần như được nêu trong các bản sao của đề nghị thanh toán tạm hoặc chứng nhận thanh toán tạm mà sẽ được gửi cho chúng tôi. Bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực, muộn nhất, khi chúng tôi nhận được bản sao chứng nhận thanh toán tạm thể hiện rằng tám mươi (80%) của Giá Hợp đồng đã được chứng nhận thanh toán, hoặc vào _____ ngày _____ [xem Ghi chú 2] tùy theo điều kiện nào đến sớm hơn. Vì vậy, bất kỳ yêu cầu thanh toán nào theo bảo lãnh này phải được chúng tôi nhận tại văn phòng của chúng tôi trước ngày này.

Bảo lãnh này sẽ được điều chỉnh bởi Quy tắc Thống nhất về Bảo lãnh theo Yêu cầu, do Phòng Thương mại Quốc tế xuất bản số 458.

Ký tên: _____

1. Bên Bảo lãnh phải điền số tiền thể hiện tổng số tiền tạm ứng và được thể hiện hoặc bằng loại/các loại đồng tiền tạm ứng được quy định trong Hợp đồng, hoặc đồng tiền tự do chuyển đổi được Chủ đầu tư chấp thuận.
2. Điền ngày hết hạn dự kiến của Thời gian Hoàn thành. Chủ đầu tư cần lưu ý rằng trong trường hợp gia hạn thời gian hoàn thành của Hợp đồng, Chủ đầu tư cần yêu cầu Bên Bảo lãnh gia hạn bảo lãnh này. Yêu cầu như vậy phải bằng văn bản và phải được thực hiện trước ngày hết hạn được quy định trong bảo lãnh này. Khi chuẩn bị bảo lãnh này, Chủ đầu tư có thể cân nhắc thêm đoạn dưới đây vào mẫu, ở cuối của đoạn gần cuối cùng: "Bên Bảo lãnh đồng ý gia hạn bảo lãnh một lần cho thời gian không vượt quá [sáu tháng] [một năm], để đáp ứng yêu cầu bằng văn bản về việc gia hạn này của Chủ đầu tư, yêu cầu như vậy phải được trình cho Bên Bảo lãnh trước khi hết hạn bảo lãnh."

Phụ lục I BẢO LÃNH TIỀN GIỮ LẠI

Bảo lãnh theo yêu cầu

[Tất cả các phần chữ in nghiêng và ngoặc vuông được sử dụng để soạn mẫu bảo lãnh và cần xóa đi sau khi đã hoàn tất]

_____ [Tên Ngân hàng, địa chỉ của chi nhánh hoặc văn phòng cấp bảo lãnh]

Người thụ hưởng: _____ [Tên và địa chỉ của Chủ đầu tư]

Ngày: _____

Bảo lãnh Tiền Giữ lại Số: _____

Chúng tôi đã được thông báo rằng _____ [Tên của Nhà thầu] (sau đây được gọi là “Nhà thầu”) đã ký Hợp đồng số _____ [Số tham chiếu của hợp đồng] ngày _____ với Quý vị, để thực hiện _____ [Tên hợp đồng và mô tả tóm tắt Công trình] (sau đây gọi là “Hợp đồng”).

Hơn nữa, chúng tôi hiểu rằng, theo các điều kiện của Hợp đồng, khi Chúng tôi Nghiệm thu đã được cấp cho Công trình và một nửa của Khoản tiền Giữ lại đã được chúng nhận thanh toán, việc thanh toán [điền vào “một nửa còn lại của Khoản tiền Giữ lại” hoặc nếu số tiền được bảo lãnh theo Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng khi Chúng tôi Nghiệm thu được cấp nhỏ hơn một nửa Khoản tiền Giữ lại, “khoản chênh lệch giữa một nửa Khoản tiền Giữ lại và tổng số tiền bảo đảm theo Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng”] cần có bảo lãnh Khoản tiền Giữ lại.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi _____ [Tên Ngân hàng] theo đây cam kết thanh toán không hủy ngang cho Quý vị bất kỳ khoản tiền nào hoặc những khoản tiền không vượt quá tổng số tiền _____ [Số tiền bằng số] (_____) [Số tiền bằng chữ, xem Ghi chú 1], khi chúng tôi nhận được yêu cầu bằng văn bản đầu tiên của Quý vị kèm theo bản báo cáo rằng Nhà thầu đã vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng bởi Nhà thầu đã sử dụng tiền tạm ứng cho các mục đích khác ngoài chi phí huy động nguồn lực cho Công trình.

Điều kiện cho bất kỳ khiếu nại hoặc khoản thanh toán nào theo bảo lãnh này là Nhà thầu phải nhận được khoản tạm ứng nói trên vào tài khoản của Nhà thầu số _____ tại _____ [Tên và địa chỉ của Ngân hàng].

Bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực, muộn nhất, là 21 ngày sau thời điểm Nhà thầu nhận được bản sao Chúng tôi nhận Hoàn thành công trình do Nhà tư vấn cấp. Vì vậy, bất kỳ yêu cầu thanh toán nào theo bảo lãnh này phải được chúng tôi nhận tại văn phòng của chúng tôi vào hoặc trước ngày này.

Bảo lãnh này sẽ được điều chỉnh bởi Quy tắc Thống nhất về Bảo lãnh theo Yêu cầu, do Phòng Thương mại Quốc tế xuất bản số 458.

Ký tên: _____

1. Bên Bảo lãnh phải điền số tiền thể hiện số tiền của nửa sau của Khoản tiền Giữ lại hoặc nếu số tiền được bảo lãnh theo Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng khi Chúng tôi Nghiệm thu được cấp nhỏ hơn một nửa của Khoản tiền Giữ lại, khoản chênh lệch giữa một nửa của Khoản tiền Giữ lại và khoản tiền được bảo lãnh theo Bảo lãnh Thực hiện hợp đồng và được thể hiện hoặc bằng loại/các loại đồng tiền của nửa sau của Khoản tiền Giữ lại như được quy định trong Hợp đồng, hoặc đồng tiền tự do chuyển đổi được Chủ đầu tư chấp thuận.

Phụ lục J **BẢO LÃNH CỦA CÔNG TY MẸ**

Mô tả tóm tắt Hợp đồng _____
Tên và địa chỉ của Chủ đầu tư _____
_____ (Cùng với những người kế thừa và thừa hưởng)

Chúng tôi đã được thông báo rằng _____ (sau đây được gọi là “Nhà thầu”) đang đệ trình hồ sơ đề xuất cho Hợp đồng này theo thư mời thầu của Quý vị, và các điều kiện trong thư mời thầu của Quý vị yêu cầu hồ sơ đề xuất của Nhà thầu phải có bảo lãnh của công ty mẹ kèm theo.

Để Quý vị, với tư cách là Chủ đầu tư, xem xét giao Hợp đồng cho Nhà thầu, chúng tôi [Tên của công ty mẹ] bảo lãnh không hủy ngang và vô điều kiện với Quý vị, như một nghĩa vụ đầu tiên, việc thực hiện đúng tất cả các trách nhiệm và nghĩa vụ của Nhà thầu theo Hợp đồng, bao gồm việc Nhà thầu tuân thủ tất cả các điều khoản và điều kiện theo đúng ý nghĩa và ý định.

Nếu Nhà thầu không thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình và không tuân thủ Hợp đồng, chúng tôi sẽ bồi thường cho Chủ đầu tư toàn bộ các thiệt hại, tổn thất và các chi phí (gồm các phí và chi phí pháp lý) phát sinh từ việc không thực hiện này mà Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với Chủ đầu tư theo Hợp đồng.

Bảo lãnh này sẽ chính thức có giá trị và hiệu lực thi hành khi Hợp đồng chính thức có giá trị và hiệu lực thi hành. Nếu Hợp đồng chưa chính thức có giá trị và hiệu lực thi hành trong vòng một năm kể từ ngày có giấy bảo lãnh này, hoặc nếu Quý vị tỏ thái độ rằng Quý vị không định ký kết Hợp đồng với Nhà thầu, bảo lãnh này sẽ bị hủy bỏ và vô hiệu. Bảo lãnh này sẽ tiếp tục có giá trị và hiệu lực thi hành cho đến khi Nhà thầu hoàn thành tất cả các nghĩa vụ và trách nhiệm theo Hợp đồng, khi bảo lãnh này sẽ hết hạn và sẽ được trả lại cho chúng tôi, và nghĩa vụ của chúng tôi theo đó sẽ được hoàn thành đầy đủ.

Bảo lãnh này sẽ áp dụng và được bổ sung cho Hợp đồng khi được Chủ đầu tư và Nhà thầu sửa đổi hoặc thay đổi. Chúng tôi sau đây cho phép họ thỏa thuận bất kỳ điều chỉnh hoặc thay đổi nào, việc thực hiện đúng và tuân thủ những nội dung mà Nhà thầu cũng được bảo lãnh dưới đây. Nghĩa vụ và trách nhiệm của chúng tôi theo bảo lãnh này sẽ không bị hủy bỏ bởi việc gia hạn thời gian hoặc bất kể đặc ân nào khác của Chủ đầu tư đối với Nhà thầu, hoặc do sự thay đổi hoặc tạm ngừng công việc nào được thực hiện theo Hợp đồng, hoặc do bất kỳ sửa đổi nào đối với Hợp đồng hoặc đối với tổ chức Nhà thầu hoặc Chủ đầu tư, hoặc do bất cứ vấn đề nào khác, bất kể là chúng tôi có biết và đồng ý hoặc không biết và không đồng ý.

Bảo lãnh này sẽ được điều chỉnh bởi luật của cùng một quốc gia (hoặc cơ quan pháp quyền khác) mà điều chỉnh Hợp đồng và bất cứ tranh chấp nào theo bảo lãnh này sẽ được giải quyết lần cuối theo Quy định Trọng tài của Phòng Thương mại Quốc tế do một hoặc nhiều trọng tài được chỉ định theo Quy tắc này. Chúng tôi khẳng định rằng lợi ích của bảo lãnh này chỉ có thể được chuyển nhượng chỉ theo các quy định về chuyển nhượng của Hợp đồng.

Thời gian _____ (Các) chữ ký _____

Phụ lục K **BẢO LÃNH DỰ THẦU**

Bảo lãnh của Ngân hàng

[Tất cả các phần chữ in nghiêng và ngoặc vuông được sử dụng để soạn mẫu bảo lãnh và cần xóa đi sau khi đã hoàn tất]

_____ [Tên Ngân hàng, địa chỉ của chi nhánh hoặc văn phòng cấp bảo lãnh]

Người thụ hưởng: _____ [Tên và địa chỉ của Chủ đầu tư]

Ngày: _____

Bảo lãnh Dự thầu Số: _____

Chúng tôi đã được thông báo rằng _____ [Tên của Nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) đã nộp Hồ sơ dự thầu cho Quý vị vào ngày _____ (sau đây gọi là “Hồ sơ dự thầu”) để thực hiện _____ [Tên của Hợp đồng] theo Thư mời Thầu Số _____ (“IFB”).

Hơn nữa, chúng tôi hiểu rằng, theo điều kiện của Quý vị, Hồ sơ dự thầu phải có bảo lãnh Dự thầu kèm theo.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi _____ [Tên Ngân hàng] theo đây cam kết thanh toán không hủy ngang cho Quý vị bất kỳ khoản tiền hoặc những khoản tiền không vượt quá tổng số tiền _____ [Số tiền bằng số] (_____) [Số tiền bằng chữ] khi chúng tôi nhận được yêu cầu bằng văn bản đầu tiên của Quý vị kèm theo bản báo cáo rằng Nhà thầu đã vi phạm nghĩa vụ theo các điều kiện của Hồ sơ dự thầu, bởi vì Nhà thầu:

- (a) đã rút lại Hồ sơ dự thầu của mình trong thời gian có hiệu lực của Hồ sơ dự thầu được quy định bởi Nhà thầu trong Mẫu Hồ sơ dự thầu; hoặc
- (b) đã được Chủ đầu tư thông báo chấp thuận Hồ sơ dự thầu trong thời gian có hiệu lực của Hồ sơ dự thầu, (i) không hoặc từ chối thực hiện Thỏa thuận Hợp đồng hoặc (ii) không hoặc từ chối cung cấp bảo lãnh thực hiện hợp đồng, theo chỉ dẫn cho Nhà thầu (ITB).

Bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực: (a) nếu Nhà thầu là đơn vị trúng thầu, khi nhận được bản sao hợp đồng đã ký của Nhà thầu và bảo lãnh thực hiện hợp đồng đã được cấp cho Quý vị theo chỉ dẫn cho nhà thầu; và (b) nếu Nhà thầu không phải là đơn vị trúng thầu, tùy theo điều kiện nào đến sớm hơn việc (i) chúng tôi đã nhận được bản sao thông báo cho Nhà thầu về tên của nhà thầu trúng thầu; hoặc (ii) hai mươi tám ngày sau khi hết hạn Hồ sơ dự thầu của Nhà thầu.

Do vậy, chúng tôi phải nhận được bất kỳ yêu cầu thanh toán nào theo bảo lãnh này tại văn phòng của chúng tôi vào hoặc trước thời hạn đó.

Bảo lãnh này tuân thủ theo Quy tắc Thống nhất về Bảo lãnh theo Yêu cầu, do Phòng Thương mại Quốc tế xuất bản số 458.

Ký tên: _____

ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng biên tập:

TRỊNH XUÂN SƠN

Biên tập: ĐÀO NGỌC DUY

Chế bản điện tử: NGUYỄN NGỌC DŨNG

Sửa bản in: ĐỖ THỊ THANH HOA - PHẠM THỊ THU HẰNG

Trình bày bìa: VŨ BÌNH MINH

In 700 cuốn khổ 21x29,7cm tại Xưởng in Nhà xuất bản Xây dựng, số 10 Hoa Lư, Hà Nội.

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 4092-2016/CXBIPH/02-212/XD ngày 17/11/2016.

Mã số ISBN: 978-604-82-2006-8

Quyết định xuất bản: 321-2016/QĐ-XBXD ngày 23/11/2016.

In xong nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2016.

ISBN: 978-604-82-2006-8



HIỆP HỘI QUỐC TẾ CÁC KỸ SƯ TƯ VẤN (FIDIC)

World Trade Centre II
P.O.Box 311
1215 Geneva, 15 Thụy Sĩ
Phone: +41 22 799 49 00
Fax: +41 22 799 49 01
Email: fidic@fidic.org
WWW: <http://www.fidic.org>

Giá: 380.000đ